

Samy Cohen

Nghệ thuật

PHỎNG VẤN các NHÀ LÃNH ĐẠO



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

Samy Cohen

Nghệ thuật _____
PHỎNG VẤN *các*
NHÀ LÃNH ĐẠO

(Sách tham khảo nghiệp vụ- tái bản)

Người dịch: Nguyễn Chí Tình

Người hiệu đính: Đoàn Văn Tấn

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN
HÀ NỘI - 2004

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng hành cùng công cuộc đổi mới và phát triển của đất nước, ngành báo chí nước nhà đã và đang trưởng thành vượt bậc. Với những đóng góp quan trọng và thiết thực, hoạt động báo chí không chỉ giữ vị trí xung kích trên mặt trận tư tưởng, mang sức mạnh tuyên truyền, cổ động hùng hậu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà còn ngày càng làm tốt hơn chức năng thông tin phản hồi, là cầu nối đáng tin cậy giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội với nhân dân, có tác động và ảnh hưởng sâu rộng trong toàn xã hội. Về đội ngũ, tính đến nay, cả nước đã có gần 700 cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và các địa phương (bao gồm các toà soạn báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình) với hơn 12.000 nhà báo được cấp thẻ hành nghề cùng hàng ngàn sinh viên đang theo học tại các trường, khoa, phân viện đào tạo báo chí cả nước.

*Để đáp ứng yêu cầu phát triển của nghề báo nói riêng và nền báo chí nước nhà nói chung, kiên trì chủ trương xuất bản **Tủ sách nghiệp vụ báo chí**, cùng với việc xuất bản các tập sách mới, Nhà xuất bản Thông Tấn lần lượt tái bản có hiệu chỉnh các đầu sách nghiệp vụ đã phát hành và được độc giả quan tâm đón đọc, trong đó có 14 cuốn tham khảo nghiệp vụ của các tác giả nước ngoài, ra mắt bạn đọc*

lần đầu vào dịp kỷ niệm lần thứ 78 Ngày báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925-21/6/2003).

Nằm trong bộ sách nói trên, cuốn **“Nghệ thuật phỏng vấn các nhà lãnh đạo”** – do nhà báo người Pháp Sanmy Cohen chủ biên – đề cập một vấn đề nghiệp vụ độc đáo. Đó là những kinh nghiệm nghề nghiệp phong phú, sinh động được các nhà báo, các nhà nghiên cứu khoa học xã hội nổi tiếng tổng hợp, đối chiếu, khái quát viết nên một tài liệu tham khảo nghiệp vụ mang tính lý luận và giá trị thực tiễn cao. Được biết đây là cuốn sách đầu tiên ở Pháp viết về đề tài nghiệp vụ này.

Tái bản cuốn sách, Nhà xuất bản mong muốn tiếp tục nhận được sự góp ý, phê bình của đông đảo bạn đọc gần xa, các cơ quan thông tin báo chí, các cơ sở đào tạo nghiệp vụ... đối với cuốn sách nói riêng và **Tủ sách nghiệp vụ báo chí** nói chung, để những ấn phẩm tiếp sau được tốt hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN

ĐỂ KHÔNG HIỂU SAI VỀ PHỎNG VẤN

Samy Cohen

1. Người phỏng vấn và người được phỏng vấn

Đây là cuốn sách đầu tiên ở nước Pháp đề cập có chiều sâu vấn đề phỏng vấn trực tiếp các nhà lãnh đạo. Nó không phải là một bộ sưu tập những giai thoại rôm rả, cũng không phải là một tập hợp những quy tắc thiêng liêng mà người ta không thể bỏ qua nếu không muốn gặp nguy cơ bị loại trừ vì “đã sử dụng câu chuyện này một cách không khoa học”. Cuốn sách bao gồm những bài viết của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu và các nhà báo, tất cả họ đã thực hiện những cuộc phỏng vấn có chiều sâu và đem ra đối chiếu kinh nghiệm của mình. Họ cho thấy “làm thế nào để phỏng vấn các nhà lãnh đạo” trong những lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, đối nội và đối ngoại, làm thế nào để tiếp cận và phỏng vấn các vị bộ trưởng, các quan chức cấp cao, các nghị sĩ hay các vị dân biểu ở địa phương, các chủ doanh nghiệp, các nhà lãnh đạo công đoàn hoặc nguyên thủ của một quốc gia.

Các tác giả mô tả những khó khăn khi phỏng vấn những “nhà lãnh đạo”, những sai lầm phải tránh; cho thấy khi nào thì cuộc phỏng vấn những

nhân vật “oai nghiêm” này có thể được coi như một phương thức tìm hiểu tình hình tốt? Làm thế nào để xác lập được mối quan hệ tin cậy giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn? Làm thế nào để giảm bớt tương quan bất bình đẳng giữa họ? Phải chăng phỏng vấn đòi hỏi sự vận dụng một phương pháp luận đặc biệt hay là sự nhạy cảm nghề nghiệp, trong đó chỉ có những phẩm chất cá nhân của người phỏng vấn là đáng kể? Các tác giả nêu ra theo lối đan xen mô tả hai loại hình phỏng vấn, loại thứ nhất thì bình thường nhưng cần thiết và có ích nhằm kể lại những việc cụ thể, có thể nói đây là cách mô tả “những chuyện ở hậu trường, ở ngoài rìa”, chuyện “bếp núc” của cuộc phỏng vấn, còn loại kia thì nhiều tham vọng hơn, trình bày suy nghĩ mang tính lý luận về những vấn đề chung mà cuộc phỏng vấn đặt ra.

Sự đối chiếu này giữa các tác giả rất khác nhau bởi cá tính, chủ đề và lĩnh vực mà họ nghiên cứu, cho phép so sánh những tiến trình thực hiện, những vấn đề gặp phải, những giải pháp đưa ra. Do đó, cuốn sách này khác với nhiều thứ sách gọi là “sách hướng dẫn phỏng vấn”. Những sách đó đã rút ra những kết luận chung xuất phát từ kinh nghiệm riêng, đem lại ảo tưởng là nó nắm được một chân lý phổ biến, hoặc đưa ra một phương thức sử dụng mà không phải bao giờ cũng mô tả những điều kiện trong đó cuộc phỏng vấn được tiến hành, chủ đề được đề cập, loại hình

những câu hỏi đặt ra và loại hình những bằng chứng mang tới. Người ta không phán xét một cách trừu tượng hiệu quả của một phương pháp.

Trong khi ở Hoa Kỳ đã có nhiều khảo luận viết về việc phỏng vấn các nhà lãnh đạo và những vấn đề liên quan, người ta không khỏi băn khoăn là tại sao những cuốn sách xuất bản ở Pháp bàn về phương pháp phỏng vấn lại không đề cập chủ đề này. Hầu như tất cả những cuốn sách ấy, những cuốn sách khoa học xã hội, sách hướng dẫn điều tra xã hội học hoặc dân tộc học đều nói về “những người thấp kém, những người vốn dĩ không bao giờ có được tiếng nói của mình”, những người “bình thường”, mà nhà xã hội học Pierre Bourdieu gọi là người “bị lãnh đạo”. Đó là những người trong mọi tình huống phỏng vấn đều phải chịu một “sự xúc phạm tượng trưng” bởi chính người phỏng vấn “được coi như đứng cao hơn về mặt xã hội”, nắm giữ “những loại vốn khác nhau, đặc biệt là vốn văn hóa”, (...) những người “bắt đầu cuộc chơi và thiết lập quy tắc của cuộc chơi”.

Như thế phải chăng việc phỏng vấn các nhà lãnh đạo không gặp phải một khó khăn gì, phải chăng không có những khác biệt về phương pháp khi người ta phải làm thế nào cho những người “lãnh đạo” hay những người “bị lãnh đạo” lên tiếng? Trên thực tế, đã tồn tại những khác biệt đáng kể. Tất cả các giới trong xã hội không giống nhau, không thể hiện cùng một kiểu khó khăn

như nhau. Mỗi một nhóm người lớn hay nhỏ trong xã hội phản ứng theo cách riêng trước yêu cầu của người phỏng vấn. Người ta không phỏng vấn cùng một cách như nhau tầng lớp quân nhân cấp cao, các chỉ huy đơn vị hay những người lính bình thường, và trong doanh nghiệp cũng vậy, cách phỏng vấn các ông chủ cũng khác với cách phỏng vấn các cán bộ và công nhân viên. Cách tiếp cận, kỹ năng tiếp cận, các câu hỏi đưa ra, mỗi lần như thế đều phải được cân nhắc một cách thích hợp. Bản thân các nhà lãnh đạo cũng không phải là một nhóm đồng nhất.

Nhưng không phải vì thế mà phủ nhận sự tồn tại những điểm chung giữa tất cả các đối tượng được phỏng vấn: sự tôn trọng một số quy tắc nhất định cũng được đề ra cho nhà dân tộc học đến Rio de Janeiro để nghiên cứu về những người *Favelas*, cũng như cho một cán bộ dân sự ở Pháp khi điều tra một địa bàn quân sự. Dù cho môi trường nghiên cứu là gì, thì điều quan trọng nhất là người điều tra phải hiểu biết càng nhiều càng tốt về đối tượng mà anh ta sắp phỏng vấn, mức độ cởi mở của họ đối với cuộc điều tra, những “quy tắc tiếp cận” cho phép anh ta thâm nhập vào đó. Dù cho người được phỏng vấn là ai thì người phỏng vấn phải làm cho họ yên tâm, và tin tưởng, tránh làm họ khó chịu bởi y phục hay những lời lẽ không thích hợp. Việc “giới thiệu mình” có một tầm quan trọng lớn và người phỏng vấn vốn

không cùng một giai tầng xã hội với người được phỏng vấn, phải chấp nhận một sự thích nghi tạm thời, nếu không sẽ có nguy cơ gây nên một phản ứng chối từ. Nhưng những điểm chung này không được dẫn đến một sự san bằng tùy tiện, xoá bỏ những nét đặc trưng vốn có của từng đối tượng được phỏng vấn.

Những người đi phỏng vấn các nhà lãnh đạo chạm trán với rất nhiều vấn đề đặc thù. Đối với người phỏng vấn, không kể nhóm các nhà lãnh đạo được phỏng vấn là ai thì họ không phải là những người đối thoại có thể thay đổi như trong trường hợp một cuộc nói chuyện với người khác. Họ được lựa chọn *trên cơ sở cá nhân*, căn cứ vào kinh nghiệm sống của họ, khả năng của họ, loại thông tin đặc thù mà họ nắm giữ. Việc một số người từ chối trả lời phỏng vấn có thể làm ảnh hưởng đến kết quả của cuộc phỏng vấn. Hơn nữa, người phỏng vấn nói chung ở vị trí thấp hơn - ở thế trái ngược của thứ "xúc phạm tượng trưng" mà Pierre Bourdieu đã mô tả - phải giáp mặt với những cá nhân có học thức, nắm giữ một kiến thức chuyên môn không dễ dàng chia sẻ cho ai, chỉ chăm chú đưa ra cho họ hoặc cho tổ chức của họ một hình ảnh có giá trị. Cơ chế bảo vệ của họ trước mặt người phỏng vấn càng tinh vi hơn. Ngoài ra nhiều người thuộc giới thượng lưu này lại còn bị kìm lại bởi "nhiệm vụ phải giữ gìn". Thêm vào những vấn đề này là vấn đề tìm hiểu

và diễn giải một ngôn ngữ dành cho những người am hiểu, đây đó có những điều không thể nói ra, những điều hiểu ngầm và những công thức đã có sẵn, nghĩa là bao nhiêu cái bấy phải dỡ bỏ. Chưa kể đến vấn đề trí nhớ (của người được phỏng vấn), có tính chọn lọc, có tính bóp méo mà mọi người phỏng vấn đều gặp phải. Các tác giả của cuốn sách này đều đã gặp khó khăn khi muốn nhận được từ các nhà lãnh đạo câu trả lời cụ thể về những quyết định và những sự kiện mà họ đã tham gia.

Phỏng vấn các nhà lãnh đạo đòi hỏi một sự tỉnh táo đặc biệt. Điều này thể hiện ở những bài viết trong cuốn sách này. Nếu tất cả các tác giả dành cho cuộc phỏng vấn - thủ thuật để tìm hiểu tình hình một vị trí trung tâm, thì sự thận trọng là cần thiết. Do có ý thức về những rủi ro bởi sự phụ thuộc vào nguồn hiểu biết duy nhất này, trong phần lớn thời gian họ đã sử dụng các cuộc phỏng vấn như một nguồn bổ sung cho nguồn tư liệu viết. Tất cả họ, chỉ khác nhau về sắc thái, đều đồng ý trên thực tế là trong công tác điều tra, mọi cuộc nói chuyện đều phải được chuẩn bị thật nghiêm túc “từ ngọn nguồn”. Việc chuẩn bị này thường bắt đầu từ nhiều tháng trước.

Đối với nhiều nhà lãnh đạo, các nhà báo thường sử dụng kỹ thuật gọi là “làm như chưa có chuẩn bị trước”. Kỹ thuật này, bản thân nó, không có gì khác so với kỹ thuật trên. Kỹ thuật này thích hợp với các cuộc phỏng vấn có chiều sâu với những

người phụ trách cấp cao vốn thích cuộc nói chuyện “không có chuẩn bị trước”. Được phát triển từ những công trình của nhà trị liệu tâm lý, Carl Rogers, cuộc phỏng vấn “không có chuẩn bị trước” cho phép người được phỏng vấn tự do phát biểu về một đề tài nhất định, người phỏng vấn can thiệp càng ít càng tốt. “Mỗi lần như thế ta nên tìm cách nắm bắt và trình bày về những hệ thống giá trị, chuẩn mực, biểu hiện, những biểu trưng thích hợp cho một nền văn hóa hay một tiểu văn hóa”¹. Nhưng các nhà lãnh đạo vốn không ưa thích kỹ thuật này, thông thường họ tỏ ra sẵn lòng hơn để trả lời những câu hỏi đa dạng, rõ ràng, mà kỹ thuật này không cho phép thông qua trao đổi dẫn đến tranh luận, “mâu thuẫn”, về những mục tiêu thường rất gần với những mục tiêu của “các cơ quan tư pháp và tài chính: nhằm đưa ra một thông tin chắc chắn đã được kiểm tra và một sự hiểu biết chấp nhận được”.

Cuộc nói chuyện “không chuẩn bị trước” cho phép kết hợp các câu hỏi mở và khép, những câu hỏi rất khái quát và rất cụ thể. Kỹ thuật phỏng vấn này cho phép nhà báo có thể lật lại vấn đề, đưa ra những câu hỏi mới, tìm hiểu sâu một vấn

¹ Tiểu văn hoá - chỉ những biểu hiện văn hoá có một số đặc thù nhất định của một nhóm người trong xã hội có những đặc điểm chung về nhiều mặt, nhưng chưa đủ quy mô để được coi là một nền văn hoá. Thí dụ, văn hoá của giới thượng lưu, văn hoá của giới kinh doanh (N.D).

để nào đó, kích thích, tạo điều kiện để người được phỏng vấn tự bộc lộ hơn nữa, tùy theo diễn biến và thái độ của người được phỏng vấn.

2. Về "khoảng cách xã hội" và "sự xúc phạm tượng trưng"

Một số tác giả tự hỏi nếu đối mặt với một vị lãnh đạo cao cấp, phải chăng người phỏng vấn sẽ lâm vào tình thế bị điều khiển vì cái gọi là "sự xúc phạm tượng trưng", do sự áp đặt của người được phỏng vấn đối với người phỏng vấn. Nhiều người phỏng vấn trẻ mới vào nghề gần gũi với trường phái tư tưởng Pierre Bourdieu thường tin như vậy. Bourdieu tin rằng "khoảng cách xã hội" là trở ngại chủ yếu mà người phỏng vấn mới vào nghề vấp phải, đặc biệt khi người được phỏng vấn là một chuyên gia xuất thân từ một tầng lớp được ưu đãi, được trang bị kỹ vốn kiến thức xã hội, văn hóa (bằng cấp, kinh nghiệm nghề nghiệp) hay kinh tế.

Kết thúc một báo cáo khoa học mang nhan đề có ý nghĩa: *Áp đặt cho những người đi áp đặt*, bốn nhà báo mới vào nghề muốn chia sẻ kinh nghiệm phỏng vấn của mình: "Những nhà lãnh đạo, những nhân vật nổi tiếng có một vốn văn hóa khá phong phú, cảm thấy có ưu thế đối với người phỏng vấn mình và điều đó bộc lộ theo nhiều cách. Chẳng hạn, nhiều cán bộ giảng dạy – nhà nghiên cứu đã từ chối đưa ra lời phát biểu của mình và thích có những lời khuyên hay những chỉ dẫn về công

việc". Những lợi thế này đều là những "đòn tấn công" tượng trưng đối với những nhà báo trẻ mới vào nghề. Các tác giả của bản báo cáo *Áp đặt cho những người đi áp đặt* cũng gọi ra tình huống người phỏng vấn giáp mặt với những người đã quen với việc phỏng vấn, điều này "dẫn họ đến chỗ phát ngôn thận trọng, được cân nhắc, không bao giờ sơ sẩy và nói lên những gì mà họ đại diện hơn là những gì đích thực là họ", hoặc những gì họ làm. "Sự bất bình đẳng của cuộc trao đổi lớn đến mức mà người phỏng vấn không dám cắt ngang những câu trả lời quá chung chung và anh ta không thể đánh giá đúng tầm quan trọng của một số câu hỏi". Người phỏng vấn chỉ có thể khắc phục được trở ngại này bằng cách "cụ thể hóa" người đối thoại của mình, nghĩa là nêu rõ các nền tảng của quyền khống chế của người đó, vạch chi li bộ cánh của ông ta, loại vải nào dùng để làm cà vạt, màu sắc quần áo của ông ta hoặc cử chỉ, tư thế của ông ta (ông ta có luôn luôn bắt chéo hai chân không? ông có khuỷu tay không?...).

Michel Pinçon và Monique Binçon Charlot, là những người nghiên cứu các giới quý tộc và đại tư sản, đã nêu ra "sự hăm dọa về mặt văn hóa". Trở lại đề tài "sự xúc phạm tượng trưng", mà người phỏng vấn cảm thấy khi mình không xuất thân cùng một tầng lớp xã hội với người được phỏng vấn, họ kết luận rằng khó khăn sẽ giảm đi nếu người phỏng vấn sinh ra trong "một gia đình có

vốn văn hóa lớn, là người Paris thì tốt hơn”, bởi vì anh ta sẽ có được một “thứ đối trọng” đem lại cho anh sự thoải mái và “sự bằng vai phải lứa” với tầng lớp này.

Những người đóng góp cho cuốn sách này - phần đông đã biết đến những trở ngại của người phỏng vấn, và họ không ngây thơ tin rằng “phỏng vấn giới lãnh đạo chớp bu là dễ dàng”, nhưng kết luận của họ cũng ít bi quan hơn. Trong những trở ngại mà người phỏng vấn vấp phải, thì trở ngại về khoảng cách xã hội và “sự xúc phạm tượng trưng” không nhất thiết là điều đáng bận tâm nhất. Sự e sợ, sự đe dọa mà một người phỏng vấn mới vào nghề có thể cảm thấy trong lúc phỏng vấn là có thể hiểu được và đó là một hiện tượng khá phổ biến, nhất là khi anh ta giáp mặt với những người đảm nhận trách nhiệm cao. Thông thường thì khó khăn này được nói nhẹ đi khi người ta trình bày và phân tích về nó. Trái lại, nó xuất hiện như một yếu tố trung tâm trong cuốn sách này bàn luận về phương pháp phỏng vấn, tuy rằng “khoảng cách xã hội” chỉ là một trong những khó khăn khi tiến hành một cuộc phỏng vấn.

Không nhất thiết phải sinh ra trong “một gia đình có vốn văn hóa lớn, người Paris thì tốt hơn” để khắc phục “trở ngại xã hội”. Thậm chí có những điều có thể là bất lợi. Nó có thể khiến những người có những điểm đó bày tỏ sự kính nể, không đưa ra những câu hỏi gây phiền toái vì sợ đi ngược lại

những quy tắc ứng xử của tầng lớp xuất thân. “Khoảng cách xã hội” như vậy không phải là điểm bất lợi. Còn về “tư cách người phỏng vấn tập sự”, nếu không phải là một “cương vị lý tưởng để làm công việc phỏng vấn”, thì nó vẫn có thể trông chờ ở người được phỏng vấn một sự rộng lượng nào đấy, làm cho anh ta vững tâm hơn so với một nhà báo dày dạn kinh nghiệm.

Hơn nữa, cách nhìn nhận này về “người nắm ưu thế” và “người kém về” bao hàm một sự đánh giá không đúng về tương quan vị thế giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn và một thái độ chấp nhận về “sự thấp kém vị thế” của người phỏng vấn, biện minh cho những thiếu sót liên quan đến việc chuẩn bị cuộc phỏng vấn. “Khoảng cách xã hội” do vậy được trình bày như một trở ngại không thể vượt qua, một định mệnh. Nó dẫn đến cái nhìn về một xã hội bất động, xơ cứng. Ở đây, quan hệ giữa người phỏng vấn - người được phỏng vấn hiện lên như một điều tiền định, trong khi thực tế cuộc phỏng vấn là một quá trình sống động. Những tác động của khoảng cách này có khuynh hướng bị loại bỏ nhờ kinh nghiệm và sự làm chủ vấn đề tốt hơn của người phỏng vấn. Nếu không phải như vậy, thì người ta có thể tự hỏi cuộc phỏng vấn mang lại lợi ích gì đây. Thật là thích hợp, cụm từ nhàm chán và được lặp đi lặp lại “sự xúc phạm tượng trưng” này cho phép tránh được nổi băn khoăn về vai trò của người phỏng vấn, về

vốn liếng các khả năng mà anh ta có thể sử dụng, về phẩm chất của người phỏng vấn, về tính năng động nảy sinh theo đà với các cuộc nói chuyện cứ nhiều lên, đó là bấy nhiêu điểm quan trọng mà các tác giả cuốn sách này đã lựa chọn để tìm hiểu.

3. "Bí quyết dàn dựng"

Tác giả cuốn sách này cũng mong muốn phá bỏ điều ngộ nhận coi cuộc phỏng vấn như là phương tiện để tìm hiểu tình hình. Một lần, tôi đã cho một trong những cố vấn của Tổng thống François Mitterrand biết dự định tranh luận công khai về những vấn đề được xới lên từ cuộc phỏng vấn "những người ra quyết định". Vị cố vấn đó cho rằng loại vấn đề này không nên phô bày trước công chúng và khuyên tôi từ bỏ ý định. Quả vậy, đối với một số người, người phỏng vấn không được để lộ những "bí quyết dàn dựng", những "mưu mẹo" của mình. Tuy vậy, lập luận này lại ít thuyết phục bởi vì nó cho rằng cuộc phỏng vấn chỉ là tương quan lực lượng kết thúc có lợi cho người lắm mưu mẹo nhất. Chắc chắn người phỏng vấn có thể giữ kín một phần những mục tiêu, những giả thiết và những ẩn ý của mình. Điều đó nằm trong quy tắc của trò chơi mà một số người được phỏng vấn cố gắng tránh bằng cách hỏi trước người phỏng vấn một số điều, đồng thời yêu cầu anh ta, nếu có thể, gửi trước những câu hỏi bằng văn bản trước khi cuộc nói chuyện diễn ra.

Nhưng “mưu mẹo” này gặp ngay những giới hạn trong loại môi trường này. Người được phỏng vấn, thường không nói gì về vấn đề được đề cập, làm chủ lời nói của mình và bất cứ lúc nào cũng có thể ngừng cuộc nói chuyện mà không phải dài lời gì cả. Người phỏng vấn, dù có năng lực đến mấy, cũng không thể bắt một người lãnh đạo phải nói khi ông ta đã quyết định không phát biểu. Cuộc phỏng vấn như vậy có thể được coi như một hình thức “thăm vấn”. Nhưng khác với việc thăm vấn của cảnh sát, người được phỏng vấn sẵn lòng nghe những câu hỏi của người hỏi, bởi vì ở đây người được phỏng vấn tìm được một lợi ích riêng, thậm chí một sự thích thú nào đấy để tranh luận về những vấn đề mà họ không mấy khi rảnh rỗi để đề cập. Vai trò của người phỏng vấn không nhằm “đánh cắp” lời nói của người được phỏng vấn, mà là làm cho người ấy tin vào sự hữu ích khi dành thì giờ nói chuyện với anh ta, cho anh ta biết một phần những hiểu biết của mình, để vượt qua những do dự ban đầu. Tài năng “nghệ thuật” của người phỏng vấn bộc lộ hay không là ở chỗ đó. Anh ta phải đem lại cho người được phỏng vấn cảm giác góp phần xây dựng một công trình đáng được quan tâm, một công trình được tiến hành bởi một người biết mình đang tìm kiếm những gì, biết đặt ra những câu hỏi kích thích, có sự hiểu biết tinh tế về những vấn đề mà mình nghiên cứu, có khả năng lắng nghe và tôn trọng quy ước là sẽ không

trích dẫn nếu không được phép trước.

“Những bí quyết dàn dựng” cũng nằm trong khả năng của người phỏng vấn làm cho người đối thoại cảm thấy thoải mái, vững tâm. Hãy nhắc lại điều hiển nhiên vẫn thường không được biết đến này: Phải có “năng khiếu nói chuyện” như người có “năng khiếu lưu trữ”, sự hiểu kỳ, sự say mê khám phá sự vật thông qua một cuộc tiếp xúc cá nhân, để “đọc sức” với một con người không sẵn sàng thổ lộ ngay với mình. Mong muốn gỡ bỏ thách thức, đọc sức với một người có quyền thế hơn mình, là một trong những điều kiện đầu tiên để cho cuộc phỏng vấn thành công, khiến ta có thể chấp nhận nhiều điều khó chịu gặp phải trong “nghề nghiệp”. Phỏng vấn có chiều sâu đòi hỏi sự kiên nhẫn, sự bền bỉ, sự ngoan cường. Người phỏng vấn, dù là mới vào nghề hay dày dạn kinh nghiệm, thường thích nài nỉ để có một cuộc hẹn nữa, để người ta cung cấp cho mình một điều giải thích bổ sung, nội dung đầy đủ của một quyết định hay một văn kiện: “Để có một thông tin chưa hề công bố, một bức thư chưa ai biết, thường cần đến 10 hay 15 cuộc viếng thăm cùng một nhân vật. Chỉ đến cuộc viếng thăm thứ 16 nhân vật đó mới chịu mở khoá hòm”, đó là lời tâm sự của Pierre Péan, tác giả cuốn sách viết về François Mitterrand: *Một thời thanh niên của nước Pháp*. Đồng thời, cũng phải có một sự kiên nhẫn nào đó để đặt mình vào vị trí người thỉnh cầu, đôi khi chấp nhận một sự từ chối, mà không coi đó là sự kết thúc.

Nói chuyện ở ngôi thứ nhất, như các tác giả của

cuốn sách này, chắc hẳn cũng có một điều rủi ro: đó là khôi phục hồi ức về quá khứ. Ở đây, người phỏng vấn là nhân chứng và người phân tích bản thân. Cách làm này có một lợi thế đáng kể: Khuyến khích sự minh bạch. Những điều bộc lộ này là bản tường thuật về một kinh nghiệm cá nhân. Khi trao gửi những “điều thu nhận” và những “bí mật” của mình, trình bày tiến trình sự việc, các tác giả đã phó mặc mình cho cái nhìn phê phán của người đọc. Nhiều tác giả không có thái độ này, thường hay tự bằng lòng nói về phương pháp bằng cách đưa ra những khiếm khuyết, giảng giải những điều gì không nên làm hơn là nói họ đã làm như thế nào. Nói chuyện ở ngôi thứ nhất còn là liều thuốc giải độc tốt nhất chống lại loại vi rút của thói “hiểu biết tất cả”.

Cuốn sách này ra đời từ điều ghi nhận: Có nhiều nhà nghiên cứu xã hội học và nhà báo trẻ đã tìm đến cách phỏng vấn những nhà lãnh đạo - chính khách, chủ doanh nghiệp, quan chức cao cấp, lãnh tụ công đoàn - mà chưa được đào tạo cơ bản, không nghĩ đến những khả năng và những giới hạn của công cụ tìm hiểu này. Nhiều người, không ý thức được những khó khăn đang chờ đợi mình, đến với những cuộc phỏng vấn mà hầu như không có sự chuẩn bị gì. Quá vui sướng vì đã bố trí được một cuộc hẹn gặp, họ tự bằng lòng với việc vội vã dàn dựng một vài câu hỏi vừa nảy ra trong đầu mà không nghĩ đến vấn đề diễn đạt câu hỏi và không có một kế hoạch phỏng vấn thực sự. Trong

những trường hợp đó người phỏng vấn có nguy cơ bị coi là không nghiêm túc, có thể bị chính người được phỏng vấn áp đặt một vấn đề mà anh ta không lựa chọn, và anh ta đánh mất quyền kiểm soát cuộc phỏng vấn của mình. Đội ngũ giảng dạy có một vai trò quan trọng trong khi chuẩn bị cho các sinh viên tiến hành những cuộc phỏng vấn tại chỗ và can ngăn những người không hề muốn tham gia loại công việc này.

Các đồng tác giả của cuốn sách này hy vọng rằng công trình của họ sẽ lấp được chỗ trống phương pháp luận trong khoa học xã hội và các bài viết của họ sẽ giúp những người phỏng vấn trẻ xác lập một tương quan có hiệu quả và càng ít bất bình đẳng càng tốt giữa những “người phỏng vấn” và “ người được phỏng vấn”.

PHẦN I

PHỎNG VẤN

**CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO CHÍNH PHỦ
VÀ CÁC QUAN CHỨC CẤP CAO**

NHỮNG CUỘC PHÒNG VẤN TRONG "MÔI TRƯỜNG KHÓ KHĂN": NHỮNG NGƯỜI PHỤ TRÁCH CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VÀ QUỐC PHÒNG

Samy Cohen

1. Từ De Gaulle tới Rwanda: Hành trình tìm hiểu

Những người quản lý “lĩnh vực đặc biệt”, “những người canh giữ bí mật quốc gia”, những người phụ trách công tác ngoại giao và quốc phòng, có dễ dàng để cho phỏng vấn không? Những lời nói của họ có thể được sử dụng như một tư liệu nghiên cứu không? Đây là mức độ đáng tin cậy của những tư liệu thu lượm được từ đối tượng nổi tiếng là “khó khăn” này?

Trước những câu hỏi đó, thường hay có những câu trả lời trái ngược nhau. Một số người nhìn nhận với một niềm lạc quan có thể sánh ngang hàng với Pangloss¹ cho rằng “cuộc phỏng vấn thật dễ dàng” và họ đi đến cuộc phỏng vấn không hề có chuẩn bị, đặt những câu hỏi hết sức ngây thơ. Một

¹ Pangloss - Một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết “Người ngây thơ” của nhà văn Pháp Voltaire (thế kỷ 18), điển hình của tinh thần lạc quan bất chấp mọi tình thế, với câu châm ngôn bất hủ: “ở thế gian này, mọi chuyện đều được sắp xếp để tốt hơn, tốt hơn nữa” (N.D).

số người khác, bị quan hơn, đánh giá rằng đây là một đối tượng mang dấu ấn sâu đậm của một thứ tiểu văn hóa, họ không dễ đưa ra một thứ ngôn ngữ nào khác ngoài “ngôn ngữ kín bưng”, và do đó muốn tránh những cuộc phỏng vấn.

Thực tế, ít nhất là thực tế mà tôi đã quan sát, thì phức tạp hơn. Phỏng vấn những người phụ trách chính sách đối ngoại và quốc phòng gặp rất nhiều khó khăn. Nếu không bỏ qua những khó khăn đó thì cũng không nên cường điệu chúng. Tính chất và tầm quan trọng của chúng có thể thay đổi. Một số khó khăn là đặc trưng của môi trường tìm hiểu, một số khác là đặc trưng của chủ đề nói chuyện. Với một số khó khăn, ta có thể dễ dàng tìm ra giải pháp, còn những khó khăn khác thì không. Người phỏng vấn đi đến một thế giới phức tạp, không hoàn toàn đối lập với mình, cũng không hoàn toàn thuận lợi cho mình. “Niềm lạc quan có mức độ” này có cơ sở trên một kinh nghiệm hai mặt: Kinh nghiệm của người đi phỏng vấn và cả kinh nghiệm cũng rất quan trọng của người làm công tác giảng dạy. Tôi đã suy ngẫm về “nghệ thuật phỏng vấn” qua nhiều năm hoạt động trong Nhóm nghiên cứu chính trị cấp cao tại một khoá học chuyên đề về chủ đề “Phỏng vấn những người (ra) quyết định”, cũng như việc quan sát những cuộc phỏng vấn do các sinh viên và nghiên cứu sinh tiến hành dưới sự lãnh đạo của tôi. Ở đây, tôi nói đến ba khía cạnh mà theo tôi có tác

dụng làm sáng tỏ nhiều nhất: Đối tượng này đón nhận việc phỏng vấn đến mức độ nào, những trở ngại chính mà tôi gặp phải và cách thức tôi cố gắng - và đôi lúc thành công - để khắc phục chúng.

Những cuộc phỏng vấn đầu tiên mà tôi đã thực hiện trong khoảng những năm 1971 - 1972 trong khuôn khổ một luận văn về chính sách đối ngoại của Tổng thống De Gaulle ở vùng Cận Đông. Tôi đã gặp những nhân vật thân cận của tướng De Gaulle, những cán bộ phụ trách cấp cao của Israel, các nhà báo Pháp và Israel. Những cuộc nói chuyện cuối cùng diễn ra vào tháng 5 năm 1998 với Phái đoàn thông tin của Nghị viện tới Rwanda. Giữa hai thời điểm đó, hàng trăm cuộc phỏng vấn đã được thực hiện, xung quanh vấn đề ra quyết định về chính sách ngoại giao và quốc phòng. Tôi tìm cách xác định đâu là giới hạn của quyền lực chính trị hiện thân ở người đứng đầu ngành hành pháp, là người theo truyền thống, chịu trách nhiệm lãnh đạo công tác ngoại giao và quốc phòng, trong tương quan với rất nhiều tác nhân chính trị - hành chính cũng can thiệp vào quá trình ra quyết định (cố vấn, chuyên gia, nhà ngoại giao, quân nhân...). Tôi đã phải cố gắng tháo gỡ cái mờ rối rắm của việc ra quyết định, nhận dạng các trách nhiệm, biết ai là người ra quyết định thực sự chứ không chỉ hình thức, ai là người ra quyết định về những vấn đề chủ yếu và được quyết định theo logic nào, xuất phát từ những thông tin nào, căn cứ theo hệ phân tích nào. Phương diện này của nền chính trị quan liêu nói chung bị che giấu trong

văn bản tài liệu khoa học của Pháp, hoặc được coi là thứ yếu khi người ta nói đến dưới hình thức một lời phán xét mang tính đạo đức, hay lên án “ảnh hưởng thái quá” của một cố vấn hay một cơ quan nào đó.

Từ những tìm tòi này tôi đã xuất bản nhiều cuốn sách, tất cả đều được thực hiện dựa vào nguồn tư liệu thu nhận được từ những cuộc phỏng vấn: *Các cố vấn của Tổng thống, Vương quốc hạt nhân, Thất bại của các vị tướng lĩnh*, cũng như nhiều bài báo đặc biệt liên quan đến Trung tâm Phân tích và Dự báo của Bộ Ngoại giao, sự chung sống trong chính sách đối ngoại và sự chỉ đạo hành động can thiệp quân sự của Pháp trong chiến tranh vùng Vịnh. Tổng cộng một ngàn cuộc phỏng vấn với khoảng 400 nhân vật đã được thực hiện trong những năm 1972 - 1998, mỗi cuộc kéo dài từ một đến ba tiếng đồng hồ.

Những cuộc phỏng vấn của tôi không chỉ giới hạn ở những vấn đề vô hại, “tử tế” hay “cho vui”. Chúng thường đề cập những chủ đề “nhạy cảm”: tính cách và phương pháp làm việc của tổng thống và các bộ trưởng, quan hệ giữa các chuyên gia với quyền lực chính trị, những vấn đề liên quan đến cái cốt lõi khó lần ra của “lĩnh vực đặc biệt” (xuất khẩu vũ khí, can thiệp quân sự, thương lượng bí mật, vấn đề hạt nhân). Tôi cũng quan tâm đến những cách thức tổ chức quen thuộc cũng như những hiện tượng quan liêu và chính trị nói chung

những thành công cũng như những thất bại của nền ngoại giao Pháp, những phương hướng chủ yếu cũng như những quyết định vi mô.

Những nhân vật mà tôi phỏng vấn thuộc các cấp lãnh đạo khác nhau: Những nhân vật chính trị trong đó có hai vị Tổng thống (Valéry Giscard d'Estaing và François Mitterrand), nhiều Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng, nhiều thành viên của Văn phòng Tổng thống và các Văn phòng các bộ, các công chức cấp cao của Bộ Ngoại giao, Quốc phòng và Tài chính, những cán bộ phụ trách quân sự cấp cao, những kỹ sư của ngành vũ khí.

2. Một đối tượng đa nghi nhưng không khép kín đối với việc phỏng vấn

Đối mặt với đối tượng này, dù họ là dân sự hay quân sự, tôi vẫn là người “bị lép vế”. Việc tiếp cận họ không được bảo đảm trước. Không loại trừ khả năng bị từ chối. Đối tượng này, nói chung họ biết rất rõ vị thế của mình, họ không thuộc loại người lúc nào cũng có thể mở cửa cho ta tìm hiểu. Bóng tối và sự kín đáo là những điều kiện quan trọng cho thành công nghề nghiệp và xã hội của họ. Những người phụ trách chính sách đối ngoại và quốc phòng sống dưới sức ép, chịu sự theo dõi có tính thể chế ít nhiều thường xuyên tùy theo từng thời kỳ. Họ luôn có ý thức rằng một cuộc phỏng vấn có thể đem lại cho họ nhiều rủi ro. Khác với

những cơ quan khác cởi mở hơn, họ không sẵn sàng để cho bên ngoài nghe ngóng. Họ cũng ý thức sâu sắc về quyền lực mà họ có được nhờ sự tiếp cận gần như độc quyền với những thông tin đặc biệt. Việc lấy được từ họ những thông tin chính xác, để làm tư liệu cho những nghiên cứu thích hợp là một điều khó khăn. Họ sẵn lòng nói về công việc hàng ngày của họ, những quyền hạn, những chu trình thông tin, những cuộc họp, những phương pháp làm việc của thủ trưởng, nói tóm lại tất cả những gì liên quan đến nếp tổ chức quen thuộc, cũng như về văn hóa chính trị và nghề nghiệp của giới họ, theo những cảm nhận của họ. Nhưng do sự cẩn trọng bản năng hoặc vì trí nhớ không tốt, họ có khuynh hướng tránh đối thoại về những thí dụ cụ thể, thích trao đổi bằng cách nói ẩn dụ hay hiểu ngầm. Và khó khăn này có khuynh hướng tăng lên khi người được phỏng vấn có vị trí càng cao trong hệ thống quyền lực.

Tuy vậy những khó khăn này không phải là không thể giải quyết được. Riêng tôi chưa bao giờ có cảm giác chạm trán với một nhóm người liên kết, đồng nhất, hoàn toàn ương ngạnh trước những câu hỏi, “từ chối đưa ra câu trả lời”. Chắc chắn quy tắc giữ bí mật của những người lãnh đạo ngành ngoại giao và quốc phòng ở Pháp thể hiện rõ hơn là ở Hoa Kỳ, nhưng không phải là toàn bộ. Nếu những người lãnh đạo cấp cao có lý do để tỏ ra cẩn trọng, thì họ cũng có lý do để cởi mở với

người phỏng vấn. Họ cũng chẳng có lợi gì nếu cắt đứt quan hệ với giới báo chí. Bởi vì nếu từ chối một cuộc nói chuyện (phỏng vấn) thì một người (ra) quyết định đôi lúc mất nhiều hơn là được:

- Ông ta tự tước mất khả năng được thông tin về những công trình nghiên cứu đang tiến hành để nếu có thể, tác động lên chúng. Ông ta cũng chịu thiệt thòi là để cho những quan điểm khác thắng thế trước quan điểm của mình. Như thế, vai trò ông ta trong lĩnh vực mà ông ta được yêu cầu phát biểu, lĩnh vực mà ông ta có thể lấy làm tự hào về sự hiểu biết và đóng góp của mình, có thể bị đánh giá thấp, bị bóp méo, thậm chí nằm trong im lặng, không ai biết đến trong những tài liệu chính trị hay lịch sử. Khía cạnh này của sự việc cho thấy mâu thuẫn mà nhiều vị lãnh đạo lâm vào, bị kẹt giữa một bên là “nhiệm vụ phải giữ gìn” theo quy tắc nghề nghiệp và một bên là mong muốn thấy tên tuổi của mình được lưu lại cho hậu thế. Đối với phần lớn các quan chức cấp cao, việc dẫn lời của họ trong một công trình có tính chất khoa học, sẽ bù lại cho họ nhiều năm trôi qua trong bóng tối, làm việc không tiếc sức mình cho quyền lực chính trị, một quyền lực duy nhất biết đến kiểu cống hiến tận tụy như vậy. Những người khác, ngược lại, không nhạy cảm với tâm trạng thất vọng và lấy làm tự hào là đã biết cách không để cho người ta nói về mình.

- Đối với một số nhân vật thuộc giới chính trị - hành chính, cuộc nói chuyện cũng có thể là cơ hội để thoát khỏi một đường lối chính trị, để cho người

ngoài biết rằng có những lựa chọn khác có thể được dự tính và trên thực tế đã được dự tính. Thái độ này dù cho là ngoại lệ vì những rủi ro mà tác giả của nó phải chịu, vẫn là một động lực phải tính đến.

- Trong trường hợp đặc biệt của những nhà quân sự, đón tiếp một nhà báo nằm trong ý muốn duy trì những quan hệ tốt với xã hội dân sự, phổ biến hình ảnh một quân đội cởi mở, có khả năng đối thoại và có ích cho quốc gia. Việc chấp nhận một cuộc phỏng vấn cho phép họ sửa chữa hình ảnh của một đội ngũ không có khả năng giao tiếp và cho phép chia sẻ về những tình thế tiến thoái lưỡng nan mà họ gặp phải. Về những vấn đề quốc phòng, giới quân sự cấp cao biết cách lựa chọn - ít khắt khe hơn các nhà ngoại giao thuộc Quai d'Orsay¹- giữa những chủ đề mà họ phải giữ im lặng tuyệt đối và những gì có thể được tranh luận mà không sợ nguy hại cho an ninh. Nói chung, ngôn ngữ của họ ít kiểu cách hơn ngôn ngữ của các nhà ngoại giao truyền thống và thường thẳng thắn hơn.

Từ đó, người ta hiểu hơn rằng “tương quan vị thế” không phải bao giờ cũng bất lợi. Môi trường của những người phụ trách ngoại giao và quốc phòng không hoàn toàn cởi mở cũng không hoàn toàn khép kín. Một số người che giấu tất cả hay một phần những gì họ biết, những người khác chấp nhận chia sẻ rộng rãi những hiểu biết của họ. Suốt những năm đó, tôi đã biết được rất nhiều

¹ Quai d'Orsay: Nơi đặt trụ sở Bộ Ngoại giao Pháp (N.D).

tình huống khác nhau. Một thiểu số đáng kể những người được phỏng vấn tỏ ra cỏi mả và hợp tác, và trong nhiều vấn đề họ đã đem lại cho tôi một sự giúp đỡ quyết định, cả về chất lượng và sự chính xác của những thông tin họ cung cấp, cũng như mức độ xác đáng của những cách giải thích. Tôi thường gặp những người đối thoại có nhiều phẩm chất, họ đã giúp tôi suy nghĩ về những vấn đề ở chiều sâu, không chỉ như là những người cung cấp tin tức. Trong những trường hợp khác - một thiểu số không đáng kể - tôi vấp phải lời từ chối tiếp chuyện, mặc dầu về phía mình, tôi đã cố gắng để khắc phục trở ngại này. Giữa hai cực đó, tôi đã biết có nhiều thái độ khác: Lúc đầu, một số người tỏ ra nghi ngờ rồi dần dần cũng trở nên thoải mái. Những người khác chấp nhận trả lời một cách thoải mái về một số chủ đề, nhưng lại tỏ ra ngần ngại trả lời về những chủ đề khác.

Cần phải xem xét lại ý kiến cho rằng giới lãnh đạo cấp cao thường quan tâm tạo dựng lại hay tô hồng hiện thực. Cách làm lắt léo này không thành hệ thống. Không hiếm những người đối thoại chân thành và có năng lực, và hơn thế họ có một trí nhớ tuyệt vời. Họ biết rằng lời nói của họ có thể được kiểm tra lại. Đã nhiều lần, những cuộc phỏng vấn cho phép tôi thu lượm tư liệu rất đầy đủ, tái tạo một quyết định rất chính xác hoặc hợp thức hoá một giả thiết đã chống chọi được với thử thách của thời gian. Ngược lại, trong những trường hợp

khác, thông tin thu lượm được là không thể đem khai thác, bởi vì không đầy đủ, không chắc chắn, không kiểm tra được, động đến những quyết định còn mập mờ đến mức phải dành thêm nhiều thời gian để cố gắng hiểu rõ hơn. Như vậy, chắc chắn là những cuộc phỏng vấn hãn có chất lượng và độ chính xác khác nhau.

Cuộc phỏng vấn hai nhân vật lỗi lạc nhất mà tôi phải tiến hành trong khi chuẩn bị cuốn *Vương quốc hạt nhân*, Tổng thống François Mitterand và Valéry Giscard d'Estaing, không đem lại cho tôi nhiều ích lợi lắm. Tôi được người thứ hai tiếp đón tại ngôi nhà riêng của ông ở Paris, trong thời gian hơn một tiếng đồng hồ, một năm sau thất bại của ông trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1981. Tuy có một vẻ bề ngoài rất dễ mến, thoải mái, ông vẫn cẩn thận tránh trả lời những câu hỏi cụ thể mà tôi đặt ra. Cuộc phỏng vấn Tổng thống François Mitterand diễn ra năm 1985 tại văn phòng của ông ở Điện Elysée. Tuy có vẻ bề ngoài lạnh lùng, nhưng những câu trả lời của ông nhìn chung lại khá bổ ích. Cuộc phỏng vấn kết thúc trong một không khí nhẹ nhõm hơn và kéo dài 45 phút trong khi được dự kiến là nửa giờ. Khi tiễn tôi ra về, Tổng thống đề nghị sẽ tiếp tôi một lần nữa nếu tôi muốn. Có lẽ tôi đã tránh được sai lầm từng phạm phải khi gặp người đối thoại trước, là đề cập quá sớm đến những vấn đề nhạy cảm. Tuy vậy, tôi không yêu cầu gặp lại ông vì tôi không tin vào kết

quả của cuộc nói chuyện với những nhân vật cao cấp như thế về loại chủ đề mà tôi đề cập, bởi loại chủ đề đó không phải là một vấn bài chính trị quan trọng đối với họ. Tôi không có cảm giác rằng những câu hỏi về phương thức thực thi quyền lực tổng thống trong chính sách đối ngoại và quốc phòng lại làm họ quan tâm nhiều.

Những cuộc phỏng vấn với các thành viên cũ của chính phủ, đặc biệt với các cựu Bộ trưởng Quốc phòng, ngược lại, có hiệu quả hơn nhiều. Trong 5 vị Bộ trưởng Quốc phòng được phỏng vấn là Pierre Messmer, Yvon Bourges, André Giraud, Jean-Pierre Chevènement và Pierre Joxe, chỉ có duy nhất một người không bao giờ từ bỏ “ngôn ngữ kín bưng”. Những người khác đều nói năng rất cởi mở, chấp nhận tranh luận từng chi tiết cũng như về những vấn đề cơ bản, không ngần ngại tự gọi ra những điều bất cập của chính mình. Nhưng điều đặc biệt là những thành viên của các văn phòng bộ cũng như những quan chức dân sự và quân sự cấp cao làm việc trong chính quyền là những người đối thoại thú vị nhất, vì họ không phải lo lắng nhiều về hình ảnh của mình, và họ cảm thấy mình đang làm một việc có ích, và thậm chí thích thú cùng với người phỏng vấn suy nghĩ về những vấn đề mà hiếm khi họ có được thời gian rảnh rỗi để tâm tới. Tuy vậy, tôi không tiếc là đã thực hiện những cuộc phỏng vấn như vậy với các tổng thống: Họ đã cho phép tôi ý thức được giới hạn của cuộc nói chuyện

loại này và nhất là họ đã tạo thuận lợi cho tôi trong việc tiếp cận một số người phụ trách khác. Những người này bị tác động bởi thấy tôi đã được nể trọng thực sự khi tiếp kiến những vị đứng đầu nhà nước.

Nhìn chung, trong một lĩnh vực còn hiếm tài liệu viết về nó - quá trình ra quyết định trong chính sách đối ngoại và quốc phòng - những cuộc phỏng vấn đã đem lại cho tôi những thông tin thiết yếu mà tôi không thể tiếp cận theo cách khác. Phỏng vấn đã chứng tỏ là một công cụ tìm hiểu không thể thiếu. Nó là một phương tiện hỗ trợ để tiếp cận những tư liệu chưa được công bố, những lưu trữ cá nhân mà những người được phỏng vấn nắm giữ. Quả vậy, nhiều lần, người được phỏng vấn, khi không còn giữ những trọng trách trong bộ máy nhà nước, đã sẵn lòng cho tôi đọc những ghi chép cá nhân của họ. Nếu sự dựng lại những quyết định không phải lúc nào cũng đạt được độ chính xác mà tôi mong muốn (nhưng không phải lúc nào cũng cần phải biết được một quyết định qua những chi tiết nhỏ nhất để có thể đánh giá đúng đắn), thì những cuộc phỏng vấn đã cho phép tôi giải đáp những câu hỏi cơ bản. Đặc biệt qua đó, tôi đã hiểu được tính tương đối của những tác động từ các cố vấn và giới quan chức trong việc phục vụ lợi ích của giới quyền lực chính trị, và phát hiện tác động của hiện tượng “loạn chức năng chính trị” trong nền Cộng hoà thứ Năm trầm trọng hơn so với những hiện tượng loạn chức

năng của giới quan liêu. Kết thúc cuộc phỏng vấn, tôi có được một cái nhìn tổng thể về chủ đề của tôi cao hơn và rộng hơn cái nhìn của từng người trong số những người đối thoại rộng lượng nhất của tôi.

3. Làm thế nào để không

"bị áp đặt bởi những người áp đặt"?

Trong bối cảnh này – một bối cảnh đem lại cho người phỏng vấn một giới hạn hoạt động đáng kể, thì phương pháp tiến hành phỏng vấn của anh ta, sự lựa chọn những câu hỏi, và cách thức trình bày những câu hỏi đó có một tầm quan trọng to lớn. Cụ thể là làm thế nào để tránh “bị áp đặt bởi những người áp đặt”, để làm cho mình trở nên đáng tin cậy? Làm thế nào để giảm bớt nguy cơ gặp một phản ứng chối từ, vốn bao giờ cũng là điều có thể xảy ra? Có nên chuẩn bị cuộc phỏng vấn thật chi tiết, hay là dành một phần quan trọng cho sự tùy cơ ứng biến? Một số người tiến hành phỏng vấn với một sự chuẩn bị tối thiểu. Họ cố gắng “đặt càng ít câu hỏi càng tốt” để cho người được phỏng vấn phát biểu càng tự do càng hay. So với quan niệm “tối thiểu” này, tôi thích một “giải pháp hỗn hợp”, trong đó phần chuẩn bị, dành một phần tối thiểu cho sự ứng biến và tỏ ra mềm dẻo trong quá trình nói chuyện bằng cách tránh ngắt lời không đúng lúc, nhanh chóng khởi động lại tùy theo những hướng nói chuyện mới do người được phỏng vấn mở ra.

Tại sao lại phải chuẩn bị cuộc phỏng vấn một cách chu đáo đến thế? Những cuộc phỏng vấn này chiếm một vị trí trung tâm trong quá trình sắp xếp công việc tìm hiểu của tôi. Nhiều người nghiên cứu sử dụng phỏng vấn như một phương thức tìm hiểu bổ sung cho những nguồn tư liệu viết. Trong vấn đề ra quyết định, không có nhiều tài liệu viết có thể sử dụng được. Tôi đã sử dụng những phân tích và thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung chính sách đối ngoại của Pháp như một nguồn tư liệu cơ sở, và trên cơ sở đó tiến hành khảo sát hay tìm hiểu bối cảnh chính trị đối nội hay đối ngoại. Với tôi, những cuộc phỏng vấn là nguồn thông tin chủ yếu, và nhiều khi là nguồn duy nhất có thể sử dụng được. Điều bất tiện của phương thức này là tôi phải phụ thuộc quá nhiều vào những nguồn đó. Một lời từ chối phỏng vấn hay từ chối nói chuyện một cách cởi mở có thể làm đổ bể công việc tìm hiểu của tôi. Hơn nữa, tình trạng nghèo nàn của những nguồn tài liệu viết lại làm khó khăn thêm cho việc kiểm tra những thông tin thu lượm được từ những người được phỏng vấn. Do đó, những rủi ro này đòi hỏi ta phải đặc biệt chú ý đến việc chuẩn bị các cuộc phỏng vấn và, cũng như trong các môi trường “khó khăn” khác, đòi hỏi một nỗ lực đặc biệt, một chiến lược điều tra thực sự, một sự hiểu biết càng nhiều càng tốt về đối tượng mà mình sẽ phỏng vấn.

Làm thế nào để được chấp nhận như một người đối thoại đáng tin cậy, nghiêm túc mà người ta không thể dễ dàng điều khiển, và người ta có thể

tin? Trước hết phải bắt đầu bằng việc xác định rõ mình định tìm hiểu cái gì. Phải tránh ảo tưởng là người được phỏng vấn sẽ đoán ra được điều ta chờ đợi ở họ, tránh để họ đưa ra ngay câu trả lời cho những câu hỏi mà mình không đặt ra. Người ra quyết định, nhà chính trị hay quan chức cấp cao, không thể thay thế người phỏng vấn để dựng lên cách đặt vấn đề của mình. Phỏng vấn những người lãnh đạo mà không biết mình đang tìm hiểu cái gì, sẽ “đánh mất lòng tin” và làm cho người được phỏng vấn tăng thêm cảm giác về sự yếu kém trong nghiệp vụ của người phỏng vấn.

Nói một cách cụ thể, những cuộc phỏng vấn của tôi được bắt đầu từ trước đó rất lâu - bằng một giai đoạn ngồi nghiên cứu nhiều tuần lễ, thậm chí nhiều tháng. Trong thời gian đó tôi chuẩn bị nội dung phỏng vấn, xây dựng những giả thiết, những câu hỏi chính, đồng thời cố gắng dự đoán trước những khó khăn. Người phỏng vấn không được phép tạo cho người đối thoại cảm giác là mình không nắm chắc chủ đề mình đưa ra, bởi những câu hỏi ngây thơ, rời rạc hay rườm rà. Không gì gây tổn hại cho hình ảnh của người phỏng vấn bằng việc đưa ra một câu hỏi mà ai cũng biết trước câu trả lời. Không thể bỏ qua những chi tiết nhỏ - một trích dẫn ngắn, một ám chỉ thoáng qua đến một vấn đề nào đó - có thể làm phong phú thêm nội dung dàn dựng của người dắt dẫn cuộc nói chuyện. Nếu đôi lúc, có lý do chính đáng để trở lại

một vấn đề tranh luận cũ, thì phải biện minh cho ý muốn đó của mình, giải thích tại sao những câu trả lời được đưa ra cho đến lúc này vẫn chưa làm mình thoả mãn. Cũng vậy, đôi lúc phải biết thú nhận điều mình không biết, chẳng hạn về những vấn đề hoàn toàn mới xuất hiện trong cuộc nói chuyện, mà mình mong muốn được làm sáng tỏ.

Sự hiểu biết trước về chủ đề là một lợi thế nữa có tính quyết định. Nó cho phép người phỏng vấn giúp đỡ người được phỏng vấn nhớ lại những sự việc mà ông ta chỉ còn mơ hồ trong ký ức. Nó giúp người phỏng vấn phân biệt được cái chính và cái phụ, cái thật và cái giả, ý tưởng mới và sự tầm thường trong lời nói của người được phỏng vấn, phát hiện mâu thuẫn, lọc ra tức thời những gì nên phát triển, nên làm rõ, đi sâu. Mâu thuẫn không phải là một hiện tượng ngoại lệ trong các cuộc phỏng vấn. Nó nảy sinh có thể là do những lời giải thích đưa ra quá nhanh, không được sàng lọc đầy đủ, đặc điểm của ngôn ngữ nói. Khi viết ra, thì những mâu thuẫn thể hiện rõ và đòi hỏi một cách diễn đạt chặt chẽ hơn. Cuối cùng, mâu thuẫn nảy sinh cũng có thể là do trí nhớ kém.

Ý kiến của tôi có thể là không đúng, nhưng tôi cho rằng đối tượng phỏng vấn này dành cho tôi ít thời gian, và muốn lôi kéo được sự chú ý của họ, để thời gian gặp họ lâu và có dịp gặp lại, tôi phải tìm cách kích thích động cơ của họ. Với từng người, tôi cố gắng trình bày mục tiêu tìm hiểu của

mình theo cách nào đó để cho tự họ cảm thấy liên quan đến chủ đề và có thể góp thêm vào đây nhiều điều bổ ích. Tôi cũng cố gắng tránh thúc giục họ, và không quá chú ý tới những điểm chi tiết.

Đồng thời, người phỏng vấn phải cân nhắc tới “tính khả thi” của cuộc phỏng vấn. Vì “tính nhạy cảm” của nó, một số chủ đề có thể gây nên phản ứng khó chịu hay khước từ. Nhưng một số đề tài có tiếng là khó khăn, thậm chí “không thể thực hiện được”, lại không gây nên một khó khăn đáng kể nào. Ngược lại, một số chủ đề tưởng là “khả thi” lại gặp rất nhiều trở ngại. Do vậy, điều cần thiết là phải có những động tác thăm dò trước, hỏi han những người giảng dạy, người nghiên cứu, những nhà báo, những người vốn gần gũi với người mà mình phỏng vấn, thậm chí cả một số tác nhân xem ra dễ tiếp cận nhất. Qua đó, có thể thu lượm được những thông tin về trạng thái tinh thần của đối tượng phỏng vấn, về thái độ của họ trước cuộc phỏng vấn mà mình định thực hiện, về những yêu cầu giữ im lặng trong quá trình tiến hành công việc.

Lựa chọn những người được phỏng vấn:

Tầm quan trọng của “nhân vật hạng hai”

Sự lựa chọn đòi hỏi rất nhiều tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn đầu tiên là khả năng của người được phỏng vấn trong việc cung cấp những thông tin quan trọng cho người phỏng vấn. Phần lớn thời gian, công việc tìm hiểu của tôi tập trung vào những

bước phát triển và đổ vỡ của hệ thống chính trị Pháp, tôi đã phải tìm gặp những tác nhân chính trong những thời kỳ khác nhau của Nền Cộng hòa thứ Năm. Một điều cũng quan trọng đối với tôi là nắm được quan điểm của những nhân vật đang giữ những vị trí khác nhau trong hệ thống ra quyết định, để có thể đối chiếu các quan điểm, kiểm tra các thông tin. Hiếm khi một mình người lãnh đạo nắm được tất cả các thông tin liên quan đến việc ra một quyết định quan trọng.

Sự lựa chọn không giới hạn ở những nhân chứng “vòng đầu”, những người liên quan trực tiếp với các sự kiện. Các quyết định thường được đưa ra sau khi đã được bàn bạc và ngay cả trong trường hợp quyết định của riêng tổng thống, thì sau đó ông vẫn thông báo cho các cố vấn thân cận, để đảm bảo việc thi hành và theo dõi. Cứ thế thông tin lưu chuyển, theo những nấc thang của hệ thống nhà nước. Vì vậy, tôi rất quan tâm đến những “nhân vật hạng hai”, những người không trực tiếp tham gia vào sự việc, nhưng đã nắm được sự việc qua những người liên quan. Những nhân chứng gián tiếp này thường bị lãng quên, nhưng lại rất có ích. Sự hiểu biết của họ về các sự việc chắc chắn là không thật cận kề, nhưng họ lại tự do phát biểu. Loại nhân chứng này có một vai trò quyết định trong những tìm tòi của tôi, giúp tôi nắm được sự việc một cách chính xác. Trong khi chuẩn bị cuốn *Vương quốc hạt nhân*, tôi đã có

gắng tìm hiểu vì sao và theo cách nào mà Tổng thống Valéry Giscard d'Estaing đã quyết định đến Varsava vào tháng 5 năm 1980 để gặp Tổng Bí thư Leonid Brejnev, chỉ vài tháng sau khi Liên Xô tiến quân vào Afghanistan, và nhất là vai trò của những cố vấn chủ chốt trong việc này. Sự quan tâm của tôi đối với sự việc này căn cứ trên giả thiết về một hiện tượng “loạn chức năng” ở cấp cao nhất của nhà nước, biểu hiện của một trong những khiếm khuyết quan trọng của hệ thống ra quyết định của Pháp: đó là sự bất lực của những cố vấn thân cận muốn tác động lên Tổng thống nhằm ngăn chặn khả năng ông phạm một sai lầm có thể thấy trước. Đây là minh họa tiêu biểu cho hội chứng của cái mà Irving Janis gọi là “tư duy theo nhóm”. Quyết định của Tổng thống được đưa ra sau cuộc bàn bạc của ba cố vấn chính: Bộ trưởng Ngoại giao, Chánh văn phòng Điện Elysée và Cố vấn ngoại giao của Tổng thống, cả ba đều phản đối sáng kiến này. Nhưng không ai trong họ dám chống lại Tổng thống.

Vào một thời điểm quan trọng của việc chuẩn bị cho chuyến đi, một trong những vị cố vấn đó được phái đến Varsava để yêu cầu phía Liên Xô có một “cử chỉ” đáp lễ dưới hình thức một sự rút lui bộ phận. Trước sự từ chối của phía Liên Xô, vị cố vấn này, trong một văn bản đệ trình đã gợi ý với Tổng thống V.G. d'Estaing huỷ bỏ chuyến đi, nhưng ở phần *tái bút* ông nói thêm rằng nếu Tổng thống

cho là cần thiết phải thực hiện chuyến đi, thì nên tiến hành cuộc gặp gỡ diễn ra một cách không chính thức và không ra thông báo. V.G. d'Estaing nhận thấy cách thoả hiệp này hợp với ý mình, và dựa vào đó để giữ nguyên quyết định. Vì vậy, cuộc gặp gỡ đã diễn ra như dự kiến. Điều đó làm ông Bộ trưởng Ngoại giao nổi giận và cho rằng cái đoạn *tái bút* là thừa. Vị cố vấn đó, người mà tôi để tặng cuốn sách này, đã viết thư cho tôi từ nhiệm sở của ông ở nước ngoài: “Tôi không nghĩ rằng những tài liệu lưu trữ của Phủ tổng thống lại được tiết lộ cho các nhà nghiên cứu”. Hiển nhiên những tài liệu ấy không được mở ra. Không ai trong bốn nhân vật chủ chốt của câu chuyện tìm cách giúp đỡ tôi. Tôi phải dựa vào sự giúp đỡ của những “nhân vật hạng hai”. Những người này không được Tổng thống trực tiếp hỏi ý kiến, nhưng lại biết được câu chuyện qua những vị cố vấn ở “vòng đầu”, những người vốn không muốn riêng mình giữ cái bí mật nặng nề này.

Việc tìm hiểu, nhận dạng và xác định các tác nhân dân sự không đặt ra những vấn đề quan trọng. Phần lớn họ là những người nổi tiếng (tổng thống, thành viên chính phủ, quan chức cấp cao), hoặc đảm đương các chức vụ ở các văn phòng bộ, tên tuổi được công bố trên tờ *Công báo*, và họ đều dễ dàng cho tiếp cận. Tôi nắm được các quan chức đang hoạt động trong cơ quan hành chính thông qua các cuốn niên bạ chuyên ngành: *Tập san*

hành chính, Niên bạ ngoại giao và lãnh sự (mà từ vài năm nay Bộ Ngoại giao đã hạn chế cho tiếp cận): *Who's who* (danh sách và lược sử những người có tiếng tăm), *Công báo, Trombinoscope* (tài liệu tập hợp các khuôn mặt của một tổ chức - dưới khía cạnh châm biếm để làm trò cười), *Niên bạ Bérard Quélin*. Tuy nhiên, những cuốn niên bạ này chỉ cho biết các chức vụ chính thức, chứ không cho biết vai trò thực sự của các tác nhân trong quá trình ra quyết định. Tại mỗi cuộc phỏng vấn, tôi đã hỏi người đối thoại về điểm này. Thường thì chính họ lại gọi ra tên những nhân vật khác cần gặp.

Phương pháp này gọi là “càng ngày càng gần” đặc biệt thường được sử dụng khi tiến hành phỏng vấn giới quân sự. Quân đội không cho công chúng sử dụng niên bạ quân đội như niên bạ ngoại giao. Người ta chỉ công bố chức vụ những người lãnh đạo cao nhất. Càng xuống cấp bậc thấp, thì việc nắm được nhân chứng càng khó khăn. Trong trường hợp này ta buộc phải tìm hiểu qua con đường tiếp xúc cá nhân, mò mẫm, bằng cách nghe ngóng hỏi han để kiên nhẫn tìm ra người mà ta muốn trò chuyện, lấy thông tin từ những người thân cận, từ những chuyên gia làm việc ở các cơ quan liên quan tới những vấn đề quốc phòng. Chính các nhà xã hội học nghiên cứu vấn đề quốc phòng đã mở cho tôi con đường tới những cuộc nói chuyện đầu tiên.

Chiến lược tiếp cận

Bắt đầu từ ai đây? Tốt nhất là bắt đầu từ những người dễ tiếp cận nhất và ta có thể dễ dàng gặp lại, những nhân chứng đã về hưu hay những tác nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục hoặc nghiên cứu khoa học. Làm thế nào để tiếp xúc với họ? Để tranh thủ thời gian, một số người phỏng vấn cố gắng làm việc này bằng cách sử dụng điện thoại, nhất là khi họ dựa vào vị thế của một người nào đó. Đối với tôi, việc tiếp xúc bằng cách viết thư là một phương pháp thích hợp hơn. Cách này làm cho người mà ta muốn tiếp xúc yên tâm. Ông ta sẽ nhận được một lá thư, trong đó ghi rõ tất cả những thông tin cần thiết: địa chỉ của người đề nghị gặp gỡ, tên cơ quan đơn vị (trường đại học, trung tâm nghiên cứu, toà soạn báo), tên tuổi của vị thủ trưởng cơ quan đơn vị, hoặc của một người nào đó giới thiệu mình. Chủ đề phỏng vấn phải được trình bày một cách sáng sủa, rõ ràng và nhất là kích thích động cơ của người được phỏng vấn. Phải nêu ra cho ông ta một vấn đề phù hợp với kinh nghiệm mà ông ta đã trải qua, thích hợp với mức độ trách nhiệm của ông ta. Phải làm cho ông ta tin rằng phát ngôn của mình là có ích và hãy nói với ông ta rằng trong cuộc phỏng vấn này ta cũng sẽ tìm đến những nhân vật khác nữa. Như vậy, người đối thoại sẽ hiểu rằng nếu ông ta từ chối (đó là quyền của ông ta) thì sẽ có những người khác chấp nhận cuộc nói chuyện. Họ sẽ đưa ra quan điểm của họ,

và khi đó quan điểm của ông ta sẽ không còn được chú ý. Người đề nghị gặp gỡ cũng phải nói rõ trong thư rằng mình sẽ không trích dẫn lời của ông ta khi chưa được sự đồng ý, vì đây là điều rất quan trọng đối với những người đặc biệt quan tâm đến những lời phát ngôn của mình. Một điều bất tiện của việc tiếp xúc bằng điện thoại là nó có thể vấp phải rào cản của người thư ký, một trong những rào cản đáng ngại nhất đối với người phỏng vấn. Trong trường hợp này, người phỏng vấn phải phát huy tài năng khéo léo của mình để tránh làm cho người thư ký trở thành “kẻ địch”.

Trong khoảng tám đến mười ngày mà vẫn chưa có trả lời thì người phỏng vấn nên gọi điện thoại hỏi xem thư của mình đã đến tay người nhận chưa. Chờ đợi quá lâu nghĩa là có thể lá thư đã nằm trong ngăn kéo, hay bị bỏ quên dưới một đồng giấy tờ quan trọng hơn. Trong thư trả lời, cũng có thể người được đề nghị tiếp xúc sẽ yêu cầu người phỏng vấn phải có “bản câu hỏi”. Về phần tôi, tôi giới hạn gửi đến “năm hay sáu câu hỏi chính mà tôi muốn đặt ra”. Thế là đủ. Tôi giữ không cho biết toàn bộ những câu hỏi sẽ dẫn dắt cuộc nói chuyện. Đưa ra một danh mục các câu hỏi như vậy sẽ làm mất hết tính chất tự nhiên trong những câu trả lời, cho phép người được phỏng vấn có sự lựa chọn trước, tránh trả lời một số câu hỏi, và đưa ra những câu trả lời hợp với những câu hỏi mà họ giữ lại.

Cũng có khi người được đề nghị tiếp xúc gọi điện để trả lời tôi. Thái độ thoải mái này thường cho phép người sắp được phỏng vấn có cách để thăm dò người đối thoại với mình về trình độ kiến thức, những nhân vật đã được phỏng vấn trước đó, những mục tiêu và những giả thuyết của người phỏng vấn. Tôi vui lòng chấp nhận kiểu thăm vấn này trong khi vẫn giữ chỉ nói những điều tối thiểu, nhằm khỏi biến cuộc nói chuyện bằng điện thoại này thành một cuộc nói chuyện thông thường, không còn gì để nói thêm nữa. Một cuộc nói chuyện trực tiếp bao giờ cũng tốt hơn mọi hình thức giao tiếp khác, trừ trường hợp bất đắc dĩ, bởi vì nó bảo đảm khả năng can thiệp của người phỏng vấn, cho phép anh ta kiểm soát diễn biến của cuộc phỏng vấn, quan sát cả phản ứng của người được phỏng vấn (tạm ngừng, mất nhìn, cử chỉ, hai tay, v.v.).

Cũng cần đặc biệt chú ý đến trường hợp phỏng vấn hai người làm việc trong cùng một cơ quan. Tốt nhất là tránh tiếp xúc với họ vào cùng một thời gian, nếu không thì có nguy cơ phải phỏng vấn cùng một lúc với cả hai người (điều này đã xảy ra với tôi hai lần và buộc tôi phải thực hiện cuộc phỏng vấn với hai người đối thoại cứ theo dõi lẫn nhau), hoặc chỉ được phỏng vấn với một trong hai người, và người này xin được trả lời toàn bộ các câu hỏi, “Vì anh ấy với tôi, chúng tôi cùng làm một công việc”. Điều cần thiết là đưa ra đề nghị hẹn

gặp sao cho khoảng thời gian đủ để tránh trường hợp này.

Địa điểm hẹn gặp cũng có thể có vấn đề. Hiệu ăn là nơi đặc biệt nên tránh, trừ phi nó yên tĩnh và ít người đến. Nếu nói chuyện ở tiệm ăn với một quan chức lớn, địa điểm này sẽ làm hỏng cả cuộc nói chuyện lẫn bữa ăn. Người phỏng vấn bao giờ cũng tìm cách thoát khỏi tình thế khó khăn này bằng cách viện cớ một cuộc hẹn gặp khác vào cùng ngày hay đề xuất một cuộc gặp gỡ vào ngày khác.

Phần lớn các trường hợp tôi được hẹn gặp đều không vấp phải khó khăn nào đáng kể. Một số ít người mà tôi đề nghị gặp gỡ đã không muốn đáp ứng đề nghị của tôi. Sau đó, nhờ có những đồng nghiệp hay các nhà báo, mà tôi biết rằng đối với một số nhân vật, đó là một vấn đề có tính nguyên tắc. Những người khác đã viện đến những lý do cá nhân: Quá bận công việc, di chuyển thường xuyên, bận việc cá nhân hay gia đình. Việc có chân trong một trung tâm nghiên cứu nổi tiếng hình như không phải là điều thuận lợi đối với tôi. Khi còn là nghiên cứu sinh tôi không bị từ chối nhiều. Một trong những vị cựu Bộ trưởng Quốc phòng của Tổng thống F. Mitterrand, sau khi tôi gửi một lá thư có đề địa chỉ nơi làm việc của tôi, đã đón tôi bằng những lời: “Tôi đã nhờ người làm một cuộc điều tra về anh, anh có biết không?”. Ngạc nhiên và thích thú vì một vinh dự như vậy, tôi hỏi ông kết quả của cuộc điều tra đó. “Anh thấy đấy”, ông

trả lời, “bây giờ anh đã ở đây”. Cuộc nói chuyện diễn ra thân mật, và ít lâu sau lại có một cuộc nói chuyện thứ hai.

Một số cuộc phỏng vấn trong cơ quan hành chính chỉ có thể được thực hiện khi được phép của một trong những người phụ trách cấp cao của cơ quan đó. Việc tìm hiểu về Trung tâm Phân tích và Dự báo của Bộ Ngoại giao không những phải được sự đồng ý của Chánh văn phòng cơ quan mà còn cả sự đồng ý của ông bộ trưởng. Trong một số trường hợp, theo sáng kiến của chính mình, tôi đã cố gắng có được sự hỗ trợ của người có vị thế dễ dàng cho việc tiếp cận các nhân viên của cơ quan. Việc này đã suôn sẻ đối với một số cuộc phỏng vấn ở Phủ Tổng thống, và ngược lại bị từ chối ở Quai d'Orsay. Thủ trưởng của cơ quan chính quyền này đã không muốn gặp rắc rối khi “dẫn vào” cơ quan một người nghiên cứu mà ông ta không biết rõ.

4. Đưa ra câu hỏi

Thế nào là một “câu hỏi tốt”?

Trong các giai đoạn tiến hành cuộc phỏng vấn, giai đoạn chuẩn bị câu hỏi là một trong những giai đoạn phức tạp nhất và cũng quan trọng nhất bởi vì nó quyết định một phần rất lớn kết quả cuộc phỏng vấn. Tôi thường xuyên gặp khó khăn khi xác định thế nào là câu hỏi “tốt”. Để xử lý điều này trước hết phải trả lời một câu hỏi tiên quyết: Ta sẽ thu lượm được gì đây từ những nhân vật mà ta

phỏng vấn trong khuôn khổ một cuộc điều tra có chiều sâu? Trước hết, những người được phỏng vấn đưa ra được những câu trả lời hữu ích, có lý lẽ, và chính xác cho những câu hỏi mà người phỏng vấn nêu ra, xác nhận hay bác bỏ những giả thuyết của người phỏng vấn. Thứ hai, họ phải có một khoảng cách với những quyết định được đề cập, họ phải biết trình bày những khía cạnh tích cực cũng như tiêu cực của những quyết định đó, mà không che giấu hoặc lẩn tránh những vấn đề nhạy cảm hoặc những khía cạnh có thể bị phê phán. Người phỏng vấn không thể thoả mãn với những câu trả lời mơ hồ, không rõ ràng, chung chung, không liên quan trực tiếp với chủ đề, bằng một ngôn ngữ công thức và thiếu tự nhiên. Người phỏng vấn muốn người được phỏng vấn phải chứng minh, làm rõ những điều còn chưa rõ ràng, nêu ra những nhận thức mới trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Điều đó hoàn toàn trái ngược với một kiểu đàm thoại hời hợt, “cưỡi ngựa xem hoa”, mà tiếc rằng không ít người phỏng vấn lại cho là đầy đủ, tin rằng trong một thời gian kỷ lục, mình đã nắm được tinh hoa của tri thức khoa học.

Vì người phỏng vấn không bao giờ dám tin chắc trước rằng người được phỏng vấn sẽ tuân theo mọi ý muốn của mình, nên anh ta phải cố gắng, bằng các câu hỏi và cách thức đặt câu hỏi, tạo điều kiện cho người được phỏng vấn phát biểu tự do và rõ ràng. Về mặt này, không nghi ngờ gì nữa, có một

“cách thức” đặt câu hỏi và tránh những sai lầm. Lời nói không phải là vô nghĩa, mà ẩn giấu rất nhiều ý nghĩa. Vì vậy, mỗi một câu hỏi đưa ra phải được cân nhắc, phải tránh cách hỏi quá chung chung kiểu như “Văn phòng bộ hoạt động như thế nào?”. Câu hỏi này nằm trong bản câu hỏi phỏng vấn gửi cho những nhân viên của các văn phòng bộ, dẫn đến những câu trả lời có thể đoán trước theo kiểu “Rất tốt, cảm ơn”.

Những câu hỏi mập mờ và không liên quan tới nội dung của cuộc phỏng vấn có thể khiến người được phỏng vấn phải yêu cầu giải thích lại cho sáng tỏ, đó là một việc làm mất thì giờ và ảnh hưởng tới chất lượng của cuộc phỏng vấn, hoặc tạo cơ hội cho người đó lái cuộc nói chuyện theo hướng khác. Một nguy cơ khác là người được phỏng vấn có thể hiểu hay diễn giải sai câu hỏi và dắt dẫn người phỏng vấn theo một hướng không có gì đáng quan tâm. Câu hỏi càng không rõ ràng, thì tác động của người được phỏng vấn đối với cuộc phỏng vấn càng lớn. Tuy nhiên, đối với người phỏng vấn, thách thức chủ yếu là kiểm soát cuộc phỏng vấn. Chính nhiệm vụ của người phỏng vấn chứ không phải người được phỏng vấn là dẫn dắt và định hướng cho cuộc trao đổi. Tất nhiên, người phỏng vấn có thể đổi hướng cách đặt vấn đề của mình, nêu lại các câu hỏi nhân có thêm những dữ liệu mà người đối thoại cung cấp, nhưng điều này là do anh ta quyết định, tùy theo những nhu cầu của mình và với tư cách là người

nắm đầy đủ vấn đề. Như vậy, một “câu hỏi tốt” trước hết là một câu hỏi rõ ràng.

Một “câu hỏi tốt” cũng là một câu hỏi đơn giản, dễ hiểu, tránh làm cho người được phỏng vấn cảm thấy sự nặng nề của loại ngôn ngữ thông thái, bác học thường gặp trong khá nhiều sách hướng dẫn phỏng vấn. Khi nêu một vấn đề có tính lý luận, người phỏng vấn không thể sử dụng những từ ngữ như khi tự đặt ra cho chính mình, bởi vì như vậy có thể làm cho người đối thoại không hiểu. Như vậy, nhiệm vụ của người phỏng vấn là phải tìm được một cách thức gián tiếp và đơn giản hơn để đề cập vấn đề đó, làm cái công việc “xay xát”, biến đổi những gì, lúc đầu là một “khái niệm khoa học” thành những chỉ số, những phạm trù dễ sử dụng hơn. Tôi đã nếm trải tất cả những khó khăn khi yêu cầu người được phỏng vấn nói về cái mà người ta gọi là “ảnh hưởng”. Khái niệm này được đề cập trong cuộc phỏng vấn cho cuốn sách *Các cố vấn của Tổng thống*, và đúng là nó đã khiến những người này trả lời rất lúng túng: “Thật khó mà nói đến “ảnh hưởng”, đó là một cái gì mà người ta không thể đo được”, hoặc là dẫn đến một ngôn ngữ bùng kín: “Ồ đây, chúng tôi không có một ảnh hưởng nào cả, chúng tôi chỉ là tai mắt của Tổng thống”; “Chúng tôi chỉ là một cái dây truyền dẫn giữa Tổng thống và Chính phủ”; “Không ai ở đây có ảnh hưởng đối với Tổng thống cả, ông ta thuộc loại người không thể ảnh hưởng tới được”. Câu trả

lời không làm thoả mãn người phỏng vấn, bởi vì do được gần gũi Tổng thống, do biết được những thông tin chuyển tới Tổng thống, chắc hẳn họ phải có một ảnh hưởng nhất định. Ảnh hưởng là một vũ khí đặc quyền của các cố vấn. Hỏi những người cộng tác thân cận của “người quyết định cuối cùng” rằng họ có ảnh hưởng hay không, là một câu hỏi không thích hợp.

Tôi đã từ bỏ cách tiếp cận này. Phải bắt đầu bằng việc xác định những dấu hiệu cho phép một sự tiếp cận tinh tế hơn đối với những khái niệm “ảnh hưởng”, “quyền lực”, “tự chủ” - những khái niệm chính trong cách đặt vấn đề này. Phải phân biệt giữa ảnh hưởng thực tế và ảnh hưởng tiềm tàng, giữa ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp, giữa một tác động đơn lẻ và những tác động lặp đi lặp lại của ảnh hưởng, giữa quyết định có tầm cỡ chiến lược và quyết định theo thói quen hoặc chỉ mang tính chiến thuật; phân biệt những cố vấn nắm độc quyền thông tin và quyền giám định với những người không có độc quyền đó, phân biệt những người kiểm soát toàn bộ quá trình ra quyết định với những người chỉ kiểm soát một vài công đoạn trong quá trình đó. Về mặt này, những công trình của R.Dahl, T.Parsons, S.Bourricaud, M.Crozier, E.Friedberg, P.Lazarfeld, và M.Weber về những khái niệm quyền lực và ảnh hưởng đều rất hữu ích đối với tôi... Cách tiếp cận này đã làm tôi quan tâm nhiều hơn đến nhiệm vụ hàng ngày của những

cộng sự ở Điện Elysée rồi đến phương pháp làm việc của Tổng thống: Ông ta làm việc như thế nào và với ai, ai thường xuyên tiếp cận với Tổng thống hàng ngày, loại thông báo nào Tổng thống vẫn đọc đều đặn; thậm chí hàng ngày, ông ta tin cậy những nhân vật nào, những nhân vật nào ông “lắng nghe” thường xuyên nhất (khái niệm này dễ chấp nhận hơn khái niệm ảnh hưởng). Cách tiếp cận này sẽ cho phép so sánh các cố vấn của Điện Elysée với các cố vấn của Nhà Trắng, nhận dạng những gương mặt lớn có thể so sánh được với Henry Kissinger hay Zbigniew Brzezinski. Mưu mẹo này đã cho phép tôi đạt được sự tiến bộ có tính quyết định mà tôi đã không đạt được khi dùng khái niệm “ảnh hưởng”, quá thô thiển và không thích hợp được dẫn trong một cuốn sách hướng dẫn phỏng vấn. Sau đó, tôi suy nghĩ lại về khái niệm chủ yếu của mình, xây dựng lại khái niệm đó dựa trên những dữ liệu thực tế thu lượm được trong các cuộc phỏng vấn.

Một “câu hỏi tốt” là một câu hỏi “trung lập”, một khi đưa ra, không bao hàm câu trả lời, không để người được phỏng vấn hiểu ngầm rằng người phỏng vấn có những ý thích riêng, vì điều này có thể làm người được phỏng vấn đưa ra câu trả lời thiên lệch, hoặc có phản ứng chống lại khi vấp phải định kiến của người đối thoại. Về thí dụ cụ thể của câu hỏi lộ ý thiên lệch, chỉ cần nhắc lại những cuộc nói chuyện của Pierre Bourdieu trong cuốn *Sự cùng khổ của thế giới* thu lượm ở

những thanh niên vùng ngoại ô.

Một “câu hỏi tốt” là một câu hỏi “gây sự chú ý”. Phải tránh những câu hỏi chung chung, tỏ ra lịch sự, không dính dáng đến một giả thiết nào. Các câu hỏi phải xoay quanh vấn đề chính, tiến triển theo một logic nhất quán (bắt đầu từ những câu hỏi mở để đi tới những câu hỏi cụ thể, từ đơn giản đến phức tạp, từ cái không cảm nhận được đến cái cảm nhận được), thể hiện cách hỏi đa dạng về cùng một vấn đề. Câu hỏi kiểu “đầu Ngô mình Sở” không phải bao giờ cũng đạt được hiệu quả tốt nhất. Người được phỏng vấn phải cảm thấy mình đang được lôi kéo vào một vấn đề thực sự có nhiều điều cần trao đổi. Nếu không, người phỏng vấn dễ làm cho người đối thoại lơ là, mệt mỏi.

Một “câu hỏi tốt” là một câu hỏi mở, không nhất thiết dẫn đến một câu trả lời duy nhất, rõ ràng và có thể đoán trước. Vấn đề là dành cho người được phỏng vấn một không gian tự do, cho phép họ phát triển cách nhìn nhận sự vật của mình, làm sâu sắc thêm những tư tưởng của mình, tán rộng ra, hay nói những câu chuyện riêng. Sẽ là một sai lầm nếu cố kiềm chế ông ta, tìm cách giữ ông ta trong một khuôn khổ quá chật hẹp của những câu hỏi được dự kiến. Phải gọi mở sao cho người được phỏng vấn có thể giúp chúng ta phát hiện ra những khía cạnh mới, những vấn đề mà chúng ta chưa nghĩ đến, và lúc cần, họ cũng không ngại nói với chúng ta rằng ta đã lạc đề. Sẽ đi ngược lại lợi ích của

chúng ta và thiếu khoa học nếu ngăn cản người được phỏng vấn nói những điều trái với chúng ta và cho chúng ta biết những gì mà chúng ta không thể đoán ra với tư cách là người quan sát.

Người phỏng vấn còn có nhiệm vụ là tạo ra bầu không khí tin tưởng trong cuộc trao đổi, làm cho người được phỏng vấn yên tâm. Những câu hỏi không được mang tính khiêu khích. Cuộc phỏng vấn không phải là một thách thức đối với người được phỏng vấn. Không nên tìm cách khiêu khích người đối thoại, cũng không nên dấn lý và tỏ ra chiến thắng ông ta. Và vấn đề cũng không phải là cố gắng “dồn ông ta vào thế bí”, lại càng không phải để hạ nhục ông ta. Ngược lại, người phỏng vấn cũng không nên bộc lộ một sự tôn kính thái quá. Có những lúc mà người phỏng vấn, không thoả mãn với những câu trả lời, mặc dù nhiều lần đề nghị người đối thoại trả lời cụ thể, vẫn phải thể hiện tâm trạng không thoả mãn của mình. Kinh nghiệm cho thấy những người được phỏng vấn tôn trọng những người phỏng vấn kiên trì. Người phỏng vấn cũng cần tránh tình trạng, do muốn lấy lòng mà đưa ra những câu hỏi tâng bốc, làm cho người được phỏng vấn sa vào một trò tự mê hoặc.

Về ích lợi của tài liệu dẫn dắt cuộc phỏng vấn

Sự lo lắng thực sự trước khi thực hiện cuộc phỏng vấn buộc ta cần phải thảo ra một tài liệu dẫn dắt cuộc phỏng vấn, bao gồm toàn bộ những

câu hỏi sẽ được nêu ra xoay quanh vấn đề trung tâm. Một số người phỏng vấn nghi ngờ chuyện đó, cho rằng đó là một bản câu hỏi điều tra, một tài liệu cứng nhắc để “kiểm chế” người được phỏng vấn. Nhưng tài liệu dẫn dắt cuộc phỏng vấn không phải là để áp dụng một cách cứng nhắc. Vả chăng có thể áp dụng một cách cứng nhắc được không? Một cuộc phỏng vấn không bao giờ diễn ra như dự kiến, đề cập đến nhiều vấn đề vốn thuộc nhiều vị trí khác nhau: đôi lúc đi thẳng vào những vấn đề dự kiến sẽ đưa ra ở cuối cuộc nói chuyện. Trong trường hợp này, tài liệu dẫn dắt có giúp được gì cho người phỏng vấn không? Chắc chắn là có. Điều hữu ích đầu tiên chính là tính phương pháp luận của nó. Bằng cách tập hợp lại các câu hỏi theo cách như vậy, người phỏng vấn kiểm tra lại kiến thức của mình, cấu thành những ý tưởng, xác định mong muốn của mình, xây dựng những câu hỏi và giả thiết, kiểm tra xem cách nêu câu hỏi có thích hợp không. Phải thuộc lòng tất cả những câu hỏi đã chuẩn bị để không phải thường xuyên xem lại câu hỏi khi thực hiện cuộc phỏng vấn. Tài liệu dẫn dắt được sử dụng như một “cái lưới an toàn” mà ta có thể liếc qua trong trường hợp trí nhớ trục trặc, và điều đó luôn có thể xảy ra. Quả vậy, cuộc phỏng vấn đòi hỏi một nỗ lực tập trung đáng kể. Người phỏng vấn đồng thời tiến hành nhiều thao tác: Ghi chép, đánh giá mức độ đáng quan tâm của những câu trả lời, suy nghĩ về thời điểm nhắc

lại câu hỏi (có cần thiết trở lại vấn đề để làm rõ như dự kiến, thay đổi sự lựa chọn các câu hỏi, trật tự các câu hỏi?...).

5. Dẫn dắt cuộc phỏng vấn

Những thời điểm quan trọng

Việc thực hiện cuộc phỏng vấn là một “thời điểm nhìn rõ sự thật”, lúc mà người phỏng vấn kiểm tra được mức độ hiệu quả công việc được thực hiện trước đó, tính xác đáng của các câu hỏi, khả năng dẫn dắt cuộc phỏng vấn của mình, tính cách của người được phỏng vấn. Một số giai đoạn đòi hỏi sự chú ý đặc biệt, cần nhấn mạnh tầm quan trọng của giờ phút bắt đầu cuộc phỏng vấn, và “câu hỏi mào đầu”. Đó là thời điểm mấu chốt để ta trình bày chủ đề (hoặc trình bày lại, bởi vì từ cuộc tiếp xúc đầu tiên đến cuộc phỏng vấn thực sự, người được phỏng vấn có thể đã quên nội dung, yêu cầu của cuộc phỏng vấn), những giả thiết của mình hay những giả thiết mà mình muốn cho biết, những lý do để mình đề nghị có cuộc phỏng vấn này. Lúc này có thể đưa ra một câu hỏi đầu tiên rõ ràng để từ đó bắt đầu câu chuyện (thường thì câu hỏi này là thừa, vì những giả thiết đưa ra rõ ràng đã gây nên sự kích thích vừa đủ để “khởi động” người được phỏng vấn). Lúc này, tốt hơn là nên tránh đưa ra một quy mô phỏng vấn quá rộng hoặc quá rườm rà, bởi điều đó có thể làm cho người được phỏng vấn lo ngại trước quy mô và tính phức

tạp của việc trả lời hoặc đưa ra một câu hỏi quá gai gánh. Câu hỏi mào đầu phải kích thích ngay được người đối thoại phát biểu. Nếu tìm hiểu về những quan hệ giữa quyền lực chính trị và quân đội, một trong những bước mào đầu gây kích thích nhất là khái niệm “sự kiểm soát về chính trị đối với các lực lượng vũ trang”, một chủ đề vẫn canh cánh trong lòng nhiều người phụ trách dân sự và quân sự. Sự so sánh vấn đề này trong lịch sử cũng cho thấy nó có khả năng kích thích rất nhiều. Việc nêu câu hỏi “Sự kiểm soát này là tốt hơn hay kém hơn dưới những chế độ chính trị trước đây?” cũng khơi dậy ý muốn lập tức có những câu trả lời có lý lẽ.

Đó là thời điểm mà, theo một số cuốn sách xã hội học, người phỏng vấn “thương lượng” những quy tắc trích dẫn. Trên thực tế, chẳng có gì để thương lượng, các quy tắc đều được người được phỏng vấn ấn định. Người phỏng vấn phải sẵn sàng chịu một cuộc thẩm vấn tiên quyết, nếu chưa được thực hiện trước qua điện thoại. Đó cũng là lúc mà người phỏng vấn sẽ hỏi, nếu anh ta muốn, xem có thể ghi âm cuộc nói chuyện không. Không nên coi thường những hậu quả có thể có của đề nghị này. Người được phỏng vấn có thể khẳng định không phản đối đề nghị đó, nhưng thật tâm ông ta coi như một điều mạo hiểm, nếu cuộc phỏng vấn diễn ra với một chiếc máy ghi âm, và ông chỉ đưa ra những câu trả lời quá thận trọng và làm ta thất vọng. Người được phỏng vấn cũng có thể chấp

nhận và vào một vài lúc nào đó có thể yêu cầu ngừng việc ghi âm, khi thấy việc đó đảm bảo sự yên bình của cuộc nói chuyện. Dù sử dụng máy ghi âm, người phỏng vấn vẫn phải ghi chép tỉ mỉ. Máy ghi và băng ghi đôi khi trục trặc vì người phỏng vấn có thể thao tác máy sai. Trong trường hợp đó, việc không ghi chép sẽ là điều tai hại đối với người phỏng vấn. Với tôi, tôi không bao giờ sử dụng máy ghi âm trong các cuộc phỏng vấn. Với một đối tượng mà sự thận trọng là một bản tính thứ hai, tôi luôn tránh cầu viện đến cái công cụ gây nhiều đó, thứ công cụ vốn chứng tỏ nhiều điều bất lợi hơn là có lợi. Tôi cố ghi chép sao cho càng đầy đủ càng tốt, thường là bằng một thứ “tốc ký” cá nhân. Khi người được phỏng vấn trả lời quá nhanh, tôi cũng tốc ký thật nhanh, và tôi ghi chép lại ngay sau cuộc phỏng vấn.

Vào đầu cuộc phỏng vấn, người được phỏng vấn có thể cho biết ông ta đặt một giới hạn thời gian cho cuộc nói chuyện. Trong trường hợp đó, người phỏng vấn thường có khuynh hướng là thích ứng một cách lịch sự với điều bó buộc này, rút bớt số câu hỏi dự kiến, và tránh thực hiện những lần khởi động lại cần thiết. Cách làm này là không nên. Nếu người phỏng vấn quá bận tâm đến thời gian trôi qua, anh ta sẽ tìm cách trình bày tất cả những câu hỏi trong thời gian dành cho mình, có hại cho việc đi sâu vào vấn đề. Kinh nghiệm cho thấy rằng những cuộc phỏng vấn thường kéo dài

hơn thời gian ấn định, miễn là nó diễn biến theo cách làm người được phỏng vấn vừa lòng, và quan tâm đến nó. Không hiếm trường hợp cuộc phỏng vấn được dự kiến nửa giờ lại kéo dài một giờ hay hơn nữa. Dầu sao, có thể người được phỏng vấn, do một thời gian biểu quá tải, buộc phải chấm dứt cuộc phỏng vấn như dự kiến. Người phỏng vấn có thể đề nghị một cuộc nói chuyện mới, điều mà phần lớn những người được phỏng vấn đều chấp nhận nếu người phỏng vấn biết làm cho họ quan tâm đến cuộc phỏng vấn của mình.

Tâm quan trọng của những lần khởi động lại

Sự chung chung, bóng gió của những câu trả lời bộc lộ một ý muốn che giấu sự việc hay sự kém cỏi của trí nhớ. Một người hoạt động thực tế thường nói với ngôn ngữ riêng của mình, nói ngắn gọn như nói với một đồng nghiệp, một chuyên gia như mình, vốn không cần có sự chứng minh nặng nề để linh hội vấn đề. Ngoài ra, lời nói là một cái gì thoáng qua, gần đúng, diễn ra với một nhịp độ nhanh hơn chữ viết. Những ý tưởng diễn ra liên tục không cần chuyển tiếp. Đối với người phỏng vấn phải có những cách biểu đạt mới.

Kinh nghiệm đã cho tôi thấy tâm quan trọng của những lần khởi động lại để khắc phục những khó khăn đó: Người phỏng vấn không được giả vờ là đã hiểu hay đồng tình do sợ làm giảm uy tín của mình. Anh ta phải luôn luôn nghĩ rằng nếu không đề nghị người được phỏng vấn giải thích rõ ràng,

anh ta chỉ thu lượm được một tư liệu không thể khai thác, hời hợt. Trong trường hợp này, người phỏng vấn phải khởi động lại, theo nhiều cách khác nhau:

- Đề nghị người được phỏng vấn giải thích cụ thể và cung cấp thông tin bổ sung: Có thể đưa ra yêu cầu này một cách khéo léo người phỏng vấn bằng lòng với việc lặp lại những câu trả lời nói cuối cùng của người được phỏng vấn (kỹ thuật lặp lại). Tuy vậy, không nên lặp lại quá nhiều để tránh tỏ ra mình thiếu câu hỏi. Đề nghị này cũng có thể được đưa ra một cách thẳng thắn: “Ông định đề cập điều gì khi phát biểu như vậy?”, “Vừa rồi ông đã gợi lên một điểm rất thú vị, ông có thể làm rõ hơn không?”, “Ông có thể cho một thí dụ để minh họa ý này?”, “Tôi chưa hiểu rõ lắm điều ông muốn nhắc đến khi nói tới một vấn đề như vậy?”, “Tại sao ông đề cập đến một chuyện như thế?”.

- Diễn giải: Điều quan trọng là, vào một thời điểm nào đó của cuộc phỏng vấn, phải kiểm tra xem mình đã thật hiểu người được phỏng vấn chưa (nhất là khi gặp một yếu tố mới làm đảo lộn những ý đã nêu) bằng cách đề nghị ông ta diễn giải cho những ý của mình (Nếu tôi hiểu đúng, phải chăng ý ông muốn nói thế này?), hoặc dẫn ý của ông ta bằng một ngôn ngữ quen thuộc hơn.

- Kiểm tra tính khả thi: Ngay cả trường hợp, câu trả lời tỏ ra chấp nhận được, thỏa đáng, hấp dẫn, thì điều quan trọng vẫn là kiểm tra sự vững chắc

của nó (nhất là khi có những ý kiến mới, rắc rối hay mâu thuẫn) bằng cách đưa ra những lập luận phản biện, những phản-giả thiết. Tất nhiên, không phải ta có thể nói bất cứ điều gì cũng được, mà là trong chừng mực những gì ta đã tiếp thu được qua những cuộc phỏng vấn khác, hay qua những điều đọc được, hoặc đơn giản vì những điều đó tổ ra logic và có lý. Nhất thiết phải tránh nêu tên người đã cung cấp thông tin mâu thuẫn đó, do quan tâm “bảo vệ nguồn”, và phải cân nhắc thật kỹ nếu nhắc đến nguồn tài liệu viết, (tác giả hoặc người cung cấp tài liệu đó), vì có nguy cơ là người được phỏng vấn, nếu không đồng ý với nguồn tài liệu đó sẽ tìm cách bác bỏ, không trả lời vào nội dung thực chất của vấn đề. Trên những điểm mà mình có nghi ngờ, người phỏng vấn phải đóng vai “người biện hộ cho cái sai”, thúc đẩy người được phỏng vấn đến chỗ phải biện luận, phải nói ra ý kiến của mình. Đồng thời cũng phải tránh đừng làm cho ông ta lâm vào tình thế lúng túng, khiến ông ta có cảm giác rằng mình đã tự mâu thuẫn với mình.

Loại can thiệp này - trong đó người phỏng vấn có nguy cơ phải đóng vai một người phản bác - bị một số nhà xã hội học phản đối với lý do “nó khiến cho người được phỏng vấn có khuynh hướng đẩy ý kiến của mình đến chỗ cực đoan” và “người phỏng vấn từ bỏ vai trò trung lập của mình, trừ phi anh ta đóng vai trò rõ rệt là người phát ngôn cho đảng đối lập”. Ý kiến này phải được tranh luận vì bản

thân những người được phỏng vấn có thể tự hỏi xem: Phải chăng những lời nói của họ đã xác nhận cho những quan điểm khác. Người phỏng vấn nào tránh đưa ra một lời phản bác, một thông tin hay một sự diễn giải khác, tức là không thực hiện nhiệm vụ cơ bản nhất của mình là “người làm sáng tỏ những điều bí ẩn”. Anh ta làm mất khả năng soi rọi một số điểm còn chưa rõ hay còn đang được tranh luận trước mặt người đối thoại, và chỉ để cho mình một lối thoát duy nhất là cố gắng giải quyết chúng bằng những phương tiện của chính mình. Và lại, gợi lên một điều mâu thuẫn không nhất thiết chứng tỏ quan điểm là mình đứng về phe này hay phe kia. Trong loại can thiệp này, người phỏng vấn phải chấp nhận một vai trò mờ nhạt, vai trò của một người trung gian giữa hai quan điểm, hai sự việc hay hai ý kiến đối lập, chứ không phải vai trò của người phát ngôn cho phe đối lập. Bằng thái độ của mình, anh ta phải thể hiện rằng anh không đối lập với người được phỏng vấn về mặt hình thức cũng như nội dung, nhưng anh ta đề nghị sự giúp đỡ của người được phỏng vấn để giải quyết một mâu thuẫn, đó là một thái độ mà những người tôi đã từng phỏng vấn luôn luôn sẵn lòng chấp nhận. Người phỏng vấn không được xuất hiện như người mang theo một thông điệp hay một ý kiến, mà như một kẻ trung gian giữa người được phỏng vấn và chủ đề.

- Giả thiết kết luận: Cuối cuộc phỏng vấn, nên

nêu lại trước mặt người được phỏng vấn những kết luận tạm thời. Tuy nhiên, cần thực hiện một cách hết sức thận trọng, không khấn khoản yêu cầu hay diễn giải dài dòng, hay có kiểu cách gì đặc biệt. Người được phỏng vấn hay cơ quan của ông ta có thể bất ngờ ý thức được rằng người phỏng vấn đã biết được nhiều hơn những gì nên biết. Những phản ứng lo lắng gắn liền với công việc cơ quan, hoàn toàn không thể lường trước, đôi lúc có thể nảy sinh và làm cho cơ quan khép cửa lại.

Người phỏng vấn cũng phải chú ý đến nhịp độ của những lần khởi động lại. Anh ta phải tránh khởi động quá nhiều, những lần ngắt lời không đúng lúc. Nếu một cuộc phỏng vấn giống như một ván bóng bàn¹, thì nó sẽ là dấu hiệu cho thấy người phỏng vấn không chịu lắng nghe (hoặc người phỏng vấn do dự khi nói). Phải làm sao để người được phỏng vấn có thể phát biểu thoải mái trong chừng mực mà ông ta không ra ngoài giới hạn người phỏng vấn dự kiến. Người phỏng vấn chỉ can thiệp khi người được phỏng vấn tự mình dừng lại, khi ông ta mệt mỏi sau khi đã nói khá dài. Nhưng cũng nên tránh những thời gian chết vô ích, những im lặng kéo quá dài, phân biệt phút tạm ngừng mà người được phỏng vấn muốn lấy lại hơi hay lục lại ký ức, hay “sắp xếp” các ý, với phút dừng lại đánh dấu câu trả lời chấm dứt. Sự chú ý

¹ Có nghĩa là khởi động lại nhiều lần, như giao bóng trong đánh bóng bàn (N.D)

phải luôn luôn “thả nổi” giữa việc ghi chép và việc quan sát thái độ của người được phỏng vấn.

Để cập những chủ đề nhạy cảm

Nên làm gì nếu người được phỏng vấn từ chối đề cập một chủ đề “nhạy cảm”, nếu ông ta đề cao “lợi ích của nước Pháp”, “nhiệm vụ phải giữ gìn”, hoặc “tính chất kín đáo của chủ đề”? Đã nhiều lần tôi gặp phải loại trở ngại này. Nhiều người nghiên cứu hay giáo sư đại học có khuynh hướng chấp nhận sự giữ gìn này, không bàn luận gì. Trong một thời gian khá dài, tôi vẫn tôn trọng khuynh hướng này, nhưng bây giờ tôi lại thấy là không thích hợp. Người phỏng vấn không được chấp nhận lùi bước trước lời bác bỏ đầu tiên. Anh ta không được để cho mình bị tác động bởi sự từ chối trả lời. Nhiệm vụ của anh ta là đi càng xa càng tốt trên con đường tìm hiểu của mình, trở về với trách nhiệm, dám vi phạm “điều cấm kị” không cần có sự tự kiểm duyệt nào hết. Quyết định những giới hạn không thể vượt qua là quyền của người được phỏng vấn. Ai có vai trò của người ấy. Người phỏng vấn phải tự tạo cho mình một tính cách thích tranh luận trong khi vẫn bảo vệ những quan hệ tốt với người được phỏng vấn. Vậy phải hành động thế nào trước khi tuyên bố bỏ cuộc?

Thường thường người được phỏng vấn tỏ ra do dự khi phát biểu, chứ không từ chối thẳng thừng và dứt khoát. Khái niệm “nhạy cảm” là tương đối và khá rộng. Một số người được phỏng vấn chẳng

một tấm màn bí mật bao quanh những chủ đề đã được quá nhiều người biết. Người phỏng vấn phải lễ phép thể hiện để người đối thoại của mình biết điều đó, “làm xẹp bớt” tầm quan trọng thái quá mà người được phỏng vấn gán cho một số vấn đề.

Nếu người được phỏng vấn từ chối làm rõ một ý tưởng bằng một thí dụ cụ thể với lý do “tính thời sự nóng bỏng” của nó, người phỏng vấn sẽ đề nghị ông ta cho những ví dụ xa xưa hơn, không có nguy cơ làm ảnh hưởng tới hoạt động ngoại giao đang diễn ra. Điều gợi ý này luôn được những người đối thoại của tôi đón nhận vui vẻ. Thậm chí có cái lợi là làm cho tôi khám phá được những vấn đề mà cho đến lúc này tôi vẫn nghi ngờ sự tồn tại của chúng.

Thứ ba, người phỏng vấn giữ không đề cập những chủ đề được coi là “nhạy cảm” một cách quá sớm và quá đột ngột. Anh ta phải chọn một đề mục ít trực tiếp hơn, ít có khả năng va chạm hơn, được trình bày dưới hình thức giả thiết. Loại chủ đề này chỉ được đề cập trong quá trình nói chuyện, một khi sự tiếp xúc đã được xác lập vững chắc, thậm chí vào cuối cuộc nói chuyện. Không hiếm khi người ta thấy rằng, vào thời điểm đó, người được phỏng vấn, vốn lúc đầu lẩn tránh câu hỏi về một chủ đề nhạy cảm, thì về sau chính ông ta lại đề cập tới nó, ngay khi nó không còn là một yếu tố trung tâm của cuộc phỏng vấn, mà chỉ còn là một yếu tố thứ yếu, một câu hỏi phụ. Do từng đã nghiên cứu

về sự kiểm soát của quyền lực chính trị đối với việc xuất khẩu vũ khí, tôi quan tâm đến một chuyện mà vào những năm 1980 được coi là một trường hợp tế nhị: Vụ việc Công ty Luchaire (vụ việc bán bất hợp pháp cho Iran 500.000 viên đạn pháo của Công ty Luchaire). Những câu trả lời nhận được vào đầu cuộc điều tra đều chứng tỏ sự ngại ngùng, không rõ ràng, đặc biệt những người được phỏng vấn trả lời rằng họ không dính dáng đến vụ việc này, trong khi đó tất cả sự thật lại cho thấy điều ngược lại. Có lẽ tôi đã đề cập chủ đề nhạy cảm này quá sớm và quá trực tiếp. Sau một thời gian, tôi bắt đầu lại câu chuyện bằng cách chỉ đặt ra những câu hỏi chung chung về những cơ chế kiểm soát việc xuất khẩu vũ khí. Những người được phỏng vấn, đặc biệt những người tỏ ra cứng rắn nhất, lại tự mình nhắc đến vụ Công ty Luchaire.

Phải chăng thủ pháp nhằm che giấu một phần những mục tiêu điều tra của mình phải được coi là không trung thực? Theo phương cách giao tiếp với người được phỏng vấn, cuộc phỏng vấn có thể là một tương quan hợp tác hay một tương quan lực lượng. Trong trường hợp này, sự che giấu chỉ là tạm thời, đúng hơn nó giống như một câu hỏi trì hoãn, gián tiếp. Về phần người được phỏng vấn, hiếm khi là một người ngây thơ trong giới thượng lưu lãnh đạo này, có thể kiên trì với sự từ chối trả lời và đưa cuộc thảo luận trở lại điểm khởi đầu của nó.

Nếu không còn cách nào khác, người phỏng vấn có thể đưa ra lý lẽ “dân chủ”, đề cao tầm quan trọng trong một nền dân chủ cho phép đưa một số sự việc ra dư luận công khai, khi mà sự việc đó không có khả năng gây nguy hiểm cho “lợi ích quốc gia”. Cách làm này không phải bao giờ cũng đáng tin, nhưng nó cho phép hợp thức hoá sự quan tâm của tôi đến những vấn đề mà “một người phỏng vấn không được quan tâm”. Trong khuôn khổ vấn đề quan hệ giữa quyền lực chính trị và quân đội, tôi muốn biết xem một số tướng lĩnh có được tiếp cận với bộ mặt mã cho phép phát động sử dụng vũ khí hạt nhân hay không. Chủ đề này đã được nghiên cứu rộng rãi ở Hoa Kỳ, đặc biệt nhờ việc mở cửa kho lưu trữ những tài liệu liên quan đến những quyết định từ hơn 30 năm trước như đã được quy định trong pháp luật Hoa Kỳ. Nhưng ở Pháp, người ta lại không thể đề cập được chủ đề này. Trở về sau một chuyến đi Hoa Kỳ, tôi tìm cách gặp gỡ những nhân chứng có thẩm quyền nhất trong vấn đề này, mang theo những công trình được công bố ở các trường đại học Hoa Kỳ. Phần lớn họ đều tỏ ra quan tâm khi phát hiện phạm vi hiểu biết dành cho công chúng ở Hoa Kỳ thật là rộng lớn, và ngạc nhiên vì mức độ độc lập cao của những người phụ trách lĩnh vực quân sự ở Hoa Kỳ. Nhưng điều đó vẫn chưa đủ để tháo gỡ mọi rào cản. Những người phụ trách này khẳng định họ đã cam kết bằng văn bản là không công bố

thông tin nào có khả năng làm tổn hại đến an ninh của những quy trình quyết định của Pháp trong vấn đề nguyên tử. Tuy vậy, một người trong số họ đã bị tôi thuyết phục, qua đó tôi phát hiện ra rằng một quan chức quân sự cấp cao, cố vấn riêng của Tổng thống, đã tiếp cận với bộ mật mã do Tổng thống giữ, và điều đó đã xảy ra khi Tổng thống François Mitterrand lên nắm quyền. Đó là điều mà quy định chính thức che giấu ("không có nhà quân sự nào được tiếp cận mật mã của tổng thống"). Không có nhân vật nào trong những nhân vật có thẩm quyền khác, khi nghe tôi trình bày "giả thiết" này lại muốn xác nhận điều đó, nhưng không ai bác lại. Đó là một dấu hiệu tạm làm tôi yên tâm.

Kết luận

Tôi muốn kết thúc bài viết này bằng hai nhận xét: Một nhận xét về việc tôi đã sử dụng những cuộc phỏng vấn này như thế nào; hai là về kiểu quan hệ mà tôi xác lập với những người được phỏng vấn. Trái ngược với một số tác giả, tôi tránh đưa ra quá nhiều những trích dẫn lấy từ các cuộc nói chuyện đó. Trong loại chủ đề này, việc đưa ra những trích dẫn có vẻ như gây được ấn tượng nhưng không chứng tỏ điều gì đáng kể. Nó gây cho ta ảo tưởng là đã tiếp cận được với chân lý và đã thực hiện được một chiến công đặc biệt. Các cuộc phỏng vấn chỉ là những yếu tố để chứng minh, chúng không nhất thiết phải là bằng chứng. Bằng

chúng chỉ có thể xuất hiện qua sự đối chiếu những dữ liệu đó với những nguồn tài liệu khác đã có, nhưng cũng còn phải qua các bài phân tích có phê phán những nguồn tài liệu đó. Người phỏng vấn không được yên chí rằng tất cả những gì thu nhận được trong các cuộc phỏng vấn đều là sự thật. Anh ta không thể tự bằng lòng đóng vai trò “người tường thuật nhỏ”, cân nhắc những câu trả lời phù hợp với luận đề X hay luận đề Y. Anh ta phải diễn giải, kiểm tra giá trị của những lý lẽ đưa ra, đặt chúng vào bối cảnh chính trị và xã hội khi đó, đánh giá mức độ nhất quán, khả năng được chấp nhận của chúng, nhằm đưa ra sự diễn giải của mình. Sự diễn giải này, trong một số trường hợp có thể trái với những gì mà anh ta đã nghe trong cuộc phỏng vấn. Qua quá trình tìm hiểu về quyết định của Tổng thống De Gaulle cho phép chế tạo tên lửa hạt nhân chiến thuật Pluton, phần lớn những nhân chứng được hỏi, đặc biệt những cộng sự thân cận của ông, đều khẳng định rằng quyết định này đã được thúc đẩy bởi những lý do tập đoàn: “Làm vui lòng lực lượng lục quân đã bị tổn thương bởi kết cục của cuộc chiến ở Algeria”. Không mấy bị thuyết phục vì sự giải thích này nên tôi đã tìm cách bác lại nó, để có cách giải thích trong đó chú ý nhiều hơn đến tầm quan trọng của những nhân tố chiến lược. Tôi đã sử dụng các trích dẫn, nhất là khi những trích dẫn đó tạo thành điểm xuất phát kích thích sự suy nghĩ hoặc khi chúng bộc lộ trạng thái tinh thần của giới người

được phỏng vấn. Về các quan hệ đã xác lập với những người được phỏng vấn tôi muốn nhấn mạnh khó khăn khi xây dựng một “không khí tin cậy” trong khi vẫn bảo vệ được tính độc lập của người phỏng vấn. Những người lãnh đạo được phỏng vấn chờ đợi ở người phỏng vấn sự thấu hiểu và cả sự cảm thông đối với sự nghiệp của mình. Ngay cả với những người được phỏng vấn mà tôi cảm thấy quý mến thực sự, tôi cũng không để lộ một chút tình cảm, hay tìm cách xây dựng một mối liên hệ cá nhân nào. Vì biết rằng thái độ lạnh nhạt đó có thể không hay, thậm chí gây khó chịu cho người được phỏng vấn, nhưng tôi tin là làm như thế mình đã tránh được một cái bẫy: Cái bẫy của sự “đồng mưu” và sự thân quen. Nếu để cho kiểu quan hệ đó xuất hiện, sẽ có nhiều cái bất lợi: Nỗ thu hẹp đáng kể sự tự do đánh giá và phát biểu của người phỏng vấn. Việc gọi ra những chủ đề nhạy cảm, đòi hỏi có được những minh giải, trở thành chuyện tế nhị hơn. Người được phỏng vấn có thể yêu cầu người phỏng vấn “bạn thân” không được công bố một số thông tin. Nếu người bạn này phớt lờ yêu cầu đó, thì lúc ấy anh ta trở thành kẻ phản bội. Về phần tôi, tôi thích tránh mọi sự mập mờ, chấp nhận một thái độ cho thấy rằng tôi ở đây với tư cách là người phỏng vấn, để có thông tin, đặt ra những câu hỏi và tự do công bố những kết quả điều tra của mình. Chắc chắn tình hình này không phải là không có rủi ro đối với người được phỏng vấn. Nhưng ngay từ đầu ông ta đã biết điều đó. Và

cả với tôi cũng không phải là không có rủi ro. Nhưng giữ được một khoảng cách là một điều cần thiết. Nghệ thuật phỏng vấn những người lãnh đạo giống như nghệ thuật của người làm xiếc.

PHỎNG VẤN CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO TRONG BỘ MÁY LIÊN MINH CHÂU ÂU

Christian Lequesne

"Về những sự kiện chiến tranh, theo tôi nếu cứ thuật lại mà chỉ dựa vào thông tin của những người mới gặp lần đầu, hay dựa theo ý kiến của tôi thì không phải là phương pháp tốt. Tôi chỉ viết về những gì mà tôi đã chứng kiến, hoặc những gì mà tôi biết được qua những thông tin càng chính xác càng tốt. Đây không phải là một công việc dễ dàng, bởi lẽ những người đã tham dự vào các sự kiện kể lại theo những cách khác nhau tùy theo lợi ích của phe phái mình, hay tùy theo những lợi ích có thể thay đổi".

(Thucydide, Lịch sử cuộc chiến tranh của Peloponnese, Quyển I, chương XXII)

"Anh có ý thức được rằng xây dựng một công trình nghiên cứu chủ yếu dựa vào những cuộc phỏng vấn là một việc làm lý thú nhưng rất mạo hiểm không?". Với những lời lẽ như thế, người hướng dẫn luận án cho tôi năm 1986 đã hướng dẫn tôi làm luận án tiến sĩ khoa học chính trị, với nội dung nghiên cứu sự tác động qua lại giữa bộ máy chính trị - hành chính của Pháp và bộ máy

của Liên minh châu Âu kể từ khi François Mitterrand được bầu làm Tổng thống.

Do đã phỏng vấn nhiều quan chức trong khi tiến hành công trình nghiên cứu trước đây về sự phối hợp những chính sách của Liên minh châu Âu ở Pháp, và trên thực tế đã nhiều lần phải xử lý những chứng cứ mâu thuẫn, tôi biết câu hỏi của người hướng dẫn luận văn cho tôi là chính đáng. Tuy nhiên, trong khi tiến hành các cuộc phỏng vấn, tôi chỉ dừng ở mức độ vừa thử sức vừa theo dõi việc sử dụng sáng tạo những thành tựu của các môn khoa học xã hội, và hy vọng rằng công trình này sẽ mang lại kết quả.

Và thế là trong bảy năm (1987 - 1993), tôi đã tới các cơ quan ở Paris và Bruxelles, tiến hành hơn một trăm cuộc phỏng vấn "có chuẩn bị trước" với các ông bộ trưởng, các nghị sĩ, và nhất là các quan chức cấp cao. Ở đây, tôi đã cố gắng ghi lại kinh nghiệm qua các cuộc phỏng vấn đó bằng cách trình bày những suy nghĩ cùng những kỹ năng, và cách khai thác tư liệu từ các cuộc phỏng vấn phục vụ cho việc phân tích những quyết định chính trị - hành chính. Luận đề của tôi là không thể coi cuộc phỏng vấn như một sự áp dụng máy móc và cứng nhắc về mặt khoa học đối với vô số những điều đã được viết ra mang tính phương pháp luận về kỹ thuật phỏng vấn, cũng không thể coi nó như một cái gì bí ẩn của sự kết hợp với nhau theo lối cảm tính. Quả thật nếu cuộc phỏng vấn khác với những câu chuyện

trao đổi trong đời sống thường nhật ở chỗ nó chỉ nhằm mục đích tìm hiểu thuần túy thì về cơ bản, đây là những hành động và những hiệu quả gắn với việc xây dựng một quan hệ xã hội mà người sử dụng đến nó phải cố gắng hiểu và làm chủ nó.

1. Những cuộc phỏng vấn nhằm mục đích gì?

Cuộc tìm hiểu mà tôi tiến hành nhằm thu thập tư liệu cho luận án tiến sĩ, sau đó để viết cuốn *Paris-Brusselles*, mang tính chất là một công trình nghiên cứu về thể chế: công trình này thuộc về khoa học hành chính hơn là khoa học xã hội về tổ chức, hay khoa học nghiên cứu về các chính sách công cộng. Tôi thực hiện cuộc nghiên cứu nhằm mở “cái hộp đen” của Nhà nước Pháp, bằng cách chỉ ra rằng, trong sự tác động qua lại với những thể chế cộng đồng, nhà nước Pháp không phải là một khối thuần nhất duy lý như đôi lúc vẫn được mô tả, mà trái lại, nó là một tổng thể của những cơ quan phân cắt nhau, đặt trong một không gian chính trị mới, với những logic lợi ích vừa mang tính hợp tác vừa xung đột với nhau. Mô hình này gần với mô hình lý thuyết *chính trị quan liêu* mà Anthony Downs hay Graham T. Allison đã áp dụng cho công trình nghiên cứu những chính sách đối nội và đối ngoại của Hoa Kỳ.

Như vậy là, mục tiêu trước tiên của công trình nghiên cứu này là nhằm quan sát và hiểu được sự

vận hành của những thể chế Nhà nước Pháp được coi như là những tác nhân tập thể (các bộ, SGCI, Điện Elysée và Điện Matignon, Cơ quan đại diện thường trực Pháp, Quốc hội và Thượng viện) trong những mối quan hệ qua lại hàng ngày với các thể chế châu Âu (Ủy ban, Hội đồng Bộ trưởng, Nghị viện châu Âu, Tòa án tư pháp), và những thể chế của các quốc gia khác thuộc Liên minh. Khi dựa vào những thí dụ cụ thể về trình bày và vận dụng các chính sách châu Âu, một vấn đề rộng lớn hơn được đặt ra là nhận dạng những hình thức đặc thù về thích nghi và phối hợp của các thể chế này trong bối cảnh cơ cấu của Liên minh châu Âu, và cả những hiện tượng hoà nhập và hợp nhất của những cơ quan quốc gia với những cơ quan của Liên minh châu Âu.

Mục tiêu thứ hai của công trình nghiên cứu này có tính lịch sử nhiều hơn. Thời kỳ từ tháng 5 năm 1981 (thời kỳ François Mitterand được bầu làm Tổng thống lần thứ nhất) đến tháng 3 năm 1993 (khi Pierre Bérégovoy từ chức Thủ tướng do sự thay đổi đa số ở Quốc hội) đã được đánh dấu bởi những quyết định của Liên minh châu Âu. Chính những quyết định này đã dẫn đến việc sắp đặt lại các thể chế của Pháp, một việc hữu ích và nên làm. Người ta sẽ dẫn ra quyết định tháng 3 năm 1983 của Tổng thống François Mitterand về việc duy trì đồng Franc trong cơ chế hối đoái của hệ thống tiền tệ châu Âu, quá trình cải cách thể chế

dẫn đến việc ký kết Định ước duy nhất của Liên minh châu Âu vào tháng 2 năm 1986 cho phép phát động chương trình về thị trường nội bộ, sự tái thống nhất nước Đức và, cuối cùng, việc ký Hiệp ước Maastricht vào tháng 2 năm 1992, dẫn đến một cuộc trưng cầu ý dân vào tháng 9 năm 1992. Cùng với cuộc trưng cầu ý dân này là một cuộc tranh luận xã hội về những mục đích của cơ cấu tổ chức của Liên minh châu Âu (với nhiều ý kiến trái ngược nhau, 51% tán thành và 49% phản đối). Cũng chính trong thời kỳ này - chính xác hơn là từ tháng 3 năm 1986 đến tháng 5 năm 1988 - ở nước Pháp, người ta đã rút ra kinh nghiệm đầu tiên về “sự chung sống” giữa một tổng thống và một thủ tướng thuộc về những nhóm khác nhau. Cần đánh giá những hậu quả của sự “chung sống” này đối với những quyết định liên quan đến Liên minh châu Âu, trong đó mỗi người đều đòi cho mình trách nhiệm quyết định.

2. Chọn mẫu

Cuộc phỏng vấn mang tính “định tính”: 126 người được phỏng vấn từ năm 1987 đến năm 1993 không phải được lựa chọn theo xác suất, mà vì họ nắm giữ một vốn tri thức xã hội đặc biệt. Tuy nhiên, tôi vẫn phải xác định trước một mẫu điều tra trong đó có tính đến những tiêu chuẩn để phân biệt.

Ba tiêu chuẩn phải được xem xét. Tiêu chuẩn thứ nhất là về tình hình cụ thể: Thu thập bằng

chứng của các tác nhân (những chính khách, nhất là những quan chức cấp cao) thuộc về những cơ quan chính trị - hành chính Pháp, để phân tích. Tiêu chuẩn thứ hai có tính chất lịch đại: Thu thập bằng chứng của những tác nhân để minh họa cho 12 năm nghiên cứu: 1981- 1993. Tiêu chuẩn thứ ba có tính chất so sánh: Thu thập bằng chứng của những quan chức cấp cao thuộc hệ thống thể chế của Liên minh châu Âu (Ủy ban, Tổng thư ký của Hội đồng Bộ trưởng, Tòa án tư pháp,...), và 11 quốc gia thành viên khác (đặc biệt những nước có đại diện thường trực ở Bruxelles) vẫn duy trì quan hệ đều đặn với các tác nhân chính trị - hành chính Pháp. Nhờ đó, có thể nói về những tác nhân này bằng cách so sánh với những kinh nghiệm của quốc gia khác.

Một khi những tiêu chuẩn này đã được xác lập, thì những phương pháp nhận dạng các tác nhân là gì? Hầu như tôi luôn tiến hành phỏng vấn hai kỳ. Dựa vào những tài liệu xác định những chức năng và vị trí quyền lực chính thức trong những thể chế được nghiên cứu (Tập san hành chính, Danh mục thường xuyên của các cơ quan hành chính Pháp, tài liệu hướng dẫn của Hội đồng Liên minh châu Âu,...), tôi đã tiến hành các cuộc phỏng vấn thăm dò đầu tiên. Những cuộc phỏng vấn này thường hay “làm lộ” những cái tên và những điều tham khảo cho phép sàng lọc quá trình nhận dạng các tác nhân, bằng cách xác nhận hay bác bỏ những

giả thiết trước đó, hoặc cho phép “phát hiện” những tác nhân không ngờ đến.

Tính đại diện của mẫu chọn, mà sách hướng dẫn phỏng vấn thích bàn luận, là một vấn đề về phương pháp luận khó giải quyết khi ta tiến hành một cuộc phỏng vấn có tính “định tính”. Về mặt lý thuyết, tính đại diện luôn luôn bị hủy hoại bởi thực tế là sự lựa chọn một cuộc phỏng vấn phụ thuộc vào việc người phỏng vấn chuẩn bị trước nội dung phỏng vấn như thế nào, đồng thời phụ thuộc vào thiện ý của người đối thoại mà ta cần gặp. Nhiều tác nhân đã từ chối gặp tôi, tuy rằng trước hết bằng chứng của họ dường như là điều chủ yếu để nghiên cứu sự tác động qua lại của bộ máy chính trị - hành chính Pháp với bộ máy của Liên minh châu Âu.

Trên thực tế, sự từ chối này không bao giờ có lý do. Chỉ một lần duy nhất, một quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao, thông qua thư ký của mình, đã cho biết rằng ông không bao giờ tiếp các nhà báo và các nhà nghiên cứu (có lẽ ta nên suy nghĩ việc gắn liền vai trò của hai loại người này). Trên thực tế, vấn đề tính đại diện của mẫu chọn luôn luôn phải sửa lại vì số những cuộc phỏng vấn tăng lên không bao giờ là một đảm bảo khách quan cho việc củng cố thông tin đã nhận được trong một cuộc điều tra có tính “định tính”. Như Philip Joutard đã viết, “một người cung cấp thông tin có năng lực đóng góp nhiều hơn là 10 nhân chứng bình

thường”. Điều đó cũng có nghĩa rằng chỉ duy nhất người phỏng vấn là có thể đánh giá anh ta đã tập hợp được đầy đủ bằng chứng chưa và có nên tiếp tục hay kết thúc cuộc phỏng vấn.

3. Tiếp xúc

Đây là biểu hiện đầu tiên của tác động qua lại giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Trong các cuộc phỏng vấn của tôi, việc tiếp xúc thường được tổ chức thành hai kỳ. Trước hết, tôi viết giấy đề nghị hẹn gặp gửi đến người đối thoại để thăm dò ý của ông ta, trong đó nói rõ cách thức và nội dung của cuộc phỏng vấn, hình thức nêu các câu hỏi đơn giản chẳng hạn: Quá trình nước Pháp quyết định gia nhập Liên minh châu Âu như thế nào? Quả vậy, tôi cảm thấy thật vô ích nếu ở giai đoạn đầu của cuộc phỏng vấn đã làm cho người đối thoại cảm thấy lúng túng bởi những trình bày khoa học về sự hoà nhập hay hợp nhất chức năng của các cơ quan hành chính dưới tác động của cơ cấu Liên minh châu Âu. Vài ngày sau khi gửi giấy đề nghị, thường có một cuộc tiếp xúc qua điện thoại giữa người phỏng vấn và người đối thoại để hẹn gặp. Giai đoạn này sẽ quyết định sự chấp thuận hay từ chối, thường là thông qua ban thư ký. Không bao giờ những người đồng ý tiếp tôi lại yêu cầu gửi trước cho họ bản câu hỏi. Về phía tôi, tôi cũng không bao giờ đề nghị với họ điều đó. Trước đây, nhân khi viết một bài báo, tôi đã rút

được một kinh nghiệm từ việc tiếp xúc với một quan chức ở Phủ Tổng thống: Ông ta coi bản câu hỏi đó là một bản thăm vấn quá cụ thể không được phép trả lời.

Tiếp xúc với các nhân viên của cơ quan chính quyền Pháp để tiến hành những cuộc phỏng vấn không phải là một việc dễ dàng. Trái với những gì tôi tưởng, cái “nhiệm vụ phải giữ gìn” không phải là trở ngại quan trọng ngay từ khi vị quan chức cấp cao được đảm bảo về việc sử dụng bằng chứng của mình (đặc biệt không nêu tên khi trích dẫn). Một trở ngại quan trọng là “huyền thoại về sự không thể thâm nhập được”: nhiều quan chức cấp cao cho rằng không thể nào đi đến một sự hiểu biết nghiêm túc về hiện thực chính trị - hành chính nếu không phải là “người trong cuộc”. Nhận thức này thể hiện trong các cuộc phỏng vấn bằng những câu mang tính chất phản xạ như: “Anh biết đấy, phải trải qua mới có thể hình dung ra điều đó!”, hay “Người ta chỉ có thể thực sự hiểu một cuộc thương lượng ở Hội đồng (của Liên minh châu Âu) một khi đã tham dự vào đó!”. Những câu nói rất bình thường đó lại biểu hiện sự nghi ngờ thực sự về tính xác đáng trong cách nhìn nhận của người phỏng vấn đối với một thế giới không thuộc về mình. Trở ngại khác gắn liền với những đòi hỏi khác nhau của công trình khoa học (trước tiên nhằm nhận dạng những vấn đề xã hội) và của công việc hành chính (trước tiên nhằm tìm kiếm

những giải pháp). Quả vậy, nhiều quan chức cấp cao đã nhìn nhận công việc của tôi với sự kinh ngạc, thậm chí với sự nghi ngờ khi tôi tuyên bố không theo đuổi một mục tiêu nào được coi như chuẩn mực. Tôi cũng đã gặp phải tình trạng không thông cảm đó khi trình bày kết quả những nghiên cứu của mình cho các học viên của Trường Hành chính Quốc gia. Khi tôi đề nghị họ nhận dạng những yếu tố phát triển trong chức năng phối hợp ở cấp chính phủ trong bối cảnh quá trình nhất thể hoá châu Âu đang tăng lên, các học viên này đều bỏ qua những nguyên nhân, mà đi thẳng đến kết quả: Tìm được những giải pháp cho phép SGCI vẫn là một cơ quan liên bộ có hiệu lực! Trong cuốn *Khủng hoảng của trí tuệ*, Michel Crozier nhận định rằng việc ưu tiên tìm kiếm những giải pháp là đặc điểm rõ nét của người ra quyết định ở nước Pháp - người “phải giải đáp cho tất cả mọi chuyện, nếu không thì sẽ bị phán xét là bất lực”. Nếu đem so sánh thì ta thấy những quan chức cấp cao của Liên minh châu Âu thực sự có khuynh hướng đề cao sự suy nghĩ về những nguyên nhân so với những đồng cấp người Pháp. Nhưng phải chăng điều đó đơn giản là do thực tế họ thuộc về một nền hành chính hướng tới giám định hơn là quản lý?

Trong phần phương pháp luận của cuốn *Sự cùng khổ của thế giới*, Pierre Bourdieu nhắc tới sự mất cân xứng xã hội làm nảy sinh tình huống “xúc phạm tượng trưng” mỗi lần mà người phỏng vấn

chiếm một vị thế cao hơn người được phỏng vấn trong bậc thang các phạm trù khác nhau về vốn, đặc biệt về vốn văn hóa. Đó là một phán xét mà tôi rất khó đánh giá dựa vào công trình nghiên cứu này, khi tôi chưa gặp phải sự khác biệt về vị thế xã hội - văn hóa giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Trái lại, tôi có thể nhận định rằng nhận thức của người đối thoại mà có vốn kiến thức xã hội chung, cho dù chỉ là hình thức và xa xôi, thì với người phỏng vấn, đó sẽ không phải là điều quyết định, nhưng nó làm cho việc tiếp xúc và xác lập một cuộc đối thoại đáng tin cậy trở nên dễ dàng hơn. Về mặt tổ chức, tôi thuộc về một trung tâm nghiên cứu khoa học, chắc rằng đó là một nhân tố giúp cho sự xác lập quan hệ với những quan chức cấp cao Pháp đã học tập hay giảng dạy ở đây. Sự chia sẻ một kinh nghiệm chung với những người được phỏng vấn là một chỗ dựa mà người phỏng vấn hoàn toàn có thể sử dụng. Trong các cơ quan thuộc Liên minh châu Âu, tôi thường cho mọi người biết là tôi đang giảng dạy ở Trường Đại học châu Âu tại Bruges để dễ dàng tiếp xúc với những quan chức vốn là những “cựu sinh viên” của trường, và họ không bao giờ coi nhẹ điểm này.

4. Diễn biến của cuộc phỏng vấn

Muốn cho cuộc phỏng vấn đạt kết quả tốt, người phỏng vấn phải nắm trước một số thông tin về chủ đề được đề cập, và như vậy khi tiếp xúc với người

đối thoại, đã có sẵn một “bản câu hỏi dẫn dắt”. Đối với người đến phỏng vấn các quan chức cấp cao, việc thể hiện năng lực của mình vào những giây phút đầu tiên là điều hết sức quan trọng để tiến hành cuộc phỏng vấn có chất lượng. Trong cuộc phỏng vấn này, điều cơ bản cần làm rõ là tôi làm chủ những kiến thức và ngôn ngữ đặc thù của cơ cấu châu Âu đến mức có thể đối thoại với những người hoạt động thực tế của châu Âu, những người vẫn tự cho rằng họ là một “cộng đồng đặc biệt” trong bộ máy quốc gia. Vả chăng người đối thoại có thể kiểm tra những kiến thức của tôi về châu Âu, làm đảo lộn trật tự của trò chơi hỏi - trả lời. Lý do của việc kiểm tra này - đôi lúc thật khó chịu - là ở chỗ những quan chức cấp cao quan tâm đến cuộc phỏng vấn khi họ nhận thấy rằng việc đó giúp họ suy nghĩ tốt hơn về bản thân mình chứ không phải để làm vừa lòng người phỏng vấn. Nếu họ thấy người đối diện với họ không có đủ năng lực - điều này đã từng xảy trong cuộc phỏng vấn, về những chủ đề như phỏng thủ châu Âu, mà tôi không nắm vững lắm - thì họ coi là đã mất thì giờ vô ích, và cuộc nói chuyện bị cắt đứt.

Ngược lại không gì đáng giá hơn một cuộc phỏng vấn trong đó người phỏng vấn nắm bắt được suy nghĩ của người đối thoại, đặt cho ông ta những câu hỏi về những vấn đề mà ông ta cho là quan trọng. Vào cuối cuộc phỏng vấn, tôi quyết định hỏi một vị cố vấn của Thủ tướng - mà trước đó tôi đã

gặp nhiều lần - về quá trình phối hợp các chính sách trong Liên minh châu Âu, và đặc biệt về sự vận dụng, kể từ năm 1992, điều khoản 88-4 của Hiến pháp bắt buộc Chính phủ phải chuyển cho Quốc hội những đề xuất về các định ước cộng đồng, bao gồm những quy định có tính chất lập pháp. Sau khi đã để tôi phải chờ khá lâu trong một tiền sảnh của Điện Matignon, ông ta tiếp tôi bằng những lời thoát đầu báo hiệu điểm chẳng lành: “Anh còn muốn gì nữa?”. Tuy vậy, cuộc đối thoại kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, ông ta đã trở nên thoải mái theo dòng những câu hỏi và có vẻ hứng thú thực sự khi cung cấp thông tin. Cuộc phỏng vấn có hiệu quả không phải vì người được phỏng vấn cảm thấy phải đáp lại sự ứng xử lịch thiệp của tôi, mà bởi ông ta có cảm giác là lợi dụng được những câu hỏi - lúc ấy ông ta đang chịu trách nhiệm soạn thảo một thông tư mới của Thủ tướng về sự phối hợp các chính sách châu Âu - để có thể suy nghĩ về hoạt động hành chính của mình không so đo tức thời về quyền lực.

Cuộc phỏng vấn “có chuẩn bị trước” này đòi hỏi người phỏng vấn phải đưa ra một câu hỏi xuất phát, sau đó dành cho người được phỏng vấn quyền tự do phát biểu bằng cách để mặc cho ông ta liên tưởng và vượt ra ngoài đề tài. Trong cuộc phỏng vấn này, những câu chuyện được bắt đầu một cách có hệ thống bằng những câu hỏi: “Đóng góp của ông cho quyết định X như thế nào?” hoặc

“Cuộc đàm phán Y mà ông tham gia đã diễn ra như thế nào?”. Xuất phát từ những câu hỏi này, rồi cứ tiếp tục lắng nghe và không nên ngắt lời người đối thoại, và đặc biệt phải chú ý tới cái nhìn của ông ta. Qua đó, ta thấy rằng một cuộc phỏng vấn có chất lượng chỉ có thể là kết quả của một sự trao đổi song phương. Mỗi lần người đối thoại đề nghị tôi kéo thêm người thứ ba vào cuộc - chẳng hạn một đồng nghiệp - tôi luôn luôn có cảm giác là kết quả thu được ít hơn vì không thể cùng một lúc nắm bắt được sự chú ý của cả hai người đối thoại.

Điều thứ hai, dường như khá chắc chắn, là một cuộc phỏng vấn ít khi nhằm thu thập sự việc mà chính là để trình bày sự việc. Do đó, việc lựa chọn ký ức và dựng lại sự kiện là những hiện tượng mà tôi đã gặp trong những năm từ 1987 đến 1993, khi phỏng vấn về những sự kiện đã diễn ra, đôi lúc, hơn 10 năm trước đó (bắt đầu từ tháng 5 năm 1981). Cụ thể là đã có những hiện tượng đề cao hoặc giảm thiểu giá trị (trong trường hợp thất bại), và giải thích lại tùy theo thông tin người được phỏng vấn cho biết vai trò của mình và của những nhân vật khác như thế nào. Thường thường người phỏng vấn dùng biện pháp chọn lọc này sau khi tiến hành những cuộc phỏng vấn với các tác nhân khác về cùng một chủ đề hoặc sau khi đã đối chiếu những bằng chứng với một mốc thời gian diễn biến các sự việc dựa vào những nguồn tài liệu viết. Tuy vậy, ta không nên coi việc dựng lại

những sự kiện về sau như một trở ngại có tính khoa học phải tránh, mà như một biến số có ý nghĩa đối với các kết luận của mình.

Điểm thứ ba, trong khi cho phép vượt quá giới hạn đề tài, cuộc phỏng vấn “có chuẩn bị trước” có nguy cơ thường xuyên phân tán thông tin để rơi vào tình trạng hồi hợt. Khi đó, nhờ những lần “khởi động lại” có mức độ, người phỏng vấn phải thực hiện cái mà các nhà dân tộc học gọi là “tập trung vào đề tài”, mà không vì thế mà quên rằng tuy biết rằng người được phỏng vấn thường trả lời rất hay khi ông ta tách xa những câu hỏi mà ta đặt ra hoặc khi từ chối trả lời những câu hỏi đó. Năm 1990, khi hỏi một cựu Bộ trưởng trong các Chính phủ Mauroy và Fabius về phần đóng góp của ông trong việc ra những quyết định về chính sách châu Âu từ những năm 1981 - 1984, ông ta luôn luôn tránh những câu hỏi và chỉ tập trung vào một vấn đề mà ông ta quan tâm nhất với những chức năng mới của một nghị sĩ thuộc Nghị viện châu Âu. Trước thái độ này, phản ứng của tôi là rút ngắn cuộc phỏng vấn cho khỏi mất thời gian. Tuy vậy, khi hỏi những tác nhân khác về cùng một thời kỳ, tôi hiểu sự lẩn tránh đó của ông cựu Bộ trưởng chính là sự xác nhận ông ta đứng ngoài quá trình ra quyết định. “Sự chạy trốn” của ông ta như vậy là có lý. Khi tiến hành các cuộc phỏng vấn để tìm hiểu việc chuẩn bị các quyết định chính trị - hành chính, người phỏng vấn tiếp xúc với các

chính khách và quan chức cấp cao. Và họ thường thích gán quyền ra quyết định cho những người ký tên: “Tôi đã gợi ý với Tổng thống Mitterrand là thành lập một ủy ban đặc nhiệm về những vấn đề thể chế” hoặc nữa “Jacques Attali đã có ý tưởng lập ra BERD”. Việc tiến hành những cuộc phỏng vấn mới cho phép hiểu ngay rằng một quyết định thường là kết quả của sự tập hợp các ý kiến, của những cuộc thương lượng ở cấp vi mô, ở những quyết định vi mô được tiến hành song song và hiếm khi được quy cho một tác nhân duy nhất. Người phỏng vấn phải ý thức được lối trình diễn tuyến tính và đơn nhất này của “người có quyền quyết định” mà các tác nhân chính trị - hành chính thường nói tới.

Việc sử dụng máy ghi âm trong những cuộc phỏng vấn có thể đã gây ra sự tranh luận sôi nổi giữa các nhà sử học và các nhà dân tộc học. Philippe Joutard cho rằng “không thể có lưu trữ lời nói miệng thủ công mà thiếu máy ghi âm”, trong chừng mực ghi âm là phương tiện duy nhất để đánh giá quá trình lưu trữ tài liệu, hạn chế tính chủ quan của người phỏng vấn. Một số người khác lại cho rằng máy ghi âm làm méo mó cuộc phỏng vấn khi người được phỏng vấn buộc phải nói cho máy chứ không phải cho người phỏng vấn. Trên thực tế, tất cả phụ thuộc vào loại hình phỏng vấn mà ta tiến hành. Nếu cuộc phỏng vấn “không có chuẩn bị trước” nhằm tìm hiểu về “các hệ thống

giá trị, chuẩn mực, các biểu hiện, cách trình bày các biểu tượng” thích hợp riêng với văn hóa của người được phỏng vấn, thì ta không thể bỏ qua máy ghi âm. Trong trường hợp này, những phút do dự, tiếng cười và sự im lặng của người được phỏng vấn cũng là một bộ phận hợp thành tài liệu để phân tích cũng giống như lời nói mang tính lý trí. Nói một cách lý tưởng, việc ghi âm lời nói phải được bổ sung bằng sự ghi nhận qua ánh mắt để khôi phục lại những biểu hiện bằng cử chỉ hay điệu bộ của người được phỏng vấn.

Trong một cuộc phỏng vấn thuộc loại mà tôi đã tiến hành, người phỏng vấn vẫn có sự lựa chọn giữa ghi âm và ghi chép. Tôi đã chủ tâm để lựa chọn giải pháp thứ hai bởi vì nó tỏ ra thích hợp hơn với “văn hóa của sự kín đáo”, đặc trưng cho giới chính trị - hành chính. Quả vậy, khi đưa ra những bằng chứng của mình, nhiều quan chức cấp cao thích nói thêm: “Cái này không được dẫn ra đâu!” hoặc: “Những gì tôi nói với anh chắc chắn không phải để ghi âm!”. Kiểu thận trọng này nói chung có nghĩa là người được phỏng vấn nói chuyện một cách tin tưởng với người phỏng vấn đến mức nghĩ là mình đã cung cấp những thông tin chưa hề được công bố. Ngay cả khi những thông tin này đối với anh ta không phải là mới lạ - thường là như vậy - người phỏng vấn phải biết đáp lại sự thử thách lòng tin này bằng cách tỏ ra giữ bí mật. Khi đó, tôi thấy rằng việc ghi chép linh hoạt

hơn sử dụng máy ghi âm. Chỉ cần dùng ghi chép một lát, bất cứ lúc nào người phỏng vấn cũng có thể thích ứng một cách tự nhiên với yêu cầu của người đối thoại, trong khi đó thì việc tạm ngừng máy ghi âm lại cần đến một thao tác máy móc làm xáo động diễn biến của cuộc trao đổi, hướng chỉ khi đó lại đưa ra một yêu cầu nào đó cho người được phỏng vấn.

5. Khai thác cuộc phỏng vấn

Khi ta phải dùng đến việc ghi chép, thì cần thiết phải xây dựng một bản tường thuật cuộc phỏng vấn. Việc này buộc người phỏng vấn phải chuyển những câu trả lời thành một bài biên soạn, trong đó phải chú ý lấy ra những gì đi rộng ra ngoài chủ đề, cũng như thái độ kèm theo lời nói: Giận dữ, nhiệt tình, do dự... Bản tường thuật - như việc sao lại một băng ghi âm - là một việc làm bổ sung của người phỏng vấn trong đó anh ta phải có thái độ phê phán. Sau mỗi cuộc phỏng vấn, tôi luôn biên soạn lại ngay - chứ không để tới ngày hôm sau, hay nhiều ngày sau - để hạn chế những gì không hoàn thiện: những khiếm khuyết của trí nhớ. Một điều cơ bản hơn, tôi luôn cố cho thấy trong bản tường thuật sự tương ứng giữa những câu trả lời và những câu hỏi đặt ra. Cuộc phỏng vấn có chuẩn bị là một cuộc đối thoại chứ không phải chỉ là lời nói của người được phỏng vấn. Quả vậy, việc tường thuật này là không thể thiếu khi người

phỏng vấn tự hỏi sau đó rằng: Liệu một thông tin nào đó đáp ứng một đòi hỏi rõ ràng hay thuộc một vấn đề rộng lớn hơn? Liệu sự lãng quên của tác nhân là do câu trả lời không đầy đủ hay đơn giản chỉ là do thiếu câu hỏi?

Giai đoạn tiếp theo là đọc đi đọc lại những bản tường thuật cuộc phỏng vấn để đạt đến điều mà Guy Michelat gọi một cách đúng đắn là “một thứ tiêm nhiễm”. Chú ý tới sự khác biệt của mỗi cuộc phỏng vấn liên quan tới những cuộc nói chuyện khác hoặc với những tài liệu viết. Ở giai đoạn này, người phỏng vấn muốn tái tạo quá trình ra quyết định, tìm tòi những thông tin và khớp lại với nhau. Tuy vậy, anh ta phải rất chú ý để cho sự diễn giải của mình về những điều đồng quy không phải là do một sự phân tích đơn giản có tính định lượng. Khi đọc những bản tường thuật về loạt phỏng vấn đầu tiên với các cố vấn của Tổng thống F.Mitterrand về việc đồng Frãng có thể ra khỏi cơ chế hối đoái của hệ thống tiền tệ châu Âu năm 1983, sự đồng quy của các nội dung về sự kiện này khá nổi bật. Đọc đi đọc lại nhiều lần, tôi lại thấy nghi ngờ là những người đối thoại có thể đã ít nói về việc chính họ đối mặt với sự kiện, mà tỏ lộ nhiều hơn về bản thân sự kiện mà họ đã tái tạo từ những cuộc đàm thoại với các tác nhân khác có liên quan, thậm chí cả những gì đọc được như tài liệu về cuộc phỏng vấn của nhà báo Philippe Bauchard. Những yếu tố đồng quy xuất hiện từ các nội dung quá tổng quát

để có thể sử dụng được. Vì vậy, tôi quyết định tiến hành một loạt cuộc phỏng vấn thứ hai, trong đó các câu hỏi đề nghị những người đối thoại nói nhiều hơn về những gì mà chính họ đã trải qua. Kết quả là đã thu được những thông tin có nhiều sắc thái hơn về những mối quan hệ của sự kiện.

Chắc chắn sẽ là quá cường điệu nếu khẳng định rằng không thể có những tài liệu lưu trữ lời nói miệng thật sự mà không đối chiếu với những nguồn tài liệu viết. Một điều khác cũng đúng không kém là sự đối chiếu giữa văn viết và lời nói chuyện khi có thể được - không phải bao giờ cũng có thể - đã giúp cho người phỏng vấn tự hỏi về ý nghĩa của những khoảng cách giữa câu chuyện của một tác nhân với hiện thực xã hội. Trong cuộc phỏng vấn này, những báo cáo chính thức về các cuộc đàm phán của Liên minh châu Âu (và đặc biệt của các Hội đồng) giúp ta rất nhiều trong việc hiểu tính chính đáng mà những người chủ xướng gán cho vai trò của họ trong khi nêu lên một điểm nào đấy của chương trình nghị sự hoặc ngược lại không động đến một điểm khác. Sự đối chiếu một cuộc phỏng vấn với một tài liệu viết, có thể cho phép diễn giải dễ dàng hơn tương quan giữa điều nói ra và điều không nói ra. Lúc khai thác những bản tường thuật các cuộc phỏng vấn là thời điểm thiết yếu trong quá trình nghiên cứu, trong đó thường thường tôi đã mở rộng, làm sáng tỏ, thay đổi những giả thiết được xây dựng từ trước về tác

động qua lại giữa bộ máy chính trị – hành chính của Pháp và Liên minh châu Âu. Chính trong giai đoạn này thường nảy sinh những trục cảm mới dẫn đến những cuộc phỏng vấn khác. Nhưng cũng chính ở thời điểm này, xuất hiện nhiệm vụ phải xem xét để biết sự kiểm tra các giả thiết đã đạt đến mức kết quả đủ để cho phép ngừng cuộc tìm hiểu hay chưa; đó là một quyết định khó khăn khi mà “cái nguồn khơi ra” do cuộc phỏng vấn, tự nó có thể nhân bội lên tới vô cùng.

6. Nếu phải làm lại...

Trong các môn khoa học xã hội, một phương pháp được thừa nhận bao giờ cũng phải được chứng minh bằng những kết quả mà nó đạt được. Những cuộc phỏng vấn “có chuẩn bị trước” nhằm mục đích thu thập tư liệu cho luận án tiến sĩ của tôi, và cho cuốn sách *Paris - Bruxelles* dựa vào thông tin từ các tác nhân, tôi đã có thể xác định được những tác động qua lại chính thức và không chính thức giữa các thể chế của Pháp và các thể chế của Liên minh châu Âu từ tháng 5 năm 1981 đến tháng 3 năm 1993. Tiếp theo những công trình của Fritz Scharpf và của Wolfgang Wessels, những cuộc phỏng vấn đó cho thấy cơ cấu của Liên minh châu Âu đã tạo thuận lợi cho sự xuất hiện một hệ thống chính trị “thâm nhập lẫn nhau” hoặc “hợp nhất”, đặc trưng bằng sự chia sẻ thường xuyên những quyết định của châu Âu và của quốc

gia, tạo nên một vai trò kép nhập nhằng cho những tác nhân chính trị - hành chính quốc gia. Tuy vậy, một trong những điều đáng tiếc của tôi là đã nhận dạng quá trình cơ cấu lại nền chính trị và hành chính đặc trưng của Pháp trong bối cảnh châu Âu mà không phân tích đầy đủ những hệ quy chiếu tư tưởng dẫn tới những chuyển hoá đó. Quả vậy, trong thời kỳ “Định ước duy nhất”, xu hướng của các cơ quan công cộng cấp cao Pháp là xem xét sự thích nghi của nó với cơ cấu của Liên minh châu Âu, xuất phát từ những lợi ích thị trường và cuộc đấu tranh chống những thứ ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài, chúng tỏ một sự thấm nhiễm nào đó của kiểu ngôn luận tự do - chắc chắn kiểu ngôn luận này rất dễ thay đổi tùy theo cơ quan và cấp chính quyền. Đó là điều mà các cuộc phỏng vấn chắc chắn được phép nêu nổi bật hơn sự vận hành của triển vọng tư tưởng này.

**PHỎNG VẤN
NHỮNG NGƯỜI TRUNG GIAN:
CÁC QUAN CHỨC CẤP CAO VÀ
CHUYÊN VIÊN ĐẦU NGÀNH TRONG CÁC
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ HÀNG KHÔNG**

Pierre Muller

Nhìn chung, trong việc nghiên cứu các chính sách, công việc phỏng vấn các tác nhân trong những lĩnh vực có liên quan (dù đó là các tác nhân chính trị, quan chức cấp cao hay những người phụ trách các tổ chức hoặc các doanh nghiệp) luôn là một công việc quan trọng, vì qua đó ta nắm được sự thật, có thể kiểm tra cả mức độ đáng quan tâm của chủ đề và cả sự xác đáng của những giả thiết do mình dựng lên. Tầm quan trọng của cuộc phỏng vấn còn rõ hơn khi ta hiểu rằng những chính sách công không phải là những quá trình quyết định và vận dụng chúng một cách “đơn giản”, mà là những quá trình hình thành các mối quan hệ xã hội phức tạp với thế giới.

Quả vậy, với cách nhìn nhận như vậy, một trong những vấn đề chủ yếu mà người phỏng vấn đặt ra là tìm hiểu cách hình thành những không gian ý thức, được tạo nên bởi những chính sách

công. Điều quan trọng ở đây là hiểu được, trong một thời điểm nhất định, các tác nhân của một chính sách bám vào các giá trị, phổ biến các hình ảnh của thế giới, phân loại cho các chuẩn mực của hành động công cộng như thế nào. Chắc chắn chỉ cuộc phỏng vấn “có chuẩn bị trước” chưa đủ để xác định toàn bộ những giá trị, những chuẩn mực hay hình ảnh, nghĩa là những gì, được tập hợp ít hay nhiều cũng nhắc, tạo thành một *hệ quy chiếu*. Những thông tin khác cũng phải được thu thập qua việc nghiên cứu tư liệu. Cần phải thấy rằng chính qua phỏng vấn mà ta có thể làm nổi lên những yếu tố chủ yếu của các cơ cấu ý thức tạo nên do những hệ quy chiếu của hành động tập thể và những hệ quy chiếu của hành động công cộng¹.

Ở đây, tôi sẽ trình bày hai công trình nghiên cứu mà từ đó những khái niệm này đã được vận dụng. Qua đó, tôi sẽ cố gắng rút ra một số điều chỉ dẫn về phương pháp luận. Kết thúc bài viết, tôi sẽ trở lại vấn đề tìm hiểu ý nghĩa của hành động tập thể thông qua phỏng vấn.

¹ Hành động tập thể (action collective) là hành động do nhiều người cùng thực hiện, như cùng dự một cuộc biểu tình, cùng đào một con mương, cùng đưa một kiến nghị... Hành động công cộng (action publique) là hành động được thực hiện nhân danh một sự nghiệp chung, một lợi ích chung quan hệ đến công chúng đông đảo, thường nằm trong hệ thống một chính quyền, một tổ chức, như điều hành một kế hoạch xây dựng, vận động bầu cử, diễn thuyết trước một cử tọa... (N.D).

1. Hai khu vực điều tra

Hai công trình nghiên cứu mà tôi sắp trình bày dưới đây giống nhau ở khoảng thời gian và số lần phỏng vấn. Trong cả hai trường hợp, phần lớn những người được phỏng vấn là những quan chức cấp cao của các cơ quan trung ương. Điều khác nhau là, trong khi tiến hành công trình nghiên cứu thứ nhất tôi có cơ hội phỏng vấn những người phụ trách các tổ chức chuyên môn, còn trong lần thứ hai tôi đã phỏng vấn các cán bộ doanh nghiệp công nghiệp và một số người phụ trách các hãng hàng không ở nước ngoài.

Các công chức cấp cao và những người phụ trách nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp

Công trình nghiên cứu được tiến hành vào giữa những năm 1976 - 1978, và những năm 1980 - 1981. Khi hoàn thành công trình nghiên cứu này, tôi đã thực hiện 60 cuộc phỏng vấn tất cả.

Nội dung của công trình nghiên cứu là phân tích quan hệ giữa những thay đổi kinh tế - xã hội đã tác động đến lĩnh vực nông nghiệp của Pháp trong những năm 1950, và những thay đổi trong chính sách nông nghiệp của Pháp vào đầu những năm 1960. Chính xác hơn, nó nhằm trả lời hai câu hỏi:

- Bằng cách nào mà những biến đổi về vị trí và vai trò của nông nghiệp trong xã hội Pháp vào những năm sau chiến tranh lại dẫn đến việc xây

dựng và vận dụng chính sách gọi là “cơ cấu”, mở đầu bằng những đạo luật định hướng nông nghiệp ban hành ngày 5 - 8 - 1960 và ngày 8 - 8 - 1962?

- Bằng cách nào mà chính sách mới, tập trung vào việc hiện đại hoá guồng máy sản xuất nông nghiệp, lại đã dẫn đến sự thay đổi sâu sắc quan hệ giữa Nhà nước và những người làm nông nghiệp, đặc biệt là việc chuyển giao cho khu vực này một loạt những nhiệm vụ mà cho đến lúc đó vẫn do cơ quan hành chính thực hiện?

Giống như trong phần lớn trường hợp, khó khăn đầu tiên mà người phỏng vấn gặp phải là phải tính xem bắt đầu cuộc điều tra từ đâu. Trong trường hợp trình bày ở đây, lại càng khó khăn hơn do thực tế là những sự kiện để tìm hiểu đều đã xảy ra khoảng 15 năm trước. Điều đó có nghĩa là tất cả những người phụ trách hành chính hoặc nghiệp vụ có liên quan, vào thời điểm điều tra không còn giữ những chức vụ mà tôi quan tâm, một số người thì đã về hưu. Như vậy, trước tiên tôi lại phải xác định hồi đó ai là những người phụ trách, rồi phải tìm đến họ, có nghĩa là khó khăn tăng gấp đôi.

Về điểm thứ nhất, tôi tìm gặp những người mà vào thời gian cần nghiên cứu, đang phụ trách những cơ quan được lập ra khi thực hiện chính sách nông nghiệp mới. Trong những cuộc phỏng vấn, tôi đã hỏi họ một cách có hệ thống về những người tiền nhiệm, tôi sử dụng những tập san hành

chính cũ để tái tạo gần đúng chương trình làm việc tại các cơ quan của Bộ Nông nghiệp vào những thời kỳ khác nhau, và xác định tên tuổi của những người phụ trách chính. Việc tiếp theo là phải tìm gặp họ. Tôi đã sử dụng rất nhiều những niên bạ do các cơ quan nhà nước khác nhau, công bố đặc biệt niên bạ của IGRF (kỹ sư kỹ thuật nông nghiệp, thủy lợi và lâm nghiệp). Khi đã tìm được địa chỉ của những người đó, tôi đã viết thư đến nhiệm sở mới của họ, hoặc đến nhà riêng nếu họ đã về hưu, và đề nghị gặp gỡ.

Chính vào lúc ấy tôi đã phải khắc phục một khó khăn bất ngờ, là phải thuyết phục những người đối thoại gọi lại cho tôi những chức vụ mà họ không còn đảm đương. Một số người không muốn tiếp tôi với lý do họ không còn liên quan đến chuyện này, những người khác lại chỉ cho tôi đến những người phụ trách đang đảm đương công việc vào thời điểm điều tra. Điều đó có nghĩa rằng, khi ta muốn nói chuyện với một người phụ trách cơ quan, thường khó mà thuyết phục họ rằng điều ta muốn là thu thập quan điểm của họ, chứ không phải quan điểm chính thức của cơ quan đang chịu trách nhiệm về vấn đề đó. Như thế đôi lúc tôi đã khá mất thời gian để thuyết phục họ và, trên thực tế, để làm cho họ hiểu công cuộc tìm hiểu là gì, và nó khác biệt như thế nào với việc soạn thảo một báo cáo hành chính chẳng hạn.

Một điều không phải bàn cãi là những cuộc

phỏng vấn những người phụ trách đã về hưu hoặc gần như về hưu đã cung cấp cho tôi những thông tin tốt nhất: Họ không còn có lý do để tự kiểm chế và không ngần ngại để lộ cho tôi thực chất những tư tưởng của họ về thời kỳ mà tôi đề cập. Trong một số trường hợp, những cuộc phỏng vấn này mang hình thức những câu chuyện hấp dẫn về cuộc đời.

Ngoài việc gặp các quan chức tôi còn phải gặp những người phụ trách các phòng ban nghiệp vụ của ngành nông nghiệp. Đúng ra, tôi không gặp khó khăn gì để nhận được sự tiếp đón của tất cả những người nắm giữ một cương vị quan trọng. Có một chuyện đáng nhớ: Tôi nhớ là tôi đã bỏ ý định gặp Michel De Batisse, người đã từng là Chủ tịch của “Trung tâm quốc gia những người làm nông nghiệp trẻ tuổi” vào thời điểm bỏ phiếu cho các đạo luật định hướng ngành nông nghiệp, và với chức danh như vậy, ông có một vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện chính sách mới. Tuy nhiên, vào thời điểm điều tra, ông lại là Chủ tịch của Liên hiệp các nghiệp đoàn nông nghiệp toàn quốc, tôi tự nhủ rằng ông sẽ không tiếp tôi... Điều này đã làm ông bật cười khi tôi gặp ông mười năm sau.

Nói chung, sở dĩ tôi được những người đối thoại của mình đón tiếp niềm nở, phần nhiều là do họ ý thức mình đã đóng góp công sức cho một sự nghiệp chung, và vì vậy họ sẵn lòng nhắc lại vai trò của mình.

Các công chức cấp cao và những người phụ trách các doanh nghiệp hàng không

Công trình khảo sát này được thực hiện vào giữa những năm 1987 - 1988 bằng kinh phí của ủy ban kế hoạch. Để có được khoản kinh phí này, trước đó tôi đã thực hiện một cuộc điều tra ngắn cho phép xác định rõ hơn nội dung của công trình nghiên cứu và nhận dạng gần đúng lớp người có liên quan cũng như địa bàn điều tra.

Nội dung của công trình nghiên cứu này xoay quanh hai câu hỏi:

- Giải thích như thế nào sự thực hiện, và phát triển chương trình AIRBUS? Xuất phát từ đâu mà người ta đi đến quyết định xây dựng một hãng chế tạo máy bay dân dụng của châu Âu có khả năng cạnh tranh với Mỹ?

- Câu chuyện này thể hiện những biến đổi trong hệ thống quan hệ giữa nhà nước và công nghiệp ở châu Âu, và chứng tỏ sự hội tụ những phương thức quản lý của ngành này vào tay các nhà chức trách ở chỗ nào?

Lúc đầu, tôi thấy cuộc điều tra này khó khăn hơn nhiều so với cuộc điều tra đã tiến hành với những người phụ trách ngành nông nghiệp. Tuy vậy, tôi đã có ít nhiều hiểu biết về những vấn đề của ngành hàng không. Nhưng tính chất kỹ thuật cao của chủ đề làm tôi e ngại rằng sẽ gặp những phản ứng không muốn tiếp của một tầng lớp người ít thiên về khoa học xã hội. Cuối cùng, số những

người từ chối là không đáng kể so với lần tiến hành điều tra trong lĩnh vực nông nghiệp. Đơn giản là vì ngay từ đầu tôi đã phải thể hiện mình có một hiểu biết nhất định về lĩnh vực này.

Để gặp được những nhân vật liên quan đến việc điều tra, tôi đã sử dụng phương pháp giống như trường hợp trước. Tôi bắt đầu bằng việc gặp gỡ những người chịu trách nhiệm về hồ sơ của AIRBUS ở Bộ Giao thông. Mỗi lần gặp, tôi hỏi xem họ có biết những người làm việc trước họ không. Đồng thời, tôi sử dụng rất nhiều những tập san hành chính. Để tìm được những tập san đó, tôi đã nhờ những người phụ trách khu vực hàng không ở Pháp, họ đều là những cựu sinh viên của Trường đại học Bách Khoa. Tôi dễ dàng tìm được họ nhờ cuốn niên bạ của trường, mà một đồng nghiệp, cũng là một người bạn học cũ đã cho tôi mượn. Để gặp họ bao giờ tôi cũng sử dụng phương pháp gửi thư, rồi sau một tuần gọi điện thoại. Tổng cộng tôi đã gặp 50 người phụ trách.

Cũng giống như trong trường hợp điều tra lĩnh vực nông nghiệp, những sự kiện mà tôi nghiên cứu bắt đầu vào năm 1965 trong khi cuộc điều tra của tôi diễn ra năm 1987. Nhưng thời kỳ cuối lại tương ứng với thời điểm điều tra, điều này đã góp phần làm thay đổi rõ rệt các mối quan hệ với những nhân vật được phỏng vấn.

Ngược lại, quan hệ giữa tôi và những người phụ trách các doanh nghiệp có liên quan (Aerospatiale

ở Pháp, DASA ở Đức và British Aerospace ở Anh) lại khó khăn hơn. Không phải vì sự tiếp đón khó chịu (ngược lại, họ luôn đón tiếp tôi một cách trọng thị), nhưng những người đối thoại vẫn còn rất lúng túng trong việc nhận dạng tôi, nghĩa là xếp tôi vào loại người đã quen biết: Tôi không phải là người cung cấp hàng (chẳng có gì để bán), nhưng cũng không phải là khách hàng (chẳng mua gì). Lúc ấy khuynh hướng chung là họ xếp tôi vào loại “truyền thông”, và tôi rất khó tiếp xúc được ai khác ngoài người phụ trách quan hệ báo chí... Và người này lại rất bức bối khi nhận thấy rằng tôi không hẳn là nhà báo. Thật may, đa số những người phụ trách mà tôi muốn gặp - trường hợp là người Pháp - đều là thành viên của Cơ quan Kỹ thuật quân bị, và tôi có thể quan hệ với họ như với những người bạn còn chưa về hưu.

Hơn nữa, nhiều lần tôi đã phải hứng chịu những lời nói kiểu “thông tin đối ngoại” của các doanh nghiệp, không thể nào làm cho những người đối thoại phát biểu với tư cách là những tác nhân. Điển hình nhất là trường hợp một trong những người đối thoại ở Areospace đã cho tôi nghe, trong suốt một tiếng đồng hồ, bản thuyết trình mẫu mà ông ta đã quen đem ra để giới thiệu về AIRBUS, nhưng tôi không thể nào ngắt lời ông ta được. Cuối cùng, quá thất vọng, tôi nói rằng đó không phải là loại thông tin mà tôi mong đợi, ông ta dường như rơi từ trên mây xuống và đồng ý hẹn gặp tôi vào một buổi

khác... Trong lần gặp sau, ông ta đã cung cấp cho tôi rất nhiều thông tin về những gì mà tôi đang tìm kiếm!

2. Ba câu hỏi về phương pháp phỏng vấn

Trong rất nhiều câu hỏi về phương pháp phỏng vấn mà thực tế công việc phỏng vấn đặt ra, theo tôi có ba câu hỏi đặc biệt quan trọng. Đó là những câu hỏi về *tính hợp thức* của người phỏng vấn trước người được phỏng vấn, *tính hiệu lực* của những câu trả lời và *phương thức thu thập* thông tin.

Thế nào là tính hợp thức của người phỏng vấn trước người quyết định?

Trong hai công trình nghiên cứu chính mà tôi tiến hành, tôi đều tiếp xúc với các kỹ sư có trình độ kỹ thuật cao vượt xa trình độ của một người ngoại đạo như tôi. Câu hỏi đối với tôi lúc ấy là một câu hỏi kép. Trước hết, phải làm thế nào để cho việc một người không có chuyên môn phỏng vấn một người có chuyên môn, được thừa nhận như một việc hợp thức. Nói cách khác, phải làm cho người đối thoại thừa nhận một cuộc phỏng vấn có tính khoa học chính trị về một chủ đề “kỹ thuật”. Nếu so sánh hai lĩnh vực, tôi thấy tiến hành công việc trong lĩnh vực nông nghiệp dễ dàng hơn (ngay cả khi tôi nắm không chắc chắn lắm những vấn đề trong lĩnh vực này). Những chuyên viên nông nghiệp đầu ngành, dù là thuộc khu vực hành chính hay nghiệp vụ,

luôn tỏ ra sẵn sàng trả lời phỏng vấn. Họ sẵn sàng cung cấp thông tin cho người phỏng vấn - người nghiên cứu khoa học xã hội - bởi vì thỉnh thoảng họ lại đặt câu hỏi về vị trí của nông nghiệp trong xã hội. Mặc dù phần lớn họ là kỹ sư, chủ yếu làm công tác chuyên môn, hệ quy chiếu hành động tập thể của họ vẫn bao gồm cả những vấn đề, những giá trị, những chuẩn mực không chỉ mang tính kỹ thuật, mà còn liên quan đến những vấn đề đạo đức và chính trị.

Những cơ quan khác mà tôi đến, chẳng hạn như cơ quan về công tác xã hội, ở đó mọi người lại còn tỏ ra sẵn lòng trong việc đón tiếp một người nghiên cứu khoa học chính trị. Bởi lợi ích của các môn khoa học xã hội đã trở thành hiển nhiên đối với những người phụ trách các khu vực này.

Trong trường hợp ngành hàng không, tôi sớm có cảm giác mình được coi như một “người từ Sao Hoả”: Làm sao anh ta lại có thể quan tâm, và nhất là hiểu một điều gì đó về máy bay, khi anh ta chỉ là một người nghiên cứu khoa học chính trị? Nhiều lần tôi cảm thấy người đối thoại rất miễn cưỡng và ông ta “kiểm tra” tôi bằng cách cố tình sử dụng thuật ngữ thuần túy kỹ thuật. Trước kiểu ứng xử này, phương pháp duy nhất là cố gắng nói cùng một ngôn ngữ. Vì vậy, trong những cuộc phỏng vấn, tôi luôn luôn xoay sở để chen vào một vài ý kiến về kỹ thuật không có mục đích nào khác là cho người đối thoại thấy rằng, dù không phải là

kỹ sư, tôi cũng không hoàn toàn mù mờ về những chuyện của ngành hàng không.

Như vậy, phải sử dụng càng nhiều càng tốt ngôn ngữ của người đối thoại với mình, nhưng đó là một trò chơi nguy hiểm. Nếu đi quá sâu vào công việc chuyên môn mà mình nghiên cứu, thì sẽ không tránh khỏi làm mất đi cái khoảng cách cần thiết cho phép nhìn nhận những chiến lược riêng và tập thể của những người được phỏng vấn. Tất cả khó khăn ở đây là tìm ra giới hạn đúng đắn giữa sự bất chước thái quá, làm cho ta mất đi bước lùi cần thiết, và thái độ đứng ngoài cuộc quá mức dẫn đến chỗ để cho người đối thoại đánh lừa mình.

Riêng tôi cho rằng cái nguy cơ thứ hai quan trọng hơn. Vì vậy, tôi có khuynh hướng “đi quá” một ít trong việc sử dụng ngôn ngữ “bản địa” và trọng việc tán thưởng người đối thoại. Quả vậy, đối với tôi điều quan trọng nhất là thành công trong việc xác lập quan hệ tin cậy giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn. Nói chung, tôi luôn luôn đồng ý với người được phỏng vấn, trừ khi việc tranh cãi những câu trả lời của ông ta cho phép đi xa hơn. Nhưng trong trường hợp này, tôi cố gắng để ông ta hiểu rằng đây chỉ đơn giản là một trò chơi, tôi “không thực sự” phản đối những điều ông ta nói. Khi đó, chắc chắn sự việc sẽ diễn ra tốt đẹp, người đối thoại có cảm giác đang nói chuyện với một người hiểu mình và tán thành mình.

Với tôi, thái độ này trở nên thuận lợi vì thực tế bao giờ tôi cũng chỉ phỏng vấn những tác nhân mà tôi có cảm giác tích cực nhiều hơn (điều này không ngăn cản tôi bất đồng với họ về một số điểm). Một thái độ thông cảm như vậy hẳn là khó thực hiện hơn nếu giả thiết tôi có một ấn tượng tiêu cực về những người đối thoại. Với quan điểm này, tôi vẫn luôn thán phục những người đã có thể phỏng vấn các nhà lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc¹. Tôi tin rằng cá nhân tôi không có khả năng làm việc đó.

Tuy vậy, ngay cả khi ta có thể giảm bớt khoảng cách, thì khoảng cách này vẫn còn rất lớn. Như lời nói của một trong những người đối thoại với tôi (kỹ sư về vũ khí), rất hài lòng với lời phát biểu đã cho phép ông ta tự xác định vị trí của mình khi đứng trước tôi: “Rốt cuộc, thưa ông Muller, tôi làm ra lịch sử, còn ông, ông viết ra lịch sử”. Tôi đã không cải chính câu nói đó.

Khoảng cách này vẫn rất lớn bởi vì, dù thế nào, những câu hỏi mà ta đặt ra trước người đối thoại không hoàn toàn nằm trong cùng một phạm vi ý nghĩa như những câu hỏi mà người đó thường quen tự đặt ra cho mình trong khuôn khổ thực tiễn nghề nghiệp của mình. Ở đây, ta đã đụng tới khuôn khổ thiết yếu của cuộc phỏng vấn, đó là làm xuất hiện một *lôgic ý nghĩa* trong một câu chuyện về cuộc sống. Vì lẽ này, nhiều khi người

¹ Tức Mặt trận Dân tộc của Le Pen, Đảng cực hữu ở Pháp (N.D).

đối thoại không ý thức được tầm quan trọng của những điều mà người ấy nói, bởi tầm quan trọng này chỉ tồn tại ở những câu hỏi mà người phỏng vấn tự đặt ra. Xin dẫn ra một ví dụ: Một trong những người đối thoại của tôi, nguyên là kỹ sư nông nghiệp, kể lại với tôi hoạt động của ông về “phổ biến tiến bộ trong lĩnh vực nông nghiệp” trong những năm 1950. Ông nói với tôi khá dài rằng ông đã đến thăm các làng quê như thế nào với một chiếc máy chiếu phim để phổ biến những cuốn phim khuyến khích trồng ngô. Nhưng, như ông nói, vì câu chuyện về ngô không đủ hấp dẫn để lôi kéo người nông dân tới xem, nên mỗi lần ông phải chiếu một cuốn phim về Charlie Chaplin! Đến lúc thực hiện phỏng vấn, người đối thoại này cho là ông chưa nói được gì với tôi cả. Trên thực tế, đối với tôi, kiểu nói chuyện này phản ánh một cách lý tưởng điều kiện hoạt động kỹ thuật những năm 1950, cùng với cách thức hoạt động của các kỹ sư nông nghiệp.

Thí dụ thứ hai: Một trong những người đối thoại với tôi, nguyên là lãnh đạo cấp cao của AIRBUS INDUSTRIE, giải thích rất dài về những phương pháp ra quyết định trong nội bộ hệ thống AIRBUS. Một quyết định được thông qua phải qua những cuộc họp với sự có mặt các phụ trách của những nhà chế tạo và những đại diện của GIE AIRBUS INDUSTRIE - cơ quan chịu trách nhiệm phối hợp chung. Điều ông ta quan tâm là cho tôi

thấy, bất chấp tính phức tạp của hệ thống, họ đã đi đến một quá trình ra quyết định có hiệu lực đầy đủ có thể so sánh với quá trình tương ứng của hãng cạnh tranh với họ, hãng BOEING chẳng hạn. Cứ như thế, chúng tôi đã nói chuyện rất lâu về việc lựa chọn bộ hãm A310 và linh kiện của động cơ A320. Rõ ràng là, nếu xét những gì liên quan đến công việc của tôi thì kết quả của sự lựa chọn này không làm tôi quan tâm lắm (dù sao tôi cũng không có khả năng đánh giá giá trị của sự lựa chọn này). Ngược lại, tôi quan tâm nhiều đến ý nghĩa của quá trình ra quyết định này xét về phương diện sự gia tăng vai trò trung gian của GIE AIRBUS INDUSTRIE trong toàn bộ tổ hợp công nghiệp tạo thành AIRBUS.

Một trong những thời điểm đáng chú ý là, sau cuộc phỏng vấn, tôi gửi kết quả cho người đối thoại (một quy tắc mà tôi luôn tôn trọng) và người đối thoại này biết rằng ông ta đã nói nhiều điều hơn là ông ta tưởng, rằng những tuyên bố của ông ta cũng có một ý nghĩa được ghi nhận, khác với thực tiễn nghề nghiệp quen thuộc của ông. Nói chung, phản ứng rất tích cực. Và vì thế một cựu kỹ sư nông nghiệp, vốn gây rất nhiều khó khăn khi tôi cần gặp, thì chính ông đã tiếp xúc với tôi một lần nữa sau khi đọc bản tường trình mà tôi viết ra. Ông nói với tôi rằng ông không tin người ta lại có thể rút ra tất cả những ý nghĩa này từ những tuyên bố của ông.

Vấn đề tái tạo về sau

Phần lớn những cuộc phỏng vấn mà tôi tiến hành đều về một thời kỳ đã qua, và đôi lúc khá xa. Chính lúc đó nảy ra vấn đề nói chuyện hồi tưởng. Vấn đề là những năm tháng đã qua đi, không tránh khỏi người đối thoại sẽ đánh giá lại những hành động của mình dựa theo diễn biến tiếp theo của câu chuyện mà giờ đây ông đã biết kết thúc của nó. Tình huống đó đặt ra ba khó khăn:

- Thứ nhất: Không ai muốn thừa nhận những lựa chọn đã tỏ ra sai lầm hoặc gây nên những phản ứng chống đối. Ngược lại mọi người sẽ nhận trách nhiệm về những lựa chọn may mắn. Chẳng hạn, trong lịch sử của AIRBUS, một trong những giai đoạn được tranh cãi nhiều nhất là khi Dassault, người được một bộ phận trong chính quyền ủng hộ, đã đưa ra chương trình sản xuất loại máy bay Mercure, đi ngược lại ý muốn của các nhà lãnh đạo AIRBUS là tập hợp về một nơi những chương trình về máy bay dân sự của châu Âu. Sau đó chương trình Mercure đã đi đến một thảm bại về công nghiệp, mở đường cho việc gia tăng sức mạnh của AIRBUS và cả cho sự thay đổi phong cách quan hệ giữa nhà nước và những nhà chế tạo máy bay dân sự. Rõ ràng tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc làm thế nào để những người phụ trách nói về thất bại này. Cuối cùng, khoảng cách thời gian đã giúp tôi, bởi vì rốt cuộc tôi đã gặp một trong những người phụ trách chính cuộc

phiêu lưu Mercure, ông ta chấp nhận phân tích cho tôi những nguyên nhân thất bại của vụ việc này. Dĩ nhiên, ông ta tìm cách biện hộ cho mình, điều này đã làm cho cuộc trao đổi có phần lắt léo. Đồng thời, trong khi cố gắng chỉ ra rằng chuyện này không phải là phi lý (trong một bối cảnh hiện nay thì quả là phi lý), ông ta cho tôi thấy rõ ràng môi trường nhận thức đã dẫn ông đến chỗ khuyến khích một đối thủ gần như là cạnh tranh với AIRBUS, và cơ chế tổ chức đã cho phép xảy ra chuyện này. Đặc biệt, chính nhờ cuộc phỏng vấn này mà tôi đã ý thức được rằng, trái với những gì ngày nay người ta hình dung, vào những năm 1974 - 1976, không có gì chứng tỏ rõ ràng như trong nhận thức của những người phụ trách hành chính và công nghiệp, rằng AIRBUS INDUSTRIE có xu hướng tập trung toàn bộ việc sản xuất máy bay dân sự của hơn một trăm cơ sở ở châu Âu. Ngược lại, tôi còn không tính đến những người đối thoại đã giải thích cho tôi rằng chính họ là ngọn nguồn của những cách tân may mắn đã cho phép AIRBUS có được vị trí như mọi người đã biết.

- Thứ hai: Những người ra quyết định, nói chung, không thích nói về quá khứ. Họ là những người, từ bản chất, hướng nhiều hơn tới tương lai, và đối với họ quá khứ không còn đáng chú ý. Đây cũng là một biểu hiện của sự khác nhau về logic giữa cuộc tìm hiểu và hành động. Khi họ đồng ý gặp chúng ta, chính bản thân họ đã phải nỗ lực để nhớ lại những chi tiết của sự việc đã qua. Tôi

đã gặp nhiều trường hợp, trên thực tế, những người đối thoại không còn nhớ được thời điểm này hay thời điểm khác, nhưng đối với tôi những điều đó lại vô cùng quan trọng để hiểu được diễn biến của những sự kiện, và để làm rõ những logic hành động. Lúc ấy, vai trò của người phỏng vấn là giúp người đối thoại trở lại thời kỳ đó trong bối cảnh nhận thức của ông ta, bằng cách nhắc lại những sự kiện chính, dẫn ra những tuyên bố của những người được phỏng vấn khác để làm ông ta phản ứng... Hiển nhiên, việc này có thể chỉ làm cho người đối thoại đưa ra những ý kiến biện minh tùy theo mối quan hệ với người phỏng vấn. Trong trường hợp này, sẽ là một sự may mắn nếu được phỏng vấn những người về hưu, những người tỏ ra vui lòng hơn nhiều trong chuyến trở về quá khứ.

Có nguy cơ từ những câu hỏi “đúc sẵn” dành cho mỗi cuộc phỏng vấn. Chính vì thế mà khi phỏng vấn một cựu phụ trách AIRBUS INDUSTRIE người Đức, ông đã kể dài dòng cho tôi nghe về diễn biến những cuộc thương lượng giữa AIRBUS và AEROSTATIALE để quyết định xem ai sẽ thực hiện những chuyến bay thử (đối với kỹ sư hàng không, những chuyến bay thử là thời điểm quan trọng thể hiện khả năng của anh ta, thời điểm cho thấy máy bay có bay tốt hay không...). Tôi rất hào hứng về đoạn nói chuyện này, đã đem lại cho tôi những thông tin chính xác về hệ thống quan hệ

giữa hai tổ chức chủ chốt. Vài tuần lễ sau, tôi rất ngạc nhiên khi biết rằng người đối thoại với tôi đã kể cùng một câu chuyện như thế, hầu như đúng từng lời, cho một tờ báo hàng không! “Cái tôi” của người đi phỏng vấn cũng có phần bị xúc phạm!

- Thứ ba: Nhưng tất nhiên điều ngại nhất vẫn là nguy cơ các sự việc bị bóp méo. Điều không tránh khỏi là người đối thoại, nhiều năm sau khi sự việc xảy ra, có khuynh hướng thay đổi câu chuyện mà ông ta kể lại. Trên thực tế tôi biết rằng không thể sử dụng cuộc phỏng vấn để biết về các sự việc, nói đúng hơn là *ý nghĩa của sự việc*. Trong hai trường hợp mà tôi tìm hiểu, giữa các cuộc phỏng vấn tôi đã xen vào việc đọc có hệ thống báo chí nghiệp vụ (nông nghiệp hay hàng không) của thời kỳ mà tôi quan tâm. Qua đó, tôi có nhận xét rằng về cơ bản, các sự việc đã được báo chí mô tả sát thực. Vấn đề là những sự kiện xác đáng đều không thể hiểu được bởi bị nhấn chìm trong một “dư luận thực sự” rộng lớn. Chính lúc đó, tôi thấy cuộc phỏng vấn với những tác nhân của quyết định là không thể thay thế. Bởi lẽ, cho dù phỏng vấn chỉ mang đến cho tôi ít thông tin thực sự đặc biệt, thì nó vẫn cho phép tìm hiểu xem các tác nhân của quyết định suy nghĩ như thế nào về hành động của họ vào thời điểm diễn ra các sự kiện: Cuộc phỏng vấn cho phép đánh giá ý nghĩa của khối dữ liệu rút ra từ việc xem xét lại tư liệu.

***Dẫn dắt cuộc phỏng vấn
và ghi chép lại thông tin***

Giống như những trích dẫn tài liệu lưu trữ hoặc văn bản, những cuộc phỏng vấn tạo nên một tư liệu ưu việt mà việc sử dụng nó sẽ là điều thiết yếu để hợp thức hoá những giả thiết nghiên cứu. Vấn đề là xác định phương thức tốt nhất để thu thập và trình bày.

Khi tiến hành phỏng vấn, tôi tôn trọng một số quy tắc cơ bản:

- Trước khi phỏng vấn, chuẩn bị sẵn trên giấy một loạt câu hỏi. Thông thường, không phải nêu ra tất cả những câu hỏi đó, và trong khi phỏng vấn có thể xuất hiện những câu hỏi khác. Việc chuẩn bị này có hai mục đích: Không chịu ở trong tình trạng “khô chay” nếu người đối thoại không thích lắm lời (điều tồi tệ nhất có thể xảy đến với một người phỏng vấn), và nhất là phải đặt mình trong hoàn cảnh của cuộc phỏng vấn. Vì thế, tôi thường chuẩn bị sẵn danh mục câu hỏi vài phút trước cuộc gặp gỡ.

- Quan sát môi trường của người đối thoại: Có khó tiếp cận không? Văn phòng của ông ta như thế nào? Rộng rãi hay chật chội?

- Bắt đầu cuộc nói chuyện bằng việc tự giới thiệu, rồi giải thích một cách đơn giản nhất những gì mà mình đang tìm hiểu. Đặc biệt, ở đây không nên trình bày cách đặt vấn đề về cuộc tìm hiểu theo lý thuyết. Ngược lại, phải chuẩn bị trước cách

trình bày thích ứng với bối cảnh nhận thức của người đối thoại.

- Để cho người đối thoại phát triển tư tưởng của mình và càng ít ngắt lời ông ta càng tốt. Quả vậy, đối với tôi, một cuộc phỏng vấn sẽ thực sự thành công khi người đối thoại mang tới những thông tin bất ngờ. Và nếu những thông tin này lại xác nhận thêm những giả thiết mà mình đặt ra thì thật hoàn hảo. Quả vậy, phải nghi ngờ khuynh hướng cổ điển là những người đối thoại muốn “làm vừa lòng” những người phỏng vấn bằng cách cung cấp cho họ những gì mà họ đang cần tìm.

- Khi người đối thoại lạc đề, hay ngừng nói, ta có thể khởi động lại bằng những câu hỏi ngắn, mục đích là luôn hướng họ trở lại cuộc phỏng vấn.

- Lợi dụng những cú điện thoại cắt ngang để lấy lại tinh thần và cách đặt câu hỏi.

- Nhìn chung, tôi không đi sâu vào tranh luận với người đối thoại về những giả thiết của mình, mặc dù đôi lúc điều đó vẫn xảy ra (khi đã có một không khí tin cậy thực sự, và khi người đối thoại tỏ ra hiểu quan điểm của tôi). Ngược lại, tôi luôn cố gắng đưa cho người đối thoại một tài liệu giới thiệu những kết quả của cuộc tìm hiểu, và nói về những kết quả đó nếu ông ta muốn.

- Đôi lúc, người đối thoại đem lại cho ta những thông tin thiết yếu khi tiền chân chúng ra. Trong trường hợp này chỉ có một giải pháp: Vào quán cà phê đầu tiên trên đường về để ghi lại theo trí nhớ

những gì người đối thoại vừa nói. Cuối cuộc phỏng vấn, đừng quên hỏi người đối thoại là theo ông ta, về chủ đề này, cần phải gặp gỡ thêm những ai.

Trong thời gian nghiên cứu về lĩnh vực nông nghiệp, tôi đã ghi âm có hệ thống các cuộc phỏng vấn. Sau đó tôi nghe băng và sao lại đầy đủ. Tất cả các cuộc phỏng vấn đã cho tôi một khối lượng thông tin thật đáng kể. Ngược lại trong cuộc tìm hiểu về hãng AIRBUS, do thiếu thời gian (và thiếu can đảm) tôi đã bằng lòng với cách ghi chép càng nhiều càng tốt. Cuối cùng, tôi thấy kết quả không có gì khác nhau. Đơn giản, trong trường hợp ta bằng lòng với việc ghi chép, thì điều tuyệt đối cần thiết (mặc dù chuyện đó hết sức nhàm chán), là phải chép lại một cách chi tiết những điều ghi nhận được trong cuộc phỏng vấn, để làm sao ghi lại được cả cung cách phát biểu của người đối thoại. Và tôi vẫn khuyên bạn hãy làm việc này nhanh nhất ở ngay quán cà phê đầu tiên trên đường về.

Vấn đề thứ hai: Ghi chép lại những trích dẫn như thế nào đây? Tất nhiên, về nguyên tắc là phải giữ những lời nói đó sao cho càng sát thực với những từ ngữ người đối thoại sử dụng càng tốt. Trên thực tế, tôi không thấy ý nghĩa gì lớn ở việc tái hiện những lỗi tiếng Pháp như “Heu”, “Hem” hoặc “Well”. Vì vậy, tôi thiên về việc sao chép lại những trích dẫn từ cuộc phỏng vấn bằng thứ tiếng Pháp tương đối văn học, trong khi vẫn giữ văn phong đối thoại.

Cuối cùng, khi trích dẫn lời của một trong những người đối thoại, tôi tự ấn định thành nguyên tắc là không nêu tên của ông ta, còn về chức vụ của ông ta thì nêu càng chính xác càng tốt. Tuy nhiên, người ta vẫn không thể nhận dạng được ông ta một cách chắc chắn. Đôi lúc điều đó khá tế nhị nếu nhân vật là người nắm giữ một chức vụ cao. Nhưng theo tôi, đó là điều kiện không phải để cho người đối thoại kiểm soát việc sử dụng những lời nói của ông, điều mà tôi tuyệt đối từ chối.

3. Tìm hiểu ý nghĩa của hành động tập thể

Những cuộc phỏng vấn “có chuẩn bị trước” như tôi tiến hành với những người lãnh đạo cấp cao, dù về bề ngoài có những điểm chung, nhưng cũng có những khác biệt với các cuộc phỏng vấn xã hội học thông thường dành cho những công trình nghiên cứu về việc ra quyết định, hay cho những nghiên cứu xã hội học về tổ chức. Quả vậy, mục đích những cuộc phỏng vấn của tôi không phải là để phát hiện những chiến lược của các tác nhân cá thể hay tập thể (điều này giải thích tại sao, với một công trình nghiên cứu cùng một quy mô, tôi thực hiện những cuộc phỏng vấn ít hơn ba lần so với một chuyên gia về xã hội học tổ chức). Điều mà tôi tìm hiểu, qua cuộc phỏng vấn, là làm sáng tỏ những *quy tắc tinh thần của hành động tập thể*.

Với tôi, điều này trở nên sáng tỏ khi người ta biết phân tích một chính sách công, chẳng hạn

như chính sách nông nghiệp hay chính sách hàng không, nghĩa là phân tích quá trình *trung gian*, quá trình mà qua đó một nhóm xã hội sẽ xây dựng quan hệ của mình với thế giới thông qua một *hệ quy chiếu*¹. Hệ quy chiếu này có thể mang hình thức một *hệ quy chiếu của hành động tập thể*, chỉ ra vị trí và vai trò của một nhóm người trong xã hội. Chẳng hạn, tôi phải làm sáng tỏ vấn đề bằng cách nào mà giai cấp trung nông, trên con đường hiện đại hoá, thông qua tầng lớp trí thức, đã thành công trong việc xây dựng một biểu tượng mới về vị trí của mình trong khu vực nông thôn, và vai trò của mình trong xã hội. Cũng bằng cách thức như vậy, tôi đã cố gắng chỉ ra một thực tế là trong những năm 1970, đội ngũ những kỹ sư vũ khí đã xác định lại những điều kiện hoạt động của nghệ hàng không bằng cách gộp những dữ liệu với sự biến đổi của thị trường, với sự tự động hoá khu vực dân sự trong tương quan với khu vực quân sự, và tiến trình toàn cầu hoá...

Trong hai trường hợp, hệ quy chiếu hành động tập thể này đều dẫn đến việc xây dựng một *hệ quy chiếu hành động công*, có tác dụng chỉ ra cơ cấu ý nghĩa, mà chung quanh nó, chính sách công tương ứng sẽ được xây dựng lại: định ra một chính sách

¹ Trong bài này, "hệ quy chiếu" được hiểu là một hệ thống, một phạm vi những giá trị, chuẩn mực, cách ứng xử mà qua đó một người hay một tầng lớp người quyết định cách nhìn nhận những vấn đề trong cuộc sống và quyết định hành động của mình.

hiện đại hoá nông nghiệp hay bước chuyển từ một “hệ quy chiếu của kho vũ khí” đến một “hệ quy chiếu của thị trường”¹.

Cách tiếp cận này của hành động công cộng có những hậu quả trực tiếp đối với những gì mà tôi tìm hiểu thông qua cuộc phỏng vấn những người phụ trách chính trị, hành chính hay chuyên môn. Mục đích của tôi khi tiến hành một cuộc phỏng vấn là tìm hiểu xem, ở một mức độ có thể, điều gì đã dẫn người đối thoại đi đến những lựa chọn mà ông ta đã thực hiện. Như vậy, trong khi phỏng vấn, tôi cố gắng cùng với người đối thoại xây dựng lại không gian nhận thức vốn là không gian của ông ta vào thời điểm diễn ra những sự việc mà tôi quan tâm. Vì vậy, tôi rất coi trọng những giai đoạn chuyển tiếp, trong đó người đối thoại xuất hiện, và thông qua những sự việc ông ta đã tham dự hoặc biết đến, tôi nắm bắt, hình dung được cơ cấu của hệ quy chiếu. Nhưng cách tiếp cận này có hai hệ quả.

Hệ quả thứ nhất liên quan đến những người được phỏng vấn. Do yêu cầu của công việc, tôi đã phỏng vấn khá nhiều chuyên viên đầu ngành, đối

¹ Hai cụm từ “hệ quy chiếu của kho vũ khí” và “hệ quy chiếu của thị trường” là hai cách nói ít nhiều ẩn dụ của tác giả để chỉ sự thay đổi chính sách nông nghiệp từ chỗ chỉ dựa trên những quan niệm gò bó, cứng nhắc, đơn giản hoá (kho vũ khí) đến những quan niệm phản ánh sự năng động và yêu cầu lợi nhuận của thị trường.

với tôi nhận thức về một hệ quy chiếu hành động tập thể không thể bị giới hạn ở những gì mà tầng lớp chuyên viên chính trị và hành chính đã suy nghĩ và nói về nó. Rốt cuộc thì một người nông dân, khi kể lại với tôi cách thức anh ta buộc bố mình mua một chiếc máy kéo, đã cho tôi biết nhiều về hệ quy chiếu của giai cấp nông dân hiện đại hơn là cuộc nói chuyện với một nhà lãnh đạo nghiệp vụ, tác giả của đạo luật về phương hướng nông nghiệp. Với cách nhìn nhận như vậy, khi tiến hành những công trình nghiên cứu, tôi có thể kể lại những cuộc nói chuyện của mình với những người nông dân, không kém phần thú vị so với những cuộc phỏng vấn những nhà lãnh đạo.

Hệ quả thứ hai đã được đề cập: Đối với tôi, trong bất cứ trường hợp nào, phương pháp phỏng vấn cũng không thể sử dụng riêng rẽ, không kết hợp với những phương pháp khác, đặc biệt là không thể tách rời việc tìm kiếm tư liệu. Chỉ có dùng nhiều cách tiếp cận địa bàn mới cho ta thấy rõ cách nhìn nhận thế giới bao gồm những giá trị, những chuẩn mực, những hình ảnh và quan hệ nhân quả - đó là những hệ quy chiếu của hành động công cộng.

CÁC CUỘC PHÒNG VẤN VỀ MẶT TỔ CHỨC ĐỐI VỚI HÀNH ĐỘNG TẬP THỂ THÔNG QUA HAI TRƯỜNG HỢP

- *Các trường đại học ở Pháp và Đức*
- *Chính sách văn hóa đô thị*

Erhard Friedberg

Khi phân tích về mặt tổ chức đối với hành động tập thể, người ta vận dụng phương pháp giả thiết - quy nạp, qua đó, dựng lại logic và những thuộc tính của trật tự cục bộ “từ bên trong”. Nói cách khác, ở đây, một mặt là ưu tiên cho việc khám phá địa bàn và cấu trúc của nó, một cấu trúc luôn luôn đặc biệt và ngẫu nhiên do hành động tập thể của con người, và mặt khác ưu tiên cho sự phát triển những mô hình miêu tả và diễn giải gắn liền với địa bàn đó, cùng với những đặc điểm và những ngẫu nhiên của nó: ở đây sự miêu tả ít ra cũng quan trọng như diễn giải những “sự việc” được quan sát. Sự miêu tả cho phép so sánh các công trình nghiên cứu và triển vọng sử dụng những kết quả nghiên cứu phục vụ cho quá trình biến đổi thực tế, nên có giá trị ngay trong bản thân nó: nó là một trong những sản phẩm chủ yếu của cuộc tìm hiểu.

Nói như thế là muốn nêu lên tất cả tầm quan trọng của phương pháp tiến hành kỹ thuật phỏng vấn “có chuẩn bị trước”, công cụ duy nhất cho phép nắm bắt “cuộc sống nghề nghiệp” của các tác nhân có liên quan đến trật tự cục bộ này. Đó là một “cuộc sống nghề nghiệp” vừa phản ánh trật tự đó, vừa góp phần tái tạo ra nó. Như thế cũng muốn nói rằng cuộc phỏng vấn mà tôi sẽ nói ở đây gắn liền với thói quen tìm tòi cấu trúc với những mục tiêu và cách đặt vấn đề đặc thù của nó. Không phải vì thế mà không quy cho nó một thuộc tính riêng biệt nào, trong thực tế cuộc phỏng vấn này là công cụ tìm tòi được ưu tiên. Như vậy, chính việc tìm tòi, và kinh nghiệm vững chắc tích lũy được về loại hình phỏng vấn này, là cái sâu lắng trong những nhận xét của tôi, và dĩ nhiên là cũng xác định cả các giới hạn hiệu lực của nó.

1. Hai cuộc điều tra về mặt tổ chức

Để cụ thể hơn những điều nói trên, tôi trình bày lại hai cuộc điều tra quy mô mà tôi đã tiến hành trong 15 năm qua. Cuộc điều tra thứ nhất, với sự cộng tác của Ph. Urfalino, nhằm vào những chính sách văn hóa đô thị, có mục tiêu là tìm hiểu tác nhân của các chính sách văn hóa ở ba thành phố Amiens, Rennes và Montpellier. Từ đó chúng tôi tái tạo và so sánh hệ thống quan hệ giữa những tác nhân của các chính sách văn hóa trong mỗi

thành phố, mà cơ cấu và cơ chế điều hành của nó tạo điều kiện cho khả năng can thiệp của nhà nước và của các toà thị chính. Cuộc điều tra này dựa trên khoảng 70 cuộc phỏng vấn “có chuẩn bị trước” ở mỗi thành phố, tổng cộng chúng tôi đã tiến hành khoảng 200 cuộc phỏng vấn. Những cuộc phỏng vấn này liên quan đến các tác nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa (nhạc trưởng, người phụ trách, người giới thiệu chương trình và thành viên của các đoàn nghệ thuật hay câu lạc bộ khiêu vũ, giám đốc và người điều hành hoạt động văn hóa - xã hội) - và những người phụ trách chính sách văn hóa ở toà thị chính (người phụ trách và thành viên của các sở hoặc cơ quan văn hóa, ông thị trưởng và trợ lý văn hóa). Cuộc điều tra thứ hai, với sự cộng tác của Ch.Musselin, nhằm vào hệ thống giáo dục đại học ở Pháp và ở Đức, được tiến hành tuần tự từng bước. Ở giai đoạn đầu, nhiệm vụ của tôi là thực hiện bốn chuyên luận về các trường đại học (hai ở Pháp và hai ở Đức). Những chuyên luận này, một mặt, phải cho phép tái tạo theo cách quy nạp hệ thống hoạt động cụ thể làm cơ sở cho hoạt động của mỗi trường đại học, và mặt khác cho phép so sánh các hệ thống hoạt động được làm rõ trên cả bình diện quốc gia và quốc tế: ở mỗi trường đại học có khoảng 80 người có quyền quyết định (giám đốc và phó giám đốc, chủ nhiệm UFE, cán bộ giảng dạy - nghiên cứu là thành viên của các hội đồng, các

tổng thư ký và thành viên của ban quản trị trường đại học) đã được phỏng vấn, tổng cộng là 300 cuộc phỏng vấn. Những kết quả của giai đoạn đầu đã buộc chúng tôi phải điều chỉnh lại nội dung nghiên cứu. Quả vậy, mọi khu vực của giáo dục đại học công lập đều gồm hai hệ thứ bậc khác nhau: Một là, hệ thứ bậc chuyên môn được kết cấu theo ngành khoa học và ta có thể coi chúng như những thị trường học thuật; hai là hệ thứ bậc tổ chức gồm những cơ sở và một cơ quan hành chính trung tâm có những đặc quyền đối với các cơ sở, nhiều hay ít tùy từng trường hợp. Như thế ta đứng trước ba cực - hoặc ba tác nhân tập thể. Giữa chúng có quan hệ tương tác lẫn nhau và mỗi quan hệ này lại tạo ra mỗi quan hệ tương tác khác và những logic hoạt động của chúng tạo thành “hệ thống”, nghĩa là tái tạo ra nhau. Theo cách nhìn nhận mới này, giai đoạn thứ hai của chương trình tìm hiểu đương nhiên gắn liền với sự khảo sát cực thứ hai trong hệ thống trường đại học. Như thế chúng tôi đã tìm hiểu những logic vận hành của các quyền lực hành chính, những quan hệ của chúng với hai cực khác và các dạng thức can thiệp của chúng trong hệ thống. Tính tất cả, đã có khoảng 200 cuộc phỏng vấn ở Pháp và ở Đức với các giám đốc và các viên chức của các cơ quan hành chính chịu trách nhiệm về chính sách đối với các trường đại học ở hai nước.

Mặc dù nghiên cứu hai lĩnh vực khác nhau, hai

chương trình nghiên cứu này vẫn có chung cách đặt vấn đề về mặt tổ chức. Ở mỗi chương trình, vấn đề là tái tạo một hệ thống tổ chức phức tạp với kết cấu và những phương thức điều hành của nó: Trong trường hợp các chính sách văn hóa (cũng như trong trường hợp các trường đại học giống với hiệp hội các đơn vị giáo dục và nghiên cứu hơn là các tổ chức đơn nhất), rõ ràng là ta đứng trước những tập hợp liên - tổ chức. Nhưng trong trường hợp các nhà chức trách bảo trợ các trường đại học, thì nó lại nằm trong khuôn khổ của một cuộc khảo sát tổ chức “cổ điển” của một cơ quan trung ương. Nói đúng ra, dù trong trường hợp nào, việc thực hiện những cuộc phỏng vấn này không đặt ra vấn đề gì. Những người được phỏng vấn luôn tiếp đón chúng tôi rất vui vẻ và họ đều quan tâm đến cuộc phỏng vấn, thậm chí đôi lúc còn cảm ơn chúng tôi về thời gian mà chúng tôi đã dành để đến với họ. Nhưng thực tế khi tiến hành các phỏng vấn, có nhiều hệ quả bất nguồn từ cách đặt vấn đề chung, là nền tảng của các khảo sát này.

2. Phần lớn các cuộc phỏng vấn đều nhằm mô tả một hệ thống

Một mặt, các cuộc điều tra này, cũng như tất cả những cuộc điều tra được thực hiện trong khuôn khổ cách tiếp cận về mặt tổ chức đối với các không gian hành động tập thể, được nhìn theo quan điểm đồng đại. Cho nên, chắc chắn sẽ có sự dồn đọng và

ruộm rà trong những cuộc phỏng vấn. Khi đón nhận thông tin về “cuộc sống nghề nghiệp” của những người được phỏng vấn, vấn đề là phải hiểu được hai điều: Một là cấu trúc của những mối tương tác giữa người này với người khác, đặc trưng cho một phương thức vận hành; hai là những phương thức điều tiết mà qua đó các mối tương tác này và cấu trúc phụ thuộc lẫn nhau một cách ngầm ngấm duy trì được hoạt động. Các cuộc phỏng vấn đề cập đến cùng một vấn đề sẽ bổ sung cho nhau hay ít nhất cũng thường xuyên tham khảo lẫn nhau. Điều chưa thực hiện được với một người đối thoại, hoặc chưa đề cập trong cuộc phỏng vấn sẽ dễ dàng được thực hiện với người đối thoại khác, những điểm mà do thiếu thời gian hoặc do thiếu thiện chí nên ta không thể đi sâu với người phỏng vấn này thì lại có thể đi sâu với một người được phỏng vấn khác, ...

Thêm vào đó là một lý do nữa làm biến đổi rõ rệt cái mà ta gọi là tương quan giữa người được phỏng vấn và người phỏng vấn: Tất cả những người được phỏng vấn đều biết rằng sớm hay muộn, những người cùng một không gian hoạt động với họ sẽ được phỏng vấn, và như vậy họ không phải là người chủ của những thông tin và những ấn tượng mà người phỏng vấn thu lượm được, vì vậy tốt hơn là chính họ nói về một số sự việc còn hơn là để cho các đồng nghiệp hay đối tác của họ nói. Nói cách khác, đối chiếu không gian

hoạt động của từng người được phỏng vấn không chỉ cho thấy sự dư thừa thông tin, mà còn đặt họ “dưới sức ép” hay trong một quan hệ cạnh tranh với tư cách là người cung cấp thông tin và bằng chứng. Hai hệ quả tiếp nối nhau. Một là, khuynh hướng quen thuộc của những người được phỏng vấn là đoán trước những gì mà những người được phỏng vấn khác có thể nói, như vậy họ sẽ đưa ra nhiều bằng chứng hơn so với dự kiến lúc đầu khi chấp nhận cuộc phỏng vấn. Hai là, một số người có thể từ chối phỏng vấn, và khoảng trống để lại do những từ chối đó có thể dễ dàng được bù đắp.

Cuối cùng, sự trùng lặp bằng chứng trở nên rõ ràng khi chúng ta có ý đồ tìm hiểu, so sánh dựa trên sự đối chiếu các tình thế và các hệ thống tác nhân gần gũi. Giữa những tác nhân này (do ý đồ của cuộc tìm hiểu) vẫn có những sự cộng hưởng mạnh mẽ cho phép bù đắp những thiếu sót có thể có của một cuộc điều tra trong một khu vực. Tóm lại, điều mà ta phải hiểu rằng trong cách nhìn nhận này hay trong phương pháp tiến hành phân tích này, một cuộc phỏng vấn được tiến hành riêng rẽ rồi cuộc sẽ có ít ý nghĩa, chẳng mấy có lợi ích hay giá trị thông tin. Chỉ bằng cách so sánh và đối chiếu với các cuộc phỏng vấn khác thì nội dung của nó mới thể hiện rõ và bổ ích cho việc phân tích.

Mặt khác, trong việc xây dựng tư liệu hay mẫu phỏng vấn, ta không thể chỉ bằng lòng với riêng

“giới thượng lưu”, nghĩa là những người lãnh đạo của các hệ thống này. Quả vậy, trong loại điều tra này, không phải những cuộc phỏng vấn người lãnh đạo mới là đáng kể hay thú vị nhất. Ngay trong hoạt động hằng ngày, với những việc làm thực tế, những lễ thói “quan liêu” và những “quy tắc trò chơi” của nó, làm thành nội dung của công cuộc tìm hiểu, thì những mẫu phỏng vấn không thể bằng lòng với những “người phụ trách”, mà thường phải đi xuống khá xa trong bậc thang quyền lực của các tác nhân thuộc hệ thống được xem xét. Về mặt này hai nguyên tắc hướng dẫn việc tạo mẫu mà tôi gọi là “có lập luận” để lưu ý là chúng không thể nào dựa vào sự tình cờ, và mặt khác, chúng không hề đòi hỏi tính đại diện.

Nguyên tắc thứ nhất là ý muốn gìn giữ tối đa các khả năng so sánh và đối chiếu khi xem xét kỹ, sao cho cân bằng lại tính chủ quan của mỗi cuộc phỏng vấn. Nói một cách lý tưởng, trong bảng chứng thu thập được, mỗi “chức năng” hay vị trí của hệ thống phải luôn luôn được tách ra để so sánh và từ đó, phân biệt những gì liên quan đến những đặc điểm thực sự cá nhân, hoặc đến những phương diện có tính cơ cấu hơn.

Nguyên tắc thứ hai để cấu thành tập tư liệu là tái tạo những “cụm” tác nhân, nghĩa là đặt lại trong chừng mực có thể được những tác nhân được phỏng vấn trong các quan hệ công tác của họ theo chiều dọc cũng như theo chiều ngang. Điều đó có

hai lý do. Một mặt, vấn đề là phải tính đến quan hệ qua lại của các quan điểm thu thập được. Mặt khác, phải chắc chắn có sự trùng lặp khi khớp lại với nhau từng bộ phận không gian hoạt động của mỗi người, nghĩa là khớp lại chính nội dung nói chuyện của người được phỏng vấn. Kết quả là những cuộc điều tra như thế luôn luôn kéo theo nhiều cuộc phỏng vấn (như những con số dẫn ra ở trên) dưới hình thức những đợt phỏng vấn trong một khoảng thời gian tương đối ngắn. Và chúng ta cũng ít có những lần tạm ngừng để xem xét lại nửa chừng.

Trong chừng mực có thể, nghĩa là ngay từ khi những cuộc thương lượng để tiếp cận với địa bàn đã được hoàn tất, những đợt phỏng vấn này được tiến hành “từ dưới lên trên”, nghĩa là từ những cấp hoạt động thực tế tới những người lãnh đạo, chứ không phải theo chiều ngược lại. Quả vậy, càng lên cao trên bậc thang của trách nhiệm thì những người được phỏng vấn càng có khuynh hướng giữ khoảng cách và đặt mình cao hơn so với vai trò và những hoạt động của họ. Kết quả là họ sẽ có khuynh hướng khái niệm hoá và trừu tượng hoá hơn nữa bằng chứng của họ, làm mất đi sự tự nhiên và “khía cạnh thực tiễn” tạo nên giá trị của nó trong một cuộc khảo sát về tổ chức, và đó là điều có thể đạt được dễ dàng hơn trong những cuộc phỏng vấn với các tác nhân có trách nhiệm ít hơn. Ta có thể thu thập được thông tin “từ dưới”, nghĩa

là thông tin cụ thể hơn và biểu hiện rõ hơn qua những cuộc phỏng vấn từ trước với những tác nhân ở gần với thực địa hơn. Trong những điều kiện như vậy, thông tin thu được sẽ trở thành đối trọng hữu ích chống lại khuynh hướng của những người lãnh đạo, vì ta cung cấp cho họ những lý lẽ và tư liệu cụ thể thúc đẩy họ làm rõ hơn nữa bằng chứng của mình.

Khó khăn mà tôi vừa nói không chỉ dành riêng cho những cuộc phỏng vấn những người lãnh đạo, mà về điểm này, nên mở rộng vấn đề. Mục đích của một cuộc phỏng vấn là biết được hoạt động của các tác nhân, cách thức họ “thoát khỏi tình cảnh khó khăn”, cùng “giải pháp” đặc biệt và cụ thể của họ đối với những vấn đề mà họ gặp phải trong hoạt động của mình. Thực chất có ba thái độ (hay nhân tố) có thể làm hỏng một cuộc phỏng vấn. Một là, lối nói chính trị cứng nhắc, trong đó những người được phỏng vấn không từ bỏ những mục tiêu chính thức và cách nhìn chuẩn xác về phạm vi hoạt động của họ, bằng cách phủ nhận mọi khó khăn và mọi vấn đề. Hai là có sự “thỏa thuận ngầm” và “đồng loã” riêng tư giữa người được phỏng vấn và người phỏng vấn. Quả vậy, đã có trường hợp hoàn toàn không làm gì được trong lĩnh vực này, đó là cuộc phỏng vấn một người bạn: Một cuộc phỏng vấn như thế luôn luôn bị choán đầy bởi những điều “không nói ra”, những điều hiểu ngầm, và đại loại như “A, cậu biết đấy, mình

không cần giải thích cho cậu...". Đúng ra, trong một cuộc phỏng vấn, mọi điều phải được giải thích và phải hết sức tránh sự hiểu nhầm. Cuối cùng, chính là khuynh hướng của một số người được phỏng vấn (và của những loại người được phỏng vấn) là suy nghĩ về thực tiễn việc làm của họ rồi khái quát hoá thực tiễn đó. Khuynh hướng này đâu chỉ biểu hiện ở những người lãnh đạo, mà ngược lại. Về mặt này, có những người làm các nghề nghiệp khó phỏng vấn hơn những người làm nghề nghiệp khác, bởi vì những nghề nghiệp đó khiến mỗi thành viên thường quen tự phân tích công việc của mình, và cũng bởi những công việc này khó miêu tả và cụ thể hoá hơn. Tôi không muốn làm việc phân loại mà chắc hẳn chẳng có ý nghĩa gì trong cái nhìn khái quát này, nhưng có thể khẳng định là vì lý do nói trên, những người làm công tác giảng dạy hay giáo dục chẳng hạn, và hơn nữa, những nhà tâm lý học hay tâm thần học, thuộc về những nhóm nghề nghiệp đặc biệt khó phỏng vấn.

3. Đánh giá cao ý kiến mang tính chủ quan độc lập của những người được phỏng vấn

Cách thức tiến hành cuộc phỏng vấn cũng bị tác động bởi cách đặt vấn đề. Quả vậy, cách đặt vấn đề buộc người phỏng vấn phải tìm kiếm tính chủ quan của người được phỏng vấn, bởi vì nhờ đó ta sẽ có thể lần tới cấu trúc của phạm vi thể hiện

trong tính chủ quan đó. Chắc chắn đó là giả thiết mang tính phương pháp luận cơ bản của cách đặt vấn đề này. Giả thiết này cho rằng những ý kiến và những nhận thức của người được phỏng vấn đối với tình thế của họ, công việc của họ, cũng như đối với những tác nhân khác thuộc không gian hoạt động của họ, những lời giải thích về hành vi và các quyết định của họ đều thuộc một mạng lưới những quan hệ phụ thuộc trong đó họ tham dự, và thuộc chất lượng những cuộc trao đổi, qua đó họ tìm cách quản lý những quan hệ phụ thuộc này.

Do vậy, một điều trọng yếu là những người được phỏng vấn tỏ ra tự do và chủ quan nhất, cá nhân nhất, và kèm theo con mắt đánh giá, cách thức hoạt động của mình, cách thức họ xây dựng những mối quan hệ với người này hay người khác, những vấn đề mà họ gặp phải, và những giải pháp đối phó. Người phân tích không đi tìm một sự mô tả khách quan hay vô thưởng vô phạt, hay những thông tin “lạnh lùng” về các sự kiện hay các quá trình. Ngược lại, họ đi tìm những người đối thoại có chủ kiến, sẵn sàng trả lời phỏng vấn, cho biết quan điểm của họ về các vấn đề, cách thức mà họ hành động và biện minh cho những phán xét của họ, tất cả đều rất cụ thể, với những ví dụ xác đáng. Để người đối thoại “nhập cuộc” như vậy, người phân tích phải từ bỏ tính khách quan, đứng ngoài cuộc của mình trong

tương quan với không gian hoạt động tập thể được phân tích. Phải biết cách đặt mình vào vị trí của người được phỏng vấn để tái tạo tình thế của anh ta từ bên trong, nhờ đó, hiểu họ đã nhận thức không gian hoạt động của họ như thế nào, họ đã tự mình hình dung những lựa chọn hành động như thế nào, và cuối cùng họ đã quyết định đóng vai trò của mình ra sao.

Như thế có thể nói rằng phẩm chất đầu tiên của người phân tích là sự tò mò hiếu kỳ, khả năng lắng nghe và sự đồng cảm, cùng với khả năng thiên bẩm để nếu không phải là biết tự giải thoát, thì ít nhất cũng là khả năng tránh xa sự lôi cuốn và các quan niệm lầy “mình làm trung tâm” theo nghĩa rộng nhất. Cuộc phỏng vấn trước hết phải được nhìn nhận như một quan hệ, trong đó phải xác lập không khí tin cậy và lắng nghe đến mức người được phỏng vấn cũng muốn kéo dài hơn nữa thời gian phỏng vấn so với dự tính ban đầu, không phải vì người phỏng vấn đã điều khiển được ông ta, mà vì bản thân ông ta quan tâm đầy đủ đến cuộc phỏng vấn để giải thích rõ những quyết định hoặc những ứng xử của ông ta và làm cho người phỏng vấn hiểu rõ cái gì đang làm cho ông ta tâm đắc. Theo cách nhìn nhận này, người phỏng vấn phải tránh thái độ tra hỏi, như kiểu điều tra của cảnh sát hay tìm hiểu một tội phạm. Mục đích của người phỏng vấn không phải là kiểm tra một thông tin nào đó mà là tìm

hiểu một cách sắp đặt, một tình thế - tức là tìm hiểu người được phỏng vấn trong phạm vi hành động của họ. Ngược lại, đối mặt với người được phỏng vấn, họ phải tự xác định cho được mình là một người đối thoại vừa trung lập, vừa chăm chú và quan tâm, đang tìm cách đi sâu vào bản chất của sự vật để hiểu mà không phán xét những gì mà người được phỏng vấn nói tới.

Tất nhiên, có một cái nền cho cuộc phỏng vấn tập trung vào công việc và những quan hệ của người được phỏng vấn trong khi thực thi công việc. Tuy nhiên, cái nền không phải là một bản hướng dẫn phỏng vấn khép kín và càng không phải là một bản câu hỏi. Nó chỉ là một sợi dây dẫn dắt đủ dài rộng cho phép mọi sự thích nghi, mọi cách đề cập rộng rãi, nhằm gắn liền hơn với những quan tâm và nhận thức đặc biệt của người được phỏng vấn. Nhờ đó, ta có thể theo sát người được phỏng vấn ở mọi đoạn đích dắc mà ông ta dùng trong cuộc nói chuyện. Tất nhiên, người phỏng vấn phải chủ động và không bao giờ được can thiệp vào cuộc nói chuyện để đưa vào hay đi sâu vào một điểm nào đó. Bao giờ người phỏng vấn cũng làm việc đó với thái độ tôn trọng, tránh đưa người được phỏng vấn vào tình thế mâu thuẫn với chính mình, và tôn trọng nhịp độ cùng cách thức riêng của người đó khi đề cập các vấn đề. Việc đặt câu hỏi phải vừa gợi mở vừa cụ thể. Gợi mở, để người được phỏng vấn tự do phát biểu

và trình bày quan điểm cá nhân đối với hoạt động và cách thức làm việc, hệ thống những quan hệ mà họ tham dự và cách thức quản lý những quan hệ đó. Nhưng tránh để người được phỏng vấn rơi vào một khuôn khổ không phải của mình khiến ông ta nhanh chóng tự khép mình, nghĩa là trở về với “lối nói chính trị cứng nhắc”. Cụ thể, để giúp cho người được phỏng vấn không sa vào những nhận xét triết học thay vì nói đến thực tiễn hoạt động của ông ta. Người phỏng vấn sẽ chấp nhận, nghĩa là sẽ ghi chép cẩn thận tất cả những lời trình bày, lý giải, những khẳng định, thậm chí cả những gì dường như là “vô bổ”, hoặc có “dụng ý xấu”. Bởi vì, người phỏng vấn không được có ý kiến riêng về những vấn đề được nêu lên và phản bác điểm này hay điểm kia xuất phát từ những tiêu chí của riêng mình. Thực chất, người được phỏng vấn phải có lý, và đó đúng là những ý hay cần cập nhật thông qua phỏng vấn.

4. Trước tiên phải coi tất cả những người được phỏng vấn đều quan trọng

Để khám phá và hiểu cấu trúc cùng những phương thức điều tiết một không gian hoạt động tập thể thì trước tiên phải coi tất cả các tác nhân trong không gian đó, dù vị trí của họ như thế nào, đều quan trọng như nhau, với tư cách là những người có thể cung cấp thông tin. Quả vậy, chúng ta không thể biết trước cuộc phỏng vấn nào sẽ là

thứ vị hay phong phú nhất, người đối thoại nào sẽ nói ra những điều “đáng quan tâm” nhất và đâu là những thông tin “có ý nghĩa” nhất. Phương pháp của chúng ta là không tìm cách biết trước điều đó. Do đó, phương pháp ứng xử mà tôi vừa mô tả, vẫn được áp dụng bất kể người đối thoại là ai, dù là ông giám đốc một cơ quan trung ương hay là người quản lý sổ sách một trường đại học ở tỉnh lẻ, ông phó thị trưởng phụ trách văn hóa hay là người phụ trách các buổi nói chuyện của một nhà văn hóa. Tất nhiên, trong mỗi trường hợp, phạm vi nhìn nhận và xác định vị trí cần hiểu và tái tạo sẽ không giống nhau, và phải ứng biến tùy theo người được phỏng vấn và cách thức họ nhìn nhận cuộc phỏng vấn. Tuy vậy, cách ứng biến này không tính đến cấp bậc hay vị trí của người được phỏng vấn mà căn cứ vào chính con người họ, để đạt đến sự “phù hợp” tốt nhất và mối quan hệ tốt nhất trong cuộc phỏng vấn. Ngoài ra, cái nền chung cho cuộc phỏng vấn vẫn giống nhau, và nhất là tư thế của người phân tích vẫn thể hiện sự tôn trọng, sự kính nể, sự quan tâm, đức tính biết lắng nghe, và ý muốn xác định hoạt động thực tiễn của người được phỏng vấn.

Còn kỹ thuật ghi chép mở rộng cũng vậy. Ta có thể hình dung ba kỹ thuật ghi lại nội dung của một cuộc phỏng vấn. Kỹ thuật thứ nhất sơ lược nhất, là tóm tắt cuộc phỏng vấn. Chỉ ghi lại những điểm đã gợi ra và những điểm “có ý nghĩa” đối với

người phỏng vấn. Ở đây, kỹ thuật này bị loại trừ, bởi vì nó đòi hỏi phải biết trước không gian hoạt động và biết trước cái gì là thông tin “có ý nghĩa”. Nhưng lấy đâu ra sự hiểu biết tiên quyết như vậy. Kỹ thuật thứ hai là ghi âm lại toàn bộ nội dung cuộc phỏng vấn. Đặc điểm của kỹ thuật này là khả năng thu lượm rất chi tiết và trung thực. Nhưng ưu điểm này cũng là nhược điểm của nó, đặc biệt khi người ta tiến hành nhiều cuộc phỏng vấn, chẳng hạn như trường hợp ở đây. Quả thực, muốn ghi lại nội dung phỏng vấn từ một máy ghi âm thì 60 cuộc phỏng vấn với thời gian một giờ rưỡi mỗi cuộc, sẽ đòi hỏi 90 giờ, đơn giản chỉ để nghe, chứ chưa nói đến việc có những ghi chép cần thiết trong khi nghe. Như vậy, ta đứng trước một kỹ năng quá nặng nề, không thực tế. Điều phiền phức ở đây còn nhiều hơn là dùng máy ghi âm lúc phỏng vấn. Kỹ thuật thứ ba là ghi chép mở rộng. Rõ ràng, kỹ thuật này đòi hỏi phải lựa chọn nội dung gì để ghi, bởi vì tốc độ viết không thể nhanh bằng tốc độ nói. Tính chọn lọc của kỹ thuật này cũng là cái đích tìm kiếm. Nhưng để tránh việc người phỏng vấn bóp méo thông tin trong khi lựa chọn, thì việc lựa chọn này không thể là quyết định của người phỏng vấn, mà là hậu quả sự bất lực (hạn chế) của bàn tay do không thể ghi chép kịp tất cả: Theo cách này, việc lựa chọn được diễn ra một cách tự động. Đối với người phỏng vấn thì mệnh lệnh là ghi lại tất cả, từ phong cách nói

chuyện của người được phỏng vấn, cách dẫn dắt vấn đề, những đặc điểm trong diễn đạt. Nhưng do bàn tay không theo kịp lời nói của người được phỏng vấn, nên chỉ ghi lại được một phần của cuộc nói chuyện. Nhưng phần này cũng đủ để có được những bằng chứng phong phú và mang cá tính của những tác nhân khác nhau.

5. Tăng cường tính hồn nhiên trong quá trình trao đổi

Cần phải nói vài lời về vấn đề thường được tranh luận chung quanh sự hiểu biết cần thiết ban đầu để tiến hành tốt những cuộc phỏng vấn. Đương nhiên, không phải là tôi phủ nhận ý nghĩa của việc dựa vào tư liệu càng nhiều càng tốt về những đặc điểm “hình thức” của không gian hoạt động được nghiên cứu, thậm chí đối với cả chức năng của những người được phỏng vấn, đối với đặc điểm và lịch sử của họ... Nhưng với một cuộc điều tra được tiến hành trong khuôn khổ cách đặt vấn đề về mặt tổ chức, tôi thấy sự hiểu biết ban đầu này và sự chuẩn bị cần thiết không quan trọng lắm đối với thành công của cuộc phỏng vấn, thậm chí đôi lúc còn có thể làm hại cho động thái của cuộc phỏng vấn vì nó làm mất đi tính hồn nhiên và tình trạng hiểu biết chưa đầy đủ, vốn rất lành mạnh ở người phỏng vấn. Nó đưa đến những bất ngờ và như vậy cũng dẫn đến những câu hỏi hay. Không nhất thiết phải noi theo Glaser và Strauss,

những người khuyên rằng hãy đọc “chút xíu thôi” trước khi đi “thực tế” để giữ cho “đầu óc tỉnh khô” và có được yếu tố bất ngờ. Nhưng tôi cho rằng ta hoàn toàn có thể tương đối hoá tầm quan trọng của giai đoạn chuẩn bị những cuộc phỏng vấn và chuẩn bị địa bàn. Tầm quan trọng này đôi khi bị cường điệu do cách nhìn quá kinh viện đối với nghiên cứu thực nghiệm. Theo tôi chính là nhờ tích tụ những cuộc nói chuyện mà biết rõ được những đặc điểm của một không gian hoạt động. Còn tình trạng hiểu biết chưa đầy đủ, nếu được khống chế tốt, đôi lúc có thể lại dẫn đến những kết quả còn hay hơn cả vốn tư liệu tập hợp được và được nghiên cứu đầy đủ nhất. Đây là một thực tế vì ở đoạn cuối của một đợt phỏng vấn, thì không phải tình trạng không hiểu biết mới là kẻ thù của người phỏng vấn khi tìm kiếm thông tin, mà là sự buồn chán và mệt mỏi nảy sinh do trùng lặp thông tin từ những cuộc nói chuyện đã qua, có thể gây ra cảm giác (có thể hiểu được phần nào) rằng mình đã biết điều mà người được phỏng vấn nói ra, và như vậy anh ta có thể mất đi thái độ đồng cảm và lắng nghe.

Rốt cuộc, chính việc xây dựng mối quan hệ trò chuyện này gồm sự đồng cảm và lắng nghe là khó khăn chủ yếu mà người phỏng vấn gặp phải, và là điều chi phối nhiều hơn hết thành công của cuộc phỏng vấn. Nó đòi hỏi người phỏng vấn phải có khả năng gìn giữ sự đồng cảm và khoảng cách, tính chủ quan và khách quan, sự tò mò và sự đứng đưng, sự

hồn nhiên và tình trạng hiểu biết chưa đầy đủ, tóm lại, là một tập hợp những thái độ, và điều tối thiểu có thể nói ở đây là chúng không kết hợp với nhau một cách tự phát. Mỗi quan hệ trò chuyện này cho rằng, qua tư thế cũng như những hành động của mình, người phỏng vấn biết xây dựng một quan hệ cho phép thắng được ba kẻ thù là: sự bóng gió, sự quanh co và lối nói chính trị cứng nhắc, một quan hệ mà cả hai người - người phỏng vấn và người được phỏng vấn - biết thêm được một điều gì đó mà không ai có cảm giác phí thời gian.

Rất cuộc, tiếng tăm của người phỏng vấn phụ thuộc vào khả năng đó. Tiếng tăm này lan ra khá nhanh đối với những người được phỏng vấn tiềm tàng, và như vậy họ sẽ chấp nhận rằng buộc của cuộc phỏng vấn, quyết tâm có thái độ đúng khi vào cuộc, “chơi trò chơi” mà không tránh né những điểm tế nhị. Cuộc thương lượng tốt đẹp để tiếp cận địa bàn, tính kín đáo của các cuộc phỏng vấn, cũng như sự chuẩn bị cho cuộc điều tra bằng cách đọc trước tài liệu (với điều kiện mà tôi vừa nói) là những điều kiện cần thiết, nhưng chưa đầy đủ. Không gì thay thế được khả năng này, cùng với nó là sự cam kết và quan tâm thực sự của người phỏng vấn. Rất cuộc, sự phong phú của tư liệu thu thập phụ thuộc vào đó, nghĩa là cuối cùng cuộc điều tra có được khả năng đổi mới lại nhận thức về cơ cấu của không gian hành động mà ta phân tích.

6. Phân tích:

Luôn luôn nghi ngờ các cuộc phỏng vấn

Một “đợt” phỏng vấn diễn ra giống như sự lặp lại các tình huống phỏng vấn giống nhau, nếu không phải là trong kết quả thì ít nhất cũng là trong diễn biến và ý đồ. Về phương diện này, mỗi cuộc phỏng vấn đặt ra cho người phỏng vấn cùng một vấn đề và cùng một nhiệm vụ: trong một quãng thời gian ngắn, kết nối quan hệ với một người mà ta không quen biết, làm sao cho người đó chấp nhận nói mà không phải quá thận trọng về việc làm của mình, về những “bí mật lớn hay nhỏ”, những vướng mắc của mình. Nói tóm lại, người đó chấp nhận đưa ra cách diễn giải của mình về các sự vật, cách nhìn nhận không gian hoạt động. Mỗi một cuộc phỏng vấn đi sâu vào một tình thế đặc biệt, với những đòi hỏi đồng cảm và lắng nghe giống nhau để biết được cách thức mà các tác nhân của không gian hành động và nhận thức, trải qua và đánh giá các tình huống của mình, cách thức họ cấu trúc các thói quen hành động và những mối quan hệ phù hợp.

Chắc là với số lượng các cuộc phỏng vấn nhiều lên, người phỏng vấn tích lũy rất nhanh những thông tin về không gian hoạt động mà kết cấu của nó là điều cần quan tâm. Những hiểu biết này cho phép tiến hành những cuộc phỏng vấn còn lại bằng cách dùng những chỗ trùng lặp để làm cho những câu hỏi của mình thêm sắc sảo

hay đi sâu vào một số điểm: dần dần cùng với tiến trình điều tra, những cuộc phỏng vấn trở nên càng ngày càng tập trung vào một số điểm nhưng không vì thế mà ta rời bỏ cái nền chung, rời bỏ tư thế lắng nghe một cách đồng cảm thuận theo nhịp độ và những đặc điểm của người được phỏng vấn. Trong quá trình tiến hành, những nhận thức đó có thể cho phép đưa ra một vài giả thiết đầu tiên về những yếu tố có thể thách thức cấu trúc không gian hành động được nghiên cứu. Nhưng những hiểu biết, những thông tin và những giả thiết này vẫn quá rời rạc, nó không cho phép người phỏng vấn hình thành một cái nhìn tổng quát và đi đến sự tổng hợp ngay trong tiến trình của cuộc phỏng vấn. Hơn nữa vì bận với nhiệm vụ của mình là nắm bắt những biểu hiện chủ quan kế tiếp nhau, nên người phỏng vấn không thể tách ra để thực hiện một sự tổng hợp như vậy: Nội dung của cuộc phỏng vấn này xua đuổi cuộc phỏng vấn khác. Trong ký ức của anh ta, chỉ còn lại những ấn tượng mạnh về một số điểm được lặp lại nhiều nhất trong các cuộc phỏng vấn. Tóm lại, đúng là người phỏng vấn bị vướng giữa khối lượng thông tin thu thập được trong “một đợt phỏng vấn” và chính khối lượng thông tin này ngăn cản anh ta để tâm thực hiện sự tổng hợp trong tiến trình phỏng vấn.

Chỉ trong quá trình phân tích có hệ thống toàn bộ những cuộc phỏng vấn thì mới có thể có được

một sự chất lọc như vậy, và lúc ấy người phỏng vấn có thể phải lấy lại yếu tố khách quan của mình trong tương quan với tất cả những gì là chủ quan. Lúc ấy, bắt đầu một giai đoạn khác của cuộc điều tra, giai đoạn phân tích lại, đòi hỏi một tư thế đối lập hẳn với tư thế trong phỏng vấn, nhất là ta phải có một khoảng cách như nhau đối với tất cả các cuộc phỏng vấn, đồng thời nhất thiết phải nghi vấn tất cả những khẳng định, thông qua so sánh và đối chiếu một cách có hệ thống các thông tin, các cách mô tả và lập luận đã có trong các cuộc phỏng vấn đó.

Trong khuôn khổ của bài viết này, tôi không muốn và cũng không thể đi vào một cuộc bàn sâu về công việc phân tích, xem xét lại, ở đây tôi chỉ muốn nhấn mạnh đến hai đặc điểm tạo nên sự khác biệt của nó so với công việc phỏng vấn.

Thứ nhất là, tính hệ thống của việc đọc lại và so sánh các cuộc phỏng vấn, và ngay từ đầu coi trọng như nhau tất cả các cuộc phỏng vấn. Dù cho có sự nặng nề và buồn chán không tránh khỏi, đây vẫn là cách lấy lại thăng bằng duy nhất trước chủ nghĩa ấn tượng luôn đe dọa phương pháp định tính. Đó là cách duy nhất chống lại khuynh hướng tự nhiên của người phân tích muốn đơn giản hoá quá nhanh để đi tới kết luận, mà trong bố cục phân tích không tính đến những mâu thuẫn chứa đựng trong các cuộc phỏng vấn. Một bài phân tích thích hợp phải có khả năng

vượt lên hay gắn kết các mâu thuẫn đó. Nhờ việc lý giải này ta có được một tập hợp các chủ đề, và đó là bước đơn giản hoá đầu tiên trong việc hợp nhất các thông tin chứa đựng trong các cuộc phỏng vấn.

Thứ hai, nhất thiết phải tìm đến tính khách quan khi lý giải lại, trên thực tế sẽ là nghi vấn một cách có hệ thống những bằng chứng của các cuộc phỏng vấn. Trong việc tìm kiếm khoảng cách, người phân tích, một mặt, có thể và phải dựa trên những niềm tin, những chuẩn mực, những tình huống của mình, nói tóm lại coi mình là trung tâm, để rồi vận dụng nó, không phải để phân xét những người được phỏng vấn, mà để giảm bớt sự sững sốt do xuất hiện những khoảng cách. Chính những khoảng cách này đặt ra cho chúng ta vấn đề tìm hiểu và như thế mở ra khả năng thâm nhập vào cơ cấu không gian hành động cần được làm sáng tỏ. Nhưng chắc chắn, người tìm hiểu phải cần đến những cuộc phỏng vấn khác nữa. Ở đây, người phân tích không bằng lòng với những khẳng định trong một cuộc phỏng vấn, mà sẽ luôn luôn tìm cách gắn nó với những điều khẳng định của các cuộc phỏng vấn khác. “Trò chơi” này đòi hỏi phải thường xuyên đưa ra các giả thiết về hậu quả tất yếu của mỗi cuộc phỏng vấn đó là sự tác động của điều khẳng định này, hành vi này, thái độ này của một tác nhân hay của một nhóm tác

nhân phải có đối với các tác nhân khác cũng như đối với cung cách mà các tác nhân này chắc sẽ phản ứng lại, để rồi sau đó, trong các cuộc nói chuyện của những người khác, tìm kiếm những dấu hiệu cho phép phản bác hay không phản bác giả thiết này. Theo cách nhìn nhận này, không một cuộc nói chuyện nào lại độc lập với những cuộc nói chuyện khác, mà đó là một tổng thể, và chỉ cho phép có được những khẳng định sau một sự đối chiếu nghiêm ngặt.

Số lượng lớn những cuộc phỏng vấn ở đây còn là một yếu tố cơ bản của phương pháp tiến hành nói trên. Không một điều khẳng định nào, không một lập luận nào lại được chấp nhận y nguyên: Bao giờ nó cũng là đối tượng của một công việc xem xét, đối chiếu, so sánh, thử thách với những dữ liệu thu được từ các cuộc phỏng vấn khác. Chính thông qua việc vận dụng có hệ thống các cuộc phỏng vấn với nhau mà dần dần xuất hiện những sự việc có ý nghĩa, cho phép dựng nên những tác nhân xã hội phù hợp của không gian hành động được tìm hiểu, và tái tạo logic hành động hay chiến lược của họ. Các logic và chiến lược này chỉ có ý nghĩa đối với một cấu trúc quyền lực và trao đổi ngầm ngầm, đối với cơ chế điều tiết của nó. Nói tóm lại, những sự việc này đặt nền tảng cho nhận thức và cho việc tìm hiểu cấu trúc không gian hành động được nghiên cứu.

Kết luận

Để kết luận, chúng ta hãy nhấn mạnh một lần nữa rằng những gì vừa được mô tả sơ lược chính là một loại hình phỏng vấn, một bộ phận cấu thành tập hợp phương pháp luận khảo sát được tiến hành trong khuôn khổ tiếp cận về mặt tổ chức đối với hành động tập thể. Những cách đặt vấn đề khác và mục tiêu khác lại đòi hỏi những phương pháp khác: Những cuộc nói chuyện có thể chiếm một vị trí kém quan trọng hơn, và trên thực tế đó sẽ là cuộc nói chuyện khác. Chẳng hạn, những khảo sát ở Trung tâm Xã hội học về các tổ chức, rõ ràng những khảo sát liên quan đến quyết định của C.Geremion về cuộc cải cách cấp tỉnh và cấp khu vực năm 1964, và quyết định của Ph.Falino về việc xây dựng Nhà hát Nhạc kịch Bastille, hoặc những khảo sát lịch sử như của Ph.Urfalino về “sự phát minh” chính sách văn hóa, hay khảo sát của H.Bergeron về việc hình thành hệ thống chịu trách nhiệm về tình trạng nghiện ma túy - tất cả đã đặt ra những vấn đề phương pháp luận khác. Những khảo sát như thế, trong đó nổi lên hàng đầu là tính lịch đại và sự cần thiết tái tạo theo chiều dọc những chuỗi sự kiện, bắt buộc phải có những đòi hỏi khác về kỹ thuật phỏng vấn, và như vậy cho phép có những nhận xét và suy nghĩ khác về cuộc phỏng vấn, chẳng hạn như kỹ thuật điều tra vấn đề xã hội. Và lại, đó cũng chính là những gì toát lên từ việc

đọc một số lớn những bài viết đóng góp trong cuốn sách này. Những cuộc phỏng vấn mà chúng đề cập thường hao hao giống với những cái được mô tả ở đây. Vị trí của cuộc phỏng vấn cũng như cách thức tiến hành không thể được xem xét độc lập với những mục tiêu và bối cảnh xã hội diễn ra việc tìm tòi này.

Nhưng vấn đề là hiểu được cơ cấu quyền lực, nghĩa là sự phụ thuộc lẫn nhau có tính chiến lược giữa một tập hợp những tác nhân, và làm rõ những phương thức điều tiết các quan hệ đó. Cuộc phỏng vấn phải thoả mãn một số đòi hỏi riêng, và do đó nó có một diện mạo đặc biệt. Dựa trên một tư thế lắng nghe trung lập và kính trọng, cuộc phỏng vấn này khác về cơ bản với một cuộc thẩm vấn của cảnh sát hay thẩm cứu, cũng khác với cuộc phỏng vấn báo chí mà mục tiêu chủ yếu không phải là lắng nghe, tìm hiểu, xác minh, mà là thu thập, xác nhận thông tin và tìm hiểu trách nhiệm. Mặt khác, nó cũng tương phản sâu sắc với cuộc phỏng vấn có tính chất tâm lý trong chừng mực nó không quan tâm thực sự đến các cá nhân, đến lịch sử và tính cách của họ. Nếu như nó cần đến tính chủ quan của các tác nhân, đến sự chấp nhận cách giải thích và nhìn nhận sự vật của họ, thì nghịch lý đó không phải để nhận biết con người, mà để nhận biết vị trí của họ trong không gian hành động và trong một tập hợp những quan hệ mà ta cần làm rõ cơ cấu và cơ chế điều tiết của

nó. Và cuộc phỏng vấn này chỉ có ý nghĩa trong một tập hợp những cuộc phỏng vấn. Chính số lượng lớn các cuộc phỏng vấn, sự trùng lặp của nó, sự giao chéo bộ phận của chúng, và những mối liên hệ, tất cả rốt cục sẽ cung cấp cho chúng ta chìa khoá để tìm hiểu vấn đề.

PHẦN II

CÁC CHÍNH KHÁCH

PHÒNG VẤN TỔNG THỐNG FRANÇOIS MITTERRAND VÀ MỘT VÀI NHÂN VẬT KHÁC

Pierre Pean

1. Điều tra về những chủ đề nhạy cảm

Hỏi: Ông được coi như một người chuyên điều tra về những chủ đề nhạy cảm. Ông mang trong mình hình ảnh quỷ ám. Vậy vì lý do gì mà người ta muốn gặp ông? Phải chăng họ yêu cầu gặp ông hay chính ông đến với họ?

Trả lời: Đó là một trong những điều ngạc nhiên lớn của tôi. Trong một khoảng thời gian rất ngắn sau khi đã đưa ra ánh sáng nhiều “vụ việc” quan trọng: vụ kim cương Bokassa, vụ nước Pháp đã trao cho Israel bí mật về bom nguyên tử, “vụ châu Phi”, và cuối cùng là vụ máy bay do thám, tôi đã phải đương đầu với rất nhiều vấn đề: kiện cáo, đe dọa, tôi đã nhìn thấy cả một quả bom đặt ở nhà mình... tóm lại, rất nhiều điều khó chịu. Lúc ấy tôi tự vấn về nghề nghiệp của mình: Như thế có đáng công không? Phải chăng tôi đã vượt quá một số giới hạn nào đó mà không biết? Tôi cần phải suy nghĩ. Tôi cảm thấy phải ngừng lại, và sau đó tôi đã dành hai năm làm công việc giảng dạy ở trường

đại học. Đặc biệt, tôi đã nghiên cứu về cách mạng Pháp. Sau một thời gian, tôi trở lại làm công việc điều tra của mình. Nếu tôi đã gặp các rắc rối thì dĩ nhiên việc vượt rào thế nào cũng bị trừng phạt. Lúc đó tôi quyết định viết một cuốn sách nói về bí mật quốc gia, vì thế tôi đã tìm gặp một số người, do chức vụ hay chuyên môn, có liên quan đến bí mật, đặc biệt là những người đứng đầu của các cơ quan mật vụ, những chính khách. Và ở đây, để trả lời thẳng câu hỏi của anh, xin nói rằng tôi đã rất ngạc nhiên là người ta đồng ý gặp, mặc dù lúc đầu tôi tưởng họ rất ác cảm với mình. Tôi công khai nêu ra vấn đề, và điều đó không ngăn cản việc người ta muốn biết tôi là ai, biết cái gã “khoác lác” đã lôi nhiều vụ việc ra ánh sáng là người như thế nào.

Động cơ của những người đối thoại với tôi thay đổi tùy từng trường hợp. Chắc rằng họ tự nhủ có lẽ gặp tôi sẽ tốt hơn là không gặp, vì nghĩ rằng nếu họ không gặp tôi, có lẽ sẽ làm cho tôi càng quyết tâm tiến hành một cuộc điều tra có thể gây bất lợi cho họ. Nhưng họ đã nhầm. Trong đầu tôi không hề có ý trả đũa. Động cơ mạnh mẽ nhất của tôi là hy vọng tự thuyết phục mình. Tôi cũng nghĩ họ phải biết rằng nếu tôi làm nghề này, nếu tôi có những người cung cấp thông tin - mọi người đều có cái nhìn mơ hồ về những người cung cấp thông tin cho tôi - thì chính tôi phải tôn trọng quy tắc của trò chơi. Trừ những ngoại lệ, hình ảnh quỷ ám mà

tôi có từ lâu không gây phiền toái cho việc gặp gỡ của tôi với những người khác, hiển nhiên là với điều kiện tôi phải tôn trọng một số quy tắc. Và tôi tin mình vẫn luôn làm như vậy. Quy tắc chung nhất là tôi không được thể hiện như đã gặp những người chấp nhận gặp tôi. Tôi đặc biệt tôn trọng quy tắc *ngoài* và *trong*, những quy tắc của trò chơi mà tôi xác định trước khi diễn ra các cuộc gặp gỡ.

Thông thường, chính tôi quyết định một cuộc điều tra và tìm đến với người khác, nhưng thời kỳ những năm 1980 - 1984, người ta cũng tìm đến tôi và tôi nhận được những lá thư vô danh. Bây giờ thì điều đó ít xảy ra, nhưng thường sau những “vụ việc” mà tôi phát hiện thì người ta tìm đến tôi. Khi được người khác đề nghị tiếp xúc, tôi nghi ngờ nhiều hơn so với khi tôi chủ động tiếp xúc, bởi vì trước hết tôi phải hiểu tại sao người ta muốn tiếp xúc với mình. Khi được xếp vào loại “người chuyên điều tra những vấn đề nhạy cảm”, tôi vẫn không gặp trở ngại nào lớn. Chỉ có một lần duy nhất, một nhân vật quan trọng đã từ chối gặp tôi, ít ra là trong thời gian đầu. Đó là Jacques Foccart, vào thời kỳ tôi đang viết một cuốn sách về ông. Ông đã từ chối gặp tôi, mặc dù tôi đã gửi cho ông khá nhiều thư, trong đó tôi cam kết xác định các quy tắc của trò chơi. Về sau ông lấy làm tiếc về điều đó. Rất lâu sau khi cuốn sách ra đời, chính ông đã chủ động tiếp xúc với tôi và tôi còn gặp ông nhiều lần cho đến khi ông mất.

Hỏi: *Phải chăng đó là thí dụ duy nhất?*

Trả lời: Không, nhưng đó là thí dụ quan trọng nhất. Theo cách thức tiến hành công việc, tôi coi việc người ta từ chối gặp gỡ là chuyện hoàn toàn bình thường. Có ít thí dụ về sự từ chối, nhưng vẫn có. Thí dụ mới nhất là trong cuộc điều tra về Jean Moulin, liên quan đến M.Krivobissko ở Bảo tàng Kháng chiến Champigny. Tôi không bao giờ gặp được ông, và ông cũng không bao giờ muốn gặp tôi. Tại sao? Hẳn ông có một hình ảnh thế nào đấy về tôi... Tôi không biết... Điều đó không làm tôi phiền lòng, tôi cho như thế là logic và cuối cùng... đó là chuyện phụn.

Hỏi: *Về phía những người đối thoại, phải chăng họ không có ý muốn tiết lộ một số sự việc?*

Trả lời: Vâng, hiển nhiên là có, đó là một trong những động lực quan trọng. Tôi nghĩ rằng tôi đã trở nên đáng tin cậy ngay từ khi tôi chuyển tải một số thông tin. Rõ ràng là người ta nói chuyện với tôi vì người ta muốn tiết lộ một số sự việc.

Hỏi: *Ông sử dụng cái gì làm lý lẽ thuyết phục người ta gặp ông?*

Trả lời: Một số đồng nghiệp cũ của tôi, khi tiến hành một cuộc điều tra, lại có ý muốn đánh bại đối phương. Tôi cố gắng thuyết phục người ta tiếp tôi là tôi muốn tìm hiểu, chứ không phải để tố cáo. Đó là điều tôi đã làm với Tổng thống François Mitterrand. Tôi đã viết thư cho ông, nói rõ với ông ý định và phương pháp làm việc của tôi là như thế nào: Muốn

tìm hiểu một vấn đề, có thể thôi. Một trong những cách làm việc của tôi là chấp nối các quan hệ, thuyết phục người ta nói với mình. Tính chất của những quan hệ mà tôi xây dựng cho phép đi thẳng đến điều chủ yếu. Hiếm khi người ta nói với tôi bằng lối nói chính trị giáo điều cứng nhắc. Nếu người ta nói, đó là vì người ta thực sự muốn nói, kể cả khi có ý định đánh bẫy tôi. Nhưng điều đó không làm tôi khó chịu. Tôi sẽ không bao giờ trách một ai là đã muốn làm như vậy.

Hỏi: *Trong số những người mà ông tiếp xúc, đã có những người có chức trách trong bộ máy nhà nước?*

Trả lời: Có chứ, đó vẫn là một trong những nguồn tư liệu làm việc lớn của tôi. Chẳng hạn tôi đã có quan hệ đặc biệt với Pierre Guillaumat. Tôi viết được cuốn *Hai quả bom*, mà tôi cho là một trong những cuộc điều tra hay nhất, chính là nhờ ông. Không có ông chắc tôi không thể thực hiện được công trình đó.

Hỏi: *Buổi đầu, khi mới vào nghề, phải chăng ông đã làm việc cho một toà báo...?*

Trả lời: Tôi đã làm việc với tư cách nhà báo cho đến năm 1983 ở hãng AFP, sau đó ở tuần báo *Tin nhanh* (*L'Express*) và tạp chí *Nhà kinh tế mới* (*Nouvel Economiste*).

Hỏi: *Công việc ở một toà báo có giúp ích gì cho ông không?*

Trả lời: Lúc đầu thì có. Rồi tôi nhanh chóng cảm thấy môi trường đó quá chật hẹp. Trừ một vài ngoại lệ, tôi thực hiện những cuộc điều tra rất nhanh chóng, và trong một khuôn khổ rất hạn chế. Sau khi bước vào nghề báo, tôi cảm thấy nhu cầu tiến hành những cuộc điều tra dài hơi hơn và đi sâu hơn. Cần phải có thời gian để thực hiện những cuộc điều tra nghiêm túc. Trong số những người điều tra, chắc hẳn tôi là người dành nhiều thời gian nhất cho mỗi một cuộc điều tra... Chính đó là điều khác biệt lớn giữa tôi với các bạn đồng nghiệp.

Hỏi: *Tại sao ông lại quan tâm đến những chủ đề nhạy cảm?*

Trả lời: Vì nó khó... và vì nó là một thách thức thường xuyên. Khi ta chọn một cuộc điều tra khó khăn, thì trên địa bàn có ít người hơn, và như thế lại kích thích hơn. Điều thúc đẩy tôi nhiều nhất, là cố gắng hiểu những cơ chế bí mật hay những điều còn ít được biết đến, đó là sự kích thích tôi quan tâm đến một chủ đề nhạy cảm, dù cho thách thức ở đấy lớn hơn.

Hỏi: *Ông thường gặp những người đối thoại ở đâu? Ở nơi làm việc của họ chăng?*

Trả lời: Không. Người ta thường gặp tôi một cách kín đáo, không phải ở nơi làm việc của họ. Làm thế nào để không để lại dấu vết, không có nhân chứng, để có thể cải chính, đó là những điều tôi rất hiểu.

Người ta thường đồng ý gặp tôi với điều kiện không ai biết. Tôi gặp các ông chủ tịch công ty, tập đoàn, họ không muốn những người phụ trách các cơ quan báo chí của họ biết. Khi phỏng vấn Tổng thống Mitterrand, tôi không sử dụng máy ghi âm, tôi ghi chép, rồi sau đó dựng lại. Tôi luôn chịu sức ép phải cải chính.

2. Cuộc gặp đầu tiên với Tổng thống François Mitterrand

Hỏi: *Hãy trở lại cuốn sách viết về Tổng thống François Mitterrand. Cuốn sách đã được bắt đầu như thế nào và trong bối cảnh nào?*

Trả lời: Trước hết, tôi muốn nói rõ rằng chính tôi đã có sáng kiến viết cuốn sách này. Không ai tin là tôi đã chủ động trong việc này. Nhiều người nghĩ rằng chính Tổng thống F.Mitterrand, vào lúc cuối đời, đã quyết định cho viết câu chuyện về mình. Tôi đã hoài công cải chính, mà ý kiến này vẫn thường xuyên trở lại. Có lẽ lịch sử sẽ giữ lại ý kiến đó. Tôi không làm chủ được câu chuyện riêng của mình với Tổng thống François Mitterrand, cũng không làm chủ được việc người ta đối xử với cuốn sách của tôi, đó là điều logic. Khi những cuốn sách ra đời, nó không còn thuộc về bạn nữa. Người ta kể câu chuyện về tôi và tôi có cảm giác chuyện đó là dối trá.

Chính tôi đã có sáng kiến viết cuốn sách này, và

cũng dễ dàng kiểm tra điều đó. Ý tưởng viết cuốn sách đến với tôi khi đang tìm hiểu về một trong những người sáng lập tổ chức Cagoule, bác sĩ Martin. Con gái của ông này kể với tôi rằng, nhiều lần bố cô đã khẳng định với cô là, trong vụ mưu sát ở đường phố Presbourg, tháng 9-1937, François Mitterrand ngồi trong chiếc xe bên cạnh và đặt trên đầu gối mình quả bom dùng để làm nổ tung toà nhà của giới chủ Pháp... Tôi nghĩ chắc chắn điều đó là sai sự thật. Nhưng với một nhà báo, điều đó cũng đủ để khơi dậy ý muốn được biết nhiều hơn nữa. Tôi tự nhủ có lẽ cũng đáng bỏ công để lao vào một công trình nghiên cứu về tuổi trẻ của François Mitterrand. Tôi đã viết thư đề nghị gặp ông. Tôi vẫn luôn dùng cách viết thư, mà không bao giờ thông qua những trợ lý, trong khi cố xoay xở để cho lá thư đến được trên bàn cô thư ký riêng, không phải qua tay một ai khác. Tôi nói vắn tắt trong thư tại sao tôi muốn gặp ông. Và ông đồng ý tiếp tôi. Tôi đã nói trước rằng tôi cố gắng trình bày thật đơn giản. Tôi nhớ rất rõ những gì tôi đã nói: “Thật không thể nào hiểu được lộ trình của ông sau chiến tranh, nếu vẫn còn quá nhiều điều chưa hiểu về tuổi trẻ của ông, nếu không làm sáng tỏ tất cả những gì người ta đồn đại về việc ông ở trong tổ chức Cagoule, về tất cả những gì mà tôi đã được nghe. Vì vậy, tôi muốn điều tra về thời kỳ này mà không có một định kiến gì trước”. Ông đã nói: “Phải chăng anh nghĩ điều đó là thực sự có

ích?”. Tôi nhớ rất rõ từ “có ích” này. Tôi lại tiếp tục đề nghị. Lúc ấy ông nói: “Tôi hy vọng anh sẽ xua tan lời đồn đại này”. Tôi trả lời: “Vì vậy tôi phải điều tra”. Ông nói: “Anh hãy nghe đây, tôi chẳng có gì để giấu, tôi sẽ giúp anh”. Vấn đề là phải xem câu nói này thực sự có ý nghĩa gì.

Hỏi: *Phải chăng đây là lần đầu tiên ông gặp Tổng thống Mitterrand?*

Trả lời: Không. Nhờ việc viết tiểu sử Jacques Foccart mà tôi đã gặp Tổng thống F.Mitterrand lần đầu tiên. Như thường lệ, tôi đã gửi cuốn sách của tôi cho Tổng thống và đã nhận được mấy lời rất thân mật vượt xa những công thức cảm ơn quen thuộc. Trong thư ông nói những điều rất dễ chịu, đặc biệt ông muốn tiếp tôi để nói về cuốn sách. Và vào một ngày tháng 9 - 1990, lần đầu tiên tôi có mặt ở Điện Élysée. Phải nói rằng, tôi đã được dự một tiết mục lịch sử dành riêng cho tôi, đã được nghe một bài học lịch sử, trong đó các nhân vật đều được sống dậy. Không một lần ông đọc lên cái tên Jacques Foccart, có lẽ vì nghĩ rằng tôi có máy ghi âm, hoặc vì lý do nào đó mà tôi không hiểu. Nhưng bằng những điều ám chỉ, ông luôn luôn cho thấy rằng ông đã đọc cuốn sách. Không may là tôi không mang theo máy ghi âm: Ông bắt đầu nói về tướng De Gaulle một cách hoàn toàn đặc biệt, điều đó cho thấy ông đã bị nhân vật này mê hoặc... Tóm lại, sau đó trong một quán cà phê,

tôi đã nhanh chóng ghi lại tất cả những điều vừa được nghe. Đáng tiếc, những điều ghi lại được không thể hiện được tất cả sức mạnh và thần thái của hiện thực. Tôi đã gặp François Mitterrand lần đầu tiên như thế đấy. Tôi biết là từ nay tôi có thể tiếp cận ông. Sau đó tôi còn gặp ông hai lần trước khi đặt vấn đề viết cuốn sách về tuổi trẻ của ông.

3. Lợi ích của những cuộc phỏng vấn

Hỏi: *Cái gì đã giúp cho ông nhiều nhất trong cuộc điều tra này? Những tư liệu hay những cuộc phỏng vấn?*

Trả lời: Từ rất lâu, đó là những tư liệu. Những cuộc phỏng vấn chỉ làm sáng tỏ thêm những tư liệu mà tôi đã tìm thấy. Trái với tất cả những gì mọi người nghĩ, Tổng thống đã không tiết lộ cho tôi điều gì cả. Thường ông chỉ nói “phải, nhưng”, hoặc “không, nhưng”. Đối với tôi điều đó rất quan trọng vì cuốn sách sẽ không có được sức nặng như thế nếu tôi không gặp Tổng thống Mitterrand, nếu tôi chỉ có những tư liệu. Điều quan trọng chính là ở việc ông chịu nói chuyện với tôi. Xuất phát từ đó, ông làm cho người ta tin những gì tôi nói. Về thực chất, không phải những điều ông nói, mà đúng hơn những điều ông không nói mới là quan trọng. Những sự việc đã tạo nên sự kiện về cuốn sách này là gì? Trước tiên đó là bức ảnh. Các cơ quan báo chí của Điện Élysée đã cho loan đi lời đồn rằng

chính họ đã cung cấp cho tôi bức ảnh đó. Điều này hoàn toàn sai. Chính tôi, sau một năm trời, đã phát hiện được bức ảnh đó, và nhận ra những người ở xung quanh François Mitterrand. F.Mitterrand không biết rằng tôi có bức ảnh đó, ông phát hiện ra nó vài ngày trước khi cuốn sách được phát hành, một khi bản thảo đã khép lại và người ta chẳng thể làm gì hơn với nó. Chắc hẳn bức ảnh đã gây nên nhiều điều tiếng nhất bởi vì nó đã kéo theo mọi chuyện còn lại. Nhưng tất cả những sự kiện liên quan đến năm 1942, sự gần gũi của Mitterrand với Vichy và nhất là bức thư nổi tiếng ngày 18-4-1942, trong đó ông tự tuyên bố mình thuộc phái Pétain, phái Laval dù chỉ trong một thời gian ngắn, chính tôi đã đưa bức thư ra ánh sáng. Lần duy nhất mà ông đã tạo thuận lợi cho công việc của tôi, đó là về vụ Bousquet, mà tôi đã tìm ra từ trước, nhưng ông đã cho tôi một cái tên trong quá trình phỏng vấn, cho phép tôi đi xa hơn những điều tôi đã biết.

Về cuộc nói chuyện của ông với tướng De Gaulle, chính tôi đã phát hiện ra những điều độc đáo. Chính tôi đã cho ông thấy lá thư mà tôi tìm được. Cuộc nói chuyện của ông với tướng De Gaulle là một cái gì đó rất cơ bản trong đầu óc của ông. Người ta sẽ có thể viết lại cả cuộc đời ông trong quan hệ giữa ông với tướng De Gaulle. Như vậy đấy, ông đã có một cuộc nói chuyện với De Gaulle vào đầu tháng Chạp năm 1943. Năm 1945,

trong cuốn sách đầu tiên của mình ông kể lại rằng cuộc nói chuyện đó đã diễn ra một cách hoàn hảo. Ông cho thấy vào thời kỳ đó ông là người thuộc phái De Gaulle. Trong cuốn *Góp vào sự thật*, xuất bản năm 1971, cách nói đã thay đổi: Lần này, ông viết lại là cuộc nói chuyện với tướng De Gaulle đã diễn ra rất tồi tệ. Lúc ấy tôi đã sử dụng những tư liệu sưu tầm được trong quá trình điều tra. Tôi đã đưa cho ông một lá thư của Henri Frenay chứng minh điều ngược lại. Ông đọc lá thư mà không nói một câu. Cuộc điều tra này, tôi đã làm chủ nó và tiến hành theo ý muốn của mình. Tôi đã không gặp Mitterrand trong nhiều tháng liền. Ông cũng rất ngạc nhiên, kể từ khi ông chấp nhận gặp tôi, không hiểu sao tôi không tìm lại ông trong một thời gian lâu đến thế. Nhưng tôi chỉ muốn nói chuyện với ông “một cách ngọt ngào”.

4. Những động cơ của François Mitterrand

Hỏi: *Tổng thống François Mitterrand có lợi ích gì khi gặp ông, khi để cho ông theo đuổi cuốn sách đó?*

Trả lời: Tình cảm của ông đối với tôi và với cuốn sách thay đổi trong quá trình này. Lúc đầu, hẳn ông đã tự nhủ: “Tốt nhất là mình phải có mặt, bởi vì dù sao anh ta cũng sẽ viết quyển sách”. Những cuộc nói chuyện đầu tiên của tôi với ông khá lạnh nhạt. Chỉ vào tháng 6-1994, vào ba cuộc nói chuyện cuối cùng, tôi mới cảm thấy ở ông một ý

muốn chấp nhận thực sự, một sự hứng thú... Ông nói với tôi: “Giờ đây anh biết rõ tuổi trẻ của tôi hơn tôi”. Những lá thư của Jean Védérine và những cuộc gặp gỡ với ông này đã dần dần làm ông tin rằng phải đi xa hơn nữa. Jean Védérine, người mà tôi thường gặp, đã nói cho ông biết quá trình công việc của tôi, và hình như cũng đã nói thẳng với ông: “Ông phải đi đến cùng, anh ta không làm việc ấy để hại anh đâu”. Và rồi cuối tháng 6 - đầu tháng 7-1994, Mitterrand nói với tôi: “Lần tới đây, ta sẽ đi xa hơn, hãy hỏi tôi nhiều nữa, hãy đi xa hơn”. Nhưng sự việc đã trở nên phức tạp vì ông phải phẫu thuật, mà khi đó lại là lúc cuốn sách đang vào hồi kết. Cuộc phẫu thuật không thật có kết quả. Tôi không thể đặt ra với ông mọi câu hỏi mà tôi mong muốn, về Bousquet và về người Do Thái. Cuộc phẫu thuật đã diễn ra vào ngày 17 hay 18 - 7 và tôi chỉ có một cuộc nói chuyện với ông vào ngày 5 - 8, nghĩa là 15 ngày sau cuộc phẫu thuật. Ông không phải nằm liệt giường, nhưng tình trạng sức khỏe của ông rất tồi: Tôi cảm thấy ông đang đau đốn kinh khủng. Tôi có cảm giác điều làm ông bận tâm khi đó là cái chết. Tôi đưa ra ba, bốn câu hỏi rõ ràng. Tôi đặt câu hỏi nhưng không còn muốn theo đuổi cuộc nói chuyện. Tôi có cảm giác những gì tôi nói không còn quan trọng so với nỗi đau đốn của ông. Thật kỳ lạ, ông vẫn muốn tôi ở lại. Có sức ép từ bên ngoài, đặc biệt những người phục vụ muốn

giải phóng cho ông, khi mà ông không còn chịu được lâu hơn nữa. Thật khủng khiếp: Đối với ông đã dành, nhưng cũng là đôi với tôi khi phải nhìn thấy ông đau đớn. Chúng tôi ở lại với nhau chừng 50 phút. Mỗi lần tôi đứng dậy, ông lại nói: “Không, không, anh cứ ở lại!”. Cuộc nói chuyện cuối cùng này mà tôi đã tả lại trong cuốn sách của mình, thật sự đã gây cho tôi nhiều xúc động. Người đàn ông đã già này hầu như cố gắng để trao cho tôi di chúc của ông, đó là lần đầu tiên ông thực sự muốn thuyết phục tôi. Tôi có cảm giác ông đang đối diện với cái chết. Nếu không có cuộc phẫu thuật, hẳn ông đã nói với tôi nhiều hơn. Đó là điều duy nhất mà tôi lấy làm tiếc. Hơn thế về sau, khi cuốn sách đã ra đời, ông cũng nói với tôi: “Chúng ta còn thiếu hai cuộc nói chuyện, tôi không trách anh, nhưng về vấn đề Bousquet và về vấn đề Do Thái hẳn là ta phải nói dài hơn”. Cuộc nói chuyện này đã để lại cho tôi ấn tượng rất sâu sắc, và tôi không bao giờ giấu giếm điều đó, nhất là với độc giả, rằng con người này, dù người ta có nói gì về ông, dù người ta có viết gì về ông, thì tôi vẫn rất yêu mến ông.

Hỏi: Từ lâu hay vì cuốn sách này?

Trả lời: Từ lâu, nhưng điều đó không hề giảm bớt với cuốn sách, đúng hơn lại càng được củng cố. Quan hệ của tôi với ông về đoạn kết thúc cuốn sách không làm thay đổi những gì mà tôi đã viết, bằng chứng là... Tất cả đều ở đây, tôi không giấu

gì hết. Chủ đề duy nhất mà tôi không muốn tranh luận là phụ nữ. Ông rất muốn người ta nói nhiều hơn nữa về chuyện đó. Tôi đã nói với ông: “Thưa Tổng thống, tôi không quan tâm đến đời tư của Ngài”.

Hỏi: *Phải chăng Tổng thống Mitterrand đã chẳng hy vọng là từ cuốn sách này sẽ có một cuốn sách khác có lợi cho ông ta ?*

Trả lời: Lúc đầu, ông đánh giá cuốn sách này là tích cực. Hẳn ông nghĩ rằng, điều quan trọng là tôi đã phá bỏ được dư luận về việc ông ở trong tổ chức Cagoule. Điều đó chắc chắn không phải là tất cả, nhưng đó hẳn cũng là điều làm ông quan tâm... và kiềm chế tôi. Nhưng bất cứ người nào gặp tôi cũng cố gắng kiềm chế tôi: “Tôi đang cố gắng kiềm chế những gì anh sắp viết và anh đang cố gắng moi thông tin của tôi”. Đó là một trò chơi bình thường, không có tính trung lập trong quan hệ giữa người điều tra và người được điều tra.

Hỏi: *Những cuộc nói chuyện với Tổng thống Mitterrand kéo dài khoảng bao lâu?*

Trả lời: Tối thiểu là một giờ, và có khi kéo dài tới hai giờ rưỡi, ba giờ.

5. Những thời điểm khó khăn của cuộc nói chuyện

Hỏi: *Có chăng những thời điểm khó khăn trong các cuộc nói chuyện với Tổng thống?*

Trả lời: Tôi đã biết đến những khó khăn mà mọi người điều tra đều gặp phải. Khi ông nói với tôi: “Tôi sẽ giúp đỡ anh”, tôi không hề có một bảo đảm nào cho cả bảy cuộc nói chuyện với ông. Tôi đã thương lượng về từng cuộc một. Mỗi lần như thế, tôi đưa ra một chủ đề. Một hôm, về chuyến đi của ông sang Anh bằng máy bay một động cơ Lysander, tháng 10-1943, ông nói với tôi: “Tôi có thể nói với anh những gì tôi đang nghĩ. Người ta bảo rằng cách giải thích của tôi là không đúng nhưng tôi còn giữ lại những hình ảnh rõ rệt về chuyện đó”. Qua những tài liệu lưu trữ mà tôi tham khảo ở Bộ Quốc phòng, tôi thấy rằng ông đã có lý. Tôi gọi cô thư ký của ông và nói: “Xin nói với Tổng thống rằng tôi đã tìm thấy bằng chứng cho biết những điều ông nói về chuyến đi trên máy bay Lysander là thật”. Và tôi đã lập tức có được một cuộc nói chuyện. Một trong bảy cuộc nói chuyện là như thế đấy. Cứ mỗi lần phỏng vấn, tôi lại phải thuyết phục ông để thoả thuận về một cuộc nói chuyện.

F.Mitterrand không trả lời trực tiếp những câu hỏi của tôi. Điều này không hợp với ông. Cũng chẳng sao. Điều quan trọng với tôi là những tư liệu. Tôi không biết làm thế nào để quản lý những tư liệu tìm được. Tôi tự nhủ: “Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi cho ông thấy lá thư của chính ông có in tiêu đề của Đội quân lê dương Pháp?”. Ông sẽ nói với tôi: “Tôi có quyền (và điều đó là đúng) đối với lá thư này và tôi có thể cấm anh công bố nó chứ?”

Tôi không biết ông sẽ nói với tôi những gì, nhưng tôi không nghĩ đến chuyện quản lý những vấn đề kiểu như thế, mà tôi để lộ cho ông một phần nội dung những khám phá của tôi - không nói tôi tìm thấy chúng ở đâu - để lôi kéo ông vào chủ đề đó. Những cuộc nói chuyện, về cơ bản phục vụ cho tôi để xác nhận tất cả những yếu tố mới tìm thấy, mà không trao lại nguyên vẹn cho ông. Con trai tôi đã tìm được một bức ảnh trong đó người ta thấy ông trong một cuộc biểu tình chống lại giáo sư Jeze vào đầu năm 1936. Ở vấn đề này nữa, tôi cũng không cho ông xem bức ảnh, nhưng khẳng định một cách quả quyết rằng ông có mặt ở cuộc biểu tình đó. Ông tỏ ra bình tĩnh lạ thường. Tôi đã nói với ông về tổ chức Chữ thập lửa, về giáo sư Jeze. Ông không hề phủ nhận, nhưng ông nói nhẹ đi. Ông chịu lùi một bước. Nhưng với tôi thế là đủ, kể cả thời điểm tế nhị nhất khi ông bác lại, về việc ông chuyển sang **Đội quân lê dương Pháp**¹. Cái bức ảnh nổi tiếng chụp với Thống chế Pétain, mà ông đã phát hiện trên bìa của cuốn sách hai ngày trước khi cuốn sách chính thức ra đời: Hiển nhiên tôi cần một lời xác nhận ngay cả khi bức ảnh tự nó đã là một bằng chứng. Trước mặt ông, tôi đã mô tả cuộc gặp gỡ đã trở nên nổi tiếng: “Ông đã gặp

¹ Đoàn chiến binh Pháp (La Légion Française des Combattants): Một tổ chức ở Pháp trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, thời kỳ Đức chiếm đóng, có tư tưởng gần với Pétain, không chủ trương kháng chiến vũ trang (N.D).

Thống chế Pétain cùng với Marcel Barrois, Albert Vazeille và Blanchet”. Ông nói: “Thật ư? Có cả Blanchet ư?”. Với tôi thế là đủ, tôi không cần ông phải nói ra một tiếng “đúng” thẳng thắn và to tát. Và chính ở đây, tôi phải nói thêm rằng ký ức con người thật mỏng manh, dù đó là một vị cựu Tổng thống mà người ta vẫn ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp. Nếu tôi lắng nghe ông, làm theo những gì ông nói, thì tôi đã phạm một sai lầm lớn và cái dư luận náo loạn tiếp theo cuốn sách hẳn đã trở nên nghiêm trọng hơn nhiều. Quả vậy, khi tôi hỏi ông về ngày tháng của cuộc nói chuyện, ông đã đặt vào tháng 4-1943. Anh có thể hình dung hậu quả sẽ như thế nào nếu tôi nói “tháng 4-1943”? Trên thực tế, hoàn toàn không phải như vậy. Sau nhiều tìm tòi, tôi biết rằng cuộc nói chuyện đã diễn ra vào ngày 15-10-1942. Dẫu sao như thế vẫn tốt hơn cho ông. Đó là cái kiểu quan hệ được thiết lập giữa chúng tôi, những quan hệ rõ ràng đã được cải thiện cùng với thời gian. Tôi tin người ta nói đến “sự tin cậy được giữ gìn.” Giữ gìn về phía ông, tôi thấy rõ như vậy, nhưng cũng giữ gìn cả về phía tôi.

Hỏi: Để trở lại chuyện bức ảnh: như thế không giống như một lá thư. Chắc Tổng thống đã không thể ngăn được ông công bố nó...?

Trả lời: Tôi không muốn ở trong tình thế phải nghe ông giải thích rằng bức ảnh này sẽ bị hiểu sai, và ông phải cố gắng thuyết phục tôi không

được công bố nó. Tôi không muốn làm chuyện rủi ro một khi đã thực hiện tới cuộc nói chuyện thứ ba hay thứ tư. Chúng tôi bước vào một giai đoạn khá phức tạp. Điều này có thể gây ra phiền toái cho những quan hệ của chúng tôi, bởi vì hoặc tôi nói: “Đồng ý, tôi không công bố nó” và tôi để mất đi một bằng chứng đặc biệt, hoặc tôi công bố nó và nói dối ông. Tôi không muốn ở trong tình thế đó. Ngược lại, một khi đã có bức ảnh, tôi tin chắc rằng ông đã gặp Pétain. Tôi đã mô tả bức ảnh với ông, để ông xác nhận với tôi rằng đúng là ông đã gặp Pétain.

Hỏi: *Trong cuộc nói chuyện cuối cùng hay vào cuối cuộc điều tra, phải chăng rủi ro này giảm đi?*

Trả lời: Vâng, nhưng tôi không thích chuốc lấy nó, có thể thôi. Những người ở Điện Élysée đã cho loan đi lời đồn rằng chính họ đã đưa ra bức ảnh, trong khi tất cả những tư liệu, tất cả những điểm quan trọng, đều do tôi tự tìm thấy.

6. Tiếp cận các tài liệu lưu trữ

Hỏi: *Tổng thống có giúp ông tiếp cận các tài liệu lưu trữ không?*

Trả lời: Có, nhờ ông tôi đã có được một số tài liệu lưu trữ. Điều này không phải là quyết định nhưng lẽ ra có thể là như thế. Những tài liệu lưu trữ đó, những tài liệu của bộ máy nhà nước, chắc tôi sẽ không có được nếu không có sự giúp đỡ của ông.

Hỏi: *Nghĩa là những tài liệu lưu trữ của Điện Élysée?*

Trả lời: Những tài liệu này, do bà Bertinotti quản lý, tôi đã không thể có được.

Hỏi: *Mặc dầu có ý muốn của Tổng thống?*

Trả lời: Mặc dầu có ý muốn của Tổng thống, vì một lý do đơn giản: Tôi không chấp nhận những điều kiện mà bà Bertinotti đặt ra và tôi không muốn sử dụng mối quan hệ của tôi với Tổng thống F.Mitterrand để bắt buộc bà. Tôi biết rằng ông có những tài liệu lưu trữ riêng và phải có một ai đó chịu trách nhiệm quản lý những tài liệu này. Ông nói với tôi: “Hãy gọi điện cho bà ta”. Tôi đã gọi điện và nói với bà rằng tôi đã được sự đồng ý của Tổng thống và tôi muốn có tất cả các tài liệu, đúng là tôi đã nói “tất cả” từ năm 1934 đến 1947. Bà ta nói: “Không, không thể như thế. Ông nên đặt các câu hỏi cho tôi”. Bà Bertinotti yêu cầu tôi đặt câu hỏi bằng văn bản. Bà không muốn cho tôi tiếp cận bản kê tài liệu để tôi có thể đặt câu hỏi. Tôi nói: “Nói cách khác, bà bịt mắt tôi lại và yêu cầu tôi rút đề mục một tài liệu theo kiểu ngẫu nhiên”. Bà ta hoàn toàn không chấp nhận quy tắc trò chơi này, còn tôi thì không có một tài liệu nào còn hơn là chỉ có một phần tài liệu. Sự giúp đỡ về những bằng chứng bằng tài liệu viết của Phủ tổng thống là như vậy. Tôi đã không được xem những tài liệu lưu trữ của Điện Élysée. Cuối cùng, Tổng thống

Mitterrand biết chuyện, ông nói với tôi: “Công việc với bà Bertinotti ổn chứ?”, tôi nói: “Tồi lắm” - “Thật ư?”

Hỏi: *Tổng thống Mitterrand không thể làm gì sao...?*

Trả lời: Đã quá muộn, nhưng tôi đã có được tài liệu lưu trữ của nhà nước. Tôi nói ngay với anh rằng, điều đó không quyết định, nhưng cũng có thể là quyết định. Nhờ có sự giúp đỡ của ông và những người thân cận, tôi đã có được một số những hồ sơ mà riêng mình tôi, vốn không phải là nhà sử học, ắt hẳn chẳng bao giờ có được. Tôi đã tiếp nhận các hồ sơ “Toà án tư pháp” thời kỳ 1945-1946. Tôi đã có được một vài hồ sơ ở cơ quan lưu trữ quốc gia, nhưng ít thôi. Rồi đặc biệt tôi đã tiếp cận những hồ sơ do một cơ quan mật vụ lưu giữ. Tôi đã mất khá nhiều thì giờ và nỗ lực để cho sự đồng ý bằng lời của Tổng thống thành sự thực. Tôi không tin rằng một nhà sử học có thể có được những kết quả như thế. Quả thực, tôi không biết, hồ sơ mà người ta cho tôi tham khảo là một phần hay tất cả những tài liệu mà người ta có. Tôi đã đọc hai mươi lăm hồ sơ, dù sao chúng cũng làm tôi quan tâm rất nhiều.

7. Lần cuối cùng...

Hỏi: *Phỏng vấn một tổng thống, một nhân vật như F.Mitterrand, chắc là cuộc phỏng vấn gây ấn*

tượng chứ? Đôi lúc ông có cảm thấy bị ức chế không?

Trả lời: Rất tế nhị để trả lời câu hỏi này, bởi vì nếu tôi nói những gì tôi nghĩ, người ta sẽ không tin tôi...

Hỏi: *Xin ông cứ nói.*

Trả lời: Người ta sẽ nghĩ rằng tôi tự phụ, nhưng nói rất thật, tôi không cảm thấy xúc động, trừ cuộc phỏng vấn cuối cùng sau lần phẫu thuật của ông.

Hỏi: *Ông đã gặp lại Tổng thống lần cuối cùng sau khi cuốn sách ra đời và cuộc gặp đã diễn ra không tốt đẹp?*

Trả lời: Vâng, vâng, đó là vào tháng 2 - 1995.

Hỏi: *Trên truyền hình ông ấy nói rằng đó là một quyển sách hay?*

Trả lời: Ông ấy đã nói đó là một cuốn sách “trung thực”, không “hay”, nhưng trung thực.

Hỏi: *Dầu sao, Tổng thống cũng không có một lời nào trách móc ông hay đối với cuốn sách?*

Trả lời: Dầu sao, Tổng thống cũng không dự kiến được hết những phản ứng mà cuốn sách gây ra. Ông buộc phải nói trên truyền hình trong tình trạng sức khỏe rất tồi tệ. Ông đã tìm cách gặp tôi vào sáng ngày hôm sau. Tôi đã gọi lại và đi thẳng tới gặp ông. Tôi rất nhớ câu nói đầu tiên của ông là: “Anh đã thành công”. Một giây phút im lặng. “Họ sẽ kéo tôi vào vũng bùn”. Tôi ngạc nhiên đến

mức chỉ lúng túng nói được một câu thanh minh. Sau đó F.Mitterrand thay đổi hẳn giọng nói: "Việc bán cuốn sách như thế nào?...". Sau cuộc tranh luận rất dữ dội do cuốn sách gây ra, tôi vẫn muốn gặp lại ông. Trước đó, tôi đã gửi cho ông một bức thư rất dài, nói tới tất cả những bằng chứng tôi nhận được sau khi cuốn sách ra đời, đặc biệt từ những người bạn cũ của ông thời chiến tranh. Giờ đây, tôi muốn tranh luận với ông về điều đó. Và nhất là tôi muốn cùng ông nhìn lại vấn đề. Tôi phải nói rằng tôi suýt đứng dậy và đi ra, bởi vì cuộc nói chuyện quá khó khăn. Và chẳng tôi không hiểu tại sao ông lại tiếp tôi. Trên thực tế, tôi vẫn tin không phải cuốn sách của tôi làm ông bức bối đến thế, nhưng là tất cả những gì đã diễn ra sau đó. Đối với ông, cuốn sách của tôi đã trở thành biểu tượng của những đau đớn và ông buộc phải tự thanh minh, điều mà ông rất ghét. Cuốn sách làm ông bức đến mức mà ông phản bác tôi về một số điểm, như việc ông tham gia một cuộc biểu tình chống lại Gaston Jeze, việc ông ở trong Đội quân lê dương Pháp. Ông rất mệt mỏi, điều đó thật là gay. Dầu sao tôi cũng đã xử sự đúng là không đứng dậy, bởi sau đó ông dịu lại và thay đổi câu chuyện. Tôi rất muốn gặp lại ông một lần nữa.

Hỏi: *Nhưng, "cuộc chiến đấu" mà đôi lúc người ta tiến hành với các nhân chứng phải chăng có khi nên tiến hành sớm hơn một ít để làm rõ các sự việc?*

Trả lời: Mỗi người có phương pháp của mình, tôi

không bao giờ chiến đấu với ai, tôi không bao giờ chiến đấu trước mặt ai.

Hỏi: Cách nói "chiến đấu" có lẽ không được hay, nhưng phải chăng là có thể tránh sự đụng độ này, nếu tuân tự từng bước, và nhất là vào cuối cuộc điều tra, khi người điều tra trình bày với người được phỏng vấn một vài kết luận của mình?

Trả lời: Đó là một câu hỏi rất xác đáng, nhưng sự thật tôi không làm như thế và tôi không biết làm như thế. Đó không phải là kỹ thuật phỏng vấn của tôi. Kỹ thuật của tôi đúng hơn là kỹ thuật "kiểu Roger", tôi làm cho người khác đến với tôi. Tôi không bao giờ nói ngược lại họ. Lần duy nhất tôi sử dụng kỹ thuật nói ngược lại với F. Mitterrand, đó là khi ông kể lại cuộc nói chuyện của ông với tướng De Gaulle, rõ ràng là không chính xác. Tôi không nói với ông rằng câu chuyện đã không diễn ra như thế, mà tôi đưa cho ông bản tường thuật của một nhân chứng mà ông không biết, Henri Frénay. Nếu không, thì cách tiến hành của tôi là để cho người khác nói, tỏ ra đồng ý với họ rồi cố gắng dần dần lái họ đi. Đó là một kỹ thuật thường tiến hành tốt. Cũng có khi tôi cứ giữ ý kiến của mình. Với một số người kỹ thuật này không ổn. Một trong những thất bại lớn của tôi là khi gặp Cheikh Yamani, cựu Bộ trưởng Dầu mỏ của Ả-rập Xê-út và cựu Chủ tịch Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ. Nó hoàn toàn không ổn vì ông

này đã quen với phương pháp Anglo Saxon: *hỏi - trả lời*. Còn tôi thì không biết làm như thế. Tôi cố gắng dõ bỏ rào cản. Người ta nói với tôi những gì người ta muốn và tôi nói những gì tôi muốn, nó là kỹ thuật duy nhất của tôi. Tôi là một trong số ít người điều tra hoạt động như vậy. Những người khác tấn công, xô đẩy. Còn tôi, tôi không gây gổ bao giờ.

Hỏi: *Phải chăng Tổng thống đã chứng minh là có những điều sai lạc trong cuốn sách?*

Trả lời: Không, tôi đánh giá là không có sai lạc, nhưng ông đánh giá là có.

**BA CUỘC PHỎNG VẤN TRỞ LẠI QUÁ KHỨ:
PIERRE MENDÈS FRANCE,
JACQUES CHABAN-DELMAS,
FRANÇOIS MITTERRAND**

Jean Lacouture

Cuộc phỏng vấn tự nó là một trận đấu. Đó là một cuộc ganh đua. Với người này thì phải giành được một cái gì đó mà người kia sẵn lòng để cho lấy đi với điều kiện là tô hồng hình ảnh của mình. Đó luôn là một vấn đề lôi cuốn lẫn nhau và chống lại nhau: “Tôi cung cấp cho anh thông tin với điều kiện anh đề cao tôi hơn nữa”. Dù là Marcel Boiteux nói về Ngành Điện lực Pháp (EDF), dù là Fidel Castro nói về Cuba, thì bao giờ, theo một cách nào đấy, cũng là chuyện có đi có lại, văn minh hơn khi người ta phỏng vấn giám đốc một công ty lớn làm ăn thuận lợi. Nếu công ty đó làm ăn khó khăn, sẽ có nhiều căng thẳng hơn giữa người được phỏng vấn và người phỏng vấn. Điều đó có thể diễn ra trong một không khí êm dịu... nhưng ngay cả sự êm dịu cũng có thể che giấu nhiều tội lỗi và bóp nghẹt những tiếng kêu của nạn nhân...

Tôi đã có 50 năm làm công việc phỏng vấn.

Những cuộc phỏng vấn đầu tiên là từ năm 1945. Một vài năm nay, do tuổi già tôi lại thường được phỏng vấn... Ở nhà tôi, khi được phỏng vấn, tôi lại trở về cùng những phản ứng, cũng dữ dội, cũng xảo trá như tôi đã quan sát ở những người mà tôi đã nói chuyện từ lâu. Năm 1945, tôi đã phỏng vấn các nhà lãnh đạo Việt Nam: Gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh vốn rất thư thái và hiền dịu, gặp tướng Giáp nhiều hơn vào đầu năm 1946. Cuộc phỏng vấn thực chất là một cuộc đàm phán gay go. Đối mặt với nhau là một con người đang lãnh đạo cuộc đấu tranh vì độc lập, và người kia là một công dân của nước đi xâm lược. Một người Việt Nam đối mặt với một người Pháp. Người thứ nhất muốn thuyết phục và mê hoặc người kia, còn người kia thì cố gắng giành được từ người thứ nhất những điều bộc lộ, những chỉ dẫn, những sự khai thông...

Tôi biết rất rõ rằng tôi là một người còn hoàn toàn non nớt. Nhưng dù sao, trước cuộc phỏng vấn, tôi cũng đã gặp đại diện của nước Pháp ở Đông Dương, ông Sainteny. Và theo một cách nào đấy, dù còn “bé” và còn trẻ, tôi đã được ông ngầm giao cho một sứ mệnh. Còn về phía người được phỏng vấn, thì hoàn toàn tin rằng người Pháp xuất hiện trước mặt mình, mang bộ y phục của quân đội Pháp, là một phái viên ít nhiều bí mật, được ngụy trang đôi chút, của thế lực quân sự Pháp.

Nói cách khác tôi đã bắt đầu cuộc đời của người phóng viên trong một cuộc tranh luận trần trụi

nhất, triệt để nhất. Theo tôi nghĩ, tuy tôi không có thứ vũ khí đang nằm trong túi người đối thoại, và ông ta cũng không có vũ khí tôi có, nhưng ngay từ đầu cuộc phỏng vấn đã diễn ra rất quyết liệt trước khi chuyển sang những hình thức êm dịu hơn nhiều. Cuộc phỏng vấn có thể là một vấn đề sống hay chết đến mức nào đó đối với một số người...

Khi gặp Jacques Chaban-Delmas, rõ ràng là có lẽ cả ông và tôi, đều ở trong một tâm trạng hết sức thoải mái... Nhưng cuối cùng vẫn phải là chuyện có đi có lại... Tôi muốn thu được ở ông những sự việc mà ông không bao giờ muốn nói. Và ông thì muốn tỏ ra còn hấp dẫn hơn bình thường nhiều.

1. Tài liệu lưu trữ và tài liệu miệng

Có nhiều kiểu phỏng vấn. Trước hết là phỏng vấn - thương lượng. Nhưng tôi muốn nhân dịp này có một nhận xét hơi láo xược về hai nguồn tài liệu của nhà sử học: Nguồn tài liệu lưu trữ và nguồn tài liệu miệng. Người ta đã nói với chúng tôi là phải tỉnh táo với nguồn tài liệu miệng. Người ta nói: "Những nguồn tài liệu miệng chỉ cung cấp cho anh những gì mà họ muốn". Nhưng những nguồn tài liệu viết thì sao! Hãy tưởng tượng báo cáo của ông tỉnh trưởng về vụ hoả hoạn ở Rennes vừa tàn phá Tòa Pháp viện Bretagne. Ông tỉnh trưởng và Sở cảnh sát nói với chúng ta những gì về nguyên nhân xảy ra vụ hỏa hoạn? Hoặc vụ bắn nhau ở

Fourmies hay tình hình hồi tháng 5-1968, với các báo cáo về tình hình sinh hoạt của cư dân Quận 5 thành phố Paris. Mỗi người làm báo cáo đều lựa chọn cách viết những gì thích hợp với uy tín và tương lai của mình. Trong số đó có những quan chức cấp cao.

Nguồn tài liệu miệng khác với nguồn tài liệu viết là ở chỗ dễ dễ mâu thuẫn. Ông tỉnh trưởng được phỏng vấn về vụ hoả hoạn ở Bretagne hay ông thị trưởng được phỏng vấn về những khoản tiền thuê nhà ở Quận 5, đương nhiên sẽ giấu anh nhiều chuyện. Người phỏng vấn có thể tùy ý mình phản bác: “Ông đã không nói với tôi điều này, ông đã không nói với tôi điều kia- mà tôi biết”. Thế là diễn ra trận đấu giữa hai nhân vật...

Tôi chưa bao giờ có niềm vui sướng hay vinh dự được phỏng vấn tướng De Gaulle và có lẽ tôi sẽ không có khả năng nói với ông: “Thưa tướng quân, ngài đã giấu tôi điều này hay điều kia”. Nhưng ngoại trừ tướng De Gaulle, Franklin Roosevelt, Winston Churchill và Staline (vì rất nhiều lý do), tôi nghĩ rằng trước mọi chính khách - dù đó là người đứng đầu Nhà nước Pháp vừa từ bỏ chúng ta, F.Mitterrand, hay người đương nhiệm - một nhà báo có tầm cỡ không bao giờ đặt giới hạn cho những câu hỏi, những phản bác mà anh ta có thể đưa ra. Như vậy, tôi tin rằng nguồn tài liệu miệng so với tài liệu viết, có ưu thế là tự bản thân nó có mâu thuẫn, và vì phương pháp tiến hành của nó,

có hiệu lực cho việc tìm kiếm sự thật.

Một kiểu phỏng vấn khác: Kiểu phỏng vấn nhằm khôi phục lịch sử, mà người ta tiến hành bằng các quan hệ với các nhân vật là những người đã rời bỏ những chức vụ cao. Do đã thoát khỏi các trách nhiệm, họ có thể cùng ta dựng lại quá khứ, trong một không khí rõ ràng là thanh tịnh hơn trong khi còn tại nhiệm.

Một nhận xét về những thay đổi của sự thật. Con người không phải bao giờ cũng như vậy vào những thời điểm khác nhau của cuộc đời họ. Những nhân vật lớn của Pháp hay của thế giới đều có sự nghiệp tương đối dài. Anh có dịp gặp họ nhiều lần. Cũng khá hấp dẫn để thấy sự thật đã xê dịch như thế nào, mà không phải vì thế lại bị giam cầm trong sự dối trá. Đó là chỉ nói đến vấn đề quan hệ của con người với quyền lực: Dù người ta đang ở trong quyền lực hay ngoài quyền lực, thì sự thật không phải bao giờ cũng hoàn toàn giống nhau, một cách có ý thức hay không có ý thức. Điều hấp dẫn trong việc lấy tài liệu miệng, trong việc tìm kiếm sự thật bằng phỏng vấn là ở chỗ nó được tiến hành qua những thời kỳ khác nhau theo giai tầng và nó cho phép so sánh chuyện này với chuyện kia. Bất F.Mendès France nói về tình hình Đông Dương vào thời điểm Hội nghị Genève và phỏng vấn ông mười năm hay mười lăm năm sau như tôi đã làm để viết một cuốn sách, là điều hết sức thú vị. Sự thật đã xê dịch vì lịch sử đã xê dịch,

vì con người đã xê dịch và vì quan hệ của anh với ông ta cũng đã xê dịch. Tất cả điều đó đáng phải có những hiệu chỉnh thường xuyên và dẫn đến công việc cơ bản của người tìm hiểu và của nhà sử học, là xem lại. Thật đáng tiếc, từ “xem lại” này đã mang tiếng xấu, nhưng chính nó nằm ở cốt lõi của hoạt động sử học. Đối với tôi, điều đó cho phép làm tốt hơn là phỏng vấn.

2. Tầm quan trọng của việc chuẩn bị

Hãy nói đôi chút về sự tiếp cận. Vấn đề tiếp cận các nhân vật không được đặt ra nhiều lắm đối với tôi, bởi vì từ rất lâu tôi đã là phóng viên một tờ báo. Tờ *Thế giới* là tờ báo đã mở ra cho tôi mọi cánh cửa, trước hết là ở Pháp. Và trong một số trường hợp, ở nước ngoài tình hình còn tốt hơn. Đến đâu, thay mặt cho tờ *Thế giới*, là một thuận lợi lớn. Tôi nghĩ nhân đây cũng nên nói đến điều đó.

Mặt khác, tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chuẩn bị: Đúng là việc chuẩn bị phụ thuộc vào cương vị của anh được thừa nhận ngay từ khi đón tiếp và cả trong cuộc nói chuyện. Đúng là sự biểu hiện khả năng, dấu hiệu của một ý thức nhất định về những gì mà ta nhằm tới và những gì mà ta tìm hiểu, là một sức mạnh lớn của cuộc nói chuyện.

Nhưng tôi muốn kể với các bạn một giai thoại cho thấy điều đó không phải là chìa khoá của tất cả. Trong đời tôi, tôi đã thực sự chuẩn bị một cuộc

phỏng vấn, vâng thực sự. Bởi vì tôi đã đi rất xa để có được cuộc phỏng vấn đó, và tôi hiểu được tầm quan trọng của nó. Tôi đã được cử đến Trung Quốc để phỏng vấn không phải Chủ tịch Mao Trạch Đông mà là Chu Ân Lai, vị Thủ tướng mà tôi vốn rất kính trọng - niềm kính trọng đã không giảm đi từ ngày đó. Vì công việc này tôi đã đi qua biết bao cây số, chờ đợi rất lâu trong phòng khách sạn của mình, chuẩn bị, viết, viết lại, học thuộc lòng, nhiều đêm thức trắng để nghĩ xem: “Mình sẽ nói với ông về cuộc trường chinh hay sẽ gọi ra với ông chuyện về Byroade (nhà ngoại giao Mỹ những năm 1950)?”. Tôi có cả một “dàn bài” nói chuyện tỉ mỉ đầy những cái bẫy.

Và rồi một buổi sáng, tôi bị đánh thức vào lúc 7 giờ ở khách sạn Bắc Kinh. Người ta nói với tôi “Thủ tướng Chu Ân Lai đợi ông để cùng ăn trưa”. Phải chăng đây là cơ hội rất tốt cho một cuộc phỏng vấn? Phải chăng có thể vừa làm việc vừa ăn trưa? Bữa cơm trưa rất ngon. Thủ tướng Chu Ân Lai tỏ ra là một người chủ tuyệt vời, một nhà quý tộc lớn của Trung Quốc. Còn một người khác cùng ngồi ở bàn ăn: Đó là Joris Ivens, nhà điện ảnh lớn Hà Lan, người đã làm cuốn phim *Cuộc vận lý trường chinh* và vào thời điểm đó ông có uy tín hơn tôi nhiều. Tôi đã không thể nêu ra một câu hỏi nào trong số 12 câu hỏi đã được chuẩn bị trong nhiều tuần lễ. Nói cho đúng, Thủ tướng Chu Ân Lai đã nói một mình, nói hết thời gian và nói rất hay.

Và chính ông đã đặt cho tôi một câu hỏi, xin thú thật, làm tôi bối rối. Joris Ivens nói nhỏ vào tai ông rằng tôi đã viết một cuốn sách về tướng De Gaulle. Đột nhiên, vị thế của tôi thay đổi: Trước cái nhìn của Chu Ân Lai, tôi cảm thấy được khoác thêm một ít vinh quang của De Gaulle. Thủ tướng chiếu cố quay về phía tôi mà nói: “À, anh đã viết về tướng De Gaulle? Anh có nhắc lại rằng ông ta đã đi sang London không?”. Tôi bảo đảm với ông là có. Thì ra, đó là một điều rất đáng quan tâm đối với Trung Quốc, và cuộc phỏng vấn của tôi diễn ra khá tốt.

3. Người được viết tiểu sử và người viết tiểu sử

Bây giờ, tôi phải nhắc đến ba nhân vật của tôi. Tôi không có ý nhấn mạnh về F.Mitterrand. Điều đáng chú ý là tôi đã gặp họ vào những thời điểm khác nhau của cuộc đời họ.

Tôi đã phỏng vấn P.Mendès-France vào năm 1954, ngay giữa lúc Hội nghị Genève đang căng thẳng, ông đang chịu sức ép to lớn để phải đi đến giải quyết vấn đề Đông Dương. Tôi gặp lại ông năm 1960 khi tôi đang viết một cuốn sách về cuộc đàm phán đó. Chỉ mới có sáu năm trôi qua, nhưng ông đã là nhân vật đi vào lịch sử và có phần thoát khỏi những trách nhiệm cơ bản. Và 20 năm sau, tôi lại gặp ông khi viết cuốn tiểu sử dành cho ông

năm 1981. Tôi thấy tư tưởng của ông đã tiến triển trong một số chủ đề, đặc biệt về tướng De Gaulle. Đúng là vào lúc này hay lúc khác, con người đó, về cơ bản vốn là người ngưỡng mộ De Gaulle, đã chống lại ông này rất mạnh mẽ (vào năm 1958 và 1968) và cho đến cuối đời, về vấn đề này ông đã thể hiện một thái độ rất khách quan, về vấn đề này, không nhân nhượng điều gì, chỉ đơn giản vì ông có một khoảng thời gian để nhìn lại nhân vật bằng nhãn quan lịch sử.

Về Jacques Chaban-Delmas, tôi nhận viết kịch bản một cuốn phim về ông cách đây gần một năm, vào thời điểm sức khỏe của ông đang bị đe dọa. Chaban-Delmas là một người thông minh, sắc sảo. Nhưng khi người ta phỏng vấn ông - điều này thường hay xảy đến với tôi - người ta có cảm giác ông có sẵn những “cuốn băng”. Quay rất tốt, thu rất tốt, nhưng đoán trước được, về De Gaulle, về Mendès France, về Mitterrand. Có phân lặp lại, bao giờ cũng hay, mỗi lần lại có chỉnh lý một ít, không phải bao giờ cũng có lợi cho ông. Hôm đó ông nói với tôi những điều rất nồng nhiệt về quan hệ của ông với Tổng thống Georges Pompidou và những lý do họ đoạn tuyệt với nhau, về sự “thất sủng” của ông - như ông đã chịu đựng ở Versailles. Ông nói với tôi về những vấn đề: thông tin, truyền hình, vấn đề mở cửa trong truyền thông - những vấn đề hết sức cơ bản trong cuộc *đụng độ* giữa ông và Pompidou cùng những

người thân cận của Tổng thống.

Còn về F.Mitterrand, tôi đã gặp ông nhiều lần khác nhau vào cuối đời ông: Năm cuộc nói chuyện dài từ tháng 9 đến tháng 11 - 1995, phục vụ cho một cuốn sách dự kiến xuất bản vào năm 1998. Có biết bao người sốt ruột muốn biết thêm nữa về F.Mitterrand, không hy vọng ở tôi những thông tin mới: Họ đã được những người khác thông tin nhiều rồi!

Điều thú vị đối với tôi trong cuộc gặp gỡ cuối cùng này là quan hệ giữa người được viết tiểu sử và người viết tiểu sử. Tôi tin rằng một nhà báo thuộc thế hệ tôi đều có thể bất cứ lúc nào, và đặt bất cứ câu hỏi nào cho một con người mà anh ta đã biết rõ, con người đó chắc chắn đã gây ấn tượng cho anh ta bằng phẩm chất trí tuệ hay vai trò lịch sử của mình, nhưng trước mặt người đó anh ta cảm thấy rất tự do. Thế nhưng, tôi đã thấy rằng trước một con người đau yếu, như Mitterrand vào năm 1995, nhiều lần phải nằm trên giường - vào hai trong năm cuộc phỏng vấn, ông ở trên giường - thì một số câu hỏi thật khó mà đặt ra. Tôi không thể bật ra được cái tên René Bousquet. Tôi thừa nhận tôi đã không làm được công việc nghiệp vụ của mình như đáng lẽ tôi phải làm, như tôi đã quyết định làm. Trong cuộc phỏng vấn, có những điều hầu như không thể nói được. Dầu sao đối với tôi, trong hoàn cảnh của chúng tôi lúc ấy, điều này, từ này, cái tên này là không thể nói được.

Như vậy, tôi sẽ kết thúc câu chuyện này bằng một lời thú nhận về sự bất lực của mình. Ít nhất có một trường hợp - dĩ nhiên còn nhiều trường hợp khác, nhưng bây giờ tôi chỉ nhớ đến trường hợp đó thôi - mà tôi đã không làm được trọn vẹn chức năng phỏng vấn “nhà lãnh đạo” như lẽ ra tôi phải làm.

NHỮNG NGƯỜI THƯỢNG LƯU "BẤT CHÍNH"¹ VÀ "TRỞ NÊN BẤT CHÍNH"²: NHỮNG NGƯỜI LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN DÂN TỘC

Guy Birenbaum

Nếu Mặt trận Dân tộc (FN) đúng là một tổ chức cạnh tranh với các tổ chức khác để tranh giành các chức vụ chính trị và phiếu bầu, và như thế được xếp vào loại thể chế mà người ta quen gọi bằng cái từ “chính đảng”, tôi sẽ chẳng làm ai ngạc nhiên nếu nhấn mạnh rằng đó không phải là một đảng “như các đảng khác”. Vì vậy, khi những nhà lãnh đạo của FN đón một nhà nghiên cứu, họ không quan tâm tới việc phải đưa ra một hình ảnh đề cao giá trị của mình: Quan hệ đầu tiên của họ với những người quan sát không được coi như ở trong “gia đình”, ngược lại mang tính chất nghi ngờ, thậm chí suy đoán về một âm mưu nào đó.

Đặc điểm này đương nhiên có những hậu quả

^{1,2} Từ “illégitime” và “illégitimer” có thể dịch là “bất hợp pháp” và “bất hợp pháp hoá”. Trong trường hợp này chúng tôi dịch là “bất chính” và “trở nên bất chính”, vì đối tượng được nói đến ở đây, Mặt trận Dân tộc của Le Pen, có một vị thế phù hợp với từ “bất chính” vốn không chỉ có ý nghĩa pháp lý (N.D).

đối với toàn bộ công việc tìm hiểu, đối với những phương pháp thu thập dữ liệu, cũng như đối với những vấn đề mà ta đặt ra. Thu thập các dữ liệu rõ ràng là một công việc khó khăn khi ta quan tâm đến một tổ chức được coi là bất hợp pháp trước mắt những tổ chức cạnh tranh và đối lập cũng như các nhà bình luận: họ được đối xử như vậy và do đó ngần ngại trong việc cung cấp những thông tin có thể được sử dụng để chống lại họ.

Để các bạn hiểu tôi hơn, cả về sự do dự này của FN cũng như tính chất khác biệt của tổ chức này, tôi thấy trước hết phải trở lại ngọn nguồn công việc nghiên cứu của tôi về FN, cách đây khoảng 14 năm. Nếu câu chuyện có thể giống như giai thoại, thì dù sao sự trở về ngọn nguồn này cũng là điều cần thiết đối với những ai muốn hiểu những quan hệ giữa các thành viên của FN và một nhà quan sát bên ngoài đã được hình thành như thế nào.

1. Trở lại ngọn nguồn

Vào cuối năm 1984, đầu năm 1985, khi tôi báo cho Jacques Lagroye (Chủ nhiệm khoa Khoa học chính trị của Trường đại học Sorbonne, và giảng viên thuộc Nhóm Xã hội học Chính trị của tôi ở Đại học Paris I) rằng tôi định viết bài khoá luận về FN, ông đã cảnh cáo tôi một cách lịch sự. Đối với ông, chủ đề này, lúc ấy còn ít được biết đến, và cũng ít có tương lai như chủ đề về những người Poujades. J.Lagroye nghĩ rằng các thành viên của

FN lại diễn lại cao trào Liên minh Dân chủ Thiên chúa giáo (UDCA) vào cuối những năm 1950. Phải thừa nhận rằng vào thời điểm đó, ngay cả nhà chính trị xuất sắc nhất cũng lập luận như vậy. Lúc ấy không có một nhà quan sát nào không nhìn nhận FN như một hiện tượng “lửa rơm”. Quả vậy, ít nhà bình luận lại dám nhìn thấy trong “hiện tượng Le Pen” một cái gì khác hơn là sự bùng nổ tạm thời của nỗi bất bình, một “con sốt” sẽ đi qua, một sự gặp gỡ đột xuất và mong manh giữa một “nhóm nhỏ” cực hữu và “tâm trạng xấu” của một bộ phận cử tri. Có thể nào từ “sự thức tỉnh tồi tệ” này lại ra đời một tổ chức bền vững, đảm bảo tìm ra những cử tri của mình mỗi khi tiến hành thăm dò ý kiến, rồi dần dần trở thành một lực lượng chính trị mà người ta sẽ phải tính đến? Không ai dự đoán điều đó. Tôi cũng vậy, không tin hơn những người khác. Đơn giản tôi thấy chủ đề này có phần đáng quan tâm, vì sự thực là các nhà chính trị học ít chú ý đến nó. Vì thế, tôi có quyết định khá kỳ cục là gửi một lá thư cho J-M Le Pen, khi ấy đang trên đỉnh vinh quang vì thắng lợi trong cuộc bầu cử vào Nghị viện châu Âu năm 1984. Trong lá thư đơn giản này, với tư cách là một nghiên cứu sinh khiêm tốn, tôi đề nghị ông cho phép được tự do gặp gỡ những người lãnh đạo và những người mới trúng cử của đảng ông. Nếu tôi nhớ đúng, thì hành động của tôi đã làm những người xung quanh thích thú và làm yên tâm rất nhiều “những người bạn thân” - những người đã

đề nghị cấp cho tôi một khoản trợ cấp nghiên cứu: Vài tháng sau, có thể người ta sẽ tìm thấy tôi ngồi than vãn trên một cái ghế dài ở Quảng trường Auguste-Comte, lúc tôi phải nghĩ cho ra một đề tài khoá luận khác, một khi Chủ tịch FN đuổi tôi ra ngoài; còn nếu ông trả lời cho tôi thì thật là một chuyện kỳ lạ! Sau một thời gian dài nghi ngờ (phải chăng vì vô thức?), câu trả lời đã đến một cách bất ngờ. Một buổi sáng, ông Chatal, thư ký của Khoa Chính trị học tìm tôi trong hành lang để báo tin: Có một người nào đó của FN hỏi tôi qua điện thoại! Cách thức kiểu cách mà Chatal đưa cho tôi ổng nghe đáng được ghi lại trong các bộ phim được các trường phái phê trương ở những đoạn cần tạo vẻ trung lập, cần thiết khi đề cập một vấn đề không mấy chính đáng.

Ở đây, bắt đầu câu chuyện không chắc xảy ra. Mặt trận Dân tộc chấp nhận tiếp “gã” nghiên cứu non choẹt với điều kiện là gã này, trong thời gian đầu, đã nói chuyện với cánh tay phải lúc đó của vị Chủ tịch là J-M Le Chevallier. Ông này sẽ “kiểm tra” mục đích thực của tôi. Không hề có “nghĩ lễ nhập môn” đằng sau cuộc gặp gỡ mở đầu này, đơn giản chỉ là sự nghi ngờ tất yếu phải có lúc ấy: Phải chăng tôi là một nhà báo cải trang đang nhằm đánh bẫy những người lãnh đạo của FN bằng cách lôi kéo họ vào con đường trượt dốc? Một con đường trượt mà tờ báo này hay tờ báo khác sẽ “vó bở” như nhiều tờ báo đã làm vào những năm 1980. Như vậy, cuộc điều tra muộn màng của tôi mở đầu

bằng những kỳ sát hạch. Tôi đã qua được “kỳ thi chứng nhận khả năng nghiên cứu về FN”, tại đường phố Saint-Germain, trụ sở của Nghị viện châu Âu tại Paris. Khi bước vào, tôi ngạc nhiên vì địa điểm dành riêng cho văn phòng nhóm nghị sĩ châu Âu của FN trong toà lâu đài đẹp đẽ này. Quả vậy, sau nhiều quanh co tôi tìm thấy người đối thoại của tôi, giữa gian phòng bẽ bộn những hòm xiềng và hộp đựng hồ sơ, ở tận cuối toà nhà. Tựa như ban quản trị của Nghị viện châu Âu muốn chứng tỏ cho những đại biểu mới được bầu là họ phải vất vả ở đây như thế nào. Tính chất bất hợp thức của đối tượng tôi nghiên cứu bộc lộ ngay lập tức. Sau một cuộc nói chuyện ngắn, khi mà J-M Le Chevallier yên tâm về tính chất học thuật nghiêm túc và như thế là vô hại của cuộc điều tra của tôi, tôi được thừa nhận một cách chính thức nhất, bởi vì tôi nhận được một lá thư do chính Chủ tịch FN ký tên, trong đó ra lệnh cho tất cả những người lãnh đạo mà tôi muốn gặp phải lịch sự tiếp tôi và trả lời những câu hỏi của tôi trong thời hạn ngắn nhất.

2. Ở Mặt trận Dân tộc

Bước vào tìm hiểu quá trình hoạt động và vị trí của từng người trong các nhà lãnh đạo FN, với sự cố vấn của J.Lageroye và P.Birnbaum (người hướng dẫn chính khoá luận của tôi), tôi đã chuẩn bị một bản câu hỏi tỉ mỉ, cho phép thăm dò tiểu sử của những người đối thoại, đặc biệt trở lại quá khứ

của gia đình họ và cố gắng hiểu nguồn gốc sự gắn bó của họ với FN và với cá nhân J-M Le Pen. Nhưng mặc dù tôi có cầm theo “thư bảo đảm”, nhưng sự tiếp đón không phải lúc nào cũng lịch sự nhất. Cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi là một thí dụ về diễn biến tác động qua lại giữa một nhà lãnh đạo của FN và một nhà nghiên cứu. Đó là M. Bayvet, một người hoạt động của FN ít được công chúng rộng rãi biết đến, ngay cả những nhà nghiên cứu thành thạo cũng vậy. Mặc dù cương vị của ông là người lãnh đạo FN, vào ngày 26 - 3 - 1985, ông khẳng định rằng ông chỉ biết đến một trường học là “trường học của chủ doanh nghiệp”. Ở độ tuổi hơn 60, ông tự cho mình là một tín đồ Cơ đốc giáo theo phái truyền thống. Ông là thành viên ban lãnh đạo của FN từ năm 1978 và là một trong những người sáng lập đảng. Trước đó, ông đã lui tới Tổ chức “Hành động Pháp”, bởi vì như ông nói, một thời kỳ lịch sử đã đặc biệt tác động đến ông: “Cuộc cách mạng Pháp, khi những tên vô lại đã nắm chính quyền chống lại những người trung thực”. Ông còn giải thích: “Năm 17 tuổi, tôi đã chịu ảnh hưởng chính trị của những cuốn sách viết về Phong trào Chouan. Tôi đã đứng về phía những người Chouan và những người quân chủ chống lại bọn Cộng hoà và những tên khát máu. Tôi gia nhập Tổ chức “Hành động Pháp” là vì thế, bố tôi cũng không phải là một người Cộng hoà tốt...”. Sau đó, ông nói tiếp, tôi đã đi theo và ủng

hộ chiến dịch bầu cử của Tixier- Vignancour. Tôi quan tâm đến Algérie thuộc Pháp, nhờ vậy, tôi được “nuôi dưỡng, soi sáng, tẩy não” trong một thời gian nhất định”. Lúc ấy, tôi không có gia đình, cũng không có ràng buộc nào ở Algérie, nhưng Algérie thuộc Pháp là một sự nghiệp nằm trong những giá trị phải bảo vệ. Năm 1972, đã hình thành một nhóm bạn tập hợp dưới tầng hầm của Hiệu ăn “Trại cận vệ” mà người chủ là R.Holeindre. Tổ chức “Những người bạn đường của Margeolaine” đã ra đời như thế. Từ đó, năm 1972, FN được thành lập. Tôi là một trong những người sáng lập đầu tiên tham gia ban lãnh đạo đầu tiên”. Ông tự coi mình thuộc phái “Cánh hữu truyền thống”... “tôi thuộc phái truyền thống trong giáo hội của tôi ... tôi thuộc phái truyền thống với các nhân viên của tôi ..., những lựa chọn của tôi đều giống nhau trên các bình diện chính trị, tôn giáo, gia đình”. Ông thích nói rõ như vậy, và đó là cách thức ông làm sáng tỏ những cam kết chính trị của mình: “Con người gắn liền với gia đình mình, và dù muốn hay không thì vẫn có những nguồn gốc để tạo nên con người. Không có lý do gì để vào một cuộc thi người ta lại hỏi một con chó hay một con ngựa về phả hệ của nó, nhưng với con người thì không phải thế. Cuộc chiến đấu của dân tộc này là một bộ phận hợp thành của gia đình. Ông cụ cố của tôi là chỉ huy đội cận vệ Cung điện Versailles trong thời kỳ Công xã. Cụ lại tình

nguyên tham gia quân đội vào thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất: Quá già. Bố tôi cũng tham gia quân đội vào thời gian đó: Quá trẻ. Để các bạn thấy rõ hơn, tôi phải nói rằng cả hai người đều có mặt ở Quảng trường La Concorde ngày 6-2-1934. Bố tôi đã tham gia vào cuộc Chiến tranh 1939-1940 và đã thực hiện nhiều nhiệm vụ trong cuộc kháng chiến chống Đức. Tôi kể với bạn một câu chuyện có thực: Sau chiến tranh, có hai người hiến binh đến nhà hỏi tại sao ông không xin thẻ kháng chiến. Ông nói rằng ông tham gia kháng chiến để bảo vệ đất nước chứ không phải để được mang danh kháng chiến. Đây là phục vụ chứ không phải tự phục vụ (...). Bố tôi là một người đứng về phe bảo vệ Pétain chống lại những trò quá khích của người kháng chiến”.

Từng ấy lời nói cho phép hiểu quá trình hoạt động của thế hệ những người sáng lập và lãnh đạo FN. Nhưng điều chủ yếu không chỉ nằm trong đoạn trích dẫn phỏng vấn này. Hôm đó tất cả những gì liên quan tới cuộc nói chuyện đều có giá trị chỉ báo tính đặc thù của mối quan hệ giữa người tìm hiểu và người của Mặt trận Dân tộc. Trước cuộc nói chuyện, không có ghi âm, ông Bayvet đã bắt đầu bằng việc chúc mừng tôi “một người Israel” “đã không sợ đến đây gặp các thành viên của một đảng có một số người từng bị quy là đã cắt cổ những người cùng tôn giáo (với tôi)”. Ngay sau những lời “hài hước” là những lời “xúc

động'. Khi kết thúc cuộc nói chuyện, Bayvet nói với tôi - vẫn không có máy ghi âm - rằng theo ý ông, tôi là "con sâu trong quả ngọt" và "đừng quá ngạc nhiên" nếu "bị một vài thanh niên hành hung tại một bãi đỗ xe nếu anh viết bất cứ điều gì khó chịu về FN". Sau vài giây bần khoản về sự non nớt của mình, khí chất thích gây gổ của tôi lại nổi lên, và tôi đã gợi ý cho ông hãy thử "dẫn cho tôi một trận" trước khi tôi viết được một dòng. Câu chuyện khép lại cũng nhanh như khi bắt đầu.

Vượt ra ngoài giai thoại, thì đúng là ở đây thực sự có một vấn đề được đặt ra: cách ứng xử không điển hình của một số người trong giới lãnh đạo cấp cao của FN. Do đó, cần phải có một bước lắt léo về lý luận. Nếu trong công trình của tôi, tôi đã không yêu cầu đến những hệ thống phân tích cho phép hiểu thế nào là một chính đảng "truyền thống", thì đấy không phải là do thích sự độc đáo hay chơi trội. Cũng không phải để giống với bức biếm họa mà một số người vào thời kỳ đó đã dành cho những người gọi là các đệ tử trẻ tuổi của "Trường phái Paris I": Một đám những người trẻ tuổi kiêu căng tin rằng họ sẽ qua được "tuổi non nớt" ở Trung tâm nghiên cứu đời sống chính trị Pháp (Cevipof) - và thời kỳ non nớt ấy sẽ không trở lại. Đấy không phải là mục tiêu của tôi. Điều làm tôi chú ý là quan hệ hàng ngày của tôi với những người lãnh đạo FN không đi vào khuôn khổ chặt chẽ của những mối tương tác mà những người tìm

hiểu trải qua khi làm việc với những chính đảng hợp thức. Vì vậy, tôi không thể làm gì hơn là xoay xở với những người đã gặp và với những phương tiện có trong tay. Đặc điểm quan hệ của tôi với những người lãnh đạo FN rất cục cỉ là sự tái hiện đặc điểm quan hệ của họ với tất cả những tác nhân khác của đời sống chính trị, kể cả các nhà báo và các nhà quan sát.

Trên thực tế, mối quan hệ tương tác giữa FN và người nghiên cứu là bất bình thường đến mức làm nảy sinh ra những điều đặc biệt mà tôi gặp phải suốt quá trình thực hiện cuộc điều tra. Và kết cục là, Mặt trận Dân tộc được đặt vào “cục đối lập” với những phân tích phổ biến, trên cơ sở nghiên cứu những cơ chế hoạt động của đa số các chính đảng khác ở Pháp. Hãy lấy một vài thí dụ bổ sung cho những đặc điểm làm cho FN bất chính đến mức khó mà hội nhập vào những thang bậc sẵn có, trong đó có đa số các đối thủ trên vũ đài chính trị, nếu không phải là tất cả.

Trước hết, sự có mặt trong Mặt trận Dân tộc đã bị những người bình luận, những người quan sát, và những người đối lập với Mặt trận Dân tộc, lên án, thậm chí ghê tởm ngay từ đầu, đến mức mà những đảng viên, thậm chí một số ứng cử viên của nó đôi lúc đã phải che giấu màu sắc chính trị của mình hay từ chối hoạt động công khai dưới lá cờ của FN. Cảm giác của một số người hoạt động trong Mặt trận Dân tộc là sẽ “chuốc lấy rủi ro” khi

bộc lộ quá rõ màu sắc chính trị của họ. Điều đặc biệt này đương nhiên có tác động đến sự thể chế hoá của đảng. Vì lẽ đó họ đâm ngại bước ra hoạt động, hay ngược lại, mà trở nên thích gây gổ. Việc thích gây gổ này càng trầm trọng hơn vì những người lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc xây dựng “âm mưu”, thậm chí toan tính hành hung các đối tượng truyền thông như một sự trừng phạt phổ biến. Vì vậy, đôi lúc FN phải tuyển mộ những ứng cử viên cho các cuộc bầu cử địa phương bằng những thông báo nhỏ trên những tờ báo gắn gửi với đảng.

3. Một đảng "kim hãm"

Những nhận xét này đặc biệt có ý nghĩa trước những hiện tượng tương tự nảy sinh ở giới thượng lưu. Nhiều công trình nghiên cứu về các chính đảng cho thấy rằng những đảng này nói chung, được tạo dựng bằng những nguồn lực chính trị tích lũy được bởi những người đầu tư vào đấy, những người hoạt động chuyên nghiệp trong xã hội. Trái lại, việc tham gia vào FN làm người ta mất giá trị. Trên thực tế, đó là một sự kim hãm, thậm chí là một vết nhơ, hạn chế không gian “thăng tiến” đối với những người coi FN là “gia đình” của mình: Đó là một không gian bị giới hạn ở trong đảng, hay trong những tổ chức và bộ máy của đảng. Vì thế, những chính khách có tâm cỡ đã rời bỏ FN (dù bị khai trừ hay ly khai) - trừ hai trường hợp (Yann

Piat và Yvon Briant, cả hai đều đã qua đời) đều không thể đem cái vốn liếng chính trị tích lũy được ở FN chuyển tới bất cứ nơi nào khác (và chẳng người ta lại có căn cứ để tự hỏi đây có phải là một cái vốn thực sự không). P.Arrighi, F.Bachelot, B.Chauvierre (cả ba đều là nghị sĩ từ năm 1986 đến 1988) đều đã “chết” về mặt chính trị kể từ khi ra khỏi FN. Ngày nay, chỉ có J.Peyrat chuyển hẳn từ FN sang Đảng Tập hợp vì nền cộng hoà (RPR), một lần được bầu làm Thị trưởng Nice, và mới đây là O. d'Ormesson (tháng 10-1996 trở thành Chủ tịch Trung tâm quốc gia những người độc lập) là có thể “liếp tục sống” về mặt chính trị sau khi rời khỏi FN.

Vì thế, ta có thể giải thích một cách thú vị sự ra đi của Bruno Mégret và những người thân cận của ông là vì họ đã “giác ngộ” về tính chất kìm hãm của bộ máy FN đối với những tham vọng cá nhân của họ về chính trị và xã hội, cũng như họ thấy rõ J.M. Le Pen lãnh đạo họ như thế nào. Ở cấp lãnh đạo chớp bu, những người ly khai năm 1998 phần lớn là những quan chức cấp cao, những người có bằng cấp cao (B.Mégret, Yvan Blot, J.I. Le Gallou), có nhiều kinh nghiệm về chính trị trong các đảng cánh hữu truyền thống và đã có vị trí trong xã hội (S.Martinez được gọi là “người phản nghịch”), thậm chí trong chính trị (D.Simonpieri). Đây không phải là việc nhỏ. Về mặt này, Phong trào dân tộc của B.Mégret tập hợp những phần tử thượng lưu FN, hy vọng có thể “tẩy sạch” cái vốn chính trị ở Mặt

trận Dân tộc của họ. Xét trường hợp những cá nhân trước đây và tính chất không thể xoá nhoà của “tì vết” FN, thì việc làm này cũng tỏ ra táo bạo. Vì vậy, sự “trở cờ” nhanh chóng của I.Blott, rồi bỏ Le Pen để theo Mégret, rồi lại rời bỏ Mégret để trở lại một cách lạ lùng với Le Pen, là một minh hoạ rất hay cho khó khăn, thậm chí cho tình trạng không thể nhảy cóc trong chính trị.

Dấu hiệu đầu tiên mới chớm về tinh thần tự chủ - vẫn là trong nội bộ - của những tác nhân mới ly khai, đã cho thấy rõ, cách đây 10 năm với sự xuất hiện của Hội đồng Khoa học, được coi như một không gian trí thức riêng của FN và được FN giới thiệu như “một hội đồng những nhân vật có năng lực cao”. Hội đồng này, được thành lập năm 1989, theo sáng kiến của B.Mégret và của J.Gallou, trên thực tế tập hợp những giáo sư đại học và những trí thức “lớp thứ hai” (trừ ngoại lệ đáng chú ý là ông chủ tịch đầu tiên, nhà xã hội học Jules Monnerot). Những tầng lớp thượng lưu này nằm trong một không gian trí thức thuộc nội bộ đảng, thích hợp cho sự phát triển những tư tưởng và những luận đề mà họ không thể áp đặt cho trường đại học hay trong tổ chức tương ứng của họ (đối với những luật sư, những quan toà và những thầy thuốc). Chúng ta không so sánh theo kiểu biếm hoạ, mà chỉ ngạc nhiên vì sự ra đời một không gian ý thức nội bộ, và vì sự tương đồng của nó với thái độ của những trí thức trong nội bộ

Đảng Cộng sản Pháp mà bà J.V. Leroux mô tả vào những năm 1950¹. Bà gọi đó là “trí thức đảng” những người “tiếp nhận vị trí của mình, quyền lực của mình, đặc lợi của mình duy nhất từ đảng dù cho họ đã bị tước hết những danh hiệu có thể sinh lợi được thừa nhận trong địa hạt trí thức. Hoặc dù cho có được những thứ ấy, họ cũng chỉ có thể thu được (do sự cạnh tranh trong nội bộ) những món lợi bình thường, bé nhỏ. Như vậy, họ phụ thuộc vào đảng về đủ thứ ban thưởng mang một tính chất khác - quyền lực, uy tín - có được một cách nhanh chóng bằng sự tuân thủ và nhiệt tình”. Người ta có thể lấy lại định nghĩa này cho những gì liên quan đến “những trí thức” của FN, dù quyền lực và uy tín họ lấy được từ đó (và ở đây có một sự khác biệt quan trọng) chỉ duy nhất có tính chất nội bộ đảng. Đồng thời, ta có xem xét những cuộc nói chuyện của Học viện Đào tạo Quốc gia (cũng hoàn toàn đi theo Mégret), ở đó những cán bộ và đảng viên đến nghe các giáo sư đại học FN tham luận về những chủ đề thuộc khả năng của họ, hay những cuộc tọa đàm tại ủy ban khoa học của FN, giống như những cuộc “hội họp trí thức” mà J.V. Leroux mô tả, trong đó người trí thức trình bày công trình của mình “rất lấy làm vinh dự”. Và ta nên suy nghĩ thế nào về sự giống nhau này?

¹ So sánh Đảng Cộng sản Pháp và Mặt trận Dân tộc của Le Pen – một sự so sánh không chính xác (N.D).

Lúc đó tạp chí *Bản sắc* là địa điểm chủ yếu thứ hai để những người trí thức này ra mắt, bên cạnh những người lãnh đạo thường là những người có bằng cấp và chức sắc cao nhất của FN (Mégret, Le Gallou, Blot, Wagner) và sau bài xã luận của ông Chủ tịch. Sáng kiến ra tạp chí *Bản sắc* không phải không nhắc lại (ở một mức độ ít hơn) sự phát triển những tạp chí văn hoá hướng vào các trí thức của Đảng Cộng sản. Đáng chú ý là số đầu tiên của tạp chí *Bản sắc* cũng đăng cuộc gặp gỡ với J. Monnerot, lúc ấy là Chủ tịch ủy ban khoa học mới của FN, cuộc nói chuyện trong đó ông biện hộ cho sự liên minh mới đây của ông với Le Pen.

Vai trò của tạp chí *Bản sắc* đã quá rõ ràng. Đó là nơi ủng hộ chủ yếu những tham luận của các trí thức này (với một số buổi phát trên đài Radio - Courtoisie, “đài phát thanh tự do của đất nước và của cộng đồng Pháp ngữ”, qua đó chuyên mục “tờ báo tự do” cho phép những người trí thức này phát biểu). Đó là địa điểm trao đổi những nguồn tài liệu - địa điểm công bố tài liệu chống lại giới đại học hay giới chức nghiệp. Địa điểm này được thiết lập giữa một bên là một đảng, một lãnh tụ thường xuyên đi tìm kiếm sự hợp thức tinh thần và một bên là những nhà chính trị hoặc những nhà trí thức đang đi tìm kiếm sự thừa nhận cá nhân. Sự hiện diện trong ủy ban bảo trợ của tờ tạp chí, lúc ấy được xuất bản hàng tháng, là một phần thưởng thuộc loại này. Đồng thời, qua việc tham gia

những buổi lấy chữ ký vào những ngày văn hoá của tờ *National Hebdo*, của *Radio - Courtoisie* (thường được tổ chức tại Nhà Tương tế) hoặc cả những Ngày hữu nghị Pháp của những người phái truyền thống thuộc Trung tâm Charlier, mà những người “trí thức của đảng” này gặp gỡ những người trung thành, những độc giả và những người hoạt động đấu tranh, và nhận được từ đây những phần thưởng tượng trưng (thậm chí cả kinh tế nếu có bán sản phẩm) chưa kể là ở đây đôi lúc họ có thể sát cánh những tác giả nổi tiếng hơn (đặc biệt vào những ngày hội của Radio – Courtoisie khi cử tọa và những buổi phát ít nhiều vượt ra ngoài khuôn khổ “gia đình”). Bổ sung cho sự nổi danh ở nội bộ đảng, cuối cùng vẫn có một cách là trả lời phỏng vấn trên những tờ báo gần gũi của đảng, đồng thời nhân đây giới thiệu một cuốn sách, hoặc cùng lắm, như Bernard Lugan, lại tự biến mình thành “nhà báo tính dòng ăn tiền” sang trọng, vị giáo sư đại học đang chuyển qua nghề làm báo ở những chuyên mục văn hoá đặc biệt của các tờ *Hiện tại*, hay *Minute*.

Hiểu được ý đồ bất chước nhau giữa những “trí thức” đảng của FN và của Đảng Cộng sản (ở một thời kỳ hoàn toàn khác) sẽ dẫn đến những phát triển nhận thức nhất quán và chính xác hơn sự gặp gỡ giữa “một số” trí thức và “đảng đó” đã diễn ra vì sao và như thế nào. Không mở ra con đường này, người ta vẫn có thể phát hiện được - ngoài giả

thiết về “các trí thức vùng 2” - hay trí thức bên lề, những người đang tìm kiếm ở ngoài trường đại học những không gian thừa nhận. Những sự tương hợp không thể chối cãi giữa các công trình của họ và một số luận đề của FN (sự tranh cãi với phong trào chống phân biệt chủng tộc, vận dụng tinh thần chỉ thiên về dân tộc, phê phán những “người hoạt động nhân quyền”, tấn công chống lại giai cấp chính trị, chống những phương tiện thông tin hay “cơ quan” đấu tranh cho sự khôi phục công lý, đạo đức...). Những quan hệ thân thuộc này có thể giải thích tư tưởng làm hậu thuẫn cho việc ủng hộ FN. Một lần nữa, người ta lại sai lầm khi chỉ coi đó là sự lựa chọn nghề nghiệp có tính chất “kinh tế”. Quả vậy FN cũng là địa điểm lý tưởng để phát triển những lý thuyết mù mờ của họ.

Tuy vậy, điều đặc biệt làm chúng ta chú ý là tính tương đương của những vị trí trong không gian tương ứng của họ, giữa những người trí thức trở về với FN và những đại biểu dân cử trên toàn quốc của đảng. Những người trí thức này, “bị chi phối” trong địa hạt trí thức của họ do nguồn lực của họ ở đây quá yếu, hay bị gạt sang bên lề vì bị coi như không thể tiếp nhận được, bèn đem chuyển cái vốn trí thức của họ vào FN. Bởi vì, ngược lại, ở đây cái vốn trí thức đó được nâng cao giá trị, do FN luôn luôn thiếu những tầng lớp tinh hoa trí thức.

Giống như vậy, những vị dân biểu trên toàn quốc của FN, một số nghị sĩ của họ giữa những

năm 1986 và 1988, hoặc một số những người lãnh đạo hiện nay, những người “bị chi phối” trong những chính đảng khác bởi nguồn lực của họ ở đây không đủ để giành được những vị trí quyền lực, thậm chí còn bị loại ra khỏi những đảng này do ý kiến của họ quá cực đoan. Thế là họ mưu toan chuyển cái vốn chính trị trước đây của họ vào FN. Và FN trở nên có giá, FN đang cần rất nhiều người thuộc giới thượng lưu chính trị “gần như” hợp pháp. Những vụ ly khai ở cấp cao năm 1998 chủ yếu là việc của thế hệ những người lãnh đạo và những vị dân biểu này.

Như vậy, tôi ở đây dường như là ở trong một môi trường quan trọng để hiểu biết những gì “tinh hoa” của Mặt trận Dân tộc cho đến vụ chia rẽ năm 1998. Đối với những nhân vật nói chung “bị chi phối” - xét theo nguồn lực xã hội - hoặc bị gạt sang bên lề - vì lý do quan điểm - (nhà chính trị hạng hai, giáo sư đại học loại phụ giảng, nghệ sĩ không có công chúng, luật sư và thẩm phán “liên quan đến an ninh công cộng” và thầy thuốc không có khách hàng...), Đảng đóng một vai trò thay thế nghề nghiệp và xã hội, trở thành địa bàn để có thể chuyển một cái vốn không đầy đủ hoặc bất hợp thức vào những không gian tương ứng của họ.

4. Một đảng “thay thế”

Về điều này, trường hợp của FN cho phép diễn đạt một cách tinh tế sự phân tích của Daniel

Gaxie về những khả năng thăng tiến xã hội mà một chính đảng đem lại cho các thành viên của nó xuất thân từ những nghề tự do và trí thức. Tuy ta có thể chia sẻ quan điểm của B.Gaxie khi ông nêu lên rằng “những báo, tạp chí và những sưu tập của những tổ chức chính trị cung cấp (...) những phương tiện xuất bản và một cử tọa mà phần lớn các thành viên của họ không thể nào có được nếu ở ngoài đảng” thì ngược lại khi ông biến chính đảng thành “một yếu tố nghề nghiệp trong những lĩnh vực hoạt động khác” và biến những hỗ trợ xuất bản khác của đảng thành những “phương tiện nghề nghiệp được những người trí thức tận dụng để tăng cường những vận may nghề nghiệp” (bởi vì “khi trở thành những nhà kinh tế học, nhà sử học hay những nhà tư tưởng ít hay nhiều chính thức của đảng, một số người trong họ được đề cao trước công chúng mà không phải đi *con đường vòng danh vọng* thường phải có, và như thế có được sự nổi tiếng mà trong sự nghiệp học thuật hay khoa học nghiêm túc lại rất khó khăn để đạt được”) thì chúng ta không thể tán thành sự phân tích của ông về những gì liên quan đến những “trí thức của FN”. Những người này chắc chắn có thể đảm nhận vị trí giáo sư đại học hay khoa học trong nội bộ tổ chức đảng. Nhưng khi bàn về họ, người ta không thể nói đến “chiến lược hoàn toàn hợp lý”, theo ý nghĩa là người trí thức mà Gaxie kể ra, dù trong trường hợp nào họ cũng không thể tự lấy làm

hành diện về những trách nhiệm chính trị của họ trong địa hạt trí thức". Họ chỉ có thể tối đa hoá hiệu quả hoạt động tượng trưng của họ ở phạm vi trong đảng, nhưng đã làm phương hại hầu như vĩnh viễn mọi khả năng chinh phục tiếng tăm ở bên ngoài.

Ở đây, người ta tìm ra một trong những điểm lạ lùng đặc biệt thú vị nhất của FN, như nó thể hiện trước khi B. Mégret và các bạn ông ra đi. Đối với những người gia nhập FN lúc ấy, trái với những kết luận của một số luận văn "thực dụng chủ nghĩa", nó không thể hiện là một động cơ đẩy nhanh sự thăng tiến xã hội bên ngoài, mà nó trở thành sự thay thế cho sự thăng tiến xã hội đã bị thất bại. Một sự thay thế bất hợp thức và mất giá trị đến mức khi ra ngoài đảng, nó ngăn cấm mọi cơ may chuyển cái vốn chính trị vào những thứ bậc nghề nghiệp tương ứng của họ. "Cuộc phiêu lưu Mégret" như vậy là một mưu toan tuyệt vọng để xóa bỏ những hậu quả của sự phi hợp pháp hoá này.

5. Nghiên cứu cái bất hợp thức

Hẳn người ta đã hiểu, chính trong rất nhiều những dấu hiệu của sự "thiếu sót chung về tính hợp thức" do có những nguyên nhân gây ra khó khăn cho tôi khi tìm hiểu về hoạt động của FN, theo như cách làm với bất cứ một đảng nào khác, và phân tích nó theo những chuẩn mực cổ điển nhất. Những tác động qua lại tồn tại giữa FN và

tác nhân nhập cuộc vào đời sống chính trị (người quan sát và các tác nhân lẫn lộn) đều tạo nên một điểm đặc biệt, thậm chí một sự suy đoán sai lạc - từ này không phải là thái quá. Điểm đặc biệt này - ngoại trừ cung cấp những lời chứng minh rất chung chung - đã ngăn cấm mọi việc sử dụng một cách hệ thống những thang bậc phân tích, hoặc những phương pháp, những sơ đồ lý luận vốn xuất phát từ việc nghiên cứu những chính đảng vẫn được những nhà bình luận và những người đối lập chính trị coi là hợp thức. Từ đó là khó khăn chủ yếu trong cuộc tìm hiểu của tôi: Làm thế nào để có thể phân tích những cơ chế thể chế hoá và thành công của một chính đảng được nhìn nhận là bất hợp thức dưới con mắt của những người mà ta có thể gọi là “những người phán xét sự hợp thức hay hợp thức hoá (theo cách nói của Howard S.Becker)”? Những người này, thông qua sự phân tích của họ, sự bình luận của họ, sự tôn trọng công khai của họ hay nói khái quát hơn, những quan hệ “bình thường” của họ với đảng này hay đảng khác, đã nắm quyền trao tặng cái nhãn hiệu chính đảng hợp thức.

Trên thực tế, như H.S. Becker cho thấy “sự sai lệch - theo nghĩa được chấp nhận ở đây về hành động mất giá trị một cách công khai - luôn luôn là kết quả những khởi xướng của người khác”. Trước khi một hành động có thể được coi là sai lệch hay một loại người nào đấy có thể bị dán cái nhãn sai

lệch và đối xử như xa lạ với tập thể vì đã vi phạm hành động đó, thì một ai đó phải thiết lập chuẩn mực để xác định thế nào là hành động sai lệch. Thậm chí nếu sau đó, Becker nói thêm, và đây là điều chủ yếu, rằng sự đồng trách nhiệm về sai lệch dĩ nhiên cũng phụ thuộc vào những cá nhân vi phạm các chuẩn mực: “Nếu chúng ta muốn hiểu đầy đủ sự ứng xử sai lệch, chúng ta phải giữ được sự cân bằng giữa hai chiều hướng có thể có trong những điều tra của chúng ta. Chúng ta phải coi sự sai lệch và những con người sai lệch (...) như một kết quả của quá trình tác động lẫn nhau giữa các cá nhân hay các nhóm”.

Như thế, rõ ràng người ta không thể quy đặc thù của FN cho riêng sự nhìn nhận đối xử của những người khác đối với nó. Những đặc tính cố hữu của FN là: hệ tư tưởng của nó và những đảng viên của nó, những giá trị hiếm hoi của các đảng viên này trong cuộc cạnh tranh chính trị; những hình ảnh thường mờ nhạt của họ, sự phân cấp thứ bậc bị tố cáo trong những kết cấu lịch sử của đảng phục vụ cho một lãnh tụ bá quyền, hay sự tồn tại càng ngày càng nổi bật của một “tiểu xã hội” Mặt trận Dân tộc trong không gian xã hội. Chính những đặc tính cố hữu này góp phần phân biệt nó với các chính đảng “cổ điển”, nếu không hơn thì cũng bằng cách thức mà “người ta” đối xử với nó.

Không ai cho rằng sự câu viện đến “xã hội học về hành vi sai trái” này là tốt đẹp, và đem sự “đối

xử” mà H.Becker dành cho những người nghiện cần sa để tiếp cận những thành viên của FN là một cách bài xích có thể làm cho người khác chê cười. Dù sao trước khi “đặt câu hỏi” với FN, tôi phải chú ý để thoát ra khỏi những điều sai trái mà tôi có thể nhận ra ở tất cả những người làm cái việc phỏng vấn những người lãnh đạo của FN, đặc biệt vào thời ấy là những nhà báo. Về mặt này sẽ có ích nếu trở lại một vài thí dụ về tác động qua lại “không giống như những tác động khác”.

6. Một tác động qua lại

"không giống như những tác động khác"

“Theo một cách nào đó Le Pen cảm thấy cuộc đời là bản thử, đầy mưu mô và chết chóc”. Thử hỏi có một lãnh tụ chính trị nào khác của nước Pháp mà người ta nói tới trên báo chí bằng những lời lẽ như vậy? Chắc chắn không có ai, bởi vì phần lớn các nhà báo, khi đề cập vấn đề FN và những người lãnh đạo của nó, lựa chọn một văn phong và một giọng nói khác với những gì họ sử dụng để viết hay nói về các chính đảng khác. Một số người trong họ, không che giấu điều đó. Anne Sinclair, thường bị thoả mạ trên những cột báo của tờ *Tuần báo dân tộc* hay tờ *Hiện tại* khi bà chủ trì những buổi phát thanh chính trị, và bà đã chỉ ra rất rõ cái thể tiến thoái lưỡng nan của nhà báo khi chạm trán với J.M. Le Pen: “Tất cả khó khăn là ở chỗ Le Pen kích thích trong chúng ta những phản ứng

công dân. Vậy nhưng nhà báo không ở đấy để tranh luận". Đó là điều mà Albert du Roy nhấn mạnh trong khi chính ông cũng nhắc lại cái cương vị công dân này: "Những cảm giác của các nhà báo đã phải phỏng vấn Le Pen trong khuôn khổ chương trình *Giờ phút của sự thật* không làm cho ai nghi ngờ cả: Tất cả chúng tôi đều nhất trí phản đối những gì mà ông thể hiện, và với tư cách là công dân, chúng tôi nhất quyết chống lại ông tới mức tối đa".

Ở đây, vấn đề không phải là phán xét thái độ này, cũng không phải là phê bình những ai có thái độ này. Quả vậy, nếu sự ứng xử của các nhà báo đối với J. M Le Pen và giới chóp bu FN đi ngược lại những gì mà các nhà phân tích coi là quan hệ truyền thống giữa nhà báo và nhà chính trị, thì tính thích tranh luận là một tính cách được các lãnh tụ của FN chia sẻ rất nhiều. Như vậy, các bên đều giữ thái độ ngang nhau và nhất trí phá vỡ những quy tắc truyền thống của quan hệ tương tác. Những câu hỏi cụ thể của các nhà báo, những mưu toan của họ nhằm làm cho người đối thoại với mình lúng túng, những phương tiện và giọng điệu chưa ai biết trong kiểu diễn đạt này, đã vô tình gặp gỡ và càng thúc đẩy những ứng xử kỳ lạ, những lời đáp trả dữ dội, và những nhận xét gay gắt của những người lãnh đạo FN. Những người này không phải và không bao giờ là những "người tử vì đạo" ngây thơ mà họ vẫn tự khoác cho mình.

Cứ quan sát cách thức mà một số người của họ và một số nhà bình luận báo thân cận với họ đối xử với các nhà báo, người ta có thể nắm được rõ hơn thái độ của những nhà báo này. Như vậy đấy, trong thuật ngữ của Mặt trận Dân tộc, những nhà báo là những “tên sát nhân bằng miệng và bằng ngòi bút”. Trong một khung cảnh chính trị ít nhiều văn minh và xoa dịu, khi mà tinh thần bút chiến giảm, thì những xuất bản phẩm vệ tinh của FN là những ngoại lệ. Các nhà báo xuất hiện ở đây, hết tuần lễ này đến tuần lễ khác dưới những tên gọi như sau: “Kẻ vận động chống lại Le Pen”, “công đoàn chống Le Pen”, “đám nhiễu loạn”, “bọn sâu mọt”, “những tên khủng bố cổ cồn trắng của quyền lực thứ tư”... Đó là không kể đến những vụ việc thường xuyên (đặc biệt về tội vu khống) mà Le Pen đâm đơn kiện các nhà báo; không nói đến những cái gọi là “quyền trả lời” mà mới đây FN đòi hỏi các tờ báo, đặc biệt những tờ báo đánh giá ông ta là “cực hữu”.

Dù cho những người của Mặt trận Dân tộc tố cáo những cuộc tấn công ác liệt chống lại đảng của họ, dù họ có nhắc lại những lập luận mà một số người đưa ra để xác định vị trí của FN trong trò chơi chính trị, hay hơn thế dù họ khai thác những phân tích vụng về, thậm chí mập mờ đưa ra do những cơ chế không đồng nhất, nhưng tất cả những gì người ta viết về FN không phải là không có ý nghĩa chính trị, mà là trái lại. Bởi vì một

trong những đặc điểm quan trọng và thường không được biết đến là FN có những tờ báo và tạp chí gần gũi với những tín hiệu của họ. Những xuất bản phẩm này (mà chắc chắn khó tính được lượng độc giả) là những nơi để cho các nhà “trí thức thuộc tổ chức”, theo cách nói của A. Gramsci, thường xuyên đi tìm kiếm tính hợp thức vì lợi ích của chính họ cũng như vì lợi ích của đảng họ. Với một nhiệt tình gần như thường trực, họ đổ xô đến bất cứ một ấn phẩm nào có thể lật đi lật lại và có khả năng sử dụng tối thiểu cho mục đích chính trị. Lúc đó không thể nào không biết đến thực tiễn hoạt động chính trị này đã trở thành một công nghệ chính trị thực sự. Như vậy, mọi người phân tích phải tính đến điều ghi nhận sau đây: Hình ảnh của FN sinh ra từ những cuộc đối thoại mà FN làm chủ một cách hoàn hảo, bởi vì nó là chính đảng nhất quán nhất và ít bị chia rẽ nhất về chiến lược theo đuổi. Hơn thế nữa những người của Mặt trận Dân tộc có khả năng tập hợp những tuyên bố chống lại họ để khẳng định rằng họ là nạn nhân của một “âm mưu” do một bàn tay vô hình điều khiển. Tuy nhiên, trái với những gì mà họ khẳng định, thái độ kiên quyết mà Le Pen và những phụ tá của ông gặp phải rõ ràng không phải là kết quả của một chiến lược tập thể, của một sự bàn bạc hay của một âm mưu có tính toán nào được điều khiển bởi cái mà ở FN người ta gọi “thế lực chính trị - trung gian”. Các nhà sử học, nhà chính trị

học, nhà xã hội học, các nhà báo viết và báo nói, báo hình và các nhà trí thức đã không ngồi quanh một cái bàn để ký kết một thoả thuận và quyết định về sự cần thiết phải chống lại FN bằng mọi phương tiện. Ngoài ra, một trong những nguồn gốc chủ yếu của sự phản kháng quyết liệt và những lập trường có đạo đức và thẳng thắn quá mức bình thường của những người quan sát khác nhau, không phải do cái gì khác hơn là sự hung bạo của chính những người thuộc Mặt trận Dân tộc đối với tất cả những ai quan sát họ. Lúc này tôi không hề có ý nghĩ là quy trách nhiệm duy nhất cho những người quan sát trong sự xuất hiện và sự tồn tại lâu dài của FN, và tôi không lao vào một thứ “xã hội học phê phán các nhà xã hội học” vô bổ. Quả vậy, phần lớn những cử tri có cảm tình và những đảng viên của FN, không quen với những phân tích báo chí - chính trị học về đảng của họ và những ứng xử của họ, không nhất thiết phải chịu ảnh hưởng vì những phân tích đó.

7. "Báo chí chiến đấu"

"Tờ *Thế giới*, mà những giá trị khi sáng lập và hiện nay của nó đều chống lại những giá trị của FN, bắt đầu một cuộc điều tra dưới hình thức phát thanh. Cuộc điều tra kéo dài một tuần lễ, với mục đích: "Thông tin để đấu tranh hơn nữa". Cả một "chương trình" đã đưa tôi trở lại với những phương pháp đặc biệt cần đến để đề cập vấn đề FN. Kỳ

thuật thứ nhất, đã được thử nghiệm, là quan sát FN: Sự thâm nhập. Nhiều nhà báo như Ch.Duplan của tờ *Sự kiện ngày thứ Năm* (năm 1984), hay I.M. Zélig, đã sử dụng kế sách này. Sự đột nhập của D.Beaulieu có phần “kỳ quặc” và tạo nên một bằng chứng hiển nhiên về tính đặc thù mà người ta dùng để xử sự với Le Pen. Quả vậy, người ta không thể tưởng tượng rằng “một cuộc điều tra” như vậy lại được thực hiện làm phương hại tới một nhà chính trị nào khác, vì dù sao đây cũng là ở nước Pháp. Hãy để cho nhà báo nữ này trình bày “cuộc điều tra” của mình cho tờ *Địa cầu* dưới tiêu đề châm chọc: “Mata Hari ở chỗ bọn phát xít Faso”: “Coi như để nghỉ ngơi, tôi đã chấp nhận một chuyến công tác hoàn toàn có thể được: Đến gặp Le Pen vào dịp ông ta đi kinh lý ở bờ biển, nhằm thu thập những cử chỉ và lời nói của ông. Cuộc phiêu lưu có cái thú vị của một câu chuyện nguy hiểm nhẹ nhàng và sự hấp dẫn của một hành động thiện chí. Tôi tự giới thiệu là đặc phái viên của tờ *Nhiệm vụ Montreal*, và điều đó là đúng – tất nhiên không nói với họ sứ mệnh là quan sát viên cho tờ *Địa cầu*”. Một vài trích đoạn của bài viết cho thấy rằng việc nói đến “sự độc đáo” của một cuộc điều tra vị Chủ tịch FN là điều hoàn toàn chính đáng: “Ông (Le Pen) đi theo tôi đến khách sạn nơi tôi ở (...). Ông rất vui và hát vào tai tôi những điệu hát của quân cận vệ, quân lê dương và thủy thủ. Đáp lại, tôi hát cho ông nghe bài

Carmen: Ông mãi nắm lấy tay tôi (hay quá ngốc nghếch) nên không nghe được lời cảnh cáo của tôi (...). Ông thần nhiên nắm chặt hai bàn tay tôi. Chúng tôi đến nơi tôi ở trước khi ông nắm lấy cả cổ tay tôi” (...) “Sau bữa ăn, tôi ngủ gật trong xe. Vị Chủ tịch bảo vệ cho tôi, đặt đầu tôi một cách rất tự nhiên trên vai ông, và đặt bàn tay lên đầu gối tôi...”... “Bữa ăn ở Paimpol diễn ra rất vui. Le Pen còn hát cho tôi nghe bài ca của bọn SS, và bảo tôi đoán xem đó là bài gì” (...) “Do cố gắng nâng cao chất lượng cuộc nói chuyện đã dẫn ông đến chủ đề văn học. Tác gia J.Laurent được đặc biệt ưa thích (...) “Ông ta đã phản bội chúng tôi. Không hề hối hận. Và tất cả... để có được cái ghế ở Viện hàn lâm”, Le Pen giải thích... “Bây giờ Viện Hàn lâm lại do người Do Thái kiểm soát, hẳn ông ta phải nằm rạp xuống trong nhiều năm để xin tha lỗi về những sai lầm của tuổi trẻ”.

Điều quan trọng không phải là những cử chỉ hay những lời nói mà D.Beaulieu mô tả Le Pen xác thực đến mức nào, mà chính là việc người ta có khả năng và điều kiện hợp pháp để công bố chuyện này. Còn dấu hiệu nào tốt hơn về đặc thù đối xử dành cho FN qua con người vị thủ lĩnh của họ? Lại càng như vậy vì vào thời kỳ đó, ông giám đốc tờ *Địa cầu*, G.M.Benamou, không giấu giếm những ý đồ của ông: “Điều này nói ra thì có vẻ như tự phụ, nhưng phương tiện thông tin duy nhất đã cho phép đánh lùi Le Pen trong các cuộc thăm dò

(với con số giảm đi rõ rệt khoảng 2%), chính từ *Địa cầu* với bài phóng sự của chúng tôi “Mata Hari ở chỗ bọn phát xít Faso”, sau đó lại được khuyến khích trưng trên các tờ *Đại Hội đồng - Thế giới*, đã tạo “ấn tượng cụ thể” mà người ta đã biết. Chúng tôi khá tự hào là đã làm ông mất uy tín, đã công bố những lời lẽ không xứng đáng của ông, đã cho thấy bộ mặt thật của ông... Tôi cho rằng chính vì thế mà có thể làm giảm số công chúng của ông. Bằng cách làm cho ông mất bình tĩnh, để ông nói những gì ông thực sự suy nghĩ; bằng cách cho thấy rằng ông là một tên vô lại và vây quanh ông cũng là những tên vô lại; đặc biệt bằng cách giải thích cho mọi người nói chung và cho cử tri của ông nói riêng, rằng sự bất an ninh chính là ông, trước hết là ông... Ở đây, chúng tôi đang ở vào tình thế khó khăn. Vậy là, cần đáp ứng hai điều bắt buộc: Một mặt tránh tầm thường hoá ông, tránh làm cho ông thành một kẻ đầu cơ chính trị “tạm được”; mặt khác, tránh biến ông thành một kẻ tử vì đạo vốn là điều làm ông thích thú”.

Tất cả đã rõ. Vấn đề còn lại là, trong khi dùng mọi cách “tránh coi ông là một kẻ đầu cơ chính trị tạm được”, trước hết người ta làm cho ông trở thành một nhà chính trị khác biệt. Trong khi làm cho ông nổi bật, phân biệt ông với những đối thủ cạnh tranh, và điều đó cũng đi đúng theo hướng chiến lược của chính ông”.

“Người tấn công” cuối cùng, Anne Tristan, tác

giả thành công của cuốn sách nổi tiếng *Ở Mặt trận*, lại trình bày, theo một kiểu gần như anh hùng, cuộc thâm nhập của cô vào một phân bộ của FN ở Marseille: “Như vậy đây, tôi đã từ bỏ tất cả, thành phố của tôi, những thói quen, những bạn bè của tôi để sống giữa họ, trong cùng những điều kiện như họ, làm người của họ. Tôi đã biến đổi cuộc sống của tôi để sống cuộc sống của họ (...) Chi tiết cuối cùng phải giải quyết: Mang bộ mặt nào đây và bịa ra quá khứ nào đây? (...) Tôi đã bịa ra mình là Anne G., làm nghề đánh máy, thất nghiệp và vừa mới đến Marseille sau một nỗi khổ tâm (...). Tuy vậy, nếu tôi đã cố lấy dáng dấp một nữ gián điệp, thì tôi vẫn không có cái tâm địa như vậy. Đây không phải là ý muốn chơi với lửa mà là ý muốn hiểu tình hình nên đã dẫn tôi đến giữa những con người ấy”.

Nếu những lý do đã dẫn những nhà báo khác nhau này đến chỗ che giấu nhân dạng thật của mình, đều là những lý do hoàn toàn cá nhân, và nếu những kết quả điều tra của họ thường là không thể so sánh với nhau, thì ngược lại, điều làm nên sự nhất trí cho công việc của họ, chính là dự định chung sử dụng một phương pháp phá vỡ những thói quen hành nghề đối với riêng FN. Quả vậy, khó mà hình dung một nhà báo chỉ có ý thâm nhập vào một chính đảng để thăm dò từ bên trong, rồi sau đó, công bố tất cả những gì thu lượm được - nhưng tài liệu chỉ lưu hành nội bộ và rõ ràng đó là

việc sao chép lên lút. Như vậy, ở thời kỳ này tất cả đã diễn ra tựa như thể về vấn đề FN, và chỉ riêng đối với FN có thể sử dụng công khai những “kỹ thuật đấu tranh”, những phương pháp mà ở nơi khác sẽ là bất hợp thức trong nghề báo chí chính trị. Dĩ nhiên, cách xử lý đặc thù này có những hậu quả của nó, bởi vì việc gạt sang bên lề rõ rệt theo kiểu như thế, thì nếu không “dựng ông ta lên thành kẻ tử vì đạo” là sẽ làm cho FN khác biệt đáng kể với những đối thủ cạnh tranh khác... Thật là nghịch lý, sự đối xử đặc biệt, ngoài mưu toan phi hợp thức hoá FN lại mang màu sắc của “sự đối xử ưu đãi” đối với FN và điều đó phù hợp với chiến lược của FN.

Dĩ nhiên, tư thế của người nghiên cứu khoa học xã hội không phải là tư thế của nhà báo... Do thiếu sự tiếp cận khoa học với giới thượng lưu “bất hợp thức” thuộc loại này, trong khi cố gắng tránh xa những khó khăn các nhà báo gặp phải, tôi đã nghĩ ra cách đặt câu hỏi và kỹ thuật tiếp cận riêng của mình.

8. Cuốn sách hướng dẫn nhỏ dành cho những người quan sát chưa từng trải về FN

Ở đây, tôi nói đến cách thức mà tôi đã thực hiện- và còn thực hiện - để cố gắng tránh tất cả những cái bẫy mà tôi đã mô tả ở trên. Có máy ghi âm hay không có máy ghi âm, theo mong muốn của những người đối thoại, tôi đã thường xuyên

sống trong mối quan hệ với những người lãnh đạo và đảng viên của FN như một môi tương quan lực lượng. Mỗi cuộc nói chuyện bắt đầu bằng một giai đoạn nghi ngờ hầu như có thể cảm nhận được về mặt thể chất. Dần dần cùng với bản câu hỏi ngày càng dài ra, cuộc tranh luận thường trở nên thân mật kể từ thời điểm mà ở hai phía chúng tôi hiểu rằng đây không phải là trò khiêu khích hay thách thức, mà là việc tìm hiểu. Cũng không phải vì thế mà không đặt ra một số câu hỏi về vấn đề tìm hiểu nhưng tôi không dám coi là mình có khả năng trả lời.

Làm thế nào để nghe được những điều không thể nghe nổi?

Khó khăn đầu tiên đối với một người quan sát: Học cách nghe những lời mà mình không ưa thích. Một thí dụ sau đây sẽ là đủ. Đó là một cuộc nói chuyện vào năm 1985, khi tôi bắt đầu cuộc tìm hiểu, với một người lãnh đạo cấp cao của FN. Mục tiêu của tôi không phải là tìm kiếm danh sách những người quan sát được công nhận chính thức, cũng không phải là làm công việc tuyên truyền thay cho FN, tôi không dẫn tên ông ta ra, cũng không nêu những chức danh và nhiệm vụ hiện thời của ông ta. Điều quan trọng với tôi không phải là người ta nhận ra ông ta ở đây, mà là người ta biết rằng những câu chuyện sau đây thực sự tồn tại ở tầng lớp chóp bu của FN.

Khung cảnh cuộc phỏng vấn: Hiệu ăn *Các Bộ* ở

phố Bac vào giờ ăn trưa. Một chai rượu vang sau bữa ăn: “Trước hết Ivan Levai chỉ mời những người cùng tôn giáo trong buổi phát hình của ông trên kênh châu Âu I”, “ở buổi phát của Anne Sinclair, cũng giống như vậy”. Thêm một vài cốc nữa: “Nhưng, thưa ông Birenbaum, ông biết rằng *Tờ báo của Anne Frank* là một trò đối trá thô thiển (...) còn về những con số hủy diệt, người ta không biết được đích xác”¹. Những lời này là có thực, và được nói ra từ miệng một người lãnh đạo cấp cao, nắm giữ nhiều chức vụ và mới gần đây vẫn được coi như một trong những “hào kiệt” hiếm hoi của FN. Ở đây, tôi không thể và không muốn đưa ra một lời khuyên. Về phần tôi, tôi đã lắng nghe, đã ghi chép, đã sao lại. Tôi không yêu cầu bất cứ một sinh viên nào của tôi phải làm như vậy. Tôi chỉ biết rằng nghe mà không phản ứng thì thật là khó. Không ai bị ép buộc phải làm điều đó.

Làm thế nào để tiếp cận người không thể tiếp cận được?

Phải làm gì khi một người đối thoại từ chối để cho anh phỏng vấn? Tôi đã từng tin một cách ngây thơ là phải nài nỉ và rồi ép buộc. Về sau tôi nghĩ

¹ Đoạn này, trong nguyên bản, chỉ đưa ra những câu nói ngắn quăng của nhân vật. Có thể hiểu là nhân vật của FN đang lên án những người phụ trách các buổi phát thanh truyền hình không cùng quan điểm với mình. Còn “*Tờ báo của Anne Frank*”, theo ông, chỉ đưa ra những con số hủy diệt do bọn phát xít trước đây gây ra, là không có thật (N.D).

như thế là vô ích. Tôi đã trải qua kinh nghiệm này với một người trước đây là nhân vật số 2 của FN, J-P. Stirbois, hiện đã mất. Ông ta không muốn trả lời những câu hỏi của tôi. Tôi cứ ngồi trong văn phòng của ông cho đến khi ông nhân nhượng (một giờ mười lăm phút sau). Trên thực tế tôi chẳng rút ra được điều gì từ cuộc nói chuyện này, nếu không chỉ là những dữ liệu về tiểu sử mà tôi có thể thu thập ở nơi khác. Điều đó không giúp ích gì cho tôi cả, nếu không phải là sự thoả mãn ngay lúc ấy cái hãnh diện vật của cá nhân; nhưng thành công của một cuộc tìm hiểu không liên quan gì đến việc dựng một cái bảng mục tiêu đi săn đuổi.

Làm thế nào để làm chủ sự đồng cảm với người khác?

“Hôm nay tôi chỉ gặp những người sẵn sàng giúp đỡ tôi. Người này thì chỉ cho tôi đến một cơ quan cứu trợ xã hội của phái Le Pen có khả năng giúp tôi tìm được một công việc. Người kia cố gắng bảo tôi rời bỏ thành phố. Thế giới của tôi rung chuyển: Tôi đang ở nơi kẻ thù, và kẻ thù lại tử tế”¹.

Vâng, đôi lúc “kẻ thù” lại tử tế. Và tất cả vấn đề là ở đây: Không nên để cho mình bị “tổn thương”. Khi người ta đã qua nhiều thời gian như thế với đối tượng và hoạt động trong tổ chức của đối tượng của mình, thì ngay cả một cuộc điều tra về FN cũng đặt

¹ Một đoạn trích trong cuốn phóng sự điều tra “ở Mặt trận” của Anne Tristan (N.D).

ra loại vấn đề này. Mặc dầu tất cả những “nhắc nhở về việc phải tuân thủ những điều đã căn dặn mà tôi nhận được”, và bất chấp những sự tự vệ tự nhiên của chúng tôi, tôi phải thú nhận rằng đã nhiều lần bị “bất quả tang”. Người ta không thể nói dối, hay tự dối mình về vấn đề này. Thật thú vị để biết rằng ngay khi người ta nghiên cứu một đối tượng mà người ta không có chút cảm tình nào, thậm chí còn ác cảm, một hiện tượng như thế vẫn có thể xuất hiện.

Làm thế nào để tránh những ngoắt ngoéo này?

Nhiều lần, những người đối thoại đã phải “trả giá cho tôi”, đó là khi họ dẫn ra các tác phẩm của Barres, Maurras và Drieu, cả Céline nữa, những cuốn sách được coi như những sách gối đầu giường, khi họ tự tạo ra một hành trình và một di sản lịch sử dân tộc chủ nghĩa, khi họ tìm cách xuất hiện giống với hình ảnh mà các phương tiện thông tin dành cho họ về chân dung cổ điển của “một gã phát xít” hạng trung, hay cả khi cố tình làm tôi khó chịu bằng những lời lẽ quá khích. Từ đó là cả một công việc phức tạp giải mã để nắm được những thời điểm mà chân dung tự hoạ trở thành biếm hoạ chỉ vì lo “khiêu khích hay thách đố”. Điều đó buộc ta phải đánh giá những cuộc nói chuyện đã thực hiện một cách khiêm tốn.

Làm thế nào để không nhân nhượng trước những ảo ảnh?

Một số người tìm hiểu, kể cả các nhà báo điều

tra về FN, đã tự xây dựng cho mình một nhân dạng trong cuộc tìm hiểu này đến mức họ hoạt động giống như những người mà họ quan sát, theo một logic của âm mưu, sợ hãi và ảo ảnh. Thế đấy, ông X không bao giờ đưa ra những địa chỉ của mình và người ta chỉ có thể viết cho ông ở một hòm thư bưu điện; ông Y sẽ nhận tại nhà những hộp hàng mang tên ông qua đường bưu điện; còn ông Z cho rằng phòng riêng của ông bị nghe trộm - chuyện này rất hợp thời thượng - và ông A “hầu như” đã để người ta dẫn cho một trận tại một ngày hội của FN...¹.

Sáng sảng, người ta có thể thức dậy và tự coi mình như một anh hùng thời hiện đại, và đi qua những hành lang của các toà soạn hay các cuộc toạ đàm, nhưng chỉ cần quan sát những gì đang diễn ra ở các nước khác, dù là ở Algérie, để trấn an rất nhanh một cái tôi có khuynh hướng phình lên quá mức. Cần phải bình tĩnh. Chúng ta chỉ nghiên cứu về FN.

Cùng trong một loại ảo ảnh như vậy, một số người, do khả năng của họ hay do những thông tin họ có được, tin rằng mình được giao một loại “sứ mệnh” và công khai thay thế sự phân tích bằng bình luận, thay thế bình luận bằng phán xét, rồi thay thế phán xét bằng lời khuyên cho những

¹ Đoạn này nói cách sống giống như các thành viên của FN: luôn luôn nghi kỵ, nghi rằng người khác đang dò la, mưu hại mình, hoặc là gây gổ, hung hăng (N.D).

người đối lập với FN. Như thế họ chuyển từ vị trí người quan sát sang vị trí của tác nhân. Nếu cố gắng đấu tranh với tư cách cá nhân chống lại FN và hành động về mặt chính trị là chuyện hoàn toàn hợp thức, thì có nên khoe khoang điều đó hay cố gắng kiếm được từ đó một lợi ích cá nhân, thậm chí một sự thừa nhận trên các phương tiện thông tin?

Vì quá “tự khoe mình”, vì quá cố gắng để có được “mười lăm phút vinh quang” và nổi danh, hay chịu ít phí tổn mà có được cái bằng chống Le Pen, bằng cách đối đầu với FN trên giấy hay bằng việc tố cáo, người ta quên rằng thường thường, rốt cục chính FN “được khoe khoang”! Hãy xem một số phương tiện thông tin mới “nhập cuộc” nói về sự chia rẽ của FN, vừa để tăng lượng bán hàng hay tăng thêm công chúng của họ, vừa để cố gắng làm điên đảo những người lãnh đạo của cả hai phe, và làm cho họ trượt dốc, cách làm của họ thật đáng nêu ra làm ví dụ. Và nếu mỗi người vẫn ở nguyên vị trí của mình thì sao?

Làm thế nào để tránh “cái bẫy”?

Câu chuyện sau đây sẽ giúp mọi người hiểu được FN có thể hành động một cách hiểm độc như thế nào đối với những người tiếp cận nó, và cố tình biến họ thành công cụ.

Ngày hội Xanh - Trắng - Đỏ năm 1992: Sự kiện chính trị quan trọng mở màn cho các hoạt động của FN, nhất là năm đó, FN vừa tròn 20 tuổi. Đây là đoạn trích dẫn bài diễn văn bế mạc của J-M Le

Pen, đọc trước đám đông quen thuộc đang hoan hỉ, những chiếc máy quay của tất cả các kênh truyền hình và đại diện của tất cả các báo chí: “Thật là chuyện bình thường, như ông Birenbaum đã nói rất đúng trong một cuốn sách về Mặt trận Dân tộc: Với Mặt trận Dân tộc, các nhà báo có thể cho phép mình làm mọi chuyện và không tôn trọng bất cứ một quy tắc hành nghề nào. Nhưng những gì được phép làm đối với Le Pen, là người công dân “nửa vờ”, lại không được phép làm với ông Fabius, một vị chúa tể của Triều Đình”.

Người quan sát không được coi trọng lại đứng vào hàng nhân chứng, hơn nữa phải chống lại báo chí! Giai đoạn tột cùng của sự công cụ hoá. Con ác mộng của mọi người nghiên cứu tìm hiểu. Bị đối tượng của mình nhận biết và “đánh dấu”. Kinh nghiệm đã trải qua, trên thực tế để lại một dư vị đắng cay và nhất thiết dẫn đến chỗ khiến ta tự hỏi làm thế nào mà ta “thực hiện tới đến thế công việc của mình” trong địa hạt này. Tuy vậy, tôi hy vọng rằng các bạn đọc bài này sẽ hiểu rằng trích dẫn mà ông Le Pen đưa ra là một điều dối trá nhằm làm rối rắm mọi phương hướng và hợp thức hoá những lời nói của ông vốn có những nguồn gốc đáng phê phán nhất; không nói đến cái trò chơi nhỏ mọn và độc địa nhằm trích dẫn Birenbaum để công kích Fabius. “Cái bẫy” là khó tránh, người ta có thể nói là quỷ quái!

Cuối cùng, sau hơn 10 năm gặp gỡ với những

người lãnh đạo FN, chỉ có một điều khẳng định: Không có gì thay thế được công việc tại chỗ, mặt đối mặt. Không gì có thể thay thế được những cuộc nói chuyện. Những điều mà tôi có thể viết, có thể tường thuật lại, đều là nhờ thu thập tại chỗ, xuất phát từ những gì mà các thành viên của FN để cho thấy và cho nghe.

Còn với tất cả những người giữ được trạng thái chính trực, nếu có hỏi, tôi xin tặng câu nói của Goffman: “Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều nhất trí rằng công việc của chúng ta là nghiên cứu xã hội. Nếu bạn hỏi vì lý do gì và vì mục đích gì, tôi sẽ trả lời: “Vì xã hội có ở đấy”.

Để kết thúc bài viết này, tôi đưa ra một câu chuyện đặc biệt có ý nghĩa về những quan hệ với giới chóp bu FN. Ngày hôm đó, tôi làm trung gian cho một trong những người phụ trách buổi truyền hình *Bước đi của thế kỷ*, Pascal Richard. Ông đã yêu cầu tôi tiếp cận FN để tổ chức một buổi phát trong trụ sở của đảng “Con tàu” ở Saint - Cloud. Tôi đã hẹn gặp B. Mégret, khi đó là người đối thoại bắt buộc, với tư cách là tổng đại diện.

Tôi đã quên cái buổi sáng có cuộc gặp gỡ đầu tiên với J.M.Le Chevallier giữa những đồng hồ xiềng của Nghị viện châu Âu! Thực sự tôi không còn ngập trong đồng ngôn ngang, giữa những lối đi ngoắt ngoéo của các bàn giấy, mà ở một trong những khách sạn lớn nhất Paris. Hơn nữa khi tôi tới, chiếc xe 605 (có kính mờ), mang cờ hiệu châu

Âu của B.Mégret đã ở đấy, ngay trước cửa khách sạn, kiêu hãnh dẫn đầu tất cả những chiếc xe “công” của những vị chức sắc tới ăn sáng hôm đó. Và rồi khi tôi gặp được Mégret, ông đã ngồi vào ghế, chiếc bàn của chúng tôi đặt rất ngay ngắn, gần như ở giữa gian phòng. Sự có mặt của vị tổng đại diện FN dường như không quấy rầy ai trong phòng ăn của khách sạn *Georges V*.

Rốt cuộc mọi chuyện đã thay đổi kể từ năm 1985.

PHÒNG VẤN CÁC VỊ DÂN BIỂU: NHỮNG THỊ TRƯỞNG THÀNH PHỐ

Philippe Garraud

Sự quan tâm đến phương pháp luận và những kỹ thuật điều tra trong khoa học chính trị là hiện tượng khá mới mẻ ở Pháp - cuốn sách này chứng tỏ điều đó. Những năm gần đây, có thể dễ dàng bước vào nghề điều tra mà không hề có một sự đào tạo tối thiểu trong những lĩnh vực thường được coi như không đáng quan tâm này. Những lĩnh vực đó phù hợp với “bếp núc” ít có tính học thuật và khá bí ẩn, chủ yếu liên quan đến ý nghĩa thực tiễn và “tài tháo vát” của những người điều tra. Và ngày nay những người làm tiến sĩ, có thể ghi tên vào một luận văn mà không mấy cần đến sự đào tạo về phương pháp luận bất chấp con số của những công trình dành cho đề tài này đang tăng lên trong các tài liệu khoa học.

Như vậy, rất hiển nhiên là phương pháp luận chiếm một vị trí trung tâm và thiết yếu ở mọi tiến trình tìm hiểu trong chừng mực nó cho phép khốp lại hai đòi hỏi bổ sung cho nhau và đều cần thiết: Suy nghĩ có tính lý luận về những ý niệm, những khái niệm và sự quan sát thực nghiệm. Chúng tôi muốn trở lại vấn đề trên cơ sở một công trình điều

tra, và đặc biệt là thực tiễn phỏng vấn thuộc một công trình dành cho “thị trường thành phố” được thực hiện từ năm 1980 đến 1986 trong khuôn khổ một luận văn cấp nhà nước do J.Lagroie hướng dẫn. Cần phải nói rõ rằng khái niệm “thị trường thành phố” chỉ là cách nói do thuận tiện về ngôn ngữ, không rõ ràng và có thể gây hiểu lầm. Một mặt, những vị dân biểu này phần đông thực hiện những chức năng dân biểu khác của địa phương hay của toàn quốc buộc họ gánh vác những vai trò chính trị khác với vai trò chỉ là thị trường. Mặt khác, khái niệm về một cộng đồng đô thị tạo thành một phạm trù rất khó, thậm chí không thể nào xác định nếu người ta cố gắng xác định nó bằng cách dựa vào tiêu chí nhân khẩu học, đơn giản vì tiêu chí này luôn luôn mang tính võ đoán. Vì vậy, những thị trường thành phố không hợp thành một loại người đồng nhất khi ở bên cạnh có những vị dân biểu của các thành phố lớn, “thành phố trung bình” và thành phố nhỏ. Và thiên hướng kiêm nhiệm nhiều chức trách dân biểu khác nhau tăng lên tùy theo tầm cỡ của thành phố, cho nên số người này thể hiện sự đa dạng rõ rệt về hành trình và sự nghiệp chính trị.

Cuối cùng, chính vì tính chất không đồng nhất mà ta vừa nói đến, không chắc rằng phần lớn những “thị trường thành phố” lại thuộc về “giới chớp bu lãnh đạo”. Đa số những dân biểu này nói chung dễ tiếp cận, dù họ tìm cách đưa ra một

hình ảnh được đề cao về chính bản thân và về chức vụ của họ như phần lớn những tác nhân xã hội khác thì người phỏng vấn cũng không nhất thiết phải ở vào vị trí thấp kém trong tác động qua lại về mặt xã hội do cuộc phỏng vấn tạo ra. Hiểu biết của những vị dân biểu này không thực sự chuyên môn hoá theo nghĩa chặt chẽ và kỹ thuật của từ này đến mức họ có thể làm trở ngại cho sự giao tiếp. Họ không bị kiểm chế một cách rõ rệt và chính thức vì nghĩa vụ phải thận trọng và giữ gìn. Ngược lại, cương vị xã hội của họ là người làm việc công, cho họ quyền được nói một cách hợp thức bởi họ được bầu, và tính chất đại diện là độc quyền của họ.

Trước hết, ta sẽ nhắc lại vai trò của “điều tra bằng phỏng vấn” trong sự bố trí tổng thể của cuộc điều tra chung, đặt vào khuôn khổ chung, trước khi bước vào giai đoạn hai, để xem xét những dạng thức và khó khăn kỹ thuật của nó. Cuối cùng, sự khai thác và sử dụng những cuộc phỏng vấn sẽ được làm rõ ở phần thứ ba.

1. Công tác điều tra trong cơ chế tìm tòi

Mặc dù một điều không tránh khỏi là sự tái tạo về sau, chúng ta sẽ nhanh chóng trình bày cách đặt vấn đề của cuộc tìm hiểu này trước khi nhấn mạnh rằng điều tra bằng phỏng vấn, không phải là những nguồn thông tin và những kỹ thuật duy nhất được huy động trong khuôn khổ công trình

này. Công trình cũng dựa trên một phương pháp định lượng khá nặng nề bởi vì dẫn đến chỗ tái hiện sự nghiệp chính trị của các thị trưởng thuộc 500 thành phố lớn nhất ở Pháp kể từ năm 1945. Trong khuôn khổ bố trí tiến trình tìm hiểu và những hoạt động mà nó quy định, điều tra bằng phỏng vấn chỉ là một giai đoạn đặc biệt có những mục tiêu và mục đích thích hợp nhằm cố gắng nắm vững những gì mà một cách tiếp cận định lượng không cho phép nắm bắt và hiểu được.

Đặt vấn đề về cuộc tìm tòi

Chính trị dường như là một hoạt động càng ngày càng chuyên môn hoá (chủ yếu, nếu không hoàn toàn chuyên nhất, lâu dài và được trả công) đòi hỏi những khả năng đặc biệt và có khuynh hướng trở thành một nghề nghiệp theo nghĩa đen. Ngoài việc mô tả những hành trình xã hội, nghiệp vụ và chính trị, cuộc tìm hiểu này cho phép tiếp cận những chức vụ thị trưởng và rộng hơn, những nhiệm kỳ dân biểu, các loại hình nghề nghiệp cùng những logic hành động và hợp thức hoá được vận dụng. Mục tiêu của việc tìm hiểu này còn là nắm vững quá trình chuyên môn hoá, chuyên nghiệp hoá và tự chủ hoá mà, theo người ta nghĩ, có thể coi nhân vật chính trị là đối tượng. Ít ra đó là giả thiết trung tâm của cuộc tìm hiểu này.

Qua việc nghiên cứu những hoạt động của một số người hay nhóm người, đang làm nghề nghiệp

chính trị theo cách này hay cách khác, và đặc biệt nhờ vào bầu cử, công trình tìm hiểu này dành cho những cơ chế hình thành cái nên gọi là một “tầng lớp chính trị”. Công trình này cố gắng làm nổi bật những quá trình thống nhất (kế thừa chính trị và bầu cử, sự xích gần nhau của những mô hình khác nhau về tuyển chọn, độ tuổi trong cuộc bầu cử đầu tiên,...) và quá trình nhất thể hóa (tuổi thọ chính trị, kiêm nhiệm những chức vụ dân cử hay những chức vụ chính trị khác nhau) đang hiện hữu trong nội bộ các nhân vật chính trị.

Sự phân tích những phương thức tuyển chọn, phân tích cơ cấu của nhóm người mà ta nghiên cứu theo những loại hình nghề nghiệp, những logic hành động và hợp thức hoá đã dẫn đến chỗ rút ra những chuẩn mực ngầm ngầm hay rõ rệt cho phép giành hay giữ được quyền lực chính trị. Nếu không tôn trọng hay không đạt được những chuẩn mực đó thì sẽ bị trừng phạt bởi sự tan vỡ mối quan hệ gắn bó với nhóm theo nghĩa là nó dẫn đến thất bại trong chính trị, cụ thể là thất bại trong bầu cử. Lúc ấy dường như những tầng lớp chuyên nghiệp hoá nhiều nhất của đội ngũ nhân vật chính trị có khuynh hướng làm thành một nhóm xã hội đặc biệt, tương đối đồng nhất và thống nhất, sản phẩm của một quá trình chuyên môn hoá, tự chủ hoá và phân hoá xã hội.

Theo quan điểm này, việc nghiên cứu các thị trường thành phố có cái lợi là cho thấy khả năng

khảo sát về một lớp người “trung gian”, không hoàn toàn chuyên nghiệp hoá cũng không chỉ là “nghiep dư”. Do vậy, họ làm thành một lớp người thuận lợi cho ta nắm bắt quá trình chuyên môn hoá, phân hoá, tự chủ hoá và chuyên nghiệp hoá.

Cách tiếp cận định lượng

Phương pháp mà ta theo đuổi dẫn đến chỗ vận dụng một cách tiến hành kép vừa định lượng vừa “định tính”, tùy theo cách diễn đạt. Cách làm định lượng chủ yếu dựa trên việc xây dựng một hợp phiếu tập hợp những dữ liệu tiểu sử liên quan đến các thị trưởng của các địa điểm nói đến. Để khỏi nhàn lên quá nhiều con số những địa điểm được nghiên cứu, ta chỉ tính đến 513 địa điểm có trên 15 nghìn dân theo cuộc điều tra dân số năm 1975. Việc nhận biết thị trưởng của những nơi này ban đầu nhờ vào tờ báo *Thế giới* mà chúng tôi đã xem lại một cách có hệ thống những số báo từ năm 1945 đến 1984. Trên cơ sở tạm thời của những danh sách theo từng địa điểm, tiểu sử của các thị trưởng đã được lập xuất phát từ những nguồn khác nhau bằng cách thực hiện “đánh cá, săn bắt và hái lượm” theo cách diễn đạt xem ra khá sát thực của J.G. Padioleau. Một khi đã biết tất cả những thị trưởng mà trong sự nghiệp chính trị có lúc nắm giữ một chức vụ dân cử cấp toàn quốc, hay chỉ đơn giản là ứng cử viên trong một cuộc bầu cử toàn quốc từ năm 1945 (nếu kể cả lúc họ chưa hề là thị trưởng) ta sẽ chắc chắn rằng

những thị trưởng khác chỉ đặc biệt có một sự nghiệp ở địa phương. Vì thông tin bấp bênh hơn và không tập trung trong lĩnh vực này nên ở giai đoạn thứ hai, một cuộc điều tra bổ sung đã được tiến hành với các tổng thư ký của các thành phố được nghiên cứu.

Cuộc điều tra này có hai mục đích: Một mặt, kiểm tra lại thời gian chính xác của việc thay mới các thị trưởng từ năm 1945, đặc biệt cần xác định rõ ngày tháng bắt đầu và kết thúc các nhiệm kỳ để tránh có hai thị trưởng vào cùng một năm ở cùng một địa điểm; mặt khác có được những thông tin về tiểu sử của các thị trưởng không xuất hiện trong những nguồn tài liệu mà ta xem xét. Cuối cùng, ta có khả năng làm việc trên hầu như toàn bộ các địa điểm ghi nhận ban đầu, bởi vì rốt cuộc, chỉ có 4 địa điểm bị loại khỏi quá trình xử lý thông tin do không có hay không đầy đủ những dữ liệu liên quan đến các thị trưởng ở đây. Kết thúc những hoạt động khác nhau này, việc tìm hiểu định lượng đã có thể nhằm vào 509 địa điểm, tổng cộng có khoảng 2176 thị trưởng trong thời kỳ 1945 - 1984.

Đối tượng và mục tiêu của các cuộc phỏng vấn

Bổ sung cho cách tiếp cận định lượng này có phần nặng nề, mà chỉ đơn giản việc tập hợp các dữ liệu đã đòi hỏi hơn 3 năm làm việc căng thẳng, xuất hiện một cách tiếp cận tinh tế và “định tính” hơn nhiều, căn cứ vào những cuộc phỏng vấn đi

sâu với các thị trường hay các cựu thị trường của những địa điểm được tìm hiểu. Một mặt, những cuộc phỏng vấn này có mục tiêu chủ yếu là hiểu biết rõ hơn những điều kiện để các vị đó giành được các chức vụ dân cử (hoạt động xã hội, “thiên hướng”, hành trình, học tập và đào tạo) và biết rõ hơn về nghề nghiệp chính trị, và mặt khác nắm vững những biểu hiện, những chiến lược, những thực tiễn đặc biệt của một logic ứng xử hành động và hợp thức hoá.

Nói rộng hơn, những cuộc phỏng vấn này có mục đích là thâm nhập vào không gian xã hội, nhận thức và tinh thần của những vị dân biểu để xem toàn bộ những hạng mục khác nhau của các phiếu tiểu sử (ngày tháng năm sinh cho phép tính tuổi ở các thời điểm khác nhau của nghề nghiệp chính trị; văn bằng; hoạt động nghề nghiệp; các trách nhiệm liên kết, công đoàn, chính trị; ngày tháng năm thực thi các chức vụ dân cử khác nhau). Như vậy, ta thấy được ý nghĩa cho những hành trình nhờ các yếu tố trên.

Vậy là, cuộc điều tra bằng phỏng vấn nhằm nắm vững động thái hành trình của những vị dân biểu, hệ thống những ràng buộc và cơ hội đối với họ và những quyền đại diện tạo nên những hành trình đó. Nó tìm cách hiểu làm thế nào, trong những bối cảnh xã hội và chính trị ở các vùng lãnh thổ nhất định, các cá nhân đã đi đến chỗ lập nghiệp trong chính trị.

2. Các thể thức và những khó khăn kỹ thuật của cuộc điều tra bằng phỏng vấn

Tổng số 84 cuộc phỏng vấn đã được thực hiện như thế, không chỉ ở Aquitaine và rộng hơn ở miền Tây Nam theo nghĩa rộng của từ này (bao gồm cả La Charente và La Charente – Maritime), nhưng cả ở Normandie và ở khu vực Paris, cũng như một vài tỉnh lân cận khác, vì muốn không bị giới hạn trong một địa bàn đặc biệt. Cần thiết phải làm rõ những tiêu chuẩn lựa chọn người để phỏng vấn, diễn biến và việc dẫn dắt các cuộc phỏng vấn trước khi biết việc sao chép lại các cuộc phỏng vấn đã được thực hiện như thế nào.

Những tiêu chuẩn lựa chọn người phỏng vấn

Việc lựa chọn những vị dân biểu để gặp và phỏng vấn được thực hiện một cách rất thực dụng dựa theo một yêu cầu kép: Một mặt không chỉ cấm ở những thành phố phía Tây Nam bằng cách ưu tiên quá mức sự gần gũi tương đối về địa lý; mặt khác không phân tán trong khi tìm kiếm tính đại diện lãnh thổ rất bấp bênh và không mấy hiện thực về mặt kinh tế xét theo tương quan phí tổn - lợi ích.

Như vậy, nhân tố địa lý là thiết yếu và tiên quyết trong việc xác định người để phỏng vấn trong chừng mực không thể (vì những lý do kinh tế và thời gian) đi khắp nước Pháp để thực hiện những cuộc phỏng vấn này, và những vùng địa lý

đã nhanh chóng được tính đến tùy theo những tiêu chuẩn thực tế (khoảng cách tính theo cây số với những thành phố được tính đến tùy theo khả năng cư trú hay tạm trú). Số những thành phố có trên 15.000 dân thường giảm bớt theo từng tỉnh (một số tỉnh có đến 10 thành phố như vậy, không kể đến khu vực Paris), nên các khả năng cũng không phải là vô tận.

Phải nhấn mạnh rằng, cuộc điều tra đã nhằm vào cả những thị trưởng đương nhiệm và những cựu thị trưởng, không chỉ vì ở từng tỉnh số “thị trưởng thành phố” tương đối hiếm nhưng cũng vì trong khuôn khổ của công việc tìm hiểu, điều quan trọng là phải nắm vững, qua cách nhìn lịch đại, một sự khác biệt có thể có của những hành trình, những nguồn lực, những tính đại diện, những hệ thống ràng buộc và cơ hội có thể đóng góp, nếu không phải là “giải thích”, thì ít nhất cũng để nhìn nhận sự nghiệp chính trị của những vị dân biểu. Nói một cách thực dụng hơn, sự lựa chọn các “cựu thị trưởng” đưa vào số người được nghiên cứu (không vì thế mà cho rằng họ đã kết thúc sự nghiệp chính trị) cũng là vì những khó khăn gặp phải trong những cuộc phỏng vấn đầu tiên, do khả năng sẵn sàng trả lời phỏng vấn của những vị dân biểu đương nhiệm là tương đối hạn chế vào thời điểm của cuộc điều tra. Lúc ấy, có khả năng tăng đáng kể con số những vị dân biểu để phỏng vấn mà không có sự phân tán về địa lý vốn rất tốn kém

về thời gian và sự di chuyển. Giải pháp này cho phép gặp nhiều thị trưởng của cùng một thành phố, thêm vào đó, còn có lợi là cho ta hiểu rõ hơn những bối cảnh chính trị của địa phương cũng như đối chiếu các hành trình và quyền đại diện của các vị dân biểu.

Nếu phần lớn các vị dân biểu đáp ứng một cách tích cực những yêu cầu phỏng vấn, đưa ra bằng văn bản (đối với những thị trưởng đương nhiệm) và thường bằng điện thoại (đối với những cựu thị trưởng) thì đã có 30 người từ chối phỏng vấn, mặc dù được đề nghị nhiều lần, vì những lý do khác nhau: Thiếu điều kiện đáp ứng, thiếu thiện ý cùng sự quan tâm đến công việc đang tiến hành, đặc biệt hơn, đó là biểu hiện “đau khổ” do thất bại trong sự nghiệp chính trị làm cho những người này phải từ chối mọi cuộc phỏng vấn khả dĩ làm cho họ đau đớn khi phải nhắc lại thất bại đó.

Triển khai và dẫn dắt các cuộc phỏng vấn

Trong phần lớn các trường hợp, các cuộc phỏng vấn đã diễn ra trong không khí tin cậy và thoải mái, thậm chí thường là thân mật. Đa số những cuộc phỏng vấn này kéo dài từ một đến ba giờ tùy theo điều kiện của người được phỏng vấn, đôi khi còn kéo dài hơn nếu có cơ hội, đặc biệt khi những cuộc phỏng vấn diễn ra tại nhà riêng của người được phỏng vấn. Trong trường hợp những thị trưởng đương nhiệm thì việc đồng ý cho phỏng vấn tại nhà riêng là dấu hiệu của sự chú ý và một tình

thần sẵn sàng rất đặc biệt. Nói chung, những cuộc phỏng vấn với các cựu thị trưởng thường kéo dài hơn nhiều vì điều kiện tiếp khách của họ nhiều hơn và cũng vì họ tỏ ra vui lòng thực sự khi được phá vỡ cái cô đơn của tuổi về hưu và “kể lại” những kinh nghiệm chính trị và tranh cử của mình. Chỉ có hai cuộc phỏng vấn đặc biệt khó khăn và mệt mỏi do những người được phỏng vấn tuổi đã cao và khả năng giao tiếp bị hạn chế (khiếm thính, không hiểu câu hỏi, lẫn lộn về ngày tháng và những chuyện khác...). Theo cách truyền thống, những cuộc phỏng vấn được tiến hành dựa theo một bản đề cương phỏng vấn tương đối rõ ràng và chi tiết, được kiểm chứng qua những cuộc phỏng vấn đầu tiên. Bản đề cương này chỉ là một phác thảo trên thực tế không bao giờ được sử dụng một cách chính thức và trực tiếp như một bản câu hỏi. Bản đề cương này có hai ích lợi: Một là, có sẵn câu hỏi đã chuẩn bị đầy đủ, trong trường hợp bị “sa lầy” tạm thời khi dẫn dắt cuộc phỏng vấn, và để khởi động lại người được phỏng vấn; hai là, vào cuối cuộc phỏng vấn, kiểm tra xem toàn bộ những chủ đề của bản đề cương đã được gọi ra và đề cập chưa, kể cả trường hợp gọi ra và đề cập một cách lộn xộn.

Bản đề cương phỏng vấn gồm 5 chủ đề chính: sự tham gia lĩnh vực chính trị và Hội đồng thành phố; việc đảm nhiệm chức vụ thị trưởng; hoạt động của Hội đồng thành phố; sự nghiệp chính trị

và sự kiêm nhiệm các chức vụ; và quan hệ với các tác nhân khác (các cơ quan thành phố, các cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị...). Mỗi chủ đề có từ 5 đến 8 câu hỏi khá rộng. Trong phần lớn các trường hợp, các vị dân biểu đi từ chủ đề này sang chủ đề khác một cách mềm dẻo và nối tiếp nhau mà ta không cần phải diễn đạt các câu hỏi một cách cụ thể.

Trong diễn biến và dẫn dắt các cuộc phỏng vấn, ba khó khăn chủ yếu gặp phải đều liên quan đến sự hạn chế về thời gian ở những phương diện khác nhau. Khó khăn thứ nhất liên quan đến khả năng tiếp khách, đôi lúc rất hạn chế, của một số người, những người này kiêm nhiệm rất nhiều việc và đặc biệt giữ cả những chức vụ ở Nghị viện. Trong hoàn cảnh đó, đôi lúc rất khó có được một cuộc hẹn gặp, vì phải vượt qua nhiều rào cản hoặc phải trì hoãn nhiều lần. Hiện tượng khó tiếp cận những vị dân biểu này đã dẫn đến sự thay đổi thành phần người được phỏng vấn. Không nghi ngờ gì nữa điều này có tác dụng ngăn cản và buộc ta phải ưu tiên gặp những thị trưởng mà ta có khả năng gặp nhiều hơn. Nói cách khác, người ta thường thích tìm đến các vị dân biểu của các “thành phố trung bình” bởi việc gặp các thị trưởng của những thành phố lớn rất khó khăn.

Việc quản lý thời gian phỏng vấn là khó khăn thứ hai, bởi nó ảnh hưởng đến hiệu quả của cuộc phỏng vấn. Thời gian một tiếng đồng hồ không đủ

để lướt qua và để cập những chủ đề khác nhau dựa theo bản hướng dẫn khá dài (32 câu hỏi cụ thể và chi tiết) để tìm hiểu sâu vấn đề. Cuối cùng, vẫn là do sự ràng buộc về thời gian, ta cần phải kết cấu cuộc phỏng vấn trong thời gian thoả thuận, nhưng hiếm khi thời gian này được xác định và làm rõ *từ trước* một cách nghiêm ngặt, và đây là khó khăn thứ ba. Tình hình này đôi lúc buộc ta phải có những lựa chọn ngay trong thời điểm phỏng vấn, và dựa vào thực tế đang diễn ra, để cố gắng hướng cuộc phỏng vấn theo những câu hỏi hay chủ đề được coi là ưu tiên, nhưng cũng để đối phó với cả “sự lảm lòi” của người đối thoại trước những chủ đề được đề cập.

Phải nói rằng vị trí trong thứ bậc chức vụ chính trị không hẳn là nhân tố gây khó khăn cho việc tiến hành phỏng vấn và hiệu quả của các cuộc phỏng vấn, mà ngược lại. Một số dân biểu “cấp thấp”, nghĩa là những người thuộc các cộng đồng nhỏ nhất của mẫu chọn hay kiêm nhiệm ít chức vụ nhất đã không ngần ngại nhấn mạnh tính chất không đối xứng của mối quan hệ (thời gian chờ đợi lâu trước cuộc phỏng vấn, nghệ thuật giới thiệu về mình, khoảng cách xã hội rõ nét, câu chuyện gò bó và đã định trước) trong khi những vị dân biểu “cấp cao” tỏ ra đặc biệt tự do về lời nói trong khuôn khổ quan hệ khá bình đẳng và càng ít chính thức càng tốt. Nếu hiểu rằng vị trí nắm giữ không độc lập đối với vốn học vấn, người ta có thể tự hỏi phải

chăng hiện tượng này cho ta biết thêm một cuộc điều tra có tính học thuật, đã diễn ra theo cách nào và phát hiện được những điều gì. Do đó, ta hiểu rõ hơn các mối quan hệ xã hội và cá nhân. Nhưng trong lĩnh vực này, khó mà khái quát hoá trong điều kiện hai cuộc phỏng vấn kế tiếp nhau không bao giờ giống nhau hoàn toàn.

Ghi chép lại các cuộc phỏng vấn

Theo một phương pháp được coi là “tốt” là ghi âm những cuộc phỏng vấn với các vị dân biểu. Tuy nhiên, thực tế lại không phải như vậy. Quả thực, ngay từ những cuộc phỏng vấn đầu tiên, ta nhanh chóng thấy rằng chỉ riêng sự hiện diện của máy ghi âm đã hạn chế tự do phát biểu của những vị dân biểu. Ngày nay, người ta tự hỏi không biết thực tế có phải như vậy không, hoặc ở đây, đúng hơn là người điều tra đã tự đoán trước một sự gò ép có thể phải được khắc phục!

Dù sao, những cuộc phỏng vấn vẫn không được ghi âm ngay cả khi người ta có thể lấy làm tiếc theo quan điểm chặt chẽ của phương pháp luận nghiêm túc. Nó dẫn đến việc ghi chép truyền thống một cách trung thành và chính xác đến mức có thể được đối với những lời lẽ nói ra, trong khi tìm cách ghi lại cả những từ ngữ đã được dùng để có thể tái tạo toàn bộ về sau. Kỹ thuật này không phải dễ vận dụng và đôi lúc gần với trò nhào lộn có động cơ tâm lý. Bởi vì, người phỏng vấn vừa phải dẫn dắt cuộc nói chuyện (với những khoảng cách cần thiết

để làm rõ lời nói, định hướng lại câu chuyện nếu ta thấy nó quá lạc đề, khởi động lại hay chuyển sang một chủ đề khác), vừa ghi chép bằng cách bám vào các từ ngữ được người đối thoại sử dụng, thậm chí tán thành chúng nhằm cố gắng cố định chúng một cách trung thành đến mức có thể.

Dựa vào những ghi chép tại chỗ, mà người khác rất khó đọc bởi vì có các ký hiệu và những chữ viết tắt, việc viết lại cuộc phỏng vấn được thực hiện sau cuộc nói chuyện, theo trật tự nối tiếp của những chủ đề lớn được đề cập chứ không phải dưới hình thức “hỏi-đáp” mà ta luôn luôn cố tránh, để không làm đứt quãng câu chuyện của người đối thoại, để người ấy được bày tỏ một cách tự do nhất, cố gắng hạn chế những can thiệp từ phía người tìm hiểu vào mối quan hệ xã hội và tâm lý hình thành trong cuộc phỏng vấn. Nhưng khi tính đến bản chất của người được phỏng vấn, đến sự từng trải xã hội (và chính trị), đến khả năng tư duy và lập luận của họ, ta có thể nghĩ rằng cái nguy cơ “áp đặt vấn đề” đã bị giảm xuống so với những loại đối tượng và loại hình điều tra khác.

Kỹ thuật ghi chép lại những cuộc phỏng vấn được chấp nhận trong khuôn khổ cuộc tìm hiểu này có một cái lợi nhất định về thời gian. Đó cũng là một điều đáng kể khi cuộc điều tra bằng phỏng vấn chỉ là một dạng thức đặc biệt trong cơ chế tìm hiểu, và khi con số những cuộc phỏng vấn được thực hiện bắt đầu nhiều lên. Nhưng chắc chắn nó

cũng có điều bất tiện đáng kể, dù cho rất khó đánh giá: Mất mát thông tin. Dù cho việc ghi chép lại được thực hiện nhanh chóng và cẩn thận, nhưng việc không ghi âm cũng dẫn đến chỗ làm méo mó và diễn giải theo ý mình những lời được nói ra. Nhưng tuy theo mục tiêu tìm hiểu đối với các cuộc nói chuyện, mà về tổng thể, người ta có thể chấp nhận cái giá phải trả và sự quanh co này một cách khoa học.

3. Khai thác và sử dụng các cuộc phỏng vấn

Ta sẽ cố gắng nhanh chóng làm rõ, một mặt, lợi ích và tính tin cậy của những “thông tin” thu thập được, mặt khác việc sử dụng những cuộc phỏng vấn trong khuôn khổ bài khảo sát nhằm vào các “thị trường thành phố” và, cuối cùng, lợi ích thực tế của nó đối với cách đặt vấn đề và phương pháp tiến hành tìm hiểu.

Ý nghĩa và tính tin cậy của những dữ liệu thu thập được

Nhìn tổng thể, những cuộc phỏng vấn có ý nghĩa không giống nhau xét về hiệu quả trước mắt và trực tiếp đối với cuộc tìm hiểu và tùy theo cả một loạt những tham số khó mà hợp lý hoá được, như: sự sẵn sàng tiếp chuyện của các vị dân biểu, và thời gian nói chuyện dài hay ngắn, tính chất có phần “thoải mái” quyết định phần nào bản chất không đối xứng, hay ngược lại, tương đối bình

đẳng của mối quan hệ, quy định tính ba hoa hay cỏi mở của người nói chuyện, mức độ liên can của cá nhân người đó trong khi trả lời, khả năng thoát ra khỏi cách diễn đạt thường thấy ở một vị dân biểu trong vị thế đại diện, vốn để thể hiện và đề cao vai trò công quyền của ông ta.

Nhìn chung, mối quan hệ tạo lập trong cuộc phỏng vấn giữa vị dân biểu được phỏng vấn và người điều tra cũng không đến nỗi bất bình đẳng và phi đối xứng như người ta vẫn hay dè chừng. Một mặt, ta nên nhắc lại ngắn gọn một điều hiển nhiên là đương nhiên những vị dân biểu mà ta hẹn gặp được là những người đã đáp ứng tốt yêu cầu phỏng vấn, và ắt hẳn là những người phù hợp nhất cho công việc đó. Có thể nói, họ là những người tình nguyện và sẵn sàng chơi đúng luật dưới hình thức hoặc theo những thể thức khác nhau. Những vị dân biểu ít sẵn sàng nhất và do dự nhất đối với công việc này, hoặc tỏ ra ít phù hợp nhất đối với kiểu điều tra này thì rõ ràng cũng không muốn tiếp tục các yêu cầu nói chuyện, dưới hình thức này hay hình thức khác.

Hơn nữa, sự hiểu biết ban đầu về tiến trình xã hội - nghề nghiệp và chính trị của các vị dân biểu về cơ cấu cuộc cạnh tranh ở thành phố, và rộng hơn nữa, về bối cảnh chính trị địa phương, đã làm cho những khả năng “bóp méo” thông tin bị hạn chế. Người tìm hiểu không thiếu những thông tin cần thiết và như vậy không phụ thuộc vào người được

phỏng vấn, hoặc không ở vào thế yếu so với họ.

Vì mục đích của cuộc phỏng vấn chỉ là nắm thêm thông tin xác thực về nghề nghiệp của các vị dân biểu, chính xác hơn là hiểu rõ hơn các quyền đại diện và những chuẩn mực định hướng hay quy định những phương thức thực thi công việc của họ, và mang lại ý nghĩa cho những phương thức đó. Vậy thì, chính mối liên hệ với hoạt động chính trị và với các nhiệm kỳ bầu cử là điều mà các cuộc phỏng vấn đã cố gắng nắm bắt và tìm hiểu.

Sử dụng các cuộc phỏng vấn

Những cuộc phỏng vấn đã được thực hiện, thường được sử dụng và được nhắc đến rất nhiều trong những xuất bản phẩm gắn liền với công việc đó, nhằm minh họa hơn là chứng minh. Quả vậy, vì những lý do chủ yếu là vật chất ta không thể khai thác chúng một cách có hệ thống hơn nhằm làm nổi bật và định lượng các thái độ, các cách biểu hiện, các hiện thực hành động trừ chuyện ngoài rìa (chẳng hạn, trong phạm vi một số ít người được phỏng vấn, cố gắng đánh giá tính cha truyền con nối về chính trị và trúng cử, một hiện tượng khá quan trọng và quyết định, nhưng lại là lĩnh vực mà ta không có được những dữ liệu có hệ thống hay tổng thể). Đó cũng không phải là mục đích đặt ra trong cơ chế tìm hiểu.

Các cuộc phỏng vấn này là đối tượng thường được trích dẫn, và đôi lúc khá dài bởi khi tìm hiểu, cần thiết phải “ngược dòng thời gian”, cần đến

những tư liệu thực tế và sống động. Không thể dám chắc là đã đóng góp cho khoa xã hội học chính trị bằng cách bỏ qua ngôn từ của các tác nhân, coi như không có nó, chỉ vì lo lắng tìm cách hợp lý hoá và rút cuộc “nói dối” hay thực chất là kẻ lừa dối.

Từ đó, thế nào cũng có rủi ro và điều nguy hiểm thực sự là ẩn mình dưới một hình thức khéo léo nào đó, để tái hiện theo ý mình ngôn từ của các tác nhân. Chỉ có thể mong ngăn cản được điều đó bằng cách: Một mặt, trình bày một cách dễ hiểu và có giải thích rõ ràng chứ không phải chỉ nối lại với nhau các quan điểm khác nhau của người được phỏng vấn. Mặt khác, trình bày một tư duy lý luận sâu hơn, thông qua việc định nghĩa một hệ thống những khái niệm tạo nên khung phân tích, để hình thành những tài liệu thực tiễn. Cả hai yêu cầu này đều dẫn đến chỗ xây dựng nội dung tìm hiểu chứ không phải là một sự tái hiện đơn giản ngôn từ của tác nhân ở giai đoạn đầu.

Lợi ích của những cuộc phỏng vấn

Lợi ích này rất cơ bản và hiển nhiên, trên hai danh nghĩa, tức là danh nghĩa kép của bản thân công việc tìm hiểu cũng như danh nghĩa các tác động sau này khi xem xét lại cách đặt vấn đề ban đầu và mở ra những triển vọng của công việc mới. Một mặt, những cuộc phỏng vấn cho phép thâm nhập vào thế giới của những vị dân biểu và nắm

bắt, ít nhất là gần đúng, động thái, tiến trình của họ, cũng như hiểu được cơ cấu quyền đại diện đem lại ý nghĩa cho hoạt động của họ. Riêng trên quan điểm này, vượt xa hơn việc liệt kê trong phiếu tiểu sử các chức vụ đã trải qua, những cuộc phỏng vấn còn cho phép hiểu và giải thích một phần những logic đang tác động trong đội ngũ quan chức, không những dẫn đến mà còn bắt buộc các vị dân biểu biến chính trị thành một hoạt động chủ yếu, thậm chí chuyên nhất, chuyên môn hoá, lâu dài và được trả lương chứ không phải một hoạt động thứ yếu, tạm thời và không công.

Nói rất cụ thể, chính những cuộc phỏng vấn đã cho phép biết được khó khăn biết bao nhiêu khi phải dung hoà việc thực thi nhiệm kỳ bầu cử với việc theo đuổi một hoạt động nghề nghiệp. Việc kiêm nhiệm các chức vụ rất cần thiết đối với các vị dân biểu, vì một loạt những lý do thực tế và chính trị: là phương tiện vừa để sống hoàn toàn bằng chính trị, để làm sinh lợi cái vốn chính trị và bầu cử đã được tạo dựng, kiểm soát cuộc cạnh tranh chính trị địa phương bằng cách tước đoạt ở những đối thủ tiềm tàng hay công khai một bàn đạp và một diễn đàn, gia tăng tính độc lập của mình đối với tổ chức chính trị mà họ là thành viên. Chính những tổ chức này đã thúc đẩy một số vị dân biểu ra ứng cử, bởi vì họ đem lại những cơ hội thắng lợi tốt nhất cho đảng... Các cuộc phỏng vấn cho phép nắm bắt và hiểu được các chuỗi quan hệ qua lại và

phụ thuộc vào nhau phức tạp dẫn đến sự chuyên nghiệp hoá đội ngũ làm chính trị.

Mặt khác và nói rộng hơn, những cuộc phỏng vấn đã làm phong phú đáng kể cách đặt vấn đề một cuộc tìm hiểu, vốn không bao giờ trùng hợp với mô hình giả thiết - suy diễn được ưu tiên trong các bài học thông thường về phương pháp luận được giảng dạy ở trường. Phương pháp tìm hiểu, như người ta thực hiện trên thực tế, rất giống với sự vận động “xuôi-ngược” hoặc “đi-về” giữa tư duy lý luận về các khái niệm và ý niệm và mối bận tâm phải nắm bằng thực tế sự từng trải thực sự của các tác nhân, nghĩa là phương thức thực thi quyền hạn và quyền đại diện của họ, cũng như các yếu tố quy định những phương thức đó. Nói một cách thực tế, việc tìm hiểu này được xác định như một áp lực giữa những đòi hỏi khác nhau có logic riêng của nó, nhưng nói chung bổ sung cho nhau, và trong sự vận động này, phép quy nạp cũng có vị trí của nó.

Theo cách nhìn nhận này, rõ ràng là những cuộc phỏng vấn được thực hiện cho phép nắm bắt và hiểu rõ hơn khái niệm chuyên nghiệp hoá, vốn nằm ở tâm điểm của công việc. Chính những cuộc phỏng vấn này thực sự cho phép hiểu được những điều kiện vừa thực tế (những ràng buộc của tình thế và cương vị), nhưng cũng vừa có tính chất chuẩn mực và nhận thức (hệ thống các biểu tượng hay sơ đồ nhận thức, diễn giải và hành động) của quá trình này, dẫn các cá nhân đến chỗ làm cho

chính trị trở thành, nếu không phải là một nghề nghiệp hay một công việc kiếm sống theo nghĩa đen, thì ít ra cũng là một hoạt động tương đối chuyên môn và độc lập, có các đòi hỏi riêng và cần có những kỹ năng đặc thù. Theo quan điểm này, những “thị trưởng thành phố” là một lớp người đáng chú ý và phù hợp (ít ra là khi nhìn lại quá khứ) do tính chất không đồng nhất và đa dạng, cũng như tính chất “trung gian” của nó. Trong chừng mực những người “nghiep dư” và “chuyên nghiệp” ở cạnh nhau, nó cho phép nắm bắt một cách chính xác hơn quá trình chuyên nghiệp hoá như là sự biến đổi cả về lôgic lẫn quy chế, cho phép xác định nó như “bước chuyển” tuân theo các hệ thống ràng buộc và cơ hội, và như vậy thoát ra khỏi cách nhìn nhận phân đôi và hạn hẹp về người nghiệp dư và (*ngược lại*) người chuyên nghiệp.

Như vậy, những cuộc phỏng vấn không phải chỉ là giai đoạn duy nhất mang tính kỹ thuật của việc thu thập dữ liệu và tư liệu “sống”, hay là giai đoạn duy nhất của việc kiểm tra và hợp thức hoá một cách thực tế. Nó dẫn đến chỗ định hướng lại công việc tìm hiểu được tiếp tục sau đó theo một cách khác và mang tính định tính hơn, tuỳ theo cách đặt vấn đề đã thay đổi.

Để kết thúc bài viết có tính chất phương pháp luận này về cuộc tìm hiểu đã qua, ta giới hạn ở chỗ nêu câu hỏi về đặc thù của cuộc điều tra bằng phỏng vấn với một lớp người thuộc giới “thượng

lưu lãnh đạo” và những cá nhân tương tự như những người “thượng lưu lãnh đạo”, so với những lớp người được quan tâm trước hay sau cuộc tìm hiểu đặc biệt này. So với việc khảo sát chuyên nghiệp hóa về đội ngũ làm chính trị thông qua các “thị trường thành phố”, những kinh nghiệm tìm hiểu trước đây cũng đưa đến việc dùng phương pháp phỏng vấn làm kỹ thuật điều tra được ưu tiên, trong khuôn khổ của một số công trình có liên quan, một mặt, ở những người lãnh đạo và đảng viên Đảng xã hội ở địa phương, trong đó có việc tìm hiểu những hậu quả sự chuyển biến “hệ tư tưởng” của đảng xã hội vào những năm 1970; và mặt khác ở những người lãnh đạo các hiệp hội địa phương trong quan hệ của họ với các chính quyền thành phố thông qua thí dụ về Hội đồng thị chính ở thành phố Bordeaux.

Sau công trình nghiên cứu về các “thị trường thành phố”, các cuộc tìm hiểu cũng được tiến hành nhằm thực hiện chính sách đấu tranh chống thất nghiệp. Các cuộc tìm hiểu đó đặc biệt được dựa trên khá nhiều những cuộc phỏng vấn với cả những người lãnh đạo cơ quan hành chính cấp vùng và cấp tỉnh, thuộc Sở lao động cũng như với những người lãnh đạo các cơ quan đào tạo và những người xin việc được hưởng các chính sách trợ cấp, những loại người rất khác nhau trong giới “thượng lưu chính trị” ở địa phương.

Tuỳ theo thực tiễn và kinh nghiệm cả trước và

sau cuộc phỏng vấn, người ta có thể nhận định rằng cuộc điều tra đối với những “thị trưởng thành phố” không gặp những khó khăn đặc biệt về phương pháp hay kỹ thuật theo đúng nghĩa của nó. Không có khác biệt thực sự về yêu cầu phương pháp luận và kỹ thuật liên quan tới sự quản lý diễn biến và dắt dẫn những cuộc nói chuyện này, đối với những giới người khác nhau về vị trí xã hội và nghề nghiệp. Mục tiêu là như nhau: nắm bắt và hiểu rõ một giới xã hội và nghề nghiệp tương đối chuyên sâu và độc lập, cho dù hình thức và những thể thức riêng của nó như thế nào, nghĩa là hiểu được các biểu tượng, những chuẩn mực và những ràng buộc tạo nên hành vi của một cộng đồng các cá thể và cộng đồng chức trách. Những khó khăn chủ yếu gặp phải, về cơ bản, gắn liền với sự thiếu sẵn sàng của giới người có liên quan, sau nữa là sự cách biệt xã hội do một số đại biểu dân cử dựng lên. Nhưng ta không thể khái quát hoá và khẳng định rằng trường hợp minh họa này là thường gặp nhất, hoặc ngược lại như thế.

PHẦN III

PHỎNG VẤN CÁC CHỦ DOANH NGHIỆP VÀ CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO CÔNG ĐOÀN

PHỎNG VẤN GIỚI THƯỢNG LƯU KINH TẾ: THỬ THÁCH ĐI VÀ THỬ THÁCH LẠI

Elie Cohen

Viết lịch sử kinh tế thời đại hiện nay, phân tích những chính sách của nhà nước, giải thích sự thay đổi thể chế, đòi hỏi phải sử dụng những kỹ thuật câu chuyện truyền miệng và kỹ thuật tiếp xúc cởi mở. Nhưng việc phỏng vấn giới thượng lưu là một việc làm không phải không chứa đựng rủi ro. Những người lãnh đạo chỉ nói những gì họ muốn nói, dựa vào ký ức được tái tạo và chỉ nói về những chủ đề mà thường chỉ riêng họ nắm chắc. Trong công việc nghiên cứu của tôi, những cuộc phỏng vấn các nhà lãnh đạo bao giờ cũng có hiệu quả, cho dù họ chỉ gọi ra những hướng đi, gợi ý tiến hành những cuộc điều tra bổ sung, hay cung cấp những thông tin bất ngờ mà những người trong cuộc cũng không hề biết.

Nội dung bài viết này là đánh giá tác dụng của kỹ thuật điều tra đối với ba công trình nghiên cứu quy mô: một công trình về giới thượng lưu công nghiệp và quá trình tập trung kinh tế; công trình thứ hai về giới thượng lưu công chức và tác động của họ trong quá trình phát triển và điều tiết nền kinh tế, công trình thứ ba dành cho giới thượng

lưu nhà nước và tư nhân, giới thượng lưu công nghiệp và hành chính nhà nước trong các chương trình quân sự và dân sự lớn.

1. Đặt vấn đề tìm hiểu và đối tượng điều tra

Khi mới đến Trường Đại học Mỏ Paris với tư cách là một người nghiên cứu trẻ mới vào nghề, tôi được giao một cuốn giáo trình khá ấn tượng nói về kỹ thuật điều tra các doanh nghiệp lớn, những doanh nghiệp đi đầu của “chủ nghĩa tư bản công nghệ”. Tôi hơi hoảng khi nghĩ rằng mình phải đưa ra những tài liệu để chứng minh các giả thiết, định lượng những thông số và đi đến một lý thuyết chắc chắn hơn về những gì tôi cho là thuộc phạm vi tiềm năng của chủ nghĩa tư bản, hơn là một thực tế doanh nghiệp.

Doanh nghiệp công nghệ lớn, theo lý thuyết của một nhóm người thuộc Trung tâm xã hội học cách tân, là doanh nghiệp thay thế kế hoạch hoá nội bộ những nguồn lực bằng sự phản xử của thị trường, sự phản xử tạo ra thị trường bằng sự cách tân, và cuối cùng, là doanh nghiệp kiểm soát nhu cầu bằng khoa học về thị trường và về thái độ của người tiêu dùng. Vậy là, cuộc điều tra phải hướng vào một đối tượng “đang hình thành”, do đó chưa có nguồn tài liệu gốc, trong những khu vực “nhạy cảm” thì bí mật lại là một nguyên tắc trong bối cảnh được đánh dấu bằng sự kiện tháng 5 năm 1968, và dư luận không tốt đối với môn xã hội học.

Điều hành tập đoàn công nghiệp

Phương pháp được chấp nhận là trước hết lựa chọn những doanh nghiệp bước đầu đáp ứng những tiêu chuẩn đã được ấn định rõ ràng. Ba tập đoàn công nghiệp được lựa chọn là: Thomson – CSF chuyên hoạt động trong lĩnh vực quân sự, điện tử và thiết bị y tế, Tổng công ty Điện lực (CGE) chuyên hoạt động trong các lĩnh vực viễn thông, kỹ thuật điện tử, cơ điện và đường sắt, và Tập đoàn Pechiney Ugine Kuhlman chuyên hoạt động trong ngành nhôm, luyện kim bằng điện và hoá học. Tuy nhiên, chỉ có Tập đoàn Pechiney Ugine Kuhlman và CGE chấp nhận mở cửa, và chỉ mở cửa những hoạt động trong các lĩnh vực không thể hiện rõ những đặc điểm được giả định là của chủ nghĩa tư bản công nghệ.

Tuy vậy, thất bại này lại có mặt tốt. Nó buộc chúng tôi phải phát hiện ra một số vấn đề khác rất quan trọng đối với những công trình nghiên cứu sắp tới: đó là phương thức hình thành tập đoàn công nghiệp, mối quan hệ giữa chủ sở hữu và chính quyền, cách thức lựa chọn những tinh hoa lãnh đạo, quá trình hoạch định chiến lược. Tóm lại, trước khi tự hỏi phải chăng chúng ta đã làm biến đổi chủ nghĩa tư bản, thì trước hết phải hiểu được doanh nghiệp, phân tích thời điểm đặc biệt trong quá trình biến đổi của chủ nghĩa tư bản ở Pháp, được đánh dấu không phải bằng sự bùng nổ của những công nghệ cao, mà bằng sự

tập trung các ngành công nghiệp, và sự hình thành muộn màng (so với Hoa Kỳ, Anh, Đức) của những tập đoàn công nghiệp đa năng, đa ngành và đa quốc gia.

Qua thử thách của thực tế công nghiệp, nhóm xã hội học nghiên cứu về đổi mới đã từ bỏ dự án hợp nhất để khảo sát các đối tượng hạn chế hơn: một nhóm thì khảo sát việc đổi mới công nghệ, nhóm khác khảo sát sự điều hành tập đoàn công nghiệp và nhóm thứ ba khảo sát quan hệ tiêu dùng. Cùng với M. Bauer, tôi phụ trách nhóm khảo sát sự điều hành tập đoàn công nghiệp. Những địa bàn mới được lựa chọn là: Saint Gobain, BSN, Rhône - Poulenc và Péchiney.

Kinh nghiệm đầu tiên cho thấy cần phải ấn định một quy tắc rõ ràng của cuộc chơi với những nhà lãnh đạo doanh nghiệp trên những điều kiện tiếp cận địa bàn, chọn mẫu, những hình thức tái hiện các kết quả, đặc biệt là xác định vị trí của cuộc phỏng vấn trong cơ chế chung của cuộc điều tra. Quả thực, nếu sự tiếp cận địa bàn bao giờ cũng mất nhiều thời gian, và cần có sự can thiệp của giám đốc doanh nghiệp thì một khi đạt được một thỏa thuận chung chúng ta sẽ dễ dàng tiếp cận doanh nghiệp. Chúng ta có thể làm chủ thời gian biểu và mẫu chọn, đồng thời sẽ vượt qua mọi hình thức kiểm soát sau này đối với các kết quả.

Chính sách công nghiệp

Chủ nghĩa chỉ huy kinh tế là một trong những

điểm rõ nét nhất của mô hình có sự can thiệp của nhà nước ở Pháp. Kế hoạch, chính sách công nghiệp duy ý chí, chính sách tín dụng có chọn lọc, quốc hữu hoá và phương thức tuyển chọn lãnh đạo có nhà nước tham gia, là những biểu hiện rõ nhất của chủ nghĩa này. Tuy nhiên, việc tìm hiểu về sự hình thành những tập đoàn công nghiệp lớn và việc điều hành tập đoàn công nghiệp đã đưa chúng tôi đi đến một cách đánh giá tương đối về mối quan hệ có tính một chiều giữa chủ sở hữu và chính quyền, và đề xuất cách phân tích mối quan hệ Nhà nước - giới công nghiệp dựa trên sự mất cân đối giữa một bên là sự giám định chuyên môn và thẩm quyền của những nhà công nghiệp, và bên kia là sự manh mún và sự bất hợp lý của bảo hộ nhà nước. Những kết luận của chúng tôi cho phép nhấn mạnh những sự mất cân đối trong điều hành tư nhân, và điều hành nhà nước vốn nghiêng về điều hành tư nhân, mặc dầu có sự kiểm soát của nhà nước ở khắp mọi nơi.

Vì vậy, trái với nhiều công trình khảo sát về chủ nghĩa chỉ huy kinh tế, một cuộc tìm hiểu về chính sách công nghiệp đã được tiến hành, và xem xét từ phía chủ thể (các bộ), và cả từ phía khách thể (các công ty). Việc tìm hiểu này được thực hiện bằng phương pháp quy nạp, trong đó sự can thiệp của nhà nước được thuật lại không phải xuất phát từ lời nói và những kế hoạch ngành mà xuất phát từ những bối cảnh chính sách công

nghiệp được xác định một cách cụ thể. Bằng phương pháp đó, tôi đã bước vào tìm hiểu Bộ Công nghiệp và những quây giao dịch chuyên trách của Kho bạc. Ở đây chúng tôi đã thực hiện những cuộc phỏng vấn, những cuộc gặp gỡ đan xen nhau với các quan chức cấp cao và các nhà công nghiệp trên cơ sở cùng các thách thức như nhau. Những cuộc phỏng vấn và gặp gỡ cho thấy những động thái khác đang được thực hiện trong quyết định của nhà nước, và dẫn đến sự phân chia mục tiêu “chính sách công nghiệp” thành chính sách hỗ trợ chiến lược của các công ty, các chính sách xã hội về quản lý để đối phó với tình trạng sa sút của công nghiệp và chính sách về những dự án lớn, nơi thể hiện tính đặc thù của mô hình can thiệp của nhà nước ở Pháp.

Trong quá trình làm việc, kỹ thuật nói chuyện được làm phong phú thêm bằng khâu quan sát, sự hồi phục ký ức về quản lý, sự phân tích theo chiều dọc những hồ sơ theo lĩnh vực, và bằng sự mở rộng đối tượng khảo sát ra toàn bộ những hệ thống hành động khác nhau. Theo quan điểm này, kinh nghiệm tìm hiểu ở Tập đoàn Ciasì/Ciri thật đặc biệt. Ý thức sắc sảo của một số cán bộ Kho bạc trẻ, xuất phát từ nhiều giới khác nhau, từ tính khác thường trong sự từng trải của mình, và từ tính chất tiêu biểu của kinh nghiệm đó đối với nền hành chính Pháp, đã không giúp được gì đáng kể cho công việc của người tìm hiểu, vốn đã

tiếp cận cả một kho thông tin rồi. Ý thức này cho phép tái tạo toàn bộ hệ thống can thiệp trong mỗi vụ việc, và đối chiếu từng phát biểu với bốn hay năm phát biểu của các giới hoàn toàn khác nhau về kinh nghiệm và văn hoá nghề nghiệp của họ.

"Chế độ kinh tế quốc dân"

Với việc tìm hiểu dự án lớn Telecom và xây dựng sơ đồ mới về tổ chức ngành công nghiệp quốc phòng, chúng tôi đã có một bước đi bổ sung. Lúc đầu, việc lựa chọn nghiên cứu một cách tỉ mỉ hệ thống hoạt động của Telecom là hoàn toàn chính đáng xét về hai mặt: vấn đề là khảo sát những gì là cốt lõi của mô hình của Pháp về can thiệp vào công nghiệp, và mặt khác phân tích một trường hợp tiêu biểu về sự cộng tác giữa nhà nước và tư nhân trong một lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực được đánh dấu bởi văn hoá dịch vụ công và có khả năng trở thành phòng thí nghiệm về cách làm đảo lộn mô hình châu Âu. Nhưng khi cuộc tìm hiểu kết thúc, dần dần có được cương vị chuyên gia trong lĩnh vực này, tôi đã đi sâu vào quá trình ra quyết định nhà nước. Điều này đã không cho phép tôi tiếp tục làm việc với tư cách nhà nghiên cứu về một đối tượng mà tôi làm chủ về mặt kỹ thuật và phân tích.

Do đó, tôi bắt đầu quan tâm đến tổ hợp quân sự - công nghiệp. Góc độ giải quyết của tôi khá cụ thể và hạn chế vì vấn đề là xác định nội dung công

ngiệp mà các nhà quân sự đưa ra với khái niệm về chủ quyền trong lĩnh vực vũ khí. Quả vậy, sự phát triển những công nghệ nhị tính, việc cơ cấu lại công nghệ quốc phòng sau khi bức tường Berlin sụp đổ, và việc tập trung công nghiệp mà người Mỹ thực hiện, đã dẫn đến chỗ đặt lại vấn đề chủ quyền theo các điều kiện mới. Một mặt, sự kết thúc của trật tự lưỡng cực và sự gia tăng chiến tranh thương mại đã dẫn người Mỹ đến chỗ ưu tiên khái niệm “an ninh kinh tế” và không ngần ngại tăng cường những vụ đối đầu thương mại với các bạn hàng châu Âu và Nhật Bản; mặt khác, sự hội nhập châu Âu đòi hỏi phải khởi thảo một cánh cửa ngoại giao - quân sự.

Vậy nhưng, ở đây, việc tìm hiểu phải tính tới những điều bất ngờ. Tâm quan trọng của những lý do thuần túy về mặt tài chính và ngân sách so với những khía cạnh chiến lược đã khiến tôi nhanh chóng định hướng lại đối tượng của mình đối với thang bậc phân tích được lập ra xung quanh các cấp độ chủ quyền. Mặt khác, ngay quá trình hoạch định chính sách mới lại mở rộng đến mức kinh ngạc, trái với mong đợi của tôi, và nguy cơ người quan sát bị thu hút vào hệ thống giám định tăng lên rất nhanh. Người phỏng vấn đã nhanh chóng được xem như một chuyên gia và được yêu cầu cho biết những quan điểm của mình. Duy chỉ có địa bàn châu Âu là cho phép tôi tiếp tục công việc.

2. Phương pháp luận và cách khai thác các cuộc phỏng vấn

Phỏng vấn giới thượng lưu công nghiệp tức là đối mặt với ba khó khăn: người lãnh đạo sẽ chỉ nói những gì họ muốn nói, về những gì họ cho rằng đó là cách làm của họ, trên cơ sở là người biết việc và có quyền mà họ cho là người duy nhất nắm được ý nghĩa. Đó là cái mà chúng tôi gọi là “độc quyền giám định hợp thức”. Giám định theo nghĩa là những người có học thức, có chuyên môn, nắm giữ một tri thức không dễ dàng chấp nhận chia sẻ cho ai. Độc quyền theo nghĩa là những người lãnh đạo nắm giữ toàn bộ những “tri thức - quyền lực” mà họ không chia sẻ với ai ngay trong nội bộ doanh nghiệp của mình (chức năng chiến lược, phát triển, tài chính, cán bộ có tiềm năng...). Hợp thức theo nghĩa là khi có các tác nhân khác, ở trong hoặc ngoài doanh nghiệp, (chủ ngân hàng, quan chức cấp cao hay cổ đông), yêu cầu tranh luận về những lựa chọn và định hướng của doanh nghiệp, thì những người lãnh đạo đã viện cố tính đặc thù và tính không khoan nhượng của tri thức của họ để không cho phép đối chiếu và dự báo toàn bộ những dữ liệu đã góp phần vào hoạt động của doanh nghiệp.

Phỏng vấn giới thượng lưu nhà nước là vấp phải một kiểu bài diễn văn lú lẩn, mâu thuẫn và duy lý một cách có hệ thống. Nhà nước đâu thì không thấy chỉ thấy có doanh nghiệp. Nhà nước là một cơ

cấu gồm các bộ máy kinh dịch với nhau được chuyển động bằng các ý thức hệ nghề nghiệp kỳ cục và quan hệ với thời gian và không gian cũng kỳ cục. Tính cơ động của giới thượng lưu hành chính, sự manh mún của họ và tình trạng bất ổn chính trị làm cho những người lãnh đạo nhà nước tức khắc có được những nguồn lực của sức mạnh nhà nước, nhưng trên thực tế lại bất lực trước cách điều hành công nghiệp tư nhân.

Tuy vậy, khi nghiên cứu về những chính sách nhà nước hay tư nhân, người ta không thể bỏ qua các cuộc nói chuyện, bởi đó là một công cụ không thể thay thế. Thực chất, việc cố gắng thấu hiểu các cơ chế xây dựng và thực hiện một chính sách nhà nước hay một chiến lược phát triển doanh nghiệp, đòi hỏi tiếp cận với những người định ra, điều hành và thực hiện những chính sách đó.

Vậy tiếp cận như thế nào đây?

Để có được khả năng trong địa hạt này, người phỏng vấn phải là chuyên gia

Trước khi tiến hành phỏng vấn, phải chấp nhận đi đường vòng. Trước hết, người phỏng vấn phải tự nâng cao kiến thức khoa học, kỹ thuật, kinh tế tùy theo thực tế của lĩnh vực mà mình sắp tìm hiểu. Công việc của chúng tôi ở những tập đoàn công nghiệp lớn đã được dọn đường trước bằng thời kỳ thích nghi với văn hóa nghề nghiệp. Chẳng hạn tôi đã nghiên cứu những kỹ thuật chế tạo thủy tinh phẳng, chế tạo các sản phẩm sữa tươi, và tôi đã

học nhập môn lịch sử kỹ thuật của gang dẻo. Sau đó phải học để biết thế nào là doanh nghiệp. Về điểm này, có những quyển sách mỏng và những tài liệu chỉ dẫn xuất bản vào dịp công bố các tài khoản hàng năm. Đôi lúc các doanh nghiệp còn cho soạn thảo một lịch sử chính thức. Lịch sử chính thức này, dù cho mục tiêu của nó là công khai tô hồng, thì vẫn có chỗ bỏ quên, những chỗ trống, những phần rút gọn, những thời kỳ và tình hình cần được khảo sát sau đó.

Tiếp đến, khi có thể, phải nghiên cứu các tài liệu lưu trữ của doanh nghiệp hay của khu vực hành chính có liên quan. Ý nghĩa của nó thể hiện ở ba mặt: 1) Nắm các thời điểm lớn trong lịch sử của doanh nghiệp, các cuộc khủng hoảng, các phương thức lựa chọn người lãnh đạo; 2) Biết phương thức hoạt động của doanh nghiệp: tổ chức, thủ tục; 3) Làm quen với biểu tượng của doanh nghiệp, các ngôn ngữ, các nghi lễ của nó. Việc tìm hiểu những tài liệu lưu trữ về một vài thời điểm then chốt trong lịch sử của Tập đoàn Pont - à - Mousson, đối với người tìm hiểu trẻ tuổi chúng tôi, có tác dụng đào tạo rất nhiều. Phát hiện trong kho lưu trữ những chuyện về hoạt động của các Hội đồng quản trị, phát hiện các kỹ thuật kiểm soát một doanh nghiệp đang thời kỳ tăng trưởng bằng vốn của gia đình thiếu tiền, đọc ngay được những phương pháp chiếm lĩnh thị trường, trong khi vẫn có trong tay bài diễn văn chính thức, thực sự là

một sự nhập môn tuyệt vời về phân tích những hình thức hiện đại của kiểm soát tư bản chủ nghĩa. Nhưng ngoài nội dung thông tin rõ rệt của các tài liệu lưu trữ đó ra, thì việc khám phá những khoảng khắc tạo lập hành vi doanh nghiệp, cơ chế duy trì, giữ gìn kỷ ước, những nghi lễ được thiết lập, tất cả những cái đó đều mang lại cho đề tài một sự hiểu biết nhạy cảm, làm cho việc phỏng vấn gắn với chủ đề hơn.

Cuối cùng, việc xem lại báo chí nghiệp vụ, các chuyên khảo kinh tế ngành, những bản phân tích tài chính được các phòng chuyên môn công bố, cho phép bổ sung sự hiểu biết ban đầu về doanh nghiệp.

Kết thúc giai đoạn đầu tiên này, ta có được một khái lược về vốn liếng và hệ thống quyền lực, một sự hiểu biết về kinh tế ngành và một loạt những chỉ số về thành tích của doanh nghiệp so với thành tích của ngành.

Phương pháp quy nạp

Thời điểm thứ hai của cuộc điều tra, một khi đã được cấp có thẩm quyền cho phép, là thời điểm chọn mẫu. Nhiều kỹ thuật đã được sử dụng theo kiểu cổ điển. Trong cuộc điều tra lần thứ nhất về các tập đoàn công nghiệp, chúng tôi đã tiến hành chọn ba mẫu trong số các nhóm, theo các hoạt động và theo các cụm vận hành và chức năng.

Bốn tập đoàn công nghiệp được lựa chọn là hình mẫu tốt đẹp về thực trạng nền đại công nghiệp

Pháp, bởi vì chúng tôi đã lựa chọn một tập đoàn có các phương tiện trung gian khác nhau về các công nghệ mũi nhọn (vật liệu và tin học), một tập đoàn nông lương, một tập đoàn hoá dược đang trong thời kỳ phát triển, một tập đoàn luyện kim hiện diện trong quy trình sản xuất nhiên liệu hạt nhân.

Để có cái nhìn cụ thể về chiến lược, về tổ chức, về các phương thức hoạt động của doanh nghiệp, chúng tôi đã lựa chọn một hoạt động bên trong tập đoàn và tiến hành điều tra mở rộng. Đó là trường hợp của Pont-à-Mousson trong Tập đoàn Saint-Gobain, chẳng hạn.

Cuối cùng, ngay trong một ngành, để tránh các tình huống quá khác nhau, chúng tôi đã lựa chọn các trình tự và thao tác vận hành cho từng chủ đề đưa ra, để chúng tôi gặp gỡ nhiều cán bộ và kỹ sư có quan hệ tác động lẫn nhau. Ý kiến chủ đạo trong kỹ thuật này rất nặng nề về điều tra, vì trong mỗi tập đoàn, đã có khoảng ba trăm đến bốn trăm cuộc tiếp xúc kéo dài hàng giờ, cho nên phải chấp nhận mất nhiều thời gian trước khi đề cập được chủ đề mà mình quan tâm thực sự. Bằng cách đi vòng, nghĩa là phỏng vấn những kỹ sư và cán bộ về các nội dung phụ của cuộc điều tra, theo chúng tôi, đó là cách tiếp cận tốt để từng bước đi đến nghiên cứu những vấn đề chiến lược và tổ chức. Sự phân tích tình hình làm việc, khả năng chuyên môn, việc đào tạo nghề nghiệp của cán bộ ở Tập đoàn Pont - à - Mousson đã cho phép

chúng tôi hiểu rõ hơn doanh nghiệp từ bên trong. Đồng thời, nhờ phát hiện tầm quan trọng của việc đào tạo tại chỗ, đào tạo nội bộ và tính cơ động nội bộ, tầm quan trọng của mối liên hệ ưu tiên với các trường học trong vùng và trong ngành, mà chúng tôi nắm được chìa khoá của tính cơ động chiến lược chuyên môn; chỉ khi kết thúc quá trình lâu dài phát hiện bên trong này thì những câu hỏi chiến lược mới được nêu ra với ban lãnh đạo tập đoàn.

Phát hiện các điểm chốt, các cuộc khủng hoảng, các mâu thuẫn dẫn đến thất bại

Sau khi kết thúc việc nghiên cứu tài liệu lưu trữ, làm những tổng hợp kỹ thuật-kinh tế, tổ chức các cuộc phỏng vấn tại chỗ về các nội dung có vẻ ngoại biên, thì công việc tìm hiểu có thể thực sự bắt đầu. Những lựa chọn chiến lược về đầu tư, xác định địa điểm, về cơ cấu tài chính, về đổi mới công nghệ và tổ chức, chỉ xuất hiện sau quá trình đối chiếu các phát biểu và dữ liệu. Quả vậy, những thất bại và thành công, những tranh cãi nội bộ, những thương lượng thâm lặng hay che giấu, những liên minh công khai hay ngầm ngấm, là những nút vấn đề. Những nút này xuất hiện từ công việc khảo sát vào bề sâu lịch sử của doanh nghiệp hay bộ máy quản lý. Hai thí dụ cho phép hiểu rõ hơn khái niệm về cái nút vấn đề.

Việc tập đoàn gia đình Cavallier đánh mất quyền kiểm soát vốn vào tay Công ty Suez là điều

không thể giải thích được bằng lời lẽ công nghiệp hay tài chính; hơn thế sự giao hảo này lại không tuân theo một sự hiệp đồng nào. Chỉ căn cứ vào lịch sử kiểm soát tập đoàn, sự phân biệt đã có từ lâu giữa các cổ đông lười biếng và năng động, cách thức chen các nhà ủy thác lớn kiểu Roger Martin vào trong hệ thống kiểm soát gia đình thì mới hiểu được làm thế nào mà một khát vọng có tính dòng họ, dựa trên sự kiểm soát vốn, lại có thể vấp phải nguyên tắc thẩm quyền quản lý, từ đó gây ra xung khắc gia đình và tạo điều kiện cho sự can thiệp của một nhà đầu tư thứ ba, Tập đoàn Suez. Câu chuyện này cũng cho phép hiểu tại sao Tập đoàn Suez, trong khi vẫn là cổ đông kiểm soát, lại không bao giờ thực sự “kiểm soát” doanh nghiệp, còn các nhà lãnh đạo Tập đoàn Saint - Gobain lại ngang hàng với lãnh đạo của Tập đoàn Suez hơn là người ủy thác của họ.

Tập đoàn Ciasì/Ciri hoạt động theo phương thức cấp cứu. Luận thuyết can thiệp được tóm tắt thành một khẩu hiệu: trao “quả bóng dưỡng khí”¹ cho một doanh nghiệp tạm thời suy sụp về tài chính. Thực tế chúng tôi nhận thấy khác xa vì có nhiều doanh nghiệp ở trong một tình trạng cực kỳ nguy hiểm và không gặp thời: do đánh mất thị

¹ Một thành ngữ thường được sử dụng trong giới tài chính và kinh tế – có nghĩa là dùng một biện pháp đột xuất để cứu vãn tình thế lâm ần thua lỗ hay suy sụp của một công ty, tập đoàn kinh doanh nào đó (N.D).

trường, công nghệ và các sản phẩm lỗi thời, sự cạn kiệt vốn riêng và cổ đông biến mất. Như vậy, Tập đoàn Ciasi/Ciri thường phải thực hiện những thủ đoạn tài chính, phục hồi doanh nghiệp, và ngay cả việc tái gây dựng vốn được ngụ ý trang dựa trên các quỹ công. Nhưng sự phân tích trên độ dài thời gian của tổng lượng kỳ phiếu hoạt động của Tập đoàn Ciasi/Ciri đã cho thấy một số doanh nghiệp, và không phải là những doanh nghiệp nhỏ, cứ mười tháng lại đến với Tập đoàn Ciri, và như thế chứng minh một thực tế rằng những khó khăn của họ không phải là tạm thời, không thể được giải quyết bằng những phép trị liệu của Tập đoàn Ciri.

Một sự phân tích cẩn thận hơn về các hồ sơ này cho thấy rằng mỗi lần người ta đưa ra những chẩn đoán tàn nhẫn thì lại tìm đến những giải pháp duy ý chí, và vướng mắc lại nảy sinh. Trên thực tế tình trạng đội ngũ người lao động, ảnh hưởng của công đoàn trong xí nghiệp bị đe dọa, sự khôn khéo về chính trị của những đại biểu dân cử địa phương, tính chiến lược của hồ sơ này trong khuôn khổ những thương lượng trung tâm về quyền lực chính trị với các nhóm gây sức ép công nghiệp và các tổ chức công đoàn, tất cả những cái đó giải thích rằng những hồ sơ này đã gần hết hiệu lực, biến thành của bảo lãnh của nhà nước. Một thí dụ trong nhiều thí dụ khác cho phép làm rõ nhận định này. ARCT, doanh nghiệp

dệt vẫn sống sót rất lâu sau khi không còn đơn đặt hàng. Doanh nghiệp đã biến thành của bảo lãnh của nhà nước. Sự tiếp tục tồn tại một phần là do khả năng đấu tranh của tổ chức công đoàn CGT địa phương, do những khó khăn của Roanne, nhưng nhất là do CGT ở cấp trung ương lấy đó làm biểu tượng. Thời hạn hoãn cuối cùng của ARCT đã được thương lượng ở cấp cao nhất của nhà nước giữa ông Krasucki và những nhà đương cục quốc gia.

Những kế hoạch cứu vớt như vậy đã có chức năng hai mặt, ngược với thiên hướng hiển nhiên của nó. Một mặt, phác họa một tương lai tưởng tượng cho những ngành đang lâm nguy và mặt khác kèm theo là sự sa sút không thể nào tránh khỏi. Việc cấu trúc lại công nghiệp trên thực tế là một kỹ thuật biểu trưng xã hội – chính trị trong điều hành tình trạng sa sút công nghiệp.

Thói quen lâu dài trong cách tiếp cận này đối với trường hợp các doanh nghiệp hoặc chính sách nhà nước cho phép cập nhật những vấn đề mấu chốt, trên cơ sở những mâu thuẫn, những cuộc tranh cãi, những thất bại, chứ không chỉ từ những chính sách đã định và những câu chuyện chính thức.

Phương pháp đối chiếu

Trên cơ sở các nút vấn đề, phương pháp đối chiếu hoàn toàn có thể sử dụng. Cùng một sự kiện có thể là đối tượng của những phát biểu chính thức đủ loại, những xuất bản phẩm và những lời

bình luận nhân dịp có các cuộc nói chuyện với cán bộ và người lãnh đạo doanh nghiệp được chọn làm mẫu. Nhưng việc phát hiện ra các phát biểu có tính chất ly khai ở các cán bộ bị gạt bỏ, bị thuyên chuyển hay đứng về một phe phái lãnh đạo đang ở thời kỳ thất thế, việc đối chiếu với các dữ liệu từ các nguồn khác, sự giao chéo với các phát biểu của những tác nhân ở bên ngoài doanh nghiệp hay ngoài tổ chức hành chính, khiến người ta nghi ngờ các bài phát biểu của tổ chức. Tất cả không giống với những bài phát biểu của tổ chức chính thức. Việc trở lại với những người được phỏng vấn, việc diễn đạt lại những câu hỏi đã từng đặt ra để đòi hỏi một câu trả lời mới, đã nuôi dưỡng quá trình lặp lại nhiều lần để xây dựng một bài thuyết trình về việc ra quyết định, về tổ chức, về chiến lược. Quả vậy, nếu người phỏng vấn không được tự cho mình là một nhà giám định kỹ thuật bao nhiêu, thì họ càng phải gợi ý cho người được phỏng vấn là những phát biểu ban đầu được đưa ra một cách máy móc cho công chúng được thì ân hay bị ép buộc, không thể thoả mãn được người phỏng vấn bấy nhiêu.

Theo quan điểm này, những cuộc nói chuyện đã được tiến hành với những người phụ trách chính sách công nghiệp từ 1981 – 1983 đều có tính chất xây dựng. Khi thảo luận bài nói chuyện tổng quát về chính sách của cánh tả, thì việc phân tích kỹ từng hồ sơ đã bộc lộ những điều khó

hiếu, những chỗ bế tắc và những hành vi thiếu tính chất chuyên nghiệp không ngờ, vì chúng tôi đã có giả thiết về tính liên tục của việc giám định hành chính.

Cũng như vậy, những điều kiện ra đi của Renaud Gillet khỏi tập đoàn Rhône-Poulenc đánh dấu sự kết thúc kiểu kiểm soát gia đình ở Rhône-Poulenc và sự vươn lên của D.P.Valencienne ở Schneider. Đối với chúng tôi, nó cho chúng tôi hiểu được những sức mạnh của chủ nghĩa tư bản Pháp nhiều hơn là một thư viện pháp lý và kinh tế học bàn về những quan hệ sở hữu - quyền lực.

Cuối cùng, vấn đề gắn kết hai đồng tiền franc-mark, nơi mà việc tìm hiểu những thể thức lựa chọn các tiêu chuẩn hội tụ cũng thuộc cùng một cách tiếp cận. Quả vậy, thật là kỳ cục khi nhận thấy là có một sự thoả thuận chung cho là nước Đức đã nhiều lần đề nghị với nước Pháp định giá lại đồng mark để điều hành quá trình chuyển tiếp kinh tế của nước Đức sau khi tái thống nhất, trong khi các nhà lãnh đạo chủ chốt của nước Pháp được hỏi đều phủ nhận hoàn toàn sự việc đó. Phương pháp đối chiếu về một vấn đề ở đây cũng được xác định chặt chẽ, cho phép đưa ra một lời giải thích thỏa đáng. Quả vậy, cuộc điều tra cho thấy rằng Ngân hàng trung ương Đức Bundesbank thực sự đã đề xuất với Chính phủ Liên bang định giá lại đồng mark để làm chủ được việc tái thống nhất đất nước. Chính phủ

chắc hẳn biết sẽ có sự chối từ đối với một đề nghị như vậy nên đã không trình bày nó với các đối tác của mình. Lúc đó Bundesbank cho lọt thông tin này trên báo chí. Cùng với thời gian, từ phương tiện thông tin này qua phương tiện thông tin khác, việc này trở thành một điều ai cũng biết, vì tình trạng suy thoái kinh tế lại chứng minh là Bundesbank có lý.

Như vậy, kết thúc quá trình tích lũy dữ liệu, các cuộc nói chuyện, cập nhật vấn đề, đối chiếu thông tin, ta có thể xác lập được một nội dung, mở đường cho việc trình bày vấn đề được nghiên cứu, trên cơ sở cách đặt vấn đề tìm hiểu.

Tái hiện kết quả và sự kín đáo

Tại sao các nhà công nghiệp, chủ ngân hàng, các quan chức cấp cao, các nhà chính trị và quân sự lại chấp nhận dành một phần thời gian của mình và của các cộng sự để trả lời những câu hỏi của người nghiên cứu khoa học nhân văn, trong khi họ yêu cầu các nhà báo dành cho họ một diễn đàn để gửi đi thông điệp, để tiếp nối công việc thông qua các phương tiện truyền thông?

Có nhiều câu trả lời cho câu hỏi này. Chúng tôi chỉ đưa ra ở đây một câu trả lời. Những cán bộ được phỏng vấn và những người lãnh đạo của họ chờ đợi ở người nghiên cứu khoa học nhân văn một hình thức khôi phục, một “kiểm toán” xã hội học đầy đủ nhưng ít tốn kém. Khi người ta biết chi phí của các cuộc kiểm toán ở các công ty

chuyên môn về nhân lực, tính nhanh chóng trong việc tiến hành, chủ nghĩa hình thức và chủ nghĩa số lượng của những phương pháp được sử dụng, người ta sẽ hiểu rằng các nhà lãnh đạo sẽ có lợi khi mở cửa, miễn là các nhà xã hội học chấp nhận cuộc chơi. Nhưng đây không phải là trường hợp của chúng tôi.

Trong hai cuộc điều tra nặng nề nhất được tiến hành ở các doanh nghiệp và các cơ quan kinh tế, việc tiếp cận mở ra mà không có trở ngại gì. Không có một quá trình tái hiện đứt khoát nào được dự kiến, ngược lại chúng tôi hứa hẹn sự kín đáo hoàn toàn với tất cả những người đối thoại.

Hai cuộc tìm hiểu này đã dẫn đến việc xuất bản hai cuốn sách. Cũng cần lưu ý rằng trong trường hợp thứ nhất, chính cơ quan nghiên cứu của chúng tôi đã yêu cầu chúng tôi tiếp xúc với ban lãnh đạo của các doanh nghiệp để ít ra có được sự đồng tình. Và trong trường hợp thứ hai, theo sáng kiến của chúng tôi, bản thảo của cuốn sách được gửi đến cho họ mà không gây ra những phản ứng tức thì. Chính theo sáng kiến của chúng tôi mà có những cuộc tiếp xúc và những cuộc trao đổi với những người lãnh đạo, nhằm kích thích để có các phản ứng và kéo dài công việc hơn là xác nhận lại những kết quả tìm hiểu. Sau việc xuất bản các cuốn sách, và khi các luận điểm bảo vệ gây được sự tranh luận công khai, lúc ấy những người đối thoại mới muốn đưa ra luận điểm của họ.

3. Tổng kết chung: đóng góp của phương pháp luận

Việc khám phá kỹ thuật nói chuyện, vai trò của nó trong phương pháp điều tra và sự kết hợp của nó với những công cụ tìm hiểu khác đều là ngẫu nhiên. Đó là thất bại của một ý đồ nghiên cứu xã hội học về một đối tượng ảo: chủ nghĩa tư bản công nghệ, khiến chúng tôi đi vào con đường, trước hết của một khoa xã hội học chính trị về quyền lực công nghiệp, rồi mở rộng hơn, về quyền lực kinh tế. Như thế dần dần hình thành cách tiếp cận quy nạp đối với sự can thiệp của nhà nước trước hết trong lĩnh vực công nghiệp, rồi tổng quát hơn, trong lĩnh vực kinh tế, thuộc phạm vi quốc gia, rồi thuộc châu Âu.

Cách nói thông thường về sự can thiệp của nhà nước ở Pháp được tóm tắt bằng một từ: “chủ nghĩa chỉ huy kinh tế”, được từ ngữ không thể dịch được sang tiếng Anh, được giữ nguyên như vậy trong tiếng Pháp, và đặt vào ngoặc kép khi ở Hoa Kỳ hay ở Anh người ta muốn nói đến mô hình Pháp. Từ khi có những công trình đầu tiên đề cập đến kế hoạch hoá, đến nền kinh tế hiệp thương, đến chính sách công nghiệp và hệ thống tài chính người ta thường áp đặt một kết luận như vậy, kết luận về nhà nước chỉ huy.

Luận đề này được phát triển rộng rãi ở bên kia Đại Tây Dương, và lại càng phát triển mạnh mẽ hơn khi nó được nuôi dưỡng bằng ngôn từ tự phát

của giới quý tộc nhà nước (các cố vấn nhà nước, các thanh tra tài chính, các kỹ sư trong những đội ngũ kỹ thuật của nhà nước). Họ không chỉ muốn hành động mà còn muốn áp đặt lời nói lên hành động của nó và muốn nó được tiếp sức bằng nhiều công trình “nghiên cứu” hời hợt trong đó từ lâu người ta coi văn bản về kế hoạch hay bài phát biểu của Bộ trưởng Công nghiệp là thể hiện thực tế của sự can thiệp nhà nước. Phương thức lập kế hoạch ở Pháp, những cuộc tọa đàm kinh viện về đề tài này, đã từ lâu làm cho ý nghĩa và tầm quan trọng thực tế của hoạt động nhà nước trở nên mơ hồ hơn.

Phương pháp quy nạp của chúng tôi đã cho phép lật ngược cách nhìn nhận. Thay vì xuất phát từ những diễn từ, những đạo luật, những dự án được tuyên truyền rộng rãi bởi một cơ quan hành chính được hình thành một cách đặc biệt và trực tiếp quan hệ với các nhà trường lớn, bằng thực nghiệm chúng tôi đã đưa ra giả thiết rằng nếu hành động của nhà nước có tính cơ cấu về mặt công nghiệp, thì ta phải nhìn nhận nó ở mức độ doanh nghiệp lớn. Bởi vì giới hạn của tất cả những tìm hiểu về chủ nghĩa chỉ huy kinh tế coi tất cả đều do nhà nước quy định nên chính là do sự gắn bó không còn nữa với thị trường, gây ra khó khăn cho việc giải thích thành tựu khi so sánh với các nền kinh tế kế hoạch hoá theo kiểu Liên Xô và những nền kinh tế nhà nước hoá như Pháp.

Sự lật ngược cách nhìn nhận này tỏ ra rất bổ

ích, không chỉ để biết về những trường hợp khác thường, những quyết định đơn độc, nhưng hơn nữa để biết được động lực của mô hình can thiệp của nhà nước. Quả vậy, việc bố trí một loạt những trường hợp được lựa chọn theo tính đại diện của chúng cho phép thấy được các hình dáng ổn định của các tác nhân xung quanh, các thách thức có thể xác định được, và đạt được những kết quả rõ ràng. Sự nhân lên, với thời gian, của các mặt cắt đồng đại này và việc so sánh từng điểm cho phép đưa ra những giả thiết có lý lẽ về những yếu tố quyết định và những động lực của sự biến đổi mô hình can thiệp của nhà nước.

Chúng tôi không nêu ra ở đây đóng góp của phương pháp này cho sự so sánh quốc tế. Kinh nghiệm của chúng tôi trong lĩnh vực vô tuyến viễn thông và chính sách công nghiệp (so sánh với Pháp, Anh, Đức, Hoa Kỳ) cho phép chúng tôi khẳng định tính phong phú của cách tiếp cận căn cứ trên những luận khảo so sánh về hình thể của các tác nhân, của các thể chế xung quanh cùng các thách thức như nhau: nổi lỏng quy chế, tự do hoá, tư nhân hoá. Phương pháp này tránh được nguy cơ của thuyết duy văn hoá¹ và chủ nghĩa hình thức trong những so sánh quốc tế. Nó cho phép xem xét lại luận đề về sự hội tụ.

¹ Thuyết duy văn hóa - culturisme: Thuyết lấy văn hóa để lý giải mọi vấn đề của đời sống xã hội (N.D).

Nhìn chung, kinh nghiệm của chúng tôi cho thấy không được nhìn nhận kỹ thuật nói chuyện này là sự đe dọa đối với người tìm hiểu, cảm thấy bị tước đoạt trước người lãnh đạo, là đối tượng chịu sự xúc phạm tượng trưng trước bài nói chuyện của người lãnh đạo. Người tìm hiểu không phải là không có chỗ dựa nào nếu đầu tư vào việc tìm hiểu về lĩnh vực được nghiên cứu, nếu tăng cường nguồn thông tin của mình và biết đối chiếu chúng. Người tìm hiểu còn có một lợi thế so với người được phỏng vấn – theo định nghĩa là chuyên gia về một vốn hiểu biết hạn chế, còn người phỏng vấn thì có những nguồn tham khảo rộng lớn hơn. Cuối cùng người tìm hiểu, khi làm chủ được vấn đề, thì lại trở thành một người đối thoại tuyệt vời đối với người được phỏng vấn, vì những trao đổi của họ không bị sa vào thách thức nào của quyền lực tượng trưng. Như vậy cùng với thời gian, nguy cơ đối với người tìm hiểu không phải là bị áp đặt mà là thoát khỏi vai trò của mình, trở nên tác nhân và áp đặt được hệ vấn đề của mình. Nhưng cũng cả ở đây, anh ta có một nguồn lực thật hiếm hoi, phải rời bỏ địa hạt này và đầu tư vào một địa hạt khác.

PHỎNG VẤN CÁC CHỦ DOANH NGHIỆP: NGƯỜI ĐIỀU TRA ĐỐI MẶT VỚI SỰ ĐỘC QUYỀN HỢP PHÁP

Michel Bauer

Nhập đề: vị trí của phỏng vấn trong quá trình sáng tạo khoa học

Làm thế nào để thực hiện cuộc phỏng vấn với các chủ doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến hoạt động lãnh đạo của họ?

Ta có thể hình dung trước hai loại câu trả lời cho câu hỏi này. Với một số người, những người lãnh đạo doanh nghiệp là những tác nhân như những tác nhân khác. Để trả lời câu hỏi này đòi hỏi trở lại những quy tắc phương pháp luận của cuộc điều tra bằng phỏng vấn. Lẽ nào những quy tắc này lại không có giá trị đối với các chủ doanh nghiệp? Ngược lại đối với những người khác, những điểm đặc thù của các tác nhân này bắt buộc phải thận trọng, thậm chí phải thay đổi các kỹ thuật phỏng vấn truyền thống để tìm ra những phương pháp thu thập những thông tin mà ta cần có.

Ở đây, chúng ta cố gắng bảo vệ giải pháp thứ ba. Việc phỏng vấn những người lãnh đạo đòi hỏi

tư duy lại về vị trí của phỏng vấn trong quá trình sáng tạo khoa học và như thế phải vận dụng một phương pháp tiến hành hoàn toàn khác với phương pháp mà các quy tắc điều tra truyền thống bằng phỏng vấn ca tụng. Và nếu chúng ta thấy phương pháp khảo sát này là cần thiết để làm việc với những người lãnh đạo, thì cố nhiên không gì ngăn cấm chúng ta nghĩ phương pháp này có thể cũng rất tốt để làm việc với những người không phải là lãnh đạo, nhưng đó là một chuyện khác...

Điều tra bằng phỏng vấn chủ yếu được triển khai để tìm hiểu các giai cấp bình dân, giai tầng bị thiệt thòi hoặc tầng lớp trung lưu. Đối với tầng lớp này, việc điều tra được tiến hành theo cách truyền thống phù hợp với phân công lao động quy ước. Cách phân công lao động này không đưa ra cái tên chính là vì nó tìm kiếm tính hợp pháp từ phía các quy chế của phương pháp khoa học. Một bên là những bậc cao cấp, thậm chí những “người có thể lực”, không đi đến thực địa, lại đòi làm việc độc quyền phân tích, và bên kia là các nhà chuyên nghiệp trẻ tuổi chịu trách nhiệm thực hiện các cuộc phỏng vấn. Ta biết rằng phương pháp này thực hiện việc phân định rất rành rọt công việc tìm tòi thành giai đoạn thực địa và giai đoạn phân tích, giới hạn cuộc phỏng vấn trong chức năng duy nhất là thu thập thông tin.

Vì không thực hiện việc phân công lao động truyền thống này trong nghiên cứu xã hội học, nên

công việc của chúng tôi với những người lãnh đạo doanh nghiệp dần dần đã gợi ý cho chúng tôi suy nghĩ lại sự đóng góp tiềm tàng của phỏng vấn, xác định lại sự đóng góp này xung quanh hai thời điểm truyền thống của phân tích xã hội học: thu thập và phân tích dữ liệu. Hai luận đề cho phép xác định sự đảo ngược vị trí của cuộc phỏng vấn với các tác nhân lãnh đạo, trong phương pháp xã hội học.

Luận đề 1: Dù cho rất thận trọng, thì phỏng vấn những người lãnh đạo chỉ là một công cụ xoay xở để thu thập thông tin cơ bản một cách có hệ thống

Việc thực hiện những cuộc phỏng vấn “có chuẩn bị trước” với cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp chỉ là một phương pháp rất tầm thường để thu thập những thông tin cơ bản một cách có hệ thống. Công cụ này không thể sánh với kỹ thuật phân tích tư liệu hoặc những kỹ thuật nói chuyện với các tác nhân không phải là lãnh đạo, hoặc thay thế họ.

Việc phân tích tư liệu là không thể thay thế được khi người ta mong muốn có thể dựa trên những sự việc “khách quan” và có thể kiểm tra được, và nếu đúng là cuộc phỏng vấn một người lãnh đạo có thể cho phép tiếp cận với một số nguồn tư liệu, thì điều đó lại càng đúng vì nó được thu xếp do phân tích những nguồn tư liệu khác.

Cũng vậy, những cuộc phỏng vấn các tác nhân

không làm lãnh đạo là việc không thể trốn tránh được kể từ khi người ta muốn phong tỏa phương thức cài một tác nhân lãnh đạo vào trong cơ cấu xã hội, và cái làm chúng ta quan tâm là hành động của người lãnh đạo trong doanh nghiệp, phương thức lãnh đạo, quan hệ của ông ta với các cộng sự... Như vậy, các cuộc phỏng vấn những người lãnh đạo chắc không phải là một phương pháp thu thập thông tin được ưu tiên: nhất thiết phải được phối hợp với những công cụ tìm hiểu thông tin khác. Hơn nữa, nếu coi chúng như những công cụ thu thập dữ liệu, thì các cuộc phỏng vấn có hiệu quả rất kém: Hiếm khi những người lãnh đạo là “những người cung cấp tin tức tốt”, họ bằng lòng với vai trò người cung cấp tin tức thôi. Như thế, cho dù phải đánh mất đi ý nghĩa của nó những cuộc phỏng vấn người lãnh đạo cũng không được coi như một phương pháp ưu tiên để thu thập dữ liệu cơ bản một cách có hệ thống.

Luận đề 2: Ngược lại, trừ một số điều thận trọng, cuộc phỏng vấn những người lãnh đạo có thể là một thời điểm được ưu tiên của phân tích xã hội học

Trong một số điều kiện nhất định, một cuộc phỏng vấn “có chuẩn bị trước” với một người lãnh đạo doanh nghiệp có thể là một cơ hội đặc biệt để mở đầu, hoàn thiện hoặc hợp thức hoá một số yếu tố phân tích xã hội học. Như thế, cuộc phỏng vấn

có thể trở thành một thời điểm của một công việc tượng trưng, đôi lúc mạnh mẽ, tùy theo tình thế nhằm xối lại các vấn đề, nhằm mang lại ý nghĩa cho cách xử sự của tác nhân hoặc cho các sự kiện, thậm chí cả việc phác thảo các cách lý giải. Ở mức tốt cùng, người lãnh đạo được phỏng vấn trong khoảnh khắc trở thành nhà xã hội học và cùng với người phỏng vấn họ cho ra một công trình phân tích xã hội học. Lúc ấy, người ta đối lập với điều tra xã hội học truyền thống chỉ nhằm thu thập thông tin, và nhất là đối lập với điều tra của cảnh sát chỉ nhằm cách đối chiếu có hệ thống. Một quan hệ khác được kết nối giữa người phỏng vấn và người lãnh đạo được phỏng vấn, là nhờ có người đi phỏng vấn mà người lãnh đạo có thể trau dồi tư thế của “nhà xã hội học - nghiên cứu” trong cuộc chuyện trò.

Sự đảo ngược về phương pháp luận này cho phép tăng đáng kể “hiệu suất” của một cuộc phỏng vấn, và biến công cụ này thành công cụ phân tích và cả công cụ can thiệp xã hội học. Cho nên ta phải dùng đến cách đảo ngược quy tắc này, và như vậy chuẩn bị những cuộc phỏng vấn bằng việc tích lũy dữ liệu, đặc biệt thông qua một công tác tìm hiểu tư liệu và những cuộc phỏng vấn các tác nhân không làm lãnh đạo. Trong quá trình phỏng vấn, nên ít để tâm đến những sự việc muốn xác minh, mà chú ý đến các logic xã hội mà ta muốn khoanh nó lại.

Luận đề 3: Ở đây phương pháp tiến hành mà chúng ta thấy có hiệu quả với những người lãnh đạo cũng có thể tiến hành với những người không làm lãnh đạo

Hai luận đề trên đặt ra việc tư duy lại những quy tắc cổ điển của phương pháp điều tra bằng phỏng vấn, đúng hơn là phải được thừa nhận như những giả thiết đơn giản mà chúng ta nghiệm thấy trong công việc của mình đối với người lãnh đạo doanh nghiệp. Nhưng đối với chúng ta, hình như công việc được thực hiện thông qua phỏng vấn tầng lớp lãnh đạo có thể giúp ích cho việc đảo ngược phương pháp luận, và với hình thức này được coi như là một sự can thiệp, thì không có gì ngăn cấm việc sử dụng phương pháp này với những tác nhân không làm lãnh đạo.

Chắc người ta muốn khẳng định rằng sự đảo ngược về phương pháp luận này là cần thiết khi việc khảo sát nhằm vào một lớp người mà ta ít am hiểu họ. Việc tiếp xúc với địa bàn càng cầu kỳ và khó khăn, sự phân công lao động truyền thống giữa nhà xã hội học làm việc trong văn phòng và những người khác làm việc trên thực địa càng trở nên vô nghĩa.

Như thế, cho dù chỉ làm việc với những lớp người mà ta am hiểu, phương pháp khảo sát của chúng tôi tỏ ra rất có hiệu quả cả với những người lãnh đạo và những người không làm lãnh đạo. Tuy vậy, trong khuôn khổ của bài viết này, ta không tìm cách xác định rõ hơn những điều kiện sử dụng và

hiệu quả của sự đảo ngược về mặt phương pháp luận này: Ta bằng lòng với việc chỉ ra lợi ích của phương pháp này để làm việc với những người lãnh đạo.

Sau khi đã nhắc lại trong phần đầu việc nêu câu hỏi về mặt xã hội học xoay quanh việc tìm hiểu sự thay đổi các chủ doanh nghiệp, trong phần thứ hai, chúng tôi sẽ xác định phương pháp khảo sát và quan niệm của chúng ta về việc phỏng vấn những người lãnh đạo, và từ đây ta sẽ suy diễn ra trong phần thứ ba không chỉ một vài lời khuyên về phương pháp luận và thủ thuật nhà nghề, mà cả một hệ thống loại hình phỏng vấn chủ yếu mà ta có thể tiến hành với những người lãnh đạo.

1. Nêu câu hỏi về mặt xã hội học khi tìm hiểu về sự thay thế những người lãnh đạo doanh nghiệp

Được thúc đẩy bởi tham vọng nắm được những logic hành động đang tồn tại trong các nhóm người lãnh đạo, chúng tôi đã tìm hiểu những logic xã hội tạo nên tính lâu dài hoặc sự thay đổi người lãnh đạo doanh nghiệp, và có sức nặng đáng kể đối với hành động của họ. Những logic xã hội này tỏ ra hấp dẫn và cần được làm rõ vì:

- Một mặt, chúng làm rõ một trong những sản phẩm tượng trưng quan trọng nhất của mọi tác nhân lãnh đạo, tức là sự xác định ngay quyền lực hợp thức, thang giá trị, và đối với những người

lãnh đạo, là tính hiệu quả;

- Mặt khác, chúng làm xuất hiện sự sai lệch đôi lúc rất đáng kể giữa những phát ngôn chính thức của các tác nhân này nhằm xác định tính hợp thức của quyền lực lãnh đạo và những động thái xã hội tạo nên tính lâu dài hoặc sự thay đổi họ;

- Cuối cùng chúng cho phép nắm vững một số yếu tố của thủ tục tái tạo cũng như biến đổi xã hội.

Xung quanh cách đặt vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành nhiều công trình thực nghiệm khác nhau cho phép nuôi dưỡng những suy nghĩ về phương thức hình thành giới thượng lưu doanh nghiệp, và do đó làm phong phú những phân tích của mình về phương thức lãnh đạo và vận hành của các xí nghiệp, về giai cấp lãnh đạo của một hình thái xã hội, cũng như tác động hai mặt của nó “vừa biến đổi vừa củng cố” trật tự xã hội. Với mục tiêu hai mặt “vĩ mô” và “vi mô” này, chủ yếu chúng tôi thực hiện những công trình thực tế về hai loại hình người lãnh đạo doanh nghiệp: những nhân vật số 1 của “hai trăm” doanh nghiệp lớn nhất ở châu Âu và “những ông chủ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (PME)”.

Những nhân vật số 1 của hai trăm doanh nghiệp lớn nhất ở châu Âu

Việc phân tích những điều kiện hình thành quyền lực hợp thức của những người lãnh đạo các doanh nghiệp lớn và những lý giải được gợi ra từ kết quả của các công trình này cho phép xây dựng

một số đề xuất lý luận mà chúng tôi có thể trình bày và hợp thức hoá qua các phân tích.

Việc dẫn ra hoạt động thăm dò trong trình tự thời gian và trong một không gian xã hội riêng biệt, mang lại khả năng khoanh lại vấn đề giống như một sự phối hợp những yếu tố về quyền sở hữu (có liên quan đến việc đăng ký ở một số mạng lưới và từ đó biết được khả năng huy động vốn của họ) và những yếu tố về khả năng: nắm vững một số hiểu biết và kỹ năng. Như thế công việc này cho phép tái tạo bản chất của giá trị tìm ra xung quanh sự phối hợp độc đáo các nhân tố kỳ cục về quyền sở hữu và khả năng.

Việc xác định tính cách của người lãnh đạo tùy theo các thể thức cụ thể theo đó họ được phát hiện, lựa chọn và đào tạo để trở thành một người tập sự lãnh đạo, nghĩa là tùy theo thời điểm và địa điểm họ được tôi luyện, chuẩn bị những cơ sở cho quyền lực hợp thức. Qua đó, ta xác định được phần nào những mạng lưới xuất thân của họ, sự từng trải nghề nghiệp và mô hình văn hoá của họ. Kết quả của những phân tích này là một đóng góp cho những phân tích xã hội học vừa vĩ mô lẫn vi mô.

Một đóng góp vào phân tích xã hội học vĩ mô về giới thượng lưu lãnh đạo

Những phân tích được thực hiện ở cấp độ xã hội học vĩ mô là bước nối tiếp của rất nhiều công trình nghiên cứu về giới thượng lưu và tầng lớp lãnh đạo của một hình thái xã hội. Những đóng góp mà

chúng tôi muốn mang tới càng quan trọng vì cho đến nay những công trình thực hiện trong lĩnh vực này chủ yếu - thậm chí chỉ liên quan tới những giới thượng lưu hành chính và chính trị mà không tính đến giới thượng lưu doanh nghiệp. Do sự phân công lao động theo ngành hoặc di sản của tư tưởng mácxít cũng như của tư tưởng kinh tế tự do, những người chủ doanh nghiệp không mấy khi là đối tượng nghiên cứu của các khoa học xã hội. Các nhà chính trị học, tuy là những người tranh luận nhiều về các giới thượng lưu, từ lâu vẫn giới hạn đối tượng thực tế của mình ở định nghĩa “nhà nước”. Còn các nhà kinh tế học và xã hội học, trong khi thừa nhận rằng các doanh nghiệp là những địa bàn nghiên cứu ưu tiên, song vẫn không coi các nhà lãnh đạo là một đối tượng nghiên cứu đích thực, có lẽ vì họ nghĩ rằng những tác nhân này chỉ có được quyền độc lập rất hạn chế bởi phải hành động đúng logic mà luật chơi của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa áp đặt.

Đã có những công trình nghiên cứu rất hay về sự phát triển của các doanh nghiệp lớn, về cơ cấu vốn, về thành công, về những người nắm giữ những tài sản kếch sù và về các tổ chức giới chủ, nhưng những yếu tố nhận thức về tập hợp những người thuộc giới chóp bu của các doanh nghiệp lớn, vẫn rất hạn chế.

Vì chúng tôi đã chỉ ra rằng những doanh nghiệp lớn đã trở thành những trung tâm thực sự của

quyền lực tư nhân, và chúng chịu sự lãnh đạo của những “chính quyền tư nhân” thực sự, có phạm vi hoạt động và khả năng ảnh hưởng đôi lúc rất to lớn, nên chúng tôi thấy cần thiết rằng phải coi những người lãnh đạo của các doanh nghiệp lớn đó là một trong số những bộ phận thiết yếu trong giai cấp lãnh đạo của một nước. Để xác định những đặc điểm của giai cấp này, việc phân tích những người ở vị trí số 1 trong hai trăm doanh nghiệp lớn nhất là một điểm quá độ bắt buộc.

Như thế những nghiên cứu về tầng lớp “ông chủ lớn” cho phép xác định rõ một số đặc điểm của giai cấp lãnh đạo một nước, đặc biệt về quan hệ giữa các bộ phận khác nhau của nó, từ đó góp phần vào việc phân tích sự hình thành giới thượng lưu, “sự giao lưu” giữa những bộ phận khác nhau cũng như mức độ phân hoá và chuyên sâu của mỗi một bộ phận trong đó. Công việc này cũng nhằm nuôi dưỡng một tư duy xã hội học vi mô thuộc loại hình xã hội bởi vì chúng tôi cố gắng sử dụng một số kết quả của nó để xác định đặc trưng của những hình thái khác nhau của chủ nghĩa tư bản, và như thế cung cấp cho ta cách mô tả một hình thái xã hội, coi đó như là sự phối hợp những hình thức đời sống xã hội khác nhau.

Một đóng góp vào phân tích xã hội học vi mô về những doanh nghiệp lớn

Những phân tích ở cấp độ xã hội học vi mô cũng không kém phần tham vọng, vì chúng nhằm xây

dựng một lý thuyết chính trị - xã hội về doanh nghiệp và phương thức quản lý của nó, bằng cách chú ý đặc biệt đến cách thức hình thành giới thượng lưu doanh nghiệp và tác động của cách thức hình thành này đối với các chiến lược phát triển doanh nghiệp. Với quan điểm “vi mô” này, công việc của chúng tôi cũng nằm ở giao điểm của ba bộ môn được gọi lên trước đây. Thông qua cách đặt câu hỏi và các yếu tố tri thức vay mượn được cũng như do những đóng góp dự tính, chúng tôi cố gắng nuôi dưỡng một cuộc đối thoại giữa mặt khoa học chính trị và lý thuyết về giới thượng lưu và mặt xã hội học doanh nghiệp và việc thực thi quyền lực ở những tổ chức lớn, và cuối cùng là sự phân tích kinh tế đối với công ty và về cách thức xây dựng các chiến lược công ty.

Vậy nên chúng tôi chứng minh rằng, những điều kiện tiếp cận giới chóp bu của doanh nghiệp, thể thức cấu thành nhóm cán bộ lãnh đạo (cơ chế phát hiện - lựa chọn - đào tạo, dự trữ, trình tự các cấp bậc...) và những động thái văn hóa-xã hội trong lớp người này không phải là không có tác động đối với hành động của nhóm đó: Những thực tế “xã hội học” này đè nặng lên thể thức dẫn dắt doanh nghiệp và như vậy tác động lên hiệu quả của doanh nghiệp. Dù là những phân tích “vi mô” hay “vi mô”, nếu chúng ta đòi hỏi một quy tắc kết hợp các cách lý giải xã hội học, kinh tế và chính trị đối với những thực tế được quan sát, chúng ta

không quên thực tế của những người lãnh đạo được phỏng vấn. Đối với họ, chúng ta đã khoan lại không chỉ là một số cơ chế sản sinh ra quyền lực hợp thức và làm rõ một số tác động của chúng, mà thậm chí còn khởi đầu việc xây dựng hệ thống loại hình người lãnh đạo và loại hình doanh nghiệp lớn, trên cơ sở hệ thống loại hình phương thức tạo dựng quyền lực hợp thức này.

Những ông chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa (PME): Logic kinh tế và logic chính trị-xã hội

Chưa đầy 0,1% các doanh nghiệp Pháp có trên 500 người làm công, hơn 99,9% doanh nghiệp có dưới 500 người làm công! Tuy vậy, phần lớn các bài nói về doanh nghiệp, đặc biệt các bài nói uyên bác, đều được hình thành từ những phân tích nhằm vào hoạt động của các doanh nghiệp lớn. Nếu đúng là những doanh nghiệp lớn đều lớn lên từ những doanh nghiệp nhỏ và trung bình (do có sự tăng trưởng bên trong hoặc bên ngoài) người ta có thể chứng minh qua thực tế rằng điều ngược lại là sai lầm: những PME không phải là những xí nghiệp lớn tiềm tàng hay thu nhỏ. Càng ngày càng nhiều nhà kinh tế học cũng như xã hội học tìm hiểu về PME đều thừa nhận rằng quy mô không phải là yếu tố quyết định duy nhất cho độ phức tạp, và quy mô nhỏ bé không có nghĩa là đơn giản. Nhưng từ dự định đến hiện thực cũng còn xa. Bởi vì phần lớn những công trình về doanh nghiệp trong 30 năm

vừa qua đều nhằm vào doanh nghiệp lớn, vì PME bị nền kinh tế công nghiệp và xã hội học “lãng quên”. Người ta vẫn thiếu những tài liệu phân tích, chứ chưa nói lý thuyết cho phép hiểu được những logic kỳ cục đang vận hành trong những tổ chức đặc biệt này.

Những công trình của chúng tôi về giới chủ PME phải được coi như một đóng góp cho sự nghiên cứu chung nhằm hiểu rõ hơn về tính kỳ cục của PME và hiểu rõ hơn logic hoạt động và phương thức quản lý của nó. Ý đồ này là chính đáng vì những người chủ của PME, những doanh nghiệp truyền thống nhất cũng như năng động nhất, theo như mô hình chủ doanh nghiệp mà Schumpeter (nhà kinh tế người Áo) đưa ra, có tác động đáng kể lên nội dung hoạt động, chiến lược, cũng như tổ chức và hoạt động của công ty đó. Rất nhiều hình ảnh các ông chủ PME mà chúng tôi tìm hiểu cho phép khẳng định rằng ở chóp bu của doanh nghiệp mình, ngay đối với những quyết định rất quan trọng, ngay cả khi họ không thừa nhận trực tiếp thì một ông chủ PME, không chỉ hoạt động với tính hợp lý kinh tế, mà còn tuân thủ những logic khác, đặc biệt là logic chính trị - gia đình. Một ông chủ PME hành động theo một logic ba mặt: logic kinh tế, logic chính trị và logic gia đình. Quy luật cơ bản này đặc trưng cho hoạt động nghề nghiệp của họ, nghĩa là đặc trưng cho toàn bộ những quyết định đưa ra trong

công ty của họ, như là sản phẩm của một tính hợp lý ba mặt:

- Tính hợp lý kinh tế: Ông chủ một PME hoạt động như một *con người kinh tế* quan tâm tới những kết quả của công việc kinh doanh và những lợi nhuận có được từ đấy;

- Tính hợp lý chính trị: Ông chủ một PME hoạt động như một *con người chính trị*, như tất cả những nhà chính trị, tìm cách củng cố quyền lực của mình hay ít nhất bảo toàn quyền lực đó;

- Tính hợp lý gia đình: Ông chủ một PME hoạt động như một *ông bố*, giống như tất cả những người cha trong gia đình, cố gắng giúp đỡ con cái theo cách của mình.

Hai hệ quả cho phép làm rõ quy luật cơ bản này:

- Hệ quả thứ nhất: Để xác định đặc trưng của một người lãnh đạo PME, cũng như để nhận biết hành động làm chủ của họ, không thể tránh việc đánh giá cường độ tương đối của từng tính hợp lý này. Việc xác định đặc trưng này thường biến đổi theo thời gian, và rất có lợi đối với việc ghi lại lịch sử của một chủ doanh nghiệp;

- Hệ quả thứ hai: Những quyết định của một ông chủ PME thể hiện sự phối hợp được thương lượng của các dự án dựa trên một trong ba tính hợp lý trên. Nếu những tính hợp lý này quá khác nhau, thì người lãnh đạo bị giằng co giữa các dự án mâu thuẫn, và tốt hơn là chờ đợi.

Ý nghĩa của những kết luận này được đánh giá

dựa trên khả năng nhận biết của nó về hành vi ứng xử của những ông chủ PME, nhận biết quyết định của họ, những do dự, và cả thái độ bất động của họ nữa. Nhiều sự việc và cử chỉ của họ, thoát nhìn thì khá kỳ cục, thậm chí “phi lý”, nhưng đã trở nên hoàn toàn hiểu được. Điều này được 11 đề xuất xác nhận, cho phép làm rõ tính chất, cường độ và một số tác dụng của ba tính hợp lý này.

Làm việc với các ông chủ PME đòi hỏi một mặt phải thừa nhận tính đa dạng của các tính hợp lý đang chi phối hoạt động của những người lãnh đạo, nghĩa là tôn trọng quy luật cơ bản, nhưng mặt khác phải biết vi phạm dần dần “quy tắc chỉ nói đến kinh tế”. Đó là điều mà chúng tôi đã học được trong khi phỏng vấn các ông chủ PME; và ở đây nữa, chúng tôi không quên rằng chính là trong quá trình phỏng vấn mà mình đã dần dần xây dựng được quy luật cơ bản này, những hệ quả của nó và 11 đề xuất. Điều có giá trị với người đối thoại quen thuộc của ông chủ PME hiển nhiên cũng có giá trị với người phỏng vấn vốn là nhà xã hội học. Không những nhà xã hội học này phải tìm hiểu đồng thời ba động thái kinh tế, chính trị và gia đình, vốn liên hệ với nhau một cách rối rắm, mà vào đầu cuộc phỏng vấn, anh ta cũng phải cho thấy mình tôn trọng “quy tắc chỉ nói đến kinh tế” vì điều quan trọng là phải cho người đối thoại thấy rằng nên tôn trọng cách nói mà mình cho là hợp thức.

2. Đặc trưng của những người đối thoại là lãnh đạo doanh nghiệp và những phương pháp luận gắn liền với đặc trưng đó

Làm thế nào để phỏng vấn những người lãnh đạo doanh nghiệp? Nên có những điều thận trọng nào? Và cuộc phỏng vấn một ông chủ về một phần hay tất cả hoạt động của họ có khác gì so với cuộc phỏng vấn một người làm công dưới quyền ông ta? Trả lời những câu hỏi này hiển nhiên phụ thuộc một mặt vào bản chất của các chủ doanh nghiệp được phỏng vấn - giữa nhân vật số 1 của một trong hai trăm doanh nghiệp lớn nhất nước Pháp, và ông chủ một PME nhỏ bé, sự khác biệt thật đáng kể, và mặt khác phụ thuộc vào nội dung cuộc tìm hiểu. Tùy theo những quan tâm của người tìm hiểu liên quan đến doanh nghiệp, hoạt động hay chiến lược của nó, hành động của chủ doanh nghiệp hay các giá trị của ông, mà loại câu hỏi, những khó khăn và những điều cần đề dặt có thể rất khác nhau. Ngoài những khác biệt này, còn có bốn nét chung đặc trưng cho những người lãnh đạo doanh nghiệp và đồng thời cũng cho phép làm rõ hai luận đề được nêu ra ở phần mở đầu.

Mối lo lắng bảo vệ quyền lực hợp thức

Cũng như mọi tác nhân lãnh đạo, người chủ một doanh nghiệp luôn lo lắng bảo vệ quyền lực của mình, và củng cố những nền tảng cho tính hợp

thức đương nhiên của nó: chung quanh những thách thức như vậy, ông có một tập hợp những bài nói được chuẩn bị công phu và ông đưa ra từng phần một một cách có hệ thống. Nếu những yếu tố này trong bài phát biểu có ý nghĩa xã hội học đáng kể, nhất là vì nó nằm trong phạm vi quan niệm quyền lực chính đáng của người nắm giữ, thì cũng nên biết giải mã chúng và không nên tin tưởng một cách ngây thơ.

Bằng cách biểu lộ một số biểu tượng, một số giá trị và một số yếu tố của mô hình văn hóa, các yếu tố trong bài phát biểu này cũng thường làm thay đổi bài thuyết trình một số thực tế, đôi lúc biến đổi một cách đáng kể, mặc dù không phải bao giờ cũng cố ý. Khó khăn của việc giải mã lại tăng lên gấp đôi và những điều thận trọng càng vô cùng quan trọng hơn khi nội dung của việc điều tra nhằm vào phương thức tạo dựng quyền lực hợp thức này. Chúng ta biết là không thể để cập trực diện một chủ đề như thế. Điều nên làm là vừa chuẩn bị kỹ càng cuộc nói chuyện - giống với luận đề số 1, cuộc nói chuyện này không phải là cách ưu tiên để thu thập thông tin cơ bản, và bằng cách cho người đối thoại biết là ta đã biết nhiều điều rồi, để tạo niềm tin, để sau đó “tháo gỡ mắc mớ” trên nhiều vấn đề khác xung quanh chủ đề này.

Để bảo vệ tính hợp thức cho quyền lực của mình, những người lãnh đạo có nhiều con chủ bài và đặc biệt:

- Những bài phát biểu được chuẩn trước, giống với cách nói chính trị cứng nhắc, vì người lãnh đạo thường hay phải giáp mặt những người đối thoại bên ngoài, đặc biệt là từ các phương tiện truyền thông. Chính cách nói này thường được sử dụng vào đầu các cuộc nói chuyện đầu tiên.

- Độc quyền về giám định hợp thức đối với phần lớn những chủ đề được phỏng vấn: Chắc chắn hiếm khi họ là những người từng trải đối với toàn bộ những hoạt động của công ty họ, nhưng họ thường độc quyền thực sự khi kết hợp những hiểu biết khác nhau liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Vai trò trụ cột của họ trong doanh nghiệp làm họ thường xuyên đề cao giá trị những thông tin thuộc phạm vi một lôgic khác hoặc một vấn đề khác ngoài vấn đề mà họ thông thạo. Cũng vậy, đối với người làm công việc sản xuất, họ có thể đề cao những ràng buộc hay những cơ hội về thương mại. Đối với một người làm thương mại, họ có thể đề cao những thực tế về tài chính. Và đối với một nhà tài chính họ lại bảo vệ những nhận xét mang tính văn hóa xã hội. Do hoạt động nghề nghiệp của mình, họ thông thạo trong việc phối hợp - khớp nối những dữ liệu không đồng nhất đó: để suy nghĩ về những chiến lược của doanh nghiệp, cũng như để thúc đẩy việc vận dụng chúng, họ buộc phải phối hợp những thông tin liên quan đến những kiến thức rất khác nhau.

Ta biết rằng dù chủ đề của cuộc phỏng vấn là

gì, họ vẫn rất dễ dàng đề nghị đi sâu, thậm chí chuyển dịch câu hỏi đưa ra, bằng cách kết hợp những nhận xét thuộc phạm vi các tri thức kinh tế, kỹ thuật, xã hội-chính trị, tổ chức hoặc văn hoá. Dù có ở trong tình thế của người không biết gì phải đối mặt với người biết tất cả, thì một người điều tra đi phỏng vấn một người lãnh đạo cũng phải chuẩn bị cuộc phỏng vấn này trên nhiều khía cạnh - bao gồm cả tình huống nói trên, cho dù trên thực tế người lãnh đạo này chỉ quan tâm đến một khía cạnh trong số đó. Việc chuẩn bị một cuộc phỏng vấn với một người lãnh đạo như vậy phải đa chiều, và ta trở lại luận đề số 1.

Còn phải nhấn mạnh ngay rằng nếu cuộc nói chuyện đã được chuẩn bị kỹ thông qua việc đọc rất nhiều tài liệu hoặc thông qua những cuộc nói chuyện từ trước, nhưng bao giờ cũng có một sự mất cân đối thực sự về kiến thức phù hợp giữa người lãnh đạo được phỏng vấn và người phỏng vấn. Người thứ nhất có tất cả những yếu tố để đề xuất với người thứ hai cách giải mã thực tế của mình và phê phán, thậm chí huỷ bỏ các cách giải mã khác. Như vậy, dường như là vô nghĩa nếu tìm cách đánh bẫy một cách có hệ thống người đối thoại với mình. Người này sẽ không bị đánh lừa, chắc chắn sẽ duy trì cách giải thích sự việc của mình hay cách giải mã một hiện tượng và sẽ rút ngắn cuộc nói chuyện. Tốt hơn nên làm ra bộ ngây thơ, và theo quan điểm đó, đừng ngần ngại đặt ra

những câu hỏi “cơ bản” mà tất cả mọi người đều có thể trả lời. Nhưng những câu hỏi đó một khi đặt ra, sẽ buộc phải suy nghĩ, thậm chí xem xét lại những điều tin chắc; và đề xuất với người lãnh đạo được phỏng vấn, thông qua những câu trả lời của họ, xây dựng một cách lý giải để phân tích toàn bộ những sự việc mà họ cung cấp hoặc họ không phủ nhận. Cách làm này vất vả hơn, đòi hỏi nhiều thời gian hơn nhưng cho phép chúng ta, cùng với việc hợp thức hóa một số thông tin, tiến triển trong phân tích và đôi lúc đạt đến một sản phẩm chung thực sự tiêu biểu (và ta trở lại luận đề số 2).

Những người lãnh đạo là những người khéo trò chuyện với giới truyền thông hơn là những người cung cấp thông tin

Những người lãnh đạo không tự xưng là những người cung cấp thông tin tốt. Họ thường có những khó khăn thực sự khi đưa ra những thông tin chi tiết về những việc làm nào đó. Đặc biệt đối với những dự án, thì đây chắc sự minh họa cho việc hình thành điều bí mật thường gắn liền với việc thực thi trách nhiệm. Phong cách này đã được củng cố mạnh mẽ kể từ một vài năm nay, cùng với sự gài gút có tổ chức với các phương tiện thông tin. Bởi vì các phương tiện thông tin càng ngày càng quan tâm đến hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp, nên các nhà lãnh đạo doanh nghiệp không thể xa cách các nhà báo, trừ một vài ngoại lệ. Để chăm lo cho hình ảnh của mình cũng như

hình ảnh của doanh nghiệp, họ buộc phải thường xuyên gặp gỡ những người làm báo chuyên nghiệp. Với sự giúp đỡ của giám đốc truyền thông, họ đã học được cách giao tiếp theo đúng một chính sách đã vạch ra, và do đó sàng lọc những thông tin mà họ muốn đưa để các phương tiện thông tin truyền lại, đưa ra những quả bóng thăm dò bằng cách tung ra những “tin sốt dẻo”, và che đậy những thông tin hoặc những lời giải thích khác. Theo quan điểm đó, thì việc “thả lỏng” thông tin là việc làm hoàn toàn có suy nghĩ, nhằm một mục đích được xác định rõ. Sự gần gũi với phương tiện thông tin buộc người ta phải có thói quen giao tiếp có cân nhắc, và như vậy tất nhiên là rất dè dặt. Trong điều kiện đó, người lãnh đạo một doanh nghiệp không thể làm một người cung cấp tin tức khách quan và chính xác được.

Nếu người lãnh đạo hiếm khi là người trực tiếp cung cấp tin tức tận tình, là vì họ có những bí mật phải bảo vệ. Vả chăng, khái niệm bí mật trong một doanh nghiệp lớn rất dễ thay đổi. Những gì đối với một số người được coi như bí mật, thì ngược lại, đối với một số người khác hầu như thuộc lĩnh vực công khai. Mặt khác, cũng vì họ lập luận với tư cách nhà chiến lược, nhà chính trị, hơn là với tư cách nhà quan sát, chứ chưa nói đến nhà sử học, và cũng vì bản thân họ vốn rất ít khi dừng lại một cách có hệ thống ở tất cả những chi tiết thực hiện một chính sách hay một quyết định, họ có thể

dễ dàng nói đến ý nghĩa của một công việc – ít nhất là ý nghĩa đối với họ - hơn là mô tả nó chi tiết; và khi họ đưa ra một vài chi tiết hoặc đi vào chi tiết, thì chủ yếu là để minh họa lời nói của mình và khẳng định ý nghĩa của các sự kiện.

Ngay trong thời gian phỏng vấn, vương mặc muốn trở thành “người đưa tin” trực tiếp lại tăng lên do bản chất ngôn ngữ của họ: họ thường nói với những hình ảnh ẩn dụ và ẩn ý. Với các cộng sự cũng như với các đối tác hoặc những nhà báo, họ đều phải đối mặt với những người đối thoại am hiểu các hành động và thách thức được nêu lên. Phát biểu của họ ít nhằm vào việc khoanh lại cơ cấu của toàn bộ hệ thống, và ít nhắc tất cả những trò chơi và những thách thức cấu tạo nên hệ thống đó, mà nhằm làm rõ thêm một trong những yếu tố của hệ thống, còn những yếu tố khác coi như đã biết.

Chắc hẳn ý nghĩa này không phải như nhau mà tùy theo hiểu biết của người đối thoại. Như thế, qua ngôn ngữ được mã hoá và không đầy đủ, phát biểu đó cũng vẫn mang những từ ngữ ấy mà lại không nói cùng một điều như nhau với những người biết và người không biết, và như thế cho phép làm tăng thêm sự chênh lệch thông tin ở những người đối thoại khác nhau. Sự thiếu chính xác của một số yếu tố trong bài nói chuyện xuất hiện như một “kỹ thuật của quyền lực”, bắt buộc người đối thoại đem tất cả hiểu biết của mình để giữ lấy những gì mình

nghe được, cho dù sau đó phải hợp thức hoá những gì mà mình đã hiểu có thể bằng một ẩn dụ khác. Qua việc trao đổi ẩn dụ này, ta tìm lại cách minh hoạ của hai luận đề đã nói ở phần mở đầu. Nói chuyện vừa là một công cụ có hiệu quả rất thấp để thu thập thông tin cơ bản, nhưng đồng thời lại là một công cụ có thể rất mạnh để trao đổi về các cách giải thích và tiến đến phân tích.

Sức ép của công việc hàng ngày và khó khăn khi sử dụng thời gian hạn hẹp để tìm hiểu

Chương trình nghị sự của người lãnh đạo thường là nặng, thậm chí quá nặng, nhưng buộc phải như vậy. Do đó có những khó khăn đáng kể để có được một cuộc nói chuyện, và trong cuộc nói chuyện đó phải nắm bắt rất nhanh sự quan tâm của người đối thoại. Quả vậy, những tác nhân này thường hoạt động đồng thời trên hàng chục chủ đề, họ phải ra những quyết định rất nhanh chóng và dựa trên những thông tin mới nhất. Vì phải làm việc trong tình thế khẩn trương nên họ thường không thể thực hiện tất cả những gì dự tính, và thường phải chạy đuổi theo một cái đặc biệt hiếm hoi: đó là thời gian.

Trong cuộc chạy đua liên tục với thời gian này, bộ phận văn phòng rõ ràng là một đồng minh thiết yếu. Đồng minh này thường làm cho hoạt động của người điều tra càng khó khăn hơn vì khi thể hiện dứt khoát ý thức tổ chức (công văn luôn luôn được vào sổ và nhanh chóng được tìm lại) và với

một thiện ý rất lớn (“Vâng, ông ấy đã nhận được thư của anh, nhưng chưa nói cho tôi trả lời, tôi sẽ gọi lại cho anh ngay khi có ...”), bản thân bộ phận văn phòng này cũng hoạt động theo những tiêu chuẩn khắt khe, hiếm khi đặt việc phỏng vấn khoa học lên đầu bảng...; và nếu phải đợi một chỗ trống trong thời gian biểu để được gọi đến, thì ta phải đoán ra là cú điện thoại đang chờ đợi sẽ không bao giờ đến.

Tỷ lệ này với thời gian được coi như một cái rất hiếm hoi - điều đó cho thấy là những phương tiện khác mà ta có thể kiểm soát được lại dồi dào - cũng giải thích vì sao người lãnh đạo, ngoài một số cuộc họp, hiếm khi dành quá mười đến mười lăm phút cho một vấn đề. Sự tình cũng đúng như vậy khi ông ta tiếp một nhà báo. Do đó, khó mà đưa ra yêu cầu hướng chỉ nói để có được một cuộc nói chuyện dài hai giờ hay hơn nữa: “Hai tiếng đồng hồ, tôi không tin là có thể được... nhưng tôi sẽ yêu cầu ông...”. Không chỉ trong thực tế khó mà tìm được một khoảng trống hai giờ trước một thời điểm, và trước mắt người thư ký, yêu cầu này dường như hoàn toàn không biết đến sự quan tâm của người đối thoại: “Anh tự coi anh là ai - hình như người ta muốn nói với tôi như vậy - để bày tỏ một yêu cầu này như vậy?”.

Một khi cuộc nói chuyện được chấp nhận, nhưng vẫn không có một bảo đảm chắc chắn nào là sẽ có thời gian rảnh rỗi. Nếu như người lãnh

đạo thường tiếp khách đúng giờ - như muốn cho thấy họ làm chủ chương trình làm việc của mình - thì ở văn phòng, có rất nhiều chuyện cắt ngang vì những cú điện thoại hoặc những chuyến viếng thăm không báo trước của cộng sự. Và ngay cả khi ông ta yêu cầu người thư ký là đừng quấy rầy - một dấu hiệu tôn trọng đối với người đối thoại - thì đôi lúc vẫn có ngoại lệ là có một hay hai cú điện thoại đang được mong đợi. Cuối cùng, về mặt hình thức, dù có cách ly với thế giới bên ngoài, thì người lãnh đạo được phỏng vấn tiếp tục suy nghĩ tới những vấn đề “quan trọng” mà ông ta chưa giải quyết, tới vài ba người mà lẽ ra ông phải gặp trước cuộc nói chuyện và tới tất cả những gì đang chờ đợi ông, một khi trò “giải trí” này kết thúc.

Như vậy, điều chủ yếu không chỉ là chộp được sự chú ý, mà cả sự quan tâm thực sự của ông ta, và thực hiện một công việc thực sự để được thừa nhận là người đối thoại đáng chú ý. Công việc này rõ ràng rất cần thiết và rất khó thực hiện vì người tìm hiểu không có được một cương vị xã hội dễ dàng được thừa nhận thông qua tên tuổi hay những trách nhiệm mà mình nắm giữ trong tổ chức. Công việc này lại phải được làm nhanh, ngay vào đầu cuộc nói chuyện, vì những người lãnh đạo thường quen xét đoán rất nhanh người đối thoại với mình và không muốn mất thời giờ với một người đối thoại không đáng quan tâm. Nếu cần thiết phải thường xuyên tiếp các nhà báo, vừa để

chăm sóc hình ảnh của mình vừa để duy trì một mạng lưới những “kíp” truyền thông có thể huy động được trong trường hợp cần thiết, thì họ lại không cần thiết phải tiếp những người nghiên cứu, huống chi là cuộc nói chuyện dài.

Các ông chủ doanh nghiệp hiếm khi là những người từ tâm. Là người hành động, hướng tới sự tích lũy của cải, quyền lực, uy tín và/hoặc tích lũy bất kỳ hình thức của cải nào khác, hơn nữa ở vị trí được người ta cần đến rất nhiều, tại sao họ lại phải “lãng phí” thời gian với một người đối thoại chẳng đem lại cho họ lợi lộc gì cả? Trên thực tế, cuộc nói chuyện diễn ra tốt đẹp khi người lãnh đạo có cảm giác người điều tra mang tới cho mình một cái gì đó. Theo quan điểm này, quan hệ có đi có lại tạo nên một nguyên tắc trao đổi thường rất hiệu nghiệm. Nhưng một nhà xã hội học tìm hiểu giới thượng lưu lãnh đạo, có thể mang lại cái gì cho một nhà lãnh đạo doanh nghiệp đây?

Câu hỏi này rõ ràng là phi lý nếu chỉ coi cuộc nói chuyện như một công cụ thu thập thông tin. Trong tình huống này, tất yếu sự trao đổi sẽ thực hiện theo một chiều duy nhất. Và cũng vì việc đảm bảo tính kín đáo đã hứa với các nhà lãnh đạo (hoặc không làm lãnh đạo) được phỏng vấn, cấm lưu truyền thông tin và cấm việc cung cấp cho người đối thoại với chúng ta những thông tin cụ thể được thu thập ở những người khác. Ngược lại, có thể có một câu trả lời rất khác cho câu hỏi này khi ta

chấp nhận sự đảo ngược phương pháp luận nêu ra ở phần mở đầu: trong khi đề nghị với một người lãnh đạo doanh nghiệp phát biểu suy nghĩ về những chủ đề làm ông ta quan tâm, thì nhà xã hội học mạng lại cho ông ta một không gian - thời gian quý báu vì ông ta sẽ gặp phải những khó khăn to lớn để tự tạo cho mình khoảng không gian thời gian đó, nếu như không có sự trợ giúp của người khách đặc biệt này. Quả vậy, một người lãnh đạo doanh nghiệp thường xuyên phải đắm mình trong các thách thức quyền lực: dù là với các cộng sự hay những người đối thoại bên ngoài, tất cả những gì ông ta nói ra đều được giải mã theo vô số chiến lược. Do đó, tình thế của ông là: sự cô đơn tột độ, khó khăn thổ lộ, và hầu như không thể bày tỏ nội dung công việc của mình, bày tỏ những dự định có thể mâu thuẫn mà ông ta đang theo đuổi, những vấn đề gặp phải, những giải pháp dự tính.

Đem lại cho người lãnh đạo khả năng bày tỏ suy nghĩ là một điều kiện để trao đổi. Những gì mà người tìm hiểu mang lại là quan trọng vì họ đã biết tạo dựng mối quan hệ tin cậy - cho phép lối nói chính trị cứng nhắc trở nên kín đáo hơn, và cho phép lộ ra những vấn đề thực sự - vì được quay lại một số câu chuyện, nêu lên vài ba câu hỏi, gọi một số quan hệ gần gũi hoặc mâu thuẫn.

Kinh nghiệm của chúng tôi cho thấy rằng việc lắng nghe một cách chủ động thường được người lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá rất cao, từ đấy

ông ta tìm ra thời giờ để nói chuyện trong nhiều tiếng đồng hồ liền. Như thế cuộc trao đổi có thể trở nên thẳng băng. Việc phân tích thực sự được tiến hành với người chủ doanh nghiệp cho phép ông ta có một cái nhìn khác về việc làm của mình và cho phép người phỏng vấn đưa ra một sản phẩm xã hội học chung, như đã nêu trong luận đề số 2. Trong tình hình như vậy, các điều kiện của cuộc trao đổi có thể bị đảo lộn trong khi người lãnh đạo thì thích nói về mình, còn người phỏng vấn, sau khi đã phân tích rất đầy đủ và khi cuộc trao đổi trở lại với những chủ đề ít phù hợp, thì anh ta nhìn đồng hồ và đưa ra những đòi hỏi trong chương trình của mình.

Khả năng trừu tượng hóa và một sự am hiểu nhất định về các hiện tượng

Trình độ tri thức của người lãnh đạo được phỏng vấn và ý muốn không bao giờ đánh mất vai trò lãnh đạo đã giải thích tại sao họ thường không chịu bằng lòng với vai trò của người cung cấp thông tin và không chịu để cho người phỏng vấn độc quyền phân tích và diễn giải. Khả năng phân tích của họ và đôi lúc cả ý muốn của họ hiểu rõ hơn những hiện tượng được đề cập trong cuộc nói chuyện, cũng giải thích tại sao nếu họ chấp nhận cung cấp thông tin, thì họ cũng cố gắng đưa ra một lời diễn giải: việc bảo vệ độc quyền giám định hợp thức của họ không những diễn ra trên địa hạt các sự việc thích đáng mà còn cả trên địa

hạt những phân tích. Do đó có những quan hệ đôi lúc mập mờ với những người đến phỏng vấn họ, với hai định hướng cực đoan: hoặc là hội chứng “hạ cổ” đối với các khoa học nhân văn, hoặc ngược lại hội chứng “chiếm hữu những tri thức đó”, nhưng cả hai tình huống đều biểu hiện một sự cạnh tranh thực sự trong việc làm chủ tri thức chính đáng.

Một số người tự hỏi về giá trị của tri thức kinh viện, và sẵn sàng đối lập nó với “tri thức hành động”: vì cho rằng tri thức kinh viện là vô ích đến mức họ thấy hình như nó có phần xa rời đối với những vấn đề họ phải giải quyết, họ sẵn lòng đảo lộn các vai và hỏi người phỏng vấn về tính chất khó hiểu trong ngôn ngữ, về ý nghĩa việc làm của họ, về tính xác đáng trong các câu hỏi, và về ích lợi xã hội của những cuộc điều tra của họ. Bằng cách đối lập kiến thức hành động mà họ làm chủ với kiến thức kinh viện mà họ cho là thuộc phạm vi của logic thẩm mỹ, họ có thể khuyên người đối thoại “trở về học hỏi thêm” hoặc, với thái độ ít khinh bỉ, chú ý nhiều hơn đến những vấn đề thực sự của doanh nghiệp hoặc của xã hội và đưa ra các giải pháp thực sự.

Nếu trong trường hợp trên đây, họ cạnh tranh với người phỏng vấn trong việc xác định những tri thức phù hợp, thì ngược lại những người lãnh đạo khác lại chấp nhận tri thức kinh viện như là tri thức phù hợp, nhưng cho rằng chính họ cũng có

thể làm chủ tri thức đó. Họ tự hào chính họ cũng là những người trí thức có khả năng diễn giải thực tế công việc và tìm ra ý nghĩa khác so với ý nghĩa thông thường. Như vậy, sự kinh địch với người phỏng vấn lúc ấy nhằm vào sự phù hợp của các lý giải, và có thể người lãnh đạo viết các bài báo và thậm chí cả sách nữa để trình bày ý kiến của họ. Những người lãnh đạo này rõ ràng là những người khó phỏng vấn nhất, trừ phi ta bằng lòng với việc thu lượm một bài nói được soạn thảo trước một cách đặc biệt, thậm chí một bài phân tích nguy hiểm. Họ không thể đưa ra những thông tin có thể đặt lại vấn đề về các phân tích của họ và từ chối phân tích vấn đề do người điều tra đề xuất mà họ cho là sai lệch so với những vấn đề mà họ xác định là “thiết yếu”.

Dù sự cạnh tranh thể hiện qua việc xác định tri thức phù hợp, như trong tình huống thứ nhất, hoặc trong tri thức kinh viện, như trong tình huống thứ hai, thì sự cạnh tranh này lại càng có cơ hội xuất hiện vì những người lãnh đạo ta được gặp gỡ thêm muốn hiểu biết những hiện tượng được đề cập, và tỏ ra là họ hiểu chúng. Sự thêm muốn hiểu biết này được thể hiện ở chỗ họ chấp nhận tiếp một người nghiên cứu rất lâu dù cho thời gian biểu của họ đã quá tải. Việc sử dụng cuộc nói chuyện như cơ hội để phân tích rõ ràng đã ngăn cấm ta có được một mẫu tượng trưng cho giới lãnh đạo doanh nghiệp: những người chấp nhận

tham gia vào công việc tạo ra một sản phẩm chung này là những người thêm khát hiểu biết, ngược lại những người khác đã khước từ đề nghị phỏng vấn, do đó tạo ra sự quanh co trong việc cấu tạo lớp người được phỏng vấn.

Tuy vậy, hình như chúng ta phải chấp nhận đường vòng này: một mặt ở đây ta gặp lại một khó khăn vốn có của mọi cuộc điều tra thông qua nói chuyện, bởi vì không bao giờ lại có ai chứng minh rằng những người từ chối phỏng vấn lại được người chấp nhận phỏng vấn mô tả lại một cách trung thành. Mặt khác, ta vấp phải vấn đề tế nhị khi xác định tính đại diện trong một lớp người có quy mô rất hạn chế hoặc đặc biệt không đồng nhất và chưa biết rõ họ.

Như thế, muốn khảo sát những doanh nghiệp hàng đầu trong số các doanh nghiệp lớn nhất nước Pháp, thì trong công việc đầu tiên điều tra bằng phỏng vấn, chúng tôi đã quyết định không phỏng vấn một mẫu trong lớp người ấy, mà là tất cả. Và cũng vậy, khi phân tích loại hình người lãnh đạo này, chúng tôi làm việc với toàn bộ những doanh nghiệp hàng đầu trong số 200 doanh nghiệp lớn nhất cùng một hình thái xã hội. Cũng vậy khi tìm hiểu những người chủ của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chúng tôi không cố tìm kiếm một mẫu đại diện, mà đúng hơn, là tìm những tình huống đa dạng nhất và coi mục tiêu tìm hiểu là giải thích tính đa dạng đó. Chúng tôi

có thể coi như công việc đã hoàn tất khi bất kỳ cuộc phỏng vấn bổ sung nào cũng được ghi vào các phân tích đã tiến hành.

3. Ba loại hình phỏng vấn lý tưởng trong đợt nói chuyện với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp

Việc lý giải lại các phương pháp làm việc trong ba cuộc tìm hiểu khác nhau được tiến hành ở trên đối với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp, đã gợi ý cho chúng ta phân biệt ba loại hình nói chuyện: “nói chuyện - phát hiện”, “nói chuyện - hợp tác”, và “nói chuyện - hợp thức hoá”. Trước khi làm rõ những đặc điểm khác nhau của từng loại hình nói chuyện lý tưởng khác nhau này, chúng tôi sẽ đưa ra một vài lời khuyên về phương pháp luận cho việc tổ chức một đợt nói chuyện với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp.

Một vài lời khuyên về phương pháp luận: Tích lũy tối đa dữ liệu trước khi tới phỏng vấn những người lãnh đạo

Luận đề số 1 và những đặc tính khác nhau của người lãnh đạo nói ở trên gợi ý cho chúng ta tích lũy nhiều thông tin trước khi đến nói chuyện với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp. Về phương diện tích lũy thông tin, thực tế mà nói, cuộc nói chuyện phục vụ nhiều cho việc hợp thức hoá và làm rõ những thông tin đã có hơn là cho việc thu lượm thông tin cơ bản. Để tích lũy những thông tin về

người lãnh đạo thì việc tìm kiếm tư liệu là cần thiết, cũng như cần phải tiếp xúc với những người không làm công tác lãnh đạo, những người đối thoại có đặc quyền hoặc những cộng sự của người lãnh đạo. Đối với việc khảo sát những doanh nghiệp hàng đầu trong số những doanh nghiệp lớn nhất của một nước, thì các tư liệu khảo sát được lại càng phong phú khi những công ty chịu sự chỉ đạo là đối tượng phân tích tài chính và khi người lãnh đạo thường là người nhà nước.

Tuy vậy, ngay cả khi có thông tin tư liệu rất dồi dào, thì những cuộc nói chuyện trước với những người làm công ăn lương (đặc biệt những cán bộ cao cấp) là đặc biệt quý báu. Những cuộc nói chuyện này vừa làm rõ hình ảnh của người lãnh đạo trong nội bộ công ty và các vấn đề họ còn đang trăn trở, vừa để tránh một số bước đi sai lầm, cố gắng đoán trước một số phản ứng của họ và làm rõ một số điều kiện cho phép nắm bắt được sự quan tâm của họ. Đối với việc khảo sát những ông chủ PME thì việc nghiên cứu tư liệu trước bất kỳ một cuộc phỏng vấn nào là điều rất khó thực hiện, vì quy mô và tầm quan trọng của những công ty có liên quan, tuy nhiên, chúng ta thường có một số yếu tố nhờ vào các ý kiến (chuyên gia kế toán, công chứng viên, cố vấn pháp lý) mà họ mở cửa ra đón chúng ta. Để khoanh lại tính kỳ cục của một chủ doanh nghiệp và xây dựng lại tính đa dạng trong hành động của họ thì giai đoạn phân tích

định tính bằng phỏng vấn “những người không làm công tác lãnh đạo” là chuyện không thể tránh khỏi. Tốt nhất là trước khi tới gặp người lãnh đạo, ta có thể thực hiện những cuộc nói chuyện với những người làm công ăn lương hoặc những đối tác bên ngoài và những thành viên của gia đình. Nhưng về mặt ngoại giao, không thể nào thực hiện được những cuộc nói chuyện như thế mà không được phép trước của người lãnh đạo.

Do đó mà có một cách làm lặp đi lặp lại: Trước hết, một cuộc tiếp xúc đầu tiên với người lãnh đạo doanh nghiệp cho phép tạo nên một không khí tin cậy, kiểm tra tính khả thi của công việc (điều tra bằng phỏng vấn những người không làm công tác lãnh đạo trước khi gặp chính người lãnh đạo) và tìm ra một cách diễn giải lịch sử của doanh nghiệp và người lãnh đạo doanh nghiệp. Rồi bốn đến mười cuộc nói chuyện “có chuẩn bị trước” với những người không làm công tác lãnh đạo (các cộng sự, cố vấn, đối tác bên ngoài hoặc những thành viên của gia đình) cho phép thu thập có hệ thống hơn các dữ liệu (tư liệu viết và truyền miệng) và phát hiện những tài liệu khác liên quan đến lịch sử của doanh nghiệp và của người lãnh đạo doanh nghiệp. Như vậy trong mỗi cuộc nói chuyện những thông tin thu thập được không chỉ liên quan đến tình hình hiện nay mà cả tình hình và những quyết định đã qua, cũng như dự đoán về những tiến triển tương lai, điều này cho phép nắm được

diễn biến những quyết định của chủ doanh nghiệp và những logic hành động của ông ta. Cuối cùng cuộc nói chuyện với chủ doanh nghiệp cho phép nhắc lại tất cả những thông tin này, hợp thức hoá một số yếu tố diễn giải, và đôi lúc cho phép tiến hành phân tích.

Mười "mánh lới của nghề"

a) Viết một lá thư rất ngắn để yêu cầu được tiếp chuyện, diễn đạt bằng ngôn ngữ của chủ doanh nghiệp và không đi vào những vấn đề đặt ra của cuộc điều tra; đừng ngần ngại sử dụng lời giới thiệu của những người được người lãnh đạo kính nể; cho xuất hiện tối đa trên lá thư các bằng chứng bảo lãnh của những tổ chức nghiêm túc. Vì những ông chủ thoát đầu không phải là những chuyên gia của chủ đề được tìm hiểu, cho nên sự chấp nhận hay từ chối của họ phụ thuộc vào các giả định của cơ quan trực thuộc và vào cách trình bày chủ đề có dễ hiểu hay không hơn là vào nội dung thực sự của những câu hỏi dự tính. Trong lá thư nói rõ rằng bạn sẽ gọi điện lại cho ban thư ký để được thoả thuận về một cuộc hẹn gặp. Đừng đợi người ta gọi mình.

b) Mạnh dạn hỏi lại người thư ký. Việc không trả lời của ban thư ký hoặc của người lãnh đạo không có nghĩa là từ chối phỏng vấn; việc không trả lời này thường do yêu cầu được coi là không cấp thiết vào thời điểm tiếp nhận, và lá thư đã

được xếp vào đồng công vấn.

c) Đối với một cuộc nói chuyện dài, nhất là khi chưa quen biết người lãnh đạo thì yêu cầu tối đa là một tiếng rưỡi đồng hồ; do nhịp độ làm việc của người lãnh đạo chắc hẳn đó là thời gian tối đa mà văn phòng có thể thoả thuận, trừ trường hợp có sự giới thiệu quan trọng từ trước. Tốt hơn hết là yêu cầu gặp vào cuối ngày, vừa để tránh sức ép của văn phòng vừa để cuộc nói chuyện có thể kéo dài.

d) Vào đầu cuộc nói chuyện, đừng ngần ngại đưa ra danh thiếp của mình và nhắc lại mục tiêu của cuộc tìm hiểu (bằng ngôn ngữ dễ hiểu), những quy tắc của cuộc chơi (đảm bảo yêu cầu kín đáo, những điều kiện công bố, và những trích dẫn có thể có...) và đề cương của cuộc nói chuyện.

e) Không sử dụng máy ghi âm: Công cụ này gây khó khăn rất nhiều cho công việc phải làm là phá vỡ cách nói chính trị cứng nhắc. Có một số người cho rằng người được phỏng vấn sẽ rất chóng quên máy ghi âm; nhưng điều đó đúng với các ông chủ doanh nghiệp hơn là với những người “hâm mộ” truyền thông. Hơn nữa, kinh nghiệm của chúng tôi cho thấy trong nhiều trường hợp, người lãnh đạo, đang trong cuộc nói chuyện lại yêu cầu tắt máy ghi âm để kể một giai thoại cá nhân - một bằng chứng cho thấy ông ta vẫn không quên cái máy ghi âm nhỏ bé. Cũng vì vậy, vào giai đoạn đầu làm việc với người lãnh đạo, khi chúng ta sử dụng máy ghi âm, thì trên thực tế chúng ta

thường hay phải bắt đầu lại một cuộc nói chuyện thứ hai, sau khi đã thu xếp đồ đạc và trước khi cáo từ. Nhưng lần này thì đứng ngay ở bậc cửa, không có máy ghi âm và cũng không thể ghi chép, song cuộc nói chuyện thứ hai này, mặc dù ngắn ngủi hơn nhiều, nhưng lại cho thấy là cuộc thứ nhất rất hồi hộp, đến mức còn cho phép đi xa hơn. Và do điều kiện cụ thể cần làm chúng tôi phải chạy ngay đến quán cà phê gần nhất để ghi chép lại tất cả. Cuối cùng, máy ghi âm lại tỏ ra càng kém hữu ích vì cuộc nói chuyện không nhằm thu thập thông tin, cũng như xác định lôgic hành động và xây dựng hoặc hợp thức những yếu tố diễn giải. Điều này có thể được thực hiện rất tốt trong cuộc nói chuyện hoặc khi đọc đi đọc lại các ghi chép nhiều lần khác nhau. Nhưng việc thực hiện sẽ khó khăn hơn nhiều nếu ta đọc 50 trang đánh máy một hơi và không sắp đặt thứ tự nội dung phát biểu.

f) Dù là chủ đề nào, dù phải ưu tiên một quan điểm nào đấy để đưa vào chủ đề, thì hãy bắt đầu bằng một câu chuyện của đời sống nghề nghiệp: Bề ngoài đó là thời gian bị đánh mất bởi những chuyện tán rông (nhiều người lãnh đạo thích nói về bản thân mình) nhưng trên thực tế đó là thời gian gặt hái được: Một mặt, việc nhắc lại quá khứ này thường rất thuận lợi để tạo ra một không khí tin cậy, mặt khác cần thiết làm rõ người lãnh đạo bắt đầu nói từ lúc nào, về các câu hỏi của chúng ta

về cơ cấu quyền lực hợp thức, sự nhắc nhở này cố nhiên là khó tránh.

g) Phải biết rằng bạn sẽ được người ta đánh giá rất nhanh, đặc biệt trong những thông tin có trước cũng như trong khả năng lắng nghe, phản ứng, và nối ghép những yếu tố khác nhau. Do đó, cần chuẩn bị rất nhiều và đa chiều cho cuộc nói chuyện. Phải cho người ta biết rằng mình đã gặp gỡ nhiều người lãnh đạo, trong số những người quan trọng nhất. Dù đã ở cấp cao, nhưng người đối thoại của chúng ta thường tỏ ra nhạy cảm với cương vị của những người được phỏng vấn khác - hãy cứ để mơ hồ, nhân danh một sự vô danh có bảo đảm, nhưng không bịa ra những cuộc nói chuyện giả mạo đã thực hiện, bởi vì thường họ cũng biết rõ nhau...

h) Lựa chọn thời điểm để người lãnh đạo có phản ứng đầu tiên và đặc biệt là thời điểm chất vấn, thời điểm từ bỏ lối nói chính trị cứng nhắc, và thời điểm lần đầu tiên người ta phá bỏ một điều cấm kỵ quan trọng. Cố gắng lựa chọn các cơ hội cho phép không phải để tính điểm - cuộc nói chuyện không phải là một cuộc thi điểm với người lãnh đạo - mà là mang tới cho người lãnh đạo một cái gì đó, bằng cách chẳng hạn gợi ý cho ông có một cái nhìn khác đối với cách làm của ông ta hoặc lý giải khác đi về những gì mà ông ta đã trải qua. Sự lựa chọn những thời điểm bản lề này là điều cốt yếu để làm cho cuộc nói chuyện có hiệu quả. Hiển nhiên nếu

phải mạnh dạn căn vặn người lãnh đạo, mạnh dạn chỉ cho ông ta thấy rằng mình không thỏa mãn về phát biểu chính thức của ông ta và đi trước ông ta trong việc phá vỡ những điều cấm kỵ, thì đồng thời cũng không được nói điều đó ra quá sớm, và trước hết phải tạo được điều kiện tin cậy tối thiểu. Không có sự tin cậy này, thì cuộc nói chuyện có thể sẽ bị rút ngắn rất nhanh chóng; với sự tin cậy này, những lời nói vừa có thể củng cố lòng tin vừa cho phép mở ra những hướng điều tra mới.

i) Trừ những trường hợp ngoại lệ, phải tránh sự đối đầu trực diện. Tốt hơn nên đề xuất những cuộc tìm hiểu chung. Mạnh dạn đòi hỏi các giai thoại có ý nghĩa và ghi chép chúng; mạnh dạn gợi ý cho người đối thoại diễn đạt một ghi nhận kinh tế - kỹ thuật thành một ghi nhận văn hoá, xã hội hoặc chính trị, và giúp đỡ họ trong công việc diễn đạt này.

j) Sau cuộc nói chuyện, cần ghi chép lại thật nhanh vì nguy cơ lãng quên, nhất là lẫn lộn giữa các cuộc nói chuyện khác nhau là rất lớn. Càng thực hiện nhanh công việc công phu rất tốn thời gian này thì công việc lại càng có giá trị do có sự kết hợp các yếu tố khác nhau của cuộc nói chuyện, và do những tiến bộ mà khi phân tích công việc này gợi ý ra. Nhưng phải chú ý giữ lấy sự khác biệt giữa các ghi chép có được trong cuộc nói chuyện và những ý khởi đầu phân tích, được thực hiện khi đọc lại.

Những loại hình nói chuyện khác nhau

Trong một đợt phỏng vấn các nhà lãnh đạo doanh nghiệp, có ba loại hình nói chuyện rất tương phản nhau xuất hiện, với những khác biệt rõ rệt cả về số lượng các ghi chép, thời gian của cuộc nói chuyện và cả về tính chất của mối quan hệ kết nối với người đối thoại là lãnh đạo.

Nói chuyện - phát hiện

Trong loại hình nói chuyện này, ta không ngừng tay viết, ghi lại tất cả vì sợ “bỏ lỡ” một dấu hiệu chắc là quan trọng, theo một cách viết tự động giống với phóng sự ảnh của người mới vào nghề muốn nắm bắt tất cả. Việc tiến hành loại nói chuyện này đòi hỏi khả năng viết rất nhanh và hầu như không dính dáng gì đến suy nghĩ; vì cùng một lúc phải có phẩm chất biết lắng nghe, đầu óc thường xuyên tỉnh táo, để đặt ra các câu hỏi khởi động lại bằng cách sử dụng ngôn ngữ của chính người lãnh đạo được phỏng vấn, nếu có thể. Trước hết, vấn đề là phải phát hiện ra ngôn ngữ, những biểu tượng và lý lẽ của người lãnh đạo (và về phương diện này, phải ghi lại tất cả). Do đó, một cuộc nói chuyện kém phần định hướng thì phải chấp nhận sự lan man. Nhưng đồng thời cũng phải dự kiến ở trong đầu một vài giả thiết và cố gắng (rất kín đáo) bắt đầu một vài phân tích, thậm chí thử đi sâu phân tích và hợp thức chúng bằng một vài câu hỏi.

Loại nói chuyện này kéo dài từ một đến ba giờ,

tùy theo khả năng sẵn sàng tiếp khách của người đối thoại; cuộc nói chuyện có thể rất thân mật nhưng không cho phép triển khai “sự thông đồng”. Không chắc là người phỏng vấn mang lại cho người lãnh đạo nhiều hơn khả năng của ông ta tự nói về mình mà lại không thách thức quyền lực và do đó nêu rõ các ngờ vực, các vấn đề hoặc các suy nghĩ của mình. Nếu người lãnh đạo cảm ơn người phỏng vấn về cuộc nói chuyện - điều này là thông thường - thì người nói chuyện lại hiếm khi biết mình đã mang tới cho ông ta cái gì. Ngược lại, về sau những cuộc nói chuyện lại thường tỏ ra rất có giá trị. Đọc đi đọc lại nhiều lần trong quá trình tìm hiểu, những điều ghi chép này tất nhiên là ghi chép tự động, dần dần có ý nghĩa, đồng thời ta tiếc là đã không phản ứng theo cách này hay cách khác, đã không đặt ra câu hỏi này hay câu hỏi khác, đã không lái người đối thoại theo hướng này hay hướng khác. Nhưng đây là thời điểm nói chuyện phát hiện.

Nói chuyện - hợp tác

Trong loại nói chuyện thứ hai này, ta vẫn ghi chép nhiều, nhưng ít hơn so với thể loại “nói chuyện- phát hiện”. Tâm trí, ngược lại, tập trung nhiều hơn hẳn vào những yếu tố giả thiết, diễn giải và những xây dựng lý luận, là những thứ dần dần được tạo dựng hoặc được trình bày cho người lãnh đạo được phỏng vấn, theo diễn biến của cuộc nói chuyện.

Cuộc nói chuyện (hay chính xác hơn những khúc chuyện trò) như thế cho phép tiến tuần tự trong quá trình phân tích, với sự giúp đỡ ít nhiều tích cực của người đối thoại. Cuộc nói chuyện, vẫn là có chuẩn bị trước, thường bị ngắt quãng nhiều bởi những câu hỏi của người phỏng vấn, so với thể loại “nói chuyện- phát hiện”. Và những câu hỏi này, ngược với những gì diễn ra trong thể loại “nói chuyện - phát hiện”, thường lưu ý đến các vấn đề diễn dịch ngôn ngữ người lãnh đạo được phỏng vấn sang ngôn ngữ xã hội học. Nhiều ngôn ngữ giao thoa nhau, nhưng sự giao thoa này được chấp nhận vì ngôn ngữ của người lãnh đạo bao giờ cũng là một trong số những ngôn ngữ đó. Nhà xã hội học không tự cấm mình suy ngẫm và làm cho người đối thoại phản ứng với sự khởi đầu suy ngẫm này; và đồng thời thúc đẩy người lãnh đạo cũng làm như vậy. Những ghi chép liên quan chủ yếu đến những yếu tố bố cục, là những yếu tố được hình thành dần dần, và đều kèm theo lời ghi chú riêng để làm rõ đó là ý của người lãnh đạo hay của người phỏng vấn: Những yếu tố thể hiện được ghi chép có hệ thống, cũng như những phản ứng của người lãnh đạo khi bắt đầu nghe người phỏng vấn lý giải.

Những cuộc nói chuyện này, khi tiến triển tốt, giống một buổi họp tác thực sự tượng trưng, thường kéo dài (ba hay bốn giờ, có thể nhiều lần) người lãnh đạo bận bịu nhất cũng vẫn tìm ra thời

gian cần thiết. Chắc hẳn người chủ doanh nghiệp khi tham gia phân tích xã hội học như thế, có cảm tưởng là mình thấu hiểu hơn một số hiện tượng, làm được các lý giải khác và phát hiện một số khía cạnh trong thực tế hành động của mình và/hoặc của doanh nghiệp mình. Khi tạm đóng vai người tìm hiểu, dù chỉ trong khoảnh khắc, người lãnh đạo vừa hiểu được lợi ích của cuộc điều tra, vừa nuôi dưỡng và tận hưởng nó.

Nói chuyện - hợp thức hoá

Trong những cuộc nói chuyện này, người ta ít ghi chép; và ngay cả đôi lúc ghi chép cũng chỉ để cho người lãnh đạo được phỏng vấn nghĩ rằng ta cần thu thập những gì ông ta nói; nhưng trên thực tế, có thể ghi chép ít hơn nhiều...Nhìn từ ngoài, cuộc phỏng vấn có vẻ như một cuộc thảo luận, thường rất nhanh chóng, ở đó những điểm bất đồng và tán đồng cũng nhanh chóng được đặt lên bàn. Cho dù cuộc nói chuyện vẫn có chuẩn bị trước, người phỏng vấn nói nhiều hơn trong hai loại phỏng vấn khác. Những câu hỏi đặt ra nhiều hơn và dài hơn; và người chủ được phỏng vấn thường trả lời ngắn hơn, thậm chí đôi lúc chỉ là một từ đơn giản “Vâng, hoàn toàn như vậy”, với một thái độ vui vẻ hoặc đồng tình. Trên thực tế cuộc nói chuyện cho phép người tìm hiểu phân tích tại chỗ và nhanh chóng những gì người lãnh đạo nói, dựa trên những kết quả tìm hiểu đã có. Do vậy, phản ứng của người lãnh đạo cho phép hợp

thức hoá hoặc làm rõ những kết quả tìm hiểu này. Những cuộc nói chuyện này hiếm khi kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ nhưng cho phép đề cập đến rất nhiều chủ đề và thường khá sâu sắc.

Nối tiếp/hoặc kết hợp ba loại hình phỏng vấn

Theo logic thì một đợt nói chuyện phải là sự nối tiếp ba loại hình phỏng vấn này:

- Bắt đầu bằng những cuộc “nói chuyện – phát hiện” cho phép đi sâu vào vấn đề, tích lũy thông tin và làm rõ một số hướng đi;

- Sau đó, tiếp tục bằng những cuộc “nói chuyện – hợp tác” cho phép khởi thảo một số phân tích và hình thành một số lý giải;

- Và kết thúc bằng những cuộc “nói chuyện – hợp thức hoá” để làm rõ hoặc hợp thức hoá những phân tích và lý giải này.

Trên thực tế, tiến trình này được kiểm tra một cách tổng thể, cho dù có mô tả nhiều sự nối tiếp các logic nổi bật trong các cuộc nói chuyện khác nhau. Phần lớn những cuộc phỏng vấn trên thực tế là những sự phối hợp cả ba loại hình lý tưởng này, tuy một trong ba loại hình đó có tính chất chi phối. Nếu những cuộc tiếp xúc đầu tiên tiến hành theo logic “nói chuyện - phát hiện”, thì đây đó nó thường là dịp trao đổi về các lý giải, và thậm chí cả một số cách đặt câu hỏi hợp thức hoá, nhất là cho phép nhấn mạnh công việc tích lũy dữ liệu từ trước. Nếu những cuộc nói chuyện, vào lúc nửa chừng, lại tiến hành chủ yếu theo logic “hợp tác”,

thì chúng vẫn được tiến hành như thế đối với một chủ đề nào đó của cuộc “nói chuyện - phát hiện”, hoặc một chủ đề khác của cuộc “nói chuyện - hợp thức hóa”. Do đó, có thể giải thích những cuộc nói chuyện, vào lúc giữa chừng lại nhanh chóng trở nên khác nhau. Dần dần đó là những địa hạt mới được khảo sát, sau một cuộc trao đổi nhanh về những gì đã được khảo sát trước đó. Cuối cùng, những cuộc nói chuyện sau chót đều là những cuộc “nói chuyện - hợp thức hoá” dù là chủ đề nào thì các cuộc nói chuyện này cũng là cơ hội để đi sâu và làm rõ, thậm chí diễn đạt một cách tinh vi một số điểm phân tích.

Xét về tổng thể, nhờ có tính đa dạng này của công việc phỏng vấn, một khi những cuộc nói chuyện kết thúc, thì sự phân tích cũng kết thúc: cuộc nói chuyện, về cơ bản không phải để tích lũy thông tin, đã tiến hành như một cơ hội đặc biệt để thực hiện các bài phân tích và lý giải.

TRỞ LẠI VIỆC SỬ DỤNG MỘT CÁCH KHOA HỌC NHỮNG CUỘC PHỎNG VẤN CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO CÔNG ĐOÀN

René Mouriaux

"Chẳng hạn, cứ nhìn con cua mà xem. Nếu đẩy nó đi bằng chiếc gậy để xem hành vi của con vật ra sao thì ta thấy nó xử sự đúng như bị gậy đẩy".

(Gardner, John, Đám tàu Agathon)

Trong khoa học nhân văn, không có cái gì là vô thường vô phạt, kể cả các từ ngữ, các sự vật. Nhận thức về sự thực xã hội tự bản thân nó gắn liền với những lý thuyết được vận dụng thông qua các kỹ thuật mà chính chúng là cấu trúc. Cuộc nói chuyện có chuẩn bị trước cũng không phải là ngoại lệ: phải sử dụng các phương pháp trong các khoa học xã hội. Trên cơ sở thực tiễn phỏng vấn các nhà lãnh đạo công đoàn, trong bài viết này, tôi sẽ cố gắng chỉ ra những khó khăn gặp phải và những kết quả đạt được.

1. Khó khăn của cuộc phỏng vấn

Trong các bộ phận hợp thành chủ yếu của nó, giới công đoàn Pháp mang dấu ấn sâu sắc của văn hoá công đoàn cách mạng. Đề cao giá trị lao động,

ý thức tập thể dẫn đến sự “chối từ thành đạt”, theo cách nói của Albert Thierry. Bản thân “các quan chức” của tổ chức này đều thấm nhuần lý tưởng sống tranh đấu và vị tha. Dầu cho có các khuynh hướng đối lập, chủ nghĩa thực dụng ở họ gây ra mối đe dọa nhưng không nhất thiết rơi vào sự thù địch kiểu Jdanov¹ đối với khoa học tư sản, một sự thù địch do nghi ngờ người trí thức, một khuynh hướng coi thường những nghiên cứu của các trường đại học. Cương vị của người ủy viên thường trực công đoàn có chút ít dũng cảm đã thay đổi sau Chiến tranh thế giới thứ hai, và nhất là sau tháng 5 năm 1968, với sự mở rộng khu vực công cộng, sự thừa nhận về thể chế đối với hoạt động công đoàn, và sự thừa nhận của các phương tiện truyền thông mà André Bergeron đã biết vận dụng. Đối với người lãnh đạo công đoàn - trong những năm 1970 và 1980 - một cuộc nói chuyện với một người điều tra thể hiện một trách nhiệm hơn là sự thừa nhận vai trò của người đó. Cuộc nói chuyện được coi như một phương tiện để trình bày lập trường chính thức và chứng minh cho đường lối, hơn là một sự trao đổi, một phần đóng góp vào nhận thức các quá trình thực tế của hoạt động công đoàn. Khủng hoảng kinh tế, sự sụp đổ các ý thức hệ, hoạt động của các mạng lưới sẽ góp phần thay đổi những thái độ này trong khi việc chuyển

¹ Chính trị gia người Nga, 1896 - 1948, đề cao hiện thực xã hội chủ nghĩa.

ngiệp hoá lại tiếp tục có những tác động của nó.

Sau khi đã thực hiện những cuộc phỏng vấn với các cán bộ của Tổng liên đoàn lao động CGT vào những năm 1967 - 1968 và với các công nhân bảo thủ vào những năm 1971 - 1972 với Jacques Capdevielle, tôi đã dựa vào các cuộc phỏng vấn không chính thức các nhà lãnh đạo công đoàn để chuẩn bị một cuốn sách về công đoàn, xuất bản năm 1979 cùng với Gérard Grunberg. Đặc biệt tôi đã gặp Jean Menu, nhà lãnh đạo của CGT. A.Malterre đã từ chối tiếp tôi. Cũng theo cách ấy, để chuẩn bị một cuốn sách về CGT, tôi đã gặp gỡ 4 nhà lãnh đạo của CGT, R. Duhamel phụ trách Ban quốc tế, J.Magniadas, chuyên gia về những vấn đề kinh tế, J-L Moynot, thư ký Tổng liên đoàn đương trong cuộc xung đột về lãnh đạo, làm khuấy động Liên đoàn vào thời kỳ đó, và M. Piolot phụ trách vấn đề đào tạo. Những phát biểu thu lượm được không được sử dụng trực tiếp, nhưng đã góp phần để hiểu rõ hơn về bộ máy tổ chức và nhận thức tốt hơn về các thách thức của thời kỳ này.

Chính vào những năm 1980 - 1981, tôi đã tiến hành những cuộc phỏng vấn với các nhà lãnh đạo công đoàn để xác định rõ hơn lịch sử của công đoàn những năm 1936 - 1946. Đó là A. Gazier, thư ký của Tổng liên đoàn lao động CGT thời kỳ giải phóng, R. Pascre phụ trách công tác cán bộ của CGT rồi của Liên đoàn Lao động ngành hoá học, J.Tessier, chủ tịch của CFTC, J.Bour, cán bộ của

USIC và của CGC, H. Lespes, một trong những người sáng lập ra CGC. Tuỳ theo chức vụ của từng người mà tôi đặt ra các câu hỏi nhằm vào những điểm còn chưa rõ hay đang được tranh luận. Các câu trả lời đều được đọc đi đọc lại và đôi khi được đưa cho người được phỏng vấn xem lại.

Vào những năm 1984 - 1985, trong một đợt làm việc với Liên đoàn Giáo dục Quốc gia, tôi đã cộng tác với V.Aubert, A. Bergounioux và J-P. Martin. Vào dịp này, tôi đã thực hiện một loạt 11 cuộc phỏng vấn với những người phụ trách công đoàn, liên quan đến những cán bộ ở cấp Tổng liên đoàn hay Liên đoàn của CGT, FO, FEN. Cuối cùng để cùng với G.Groux biên soạn một cuốn sách về CFDT, ngoài bản câu hỏi gửi cho E.Descamps mà ông đã trả lời một cách sâu sắc, tôi còn tiến hành ba cuộc phỏng vấn với ba người khác.

Những cuộc phỏng vấn nhằm tìm hiểu FEN và CFDT có mục tiêu chủ yếu là thông tin. Chúng tôi tham khảo tri thức của các nhà lãnh đạo công đoàn để biết và để hiểu những giai đoạn tế nhị trong lịch sử tổ chức của họ. Để sử dụng bằng chứng của họ mà không gây tranh cãi, văn bản cuộc nói chuyện được hợp thức hoá và sửa chữa. Thủ tục này là sự đảm bảo cho cả hai bên; nhưng nó có một nhược điểm lớn là phá bỏ khả năng nghe nói. Có được một lần hẹn gặp là trở ngại đầu tiên phải vượt qua. Muốn vậy, trước khi gọi điện thoại, tôi gửi một lá thư trong đó nói rõ cương vị nghiên cứu của mình,

dự kiến đề tài cuộc nói chuyện, khuôn khổ chung của cuộc tìm hiểu trong đó cuộc nói chuyện được tiến hành (nội dung, phương pháp, vấn đề), dự kiến công bố tài liệu sau này. Ngay từ đầu đã có cam đoan thông báo công trình khi kết thúc. Trên cơ sở thông tin đầu tiên này, ngày giờ của cuộc hẹn gặp đòi hỏi khá nhiều tính kiên nhẫn, với sự linh hoạt về thời gian (vào đầu hay cuối ngày). Cũng như đối với các cán bộ cơ sở, việc hoãn các cuộc gặp gỡ vẫn là chuyện thường xảy ra.

Khi đã có một cuộc hẹn gặp, thì thử thách thứ hai là thiết lập một quan hệ hiểu biết lẫn nhau. Là người tìm hiểu còn trẻ, nên thể hiện sự hiểu biết đầy đủ về chủ đề để không nói chung chung có phần “chiếu cố”. Là người tìm hiểu vững vàng hơn, thì cần dứt bỏ các “biểu tượng xã hội” đôi lúc quá đơn giản.

Dù có chấp nhận hay không thì bất cứ người tìm hiểu nào cũng bị lôi kéo vào vấn đề mà anh ta đang nghiên cứu. Chuyên gia phân tích bầu cử cũng bỏ phiếu (hay không bỏ phiếu). Người không tham gia tranh đấu không tự dưng có một cái nhìn sáng suốt hơn về hoạt động tranh đấu như bạn đồng sự dấn thân vào. Khoảng cách của họ không đảm bảo sự am hiểu tức khắc. Ngược lại, người hiểu biết phong trào công đoàn từ bên trong thì không che giấu các thiên kiến và định kiến.

Vốn là cán bộ của Liên đoàn Giáo dục Quốc gia từ năm 1973 đến 1992, tham gia vào các nghiên

cứu của CGT từ 1972 đến 1976, là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp từ năm 1970 - 1983, tôi phải xác lập tư thế nhà nghiên cứu của mình trước con mắt người đối thoại. Không đồng lõa với những người này, cũng không phải là kẻ phê phán dưới con mắt những người khác. Sự định hướng của tôi trong địa hạt khoa học được thể hiện bằng việc nhắc lại lập trường nguyên tắc của mình- đó là gìn giữ một cách kính trọng những ý kiến và kinh nghiệm sống của người được phỏng vấn. Những câu hỏi đều nhằm vào các điểm lịch sử, cụ thể không bày tỏ sự tán tụng hay luận chiến.

Để minh họa cho phương pháp tiến hành này, tôi nhắc lại đây một giai thoại. Ở Câu lạc bộ Quân đội Paris, tôi gặp một cán bộ mà tôi muốn phỏng vấn về vai trò của ông trong lịch sử của tổ chức ông, nhưng ông lại yêu cầu hỏi tôi trước một vài điều: “Ồ bậc trung học, anh học trường nào?” - “ở trường dòng Tên.” - “Như thế anh có thể nói cho tôi biết ai đã viết quyển *Dấu ấn*.” - “Estaunié.” “Thế thì được, ta có thể nói chuyện”. Thật may, tôi lại nhớ tác giả cuốn tiểu thuyết, năm 1895, đã đưa ra một bức tranh phê phán vai trò giáo dục của những người bố. Tôi không bằng lòng trước sự đồng ý dễ dàng này và đã trình bày quan niệm của mình về cuộc nói chuyện trước khi đưa ra câu hỏi.

Tôi thấy mình đã thành công khi thực hiện những cuộc trao đổi bổ ích. Thất bại là có sự chối từ trước. Năm 1987 Ph. Bauchard muốn tôi tham

gia những cuộc phỏng vấn mà ông ta dự định thực hiện với A. Bergeron để chuẩn bị cuốn sách *Chứng nào còn có hạt để xay* (Laffont, 1988). Ông tổng thư ký của FO đã gạt bỏ đề nghị này. Nói chung, nên đánh giá cao cơ may được chấp nhận, còn nếu của vấn đề đóng thì chẳng có gì mở được. Vì có rất nhiều các tổ chức công đoàn, cho nên có thể bắt đầu với những đại diện cởi mở nhất, và cuối cùng hãy tìm đến những người bướng bỉnh nhất, bằng cách làm cho họ cảm thấy rằng họ trở nên lập dị khi tự loại bỏ mình khỏi việc phỏng vấn, trong khi những người khác lại nhã nhặn ưng thuận.

2. Đóng góp của các cuộc phỏng vấn

Để nghiên cứu phong trào công đoàn, chúng tôi có nhiều nguồn “dữ liệu” khác nhau: Tài liệu lưu trữ (thư từ, tư liệu nội bộ), những ấn phẩm chính thức (điều lệ, báo cáo, sách, báo, truyền đơn, khẩu hiệu), các bằng chứng (hồi ký), kết quả bầu cử, thống kê về các cuộc đình công, các bản thăm dò, điều tra chất lượng,... Thường có sự phân biệt giữa những nguồn tư liệu cấp một và những nguồn thứ yếu. Điều đó chỉ là tương đối vì có thể thay đổi theo chủ đề. Đối với việc khảo sát quyền đại diện của các công đoàn, những công trình của các trường đại học nói chung thuộc về loại thứ nhất. Ngoài ra, không có một tư liệu hoàn toàn “thô” nào. Những tài liệu lưu trữ, ngoài những yếu tố

bất ngờ do vấn đề bảo quản, đều được lựa chọn. Thoạt đầu, không có gì là tin cậy được, tất cả đều phải đặt vào đúng quy chế sản phẩm đặc thù. Lại một lần nữa phải nói rằng cuộc phỏng vấn “có chuẩn bị trước” không đem lại tính xác thực chắc chắn hơn những tài liệu khác, nó bị hoen ố do tính chủ quan, còn đáng ngờ hơn. Là kết quả của sự tác động qua lại giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn, bài viết có được tính hợp thức của nó.

Tuy không mang lại những phát hiện đáng chú ý, các cuộc phỏng vấn được thực hiện đã đóng góp vào việc làm rõ quá khứ ở những điểm cụ thể - và đó là lợi thế đầu tiên của việc sử dụng phương pháp này. Trong chủ đề hoạt động công đoàn, nhờ những bằng chứng được thu thập, ta suy ra hoạt động của những người theo dòng Tên, thông qua USIC, trong những năm 1936-1944, đã gây ra những phản ứng bất lợi ở một số kỹ sư không thích có sự lẫn lộn giữa hoạt động Gia tô giáo với một ảnh hưởng thế tục. Những phát biểu về đề tài này soi sáng cả tính chất mà CGC tự gán cho mình là “không đức tin”.

Về phong trào công đoàn giáo dục, 11 cuộc phỏng vấn được thực hiện đã cho phép lược lặt nhiều thông tin, chắc chắn là những chi tiết, nhưng tất cả lại rất quý báu. Chẳng hạn A.Giauque, người phụ trách các quan chức của FO thừa nhận đã có những cuộc nói chuyện qua điện thoại với UGFF – CGT, đặc biệt năm 1985.

Cuộc điều tra đối với những người phụ trách CFDT cũng không kém phần bổ ích. Hãy xem xét trường hợp cuộc nói chuyện với G.Levard, cựu chủ tịch của CFDT, ngày 20-5-1981. Trong khi trình bày ý kiến của thiểu số của Liên đoàn, ông trình bày quan điểm của mình về E. Descamps và những lý do của việc ông từ chức năm 1967 qua một lá thư đề ngày mồng 5 tháng 5: “Ngược lại, bức thư đã thực hiện một sự lựa chọn bất lợi khi người viết tự coi mình là người phát ngôn của E.Descamps. Vấn đề không phải là phủ nhận những đức tính của con người, lòng độ lượng, sự tận tụy, khả năng giao tiếp. Nhưng đó là chuyện tình cảm. Không hiểu điều này, điều đánh dấu cuộc nói chuyện với Maurice Thorez về thời kỳ giải phóng với tư cách là nhà lãnh đạo của Đoàn thanh niên công nhân cộng sản JOC, ông ta bị ảnh hưởng đến mức thật khó tin ông ta một cách lâu dài. Ông không đủ tầm để lái con tàu trong cơn bão tố, vì ông quá nhạy cảm với những ảnh hưởng bên ngoài. Đó là điều tôi đã giải thích trong lá thư đầu tiên gửi Hội đồng Liên đoàn, đồng thời gửi đến đơn xin từ chức của tôi. Theo yêu cầu của một số người, tôi đã không gửi lá thư ấy đi. Và vì lợi ích của phong trào tôi đã thảo một lá thư khác nhẹ hơn”.

Bằng chứng của G.Levard mang lại một thông tin về thể thức từ chức của ông. Nó làm sáng tỏ hoạt động của ban lãnh đạo CFDT, ở đó những bất

đồng đã nảy sinh. Ông đưa ra lời phê phán E.Descamps. Trong cuốn *Cánh tả thứ hai*, năm 1982, H.Hamon và P.Rotman trình bày những lời chỉ trích ông Tổng thư ký hay nổi giận và độc đoán: “Ông bị phán xét là quá “Cơ đốc giáo”, nặng tình cảm, có khả năng tập hợp, nhưng thông qua không khí sôi nổi của một căn phòng được sưởi ấm hơn là bằng hành động từ xa, kiên nhẫn và đôi lúc lạnh lùng (...) Người ta nghi ngờ ông thực tâm bảo vệ triển vọng về một sự hoà giải cứu thế cho một giai cấp công nhân bị chia rẽ - “ở ông có một cái gì đó cắm sâu vào bên trong - J.Moreau tâm sự - một sự chuyển dịch của thần học sang một cơ thể thần bí”.

Từ những bằng chứng quy tụ, ta buộc phải kết luận, như F.Georgi đã làm, về những cơn kịch phát giận dữ của nhân vật và về sự gắn bó với Cơ đốc giáo của ông. Ngược lại, tính không ổn định trong các ý kiến của ông lại phần nào khó tránh khỏi, và ta có thể tự hỏi liệu các phê phán về chủ nghĩa tình cảm của E.Descamps trên thực tế có phải là nhằm giảm giá trị các bài phân tích của ông về đấu tranh giai cấp hay không?

Thứ hai, những cuộc phỏng vấn đã cung cấp tư liệu phong phú cho việc khảo sát văn hoá của các ủy viên thường trực công đoàn “giới thượng lưu xã hội, giới thượng lưu giữa trung gian, giữa giai cấp và người đối thoại, giới chủ/nhà nước”. Khác với những loại văn bản công đoàn khác, hồ sơ cuối cùng tập hợp được không bao gồm những thông

báo về thành tích, theo cách nói của J.L. Austin, những câu gồm những cam kết, hứa hẹn, thực hiện một hành động; mà ngược lại với trò chơi chữ giữa cái “tôi” và cái “chúng tôi”, nó chứa đựng cùng tính hai mặt như các báo cáo đại hội. Những người hoạt động công đoàn được phỏng vấn nói ở ngôi thứ nhất số ít để gọi lên kinh nghiệm của họ. Họ chuyển qua ngôi thứ nhất số nhiều khi đề cập đến những ý kiến, những quyết định chung. “Chúng tôi” lúc ấy chỉ ban lãnh đạo nói chung, tổ chức nói chung. Ủy viên thường trực coi mình như một cán bộ trong số những cán bộ khác. Ngoài ra, cũng thật ngạc nhiên khi cụm từ đồng chí được nhắc đến khá thường xuyên, kể cả trong các cuộc phỏng vấn các cán bộ khung. Cái “chúng tôi” được ghép vào một môi trường luận chiến, cho phép chống chọi với “họ”.

Những bằng chứng được xác lập trong các cuộc phỏng vấn cho phép tiếp cận các phát biểu của các ủy viên thường trực xuất phát từ khái niệm thế hệ mà tính hiển nhiên bề ngoài của nó đã bị A.Percheron, và mới đây là J.P.Perrail chất vấn? Các bằng chứng này cũng giúp tìm hiểu vai trò của các ủy viên thường trực trong cơ cấu công đoàn. Những cuộc phỏng vấn các nhà lãnh đạo Liên đoàn Giáo dục Quốc gia có nội dung không giống với những cuộc nói chuyện khác: những mối quan tâm về nghề nghiệp ở đây có một tầm quan trọng đáng kể, đó là hệ quả của sự độc lập về mặt tổ chức.

Thêm một nhận xét: những cuộc nói chuyện được thực hiện nhằm vào quá khứ nhưng những người được phỏng vấn lại đề cập đến hiện tại. Ngược lại, trong tập hồ sơ đó, tương lai hầu như không bao giờ được xét tới. Nếu người ta bàn đến ba loại hùng biện được Aristote phân biệt, thì những ủy viên thường trực tránh phỏng đoán, phát biểu về cái có ích và cái có hại. Họ cảm thấy thoải mái hơn khi bàn đến cái công bằng và cái cao thượng.

Cách thức tốt nhất để khép lại bài viết này là trở về điểm xuất phát, theo kiểu cổ điển của văn phong phỏng vấn. Hình ảnh con cua bị người quan sát xua gậy, cần phải tương đối hóa. Trong quan hệ phỏng vấn, người đặt câu hỏi, nếu nhất quán, sẽ tự hỏi về phương pháp tiến hành, về vị trí của mình. Các câu hỏi họ nêu ra gắn liền với các câu trả lời, và văn bản ghi chép nội dung cuộc trao đổi có tính độc lập của nó. Khoa học đang tồn tại trong cái thực tiễn của nó và ở đây nữa Stagirite đã cảnh báo về điều cơ bản: “Thượng đế là ở trong bếp”.

PHẦN IV

NHÌN SANG NƠI KHÁC

BẢNG CHỨNG LỊCH SỬ: MỘT NGUỒN ĐÃ MẤT ĐI ẢO ẢNH

Alain Beltran

Thật là tệ hại để cất tiếng nói nhân danh các nhà sử học, những người rất khác nhau về độ nhạy cảm, quá trình đào tạo, hướng nghiên cứu, và thời đại mà họ nghiên cứu. Tuy nhiên, ít ra họ cũng có điểm chung: đó là phần lớn các công trình của họ dựa vào tài liệu viết, nghĩa là chủ yếu dựa vào kho lưu trữ đã được phân loại. Khoảng cách tất yếu của lịch sử đã cách ly họ với những thời kỳ gần đây nhất, các thời kỳ được coi là không mấy thuận lợi cho việc phân tích khách quan. Ít ra đây là một tín hiệu. Trong một công trình sử học nếu đề cập thời gian sau năm 1914 dường như là điều đáng ngờ với một số người. Thời đại đã thay đổi. Thực tế lịch sử hiện đại đã dẫn đến các phương pháp làm việc không còn mang dấu ấn của nét độc đáo bởi vì chúng lặp lại các thói quen của các nhà báo hay các nhà xã hội học. Tiếp xúc với các nhân chứng, lớn hoặc nhỏ, từ nay là một thói quen bình thường của nhà sử học. Về phần mình, chúng tôi đã sử dụng việc ghi chép có mục đích lịch sử từ 15 năm nay. Chúng tôi đã gặp những người thợ điện, những người thợ khí đốt, những công nhân đường

sắt, các chuyên gia dầu lửa, các nhà chính trị, các nhà hoạt động công đoàn, những yếu nhân nước ngoài... Quả vậy, chúng tôi thường đặt ra cho mình những câu hỏi về phương pháp (tiến hành cuộc nói chuyện như thế nào và xử lý nó như thế nào). Chúng tôi suy nghĩ chủ yếu về quá trình ra quyết định ở doanh nghiệp hay cơ quan. Nhưng hiếm khi chúng tôi dừng lại ở khái niệm giới thượng lưu để tập trung nhiều hơn vào khái niệm mẫu có tính biểu tượng. Tuy vậy, chắc chắn chúng tôi đã gặp các thành viên của giới thượng lưu Pháp. Dù cho chỉ là để giải mã một số cuộc nói chuyện thì cũng thật hữu ích khi biết nhân chứng của chúng tôi đi theo cách lựa chọn nào, thể thức nào. Vậy ta sẽ thấy vài suy ngẫm căn cứ trên sự từng trải của chúng tôi với tư cách là nhà sử học thời nay trước các nhân chứng.

1. Ký ức truyền miệng của Công ty điện lực Pháp (EDF)

Hãy mở đầu bằng sự bắt đầu. Ít nhiều do tình cờ mà vào năm 1980 chúng tôi đã phát hiện ra việc sử dụng máy ghi âm ở khoa lịch sử. Vừa mới bắt đầu làm luận văn cấp nhà nước, chúng tôi đã phải tham gia vào một cuộc tọa đàm của Hội tài trợ Quốc gia các khoa học chính trị về nước Pháp những năm 1945 - 1952. Vì lý do đó, chúng tôi đã tiếp xúc với Công ty điện lực Pháp (EDF), để tìm ra những nguồn tài liệu cho phép gọi lại những

năm đầu tiên của EDF, một trong những biểu tượng của sự nghiệp đổi mới nước Pháp. Doanh nghiệp nhà nước này không thể mở kho lưu trữ mới nhất của mình, đặc biệt những biên bản của Hội đồng quản trị, một nguồn tài liệu cổ điển về lịch sử doanh nghiệp. Hoặc là các tài liệu lưu trữ không được phân loại (thường là cách đây 15 năm) hoặc một số tài liệu không được phép phổ biến (trường hợp những biên bản của Hội đồng quản trị). Đối với một số chủ đề, chẳng hạn những quyết định xung quanh việc phát động chương trình điện hạt nhân năm 1974, tài liệu viết còn lại không đầy đủ vì một phần của quá trình ra quyết định đã diễn ra rất nhanh chóng và không để lại dấu vết (hội kiến không có biên bản, những cú điện thoại...). Do vậy, cần phải tìm ra một nguồn độc đáo để không rơi vào cảnh khai thác ít ỏi chỉ riêng có tài liệu viết cộp nhặt được. Cùng với các đồng nghiệp M. Bungener và J.F.Picard, chúng tôi đã nghĩ đến việc tập hợp một số lượng quan trọng những bằng chứng chưa công bố liên quan đến sự tiến triển của khu vực điện nhà nước từ năm 1946. Nhiều bằng chứng kích thích chúng tôi hành động theo cách này. Đó là phương pháp mà một người Canada đã sử dụng để chỉ ra quá trình quốc hữu hoá ngành khí đốt và ngành điện lực năm 1946. Đó cũng là cách đã được lựa chọn đối với lịch sử ngành kế toán nhà nước: Phương pháp này cũng được thể hiện trong các doanh nghiệp (Elf-

Aquitaine) hay trong các cơ quan lớn (Bảo hiểm xã hội). Ngày nay, Viện Sử học cũng đã tập hợp một số lớn mẫu nói chuyện xung quanh hành động của P.Mendès France. Bằng cách tạo ra một kho tài liệu độc đáo về sự phát triển của EDF, và kết hợp nó với nhiều nguồn sách báo đã được công bố về doanh nghiệp này, chúng tôi có được một tư liệu phong phú và sống động hơn so với bình thường.

2. Kinh nghiệm mới

Hai văn bản đã ra đời từ cuộc điều tra của chúng tôi. Văn bản thứ nhất (“Ký ức một doanh nghiệp nhà nước”) không được công bố vì nó giống với một tài liệu chưa qua xử lý, một bản báo cáo hơn là một cuốn sách. Hầu như nó chỉ gồm toàn những trích dẫn các cuộc nói chuyện, tách rời hoàn toàn với phần chính của văn bản. Việc lý giải trở nên khó khăn, nhất là văn phong có phần khô khan của các chứng cứ tạo nên mâu thuẫn của các quan điểm, không phản ánh chính xác sắc thái của các ý kiến. Năm 1985 chúng tôi đã xuất bản cuốn *Lịch sử EDF* ở Nhà xuất bản Belfond, trong đó những trích dẫn chiếm một vị trí ít hơn so với bản đầu tiên. Chúng tôi đã lặp lại việc làm này đối với ngành Khí đốt Pháp cùng với J.P.Williot (1991), đối với Tàu cao tốc (TGV) cùng với J-F. Picard, đối với ngành Mỏ (Elf-Aquitaine), cùng với Sophie Chauveau. Mỗi lần như thế, chúng tôi đã phải trả lời yêu cầu cụ thể của các doanh nghiệp

vốn thường không có một kho lưu trữ được phân loại đầy đủ. Chính như thế mà chúng tôi đã trở thành những “chuyên gia” của câu chuyện truyền miệng, nhưng qua thời gian, chúng tôi không mấy khi ưu tiên đặc thù này. Trong những năm 1970, lịch sử truyền miệng này không phải là trung lập: Nó cho phép khẳng định rằng mảnh đất của các nhà sử học sắp biến đi trên bờ của hiện thực và Clio¹ không chỉ đối thoại duy nhất với những người đã khuất. Giống như các nhà chính trị học, nhà xã hội học và nhà báo, các nhà sử học thời nay trồng cây vào nhân chứng của hiện tại. Việc mở rộng nguồn tư liệu này cũng mang ý nghĩa chiến đấu: Câu chuyện truyền miệng là phương tiện đem lại tiếng nói cho những người bị lãng quên của lịch sử, nghĩa là cho những nhóm thiểu số sắc tộc, những giai cấp bị thiệt thòi, những người phụ nữ.

3. Một mẫu chọn rộng rãi

Với suy nghĩ này, phỏng vấn giới thượng lưu hầu như là một việc làm có tính chất khiêu khích: Đó là trả lại tiếng nói cho những người đã giữ độc quyền nó từ lâu rồi. Nhiều cuộc tranh luận đã bị mờ nhạt đi. Việc một nhà sử học sử dụng hay lạm dụng máy ghi âm ngày nay không còn làm ai ngạc nhiên. Phương pháp này là phương pháp có ích và

¹ Clio: Theo huyền thoại Hy Lạp, là vị nữ thần của thơ ca và lịch sử (N.D).

quen thuộc; và không phải là một mục đích tự thân. Ở trường hợp chúng tôi, chúng tôi thường phỏng vấn những người lãnh đạo cấp cao, ở trong hoặc ngoài doanh nghiệp. Nhưng đấy không phải là mục đích chính. Một doanh nghiệp, đó cũng là những công trường, những xưởng máy, những “chuyện gay cấn”, những cuộc đình công. Việc tìm kiếm nhân chứng không ở chóp bu của hệ thống thứ bậc, mà ở thực địa mới là điều thiết yếu nhằm hiểu được một môi trường lao động, một xung đột, một thành công kỹ thuật. Như thế ta có thể nắm bắt lịch sử của tàu cao tốc ở Pháp duy nhất thông qua những báo cáo của các đơn vị cầu đường. Nhưng câu chuyện năm 1955 của những nhân chứng có mặt trong đoàn tàu khởi động với tốc độ hơn 300km/giờ bị nghiêng và làm biến dạng con đường, đó là một thực tế nói lên rất nhiều về tinh thần của người công nhân đường sắt, của những cán bộ trong và ngoài Trường Bách khoa, hơn bất cứ một báo cáo chính thức nào. Những công trường thủy điện những năm 1950, dầu lửa Sahara, việc xây dựng mạng khí đốt Lacq... là những thí dụ khác mà chúng tôi gặp được. Con người và nghề nghiệp vẫn là một khía cạnh chủ yếu của lịch sử kinh tế và xã hội. Nhưng dầu sao, trong những lần điều tra khác nhau, do chú ý đến những quyết định lớn, tất nhiên chúng tôi phải gặp gỡ giới thượng lưu kỹ thuật Pháp, nghĩa là không ít những “tay sừng sỏ trong làng kỹ thuật”.

Bằng chứng, cho dù có bắt nguồn từ một thành viên của giới thượng lưu hay không, cũng phải được đưa ra cọ sát với các nguồn tư liệu khác giống như bất cứ một tư liệu lịch sử nào. Với mục đích đó, việc tăng các kho tài liệu có tính chất khác nhau chỉ có lợi mà thôi. Ngoài trường hợp của ngành Điện lực Pháp và của Tàu cao tốc, chúng tôi đã thử đối chiếu những bằng chứng với những nguồn tài liệu viết. Đó là công việc của nhà sử học, bình thường vẫn có một thời gian nào đấy để làm việc khảo sát, tìm tòi, loại bỏ, tập hợp - nếu cần thiết - những tài liệu lưu trữ viết. Lúc ấy thật thích thú nếu đối chiếu bằng chứng - thiên lệch được xây dựng lại, tái tạo nhưng đầy ý nghĩa - với tài liệu lưu trữ viết - phong phú, trung lập trên lý thuyết nhưng phiến diện, và đôi khi thoát khỏi hiện thực (nhất là trong trường hợp những tư liệu chính thức). Trong một số trường hợp, có thể nhân chứng không kể lại, nhưng bình luận những gì mình đã viết trước đây và các vị trí đã qua của mình. Sự đối chiếu hiếm khi là vô ích. Biết ít nhiều những nguồn tài liệu viết nhà sử học sẽ có khả năng “ghi điểm” quan trọng trong buổi đối mặt tất yếu với nhân chứng, giữa người không biết và người biết. Tài liệu lưu trữ viết cho phép ủng hộ, loại bỏ, lựa chọn một bằng chứng nào đó. Tất nhiên phải phê phán tài liệu viết và nghi ngờ những lời biện minh về sau. Nhưng đó lại càng là một trường hợp lý tưởng cho việc tìm hiểu lịch sử

thực sự, nhất là khi giới thượng lưu kỹ thuật và hành chính thường để lại sau mình rất nhiều dấu vết bằng chữ viết. Chúng tôi có dẫn chứng về một cựu chủ tịch EDF vốn là Tổng giám sát kế hoạch. Những khiếm khuyết về trí nhớ của ông buộc chúng tôi phải nhắc với ông một tài liệu viết nào đó mà ông đã quên, rồi chính bản thân nhân chứng đi tìm những tài liệu lưu trữ của mình và chỉ cho chúng tôi những hướng mới. Đó là một tác dụng lôi kéo tích cực đối với mỗi người.

Công việc đầu tiên đặt ra cho các nhà sử học là lựa chọn các nhân chứng. Việc lựa chọn này có thể được thực hiện nhiều lần và có thể có những mò mẫm không tránh khỏi. Ta càng hiểu sâu một chủ đề, thì tính đa dạng của đề tài càng đòi hỏi đến nhiều bằng chứng. Việc lựa chọn những người được phỏng vấn sẽ dễ dàng hơn nếu ta tiến hành một vài bước sơ bộ:

- Trước hết, cần làm quen với chủ đề bằng cách đọc một vài tài liệu cơ bản để không quá ngỡ ngàng trước các nhân chứng;

- Nên thiết lập một sơ đồ vấn đề tạm thời (ngày tháng và những con số chủ yếu, những bước ngoặt chiến lược lớn với một vài giả thiết để khởi động việc tìm hiểu) - điều này sẽ cho phép khoanh các cuộc nói chuyện, nhắc lại một vài số liệu về ngày tháng cho những người không nhớ được;

- Phải xác lập dần dần một sơ đồ tổ chức có tính lịch sử của doanh nghiệp, của bộ, của ban lãnh

đạo... được nghiên cứu kèm theo chức năng của những người tham dự - nhân chứng chủ yếu. Những tập sách *Ai là ai?*, những tập san hành chính, những niên giám cựu học sinh, các tiểu sử (các báo *Thế giới*, *Le Figaro* và một số tủ phiếu của thư viện đều có ích) sẽ được sử dụng.

Do vậy, điều quan trọng là không nên bắt đầu ngay các cuộc nói chuyện, bởi vì phải có một thời gian nhất định để thâm nhập vào chủ đề (mà dù sao, những cuộc nói chuyện đầu tiên tất nhiên chất lượng không cao so với những cuộc tiếp theo). Vì vậy ta có thể bắt đầu với một hay hai “nhân chứng lớn” (theo tuổi tác hay nghề nghiệp), những người này sẽ đưa ra một danh sách đầu tiên với những tên tuổi (một cơ quan trung lập cũng có thể làm việc này: Như Hiệp hội Kỹ thuật Khí đốt trong trường hợp chúng tôi tìm hiểu về ngành khí đốt của Pháp). Giữa danh sách do các nhà sử học thiết lập và danh sách do các “nhân chứng lớn” cung cấp có thể có sự khác nhau nào đấy. Sự khác nhau này sẽ tăng lên do các khuyến nghị tất yếu qua các cuộc phỏng vấn. Theo nghĩa đó, phải biết kết thúc một đợt nói chuyện, dám nói “không” khi ta đánh giá địa bàn này đã thực sự được bao quát. Được một nhân vật có uy tín tiến cử cho phép ta vượt qua một số giai đoạn nhanh chóng hơn và mở được những cánh cửa mà bình thường thì thật khó bước qua. Theo nghĩa đó, một cuộc điều tra bằng miệng, cần có sự ủng hộ của cấp cao nhất, sau đó lời nói mới bật ra dễ dàng

hơn. Được một “nhân chứng lớn” tiến cử không có nghĩa là ta làm việc cho một nhóm lợi ích mà cuộc điều tra phải nghiêm túc và khách quan. Chúng tôi không lấy làm hãnh diện quá đáng, nhưng có thể nói rằng danh nghĩa Trung tâm nghiên cứu khoa học Quốc gia (CNRS), trong trường hợp này, là một đảm bảo thoả đáng, tạo cho nhân chứng có được sự nghiêm túc và vô tư tối thiểu.

4. Phỏng vấn, phương thức sử dụng

Những thể thức nói chuyện, theo chúng tôi, có ít tính chất độc đáo so với những bộ môn khác:

- Hiếm khi chúng tôi gửi trước một bản câu hỏi (trừ khi người được phỏng vấn đòi hỏi một cách dứt khoát) nhưng chúng tôi chuẩn bị một số câu hỏi thiết yếu dùng làm “ngòi nổ” vào đầu cuộc nói chuyện rồi dùng làm dây dẫn trong quá trình nói chuyện.

- Như vậy cuộc nói chuyện đương nhiên thuộc loại “có chuẩn bị trước”; cần phải giữ trong đầu trục chính của cuộc phỏng vấn để làm thế nào hạn chế tới mức có thể được số lượng và mức độ các lần đi lan man. Không phải tất cả những câu chuyện lan man này đều vô ích, nhưng trước mặt nhân chứng, cần phải tỏ rõ sự nhất quán nhất định, và cuối cùng họ chỉ có thể đánh giá cao việc làm đó.

- Chúng tôi ghi âm một cách có hệ thống (trừ khi có yêu cầu của nhân chứng là không ghi âm). Khi có một ý kiến *không ghi âm*, ta phải ghi chép

các lời khẳng định của nhân chứng, vì sẽ không hay lắm nếu sau đó bạn mới trở lại, mở máy thu để xin thu những gì được nói riêng trước đó. Phải tôn trọng người được phỏng vấn và đừng tìm cách lấy trộm của họ một lời khẳng định nào. Chính do tin cậy mà ta nhận được tối đa thông tin.

- Chúng tôi ở trong một tình thế “trung lập khoan dung” khi đứng trước nhân chứng. Chúng tôi cố gắng giành được lòng khoan dung của họ. Muốn vậy, cần phải thảo luận những chuyện chung chung trước khi ghi âm, đồng thời qua đó cũng khoan lại cuộc nói chuyện bằng cách nêu rõ một số sự việc thường bất lợi cho các nhân chứng. Họ nhớ lại quá trình, hành động, ý định nhưng không nhớ rõ lắm ngày tháng chính xác. Chúng tôi cũng nghĩ có sự “thông đồng” có thể xảy ra về sử dụng một ngôn từ chung (đặc biệt trong giới kỹ sư: Nói đến “dầu lυν”, hoặc “dàn khoan” với những người khai thác dầu lửa chúng tỏ một sự quen thuộc tối thiểu với những kỹ thuật thăm dò). Cứ mạnh dạn cho thấy rằng ta cũng biết nhiều chuyện, hoặc vì đã tham khảo tài liệu lưu trữ, hoặc vì những người khác đã nói với chúng ta (phương pháp này có những hạn chế, vì mỗi cuộc nói chuyện được yêu cầu là phải giữ bí mật, trừ khi nhân chứng cho phép). Cứ mạnh dạn trở lại cùng một câu hỏi nhưng dưới hình thức khác (tất nhiên không làm nhân chứng bức mình) nếu ta nhắc thấy một mâu thuẫn trong lời nói (hoặc ít ra

một cái gì không rõ ràng). Không khí tin cậy giữa nhân chứng lớn và nhà sử học không tự dừng mà có. Nó có thể được xác lập bằng rất nhiều chi tiết và có thể tan biến đi trong khoảnh khắc. Việc đề nghị ngừng ghi âm vào bất cứ lúc nào khi cần để có được sự thân thiết sẽ cho phép xây dựng lòng tin cậy đó. Cũng vậy, phải tận dụng những khoảnh khắc sau khi kết thúc việc ghi âm, nhân chứng muốn tâm sự vì họ được giải thoát khỏi sự gò bó của máy ghi âm. Thường vào lúc đó, họ kể một giai thoại thú vị nhất hay có thể tổng hợp tốt nhất tư duy của mình. Chính trên bậc cửa phòng khách, một cựu Bộ trưởng Công nghiệp kể cho chúng tôi một bí mật của ông với Tổng liên đoàn lao động CGT; và trên đường ra về, một vị cựu chủ tịch một công ty quốc hữu hoá giải thích cho tôi những bất hoà của ông với người bảo trợ. Vậy nên cần có một cuốn sổ tay trong đó ghi rõ những câu hỏi chính, nội dung chủ yếu của những câu trả lời và không khí của cuộc nói chuyện. Ta cũng có thể ghi vào đấy ý nghĩa của những giây phút im lặng, của một vài cử chỉ hiểu ngầm (nụ cười, cái bĩu môi...), những tuyên bố không ghi âm...

Chúng tôi có thói quen sao chép lại nguyên vẹn các cuộc nói chuyện rồi đọc lại để xóa đi những chỗ thừa của văn phong nói. Điểm cuối cùng này là một yếu tố quan trọng, nó đòi hỏi phải diễn giải và sửa chữa một ít, nhưng việc quá sát với ngôn ngữ nói thường có tác động không tốt đối với nhân

chúng khi họ nhận được văn bản sao chép. Trong trường hợp nghi ngờ, tốt hơn là nên chỉ cho người được phỏng vấn thấy đoạn nào đó của văn bản còn khó hiểu và chỉ có ông ta mới cho biết được ý nghĩa đúng đắn của nó. Theo kinh nghiệm, với một văn bản chuyển sang một ngôn ngữ nghiêm chỉnh, thì các nhân chứng không mấy khi sửa chữa. Khi gặp những nhân vật nổi tiếng thì sự thể khác đi: P.Bérégovoy sửa chữa rất kỹ văn bản ghi cuộc phỏng vấn ông về lịch sử của ngành khí đốt Pháp. Các vị chủ tịch hay Tổng Giám đốc doanh nghiệp đang hoạt động thường cho đánh máy lại văn bản của cuộc nói chuyện. Có thể nên rút ra từ văn bản sao chép những đề tài chính của cuộc nói chuyện, chẳng hạn dưới hình thức một mục lục gọn ghẽ nhưng chúng tôi không làm được việc này một cách có hệ thống. Khi tập hồ sơ đạt đến một quy mô nhất định, thì việc tập hợp những đề tài chung phục vụ cho các cuộc phỏng vấn khác sẽ tạo thuận lợi hơn rất nhiều cho công việc tổng hợp. Cuối cùng, khi việc sao chép được thực hiện trên máy tính, thì việc tìm kiếm theo tên riêng và theo từ khoá rõ ràng là đơn giản hơn nhiều và cho phép ta thực hiện một bản chỉ dẫn.

Sau đó nhân chứng phải xác định rõ các phần của văn bản mà ông ta muốn được trích dẫn, còn về phía chúng tôi, phải nói rõ cách phổ biến được dự kiến: thuyết trình khoa học cho một cử tọa thu hẹp, đưa vào tạp chí có tính chất sử học hay cả

cuốn sách phổ biến rộng rãi. Trong trường hợp do thận trọng mà không trả lời, chúng tôi cho rằng nhân chứng không muốn dẫn lời mình. Điều này cho phép chấm dứt các tranh chấp sau này... Khi chúng tôi sử dụng một lời nói, cho dù nhân chứng đã cho phép, chúng tôi cũng gửi cho họ chương sách hay phần của chương sách có liên quan, bởi vì rõ ràng là bối cảnh của một cuộc phỏng vấn có thể làm thay đổi về cơ bản ý nghĩa của trích dẫn được lựa chọn. Cách làm dài lê thê này - có thể là nặng nề - cho phép có được một tài liệu lưu trữ bổ sung được xây dựng theo nhu cầu của nhà sử học và cho nghiên cứu. Phải nhấn mạnh ở đây tính không phổ biến của tài liệu này vì nó luôn luôn tỏ ra không đầy đủ hay không phù hợp với những nghiên cứu khác. Các đồng nghiệp Pháp và nước ngoài đã nhiều lần yêu cầu chúng tôi cho tiếp cận một số nhân chứng: Trên thực tế họ không thể đi theo chúng tôi và không có được những gì mà họ chờ đợi ở cuộc phỏng vấn. Mới đây chúng tôi đã đọc một tập hồ sơ đồ sộ được thực hiện cách đây 15 năm. Quả là chúng tôi đã luôn luôn tìm thấy những yếu tố đáng chú ý; đôi lúc chúng tôi ngạc nhiên một cách thích thú. Nhưng trên thực tế, chúng tôi đã tìm thấy một tư liệu được xây dựng dựa trên một cách đặt vấn đề khác với cách đặt vấn đề của chúng tôi và việc sử dụng nó chỉ phù hợp phần nào với những quan tâm của chúng tôi lúc này.

5. Giới hạn của phương pháp

Để tổng kết, trước hết chúng tôi nói rằng phương pháp mà chúng tôi giữ lại vừa cho phép sử dụng đầy đủ một kho tài liệu mới (cuộc nói chuyện), vừa làm cho nó mất đi ảo ảnh, bởi vì nó phải chịu sự phê phán cổ điển cả từ bên trong lẫn bên ngoài đối với các nguồn gốc được thực hiện trong lịch sử. Phải có một bí quyết nhất định bởi vì phải có kinh nghiệm để đưa ra những câu hỏi tốt, lập lại những câu hỏi đó, giải mã những câu trả lời, tránh những sai sót trong việc sao chép lại trước khi đi đến phân tích vững chắc hơn đối với văn bản. Những người “thượng lưu” quen làm chủ lời nói của họ (“chúng tôi đã học được cách điều khiển các nhà báo, chúng tôi cũng sẽ biết làm như vậy với anh”, một lần chúng tôi đã nghe được như thế). Họ có thể cho phép mình nói dối bằng cách bỏ quên hay nói ra sự thật nhưng... không cho phép đăng lại lời nói của họ. Ngôn ngữ mã hoá hay “ngôn ngữ kín mít” của họ (ở một số quan chức cấp cao hay người hoạt động công đoàn) có thể gọi lên nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời. Không hiếm người thích giữ bí mật, cũng như một số hình thức gây mất ổn định (“Lần xuất bản thứ 10 cuốn sách của anh sẽ tốt đấy” – một thành viên xuất sắc của ngành Mỏ, giờ đây đã mất, nói với chúng tôi như vậy về cuốn sách viết về ngành Điện lực Pháp). Thêm vào đó phải nói là phát biểu của nhân chứng có thể thay đổi do địa điểm (một văn phòng không

thuận lợi cho những câu chuyện kín đáo như một địa điểm “trung lập” hay quen thuộc), thời điểm (phỏng vấn một người lãnh đạo doanh nghiệp được quốc hữu hoá vào năm 1981 về những hoạt động quốc hữu hoá năm 1946, ông ta đưa ra những bằng chứng nhập nhằng, trong đó quá khứ và hiện tại đan xen vào nhau). Ta cũng có thể bị lôi cuốn bởi một phát biểu được chuẩn bị công phu, bởi quyền lực tự nhiên của một “thủ trưởng”, bởi sự “thông đồng” giả vờ giữa “những người trí thức...”. Đã có lần chúng tôi ra khỏi một cuộc nói chuyện rất hào hứng, nhưng sau đó mới biết rằng nhân chứng đã nói với chúng tôi những chuyện tầm thường với một “văn phong” tuyệt vời. Cũng phải nhắc lại rằng ký ức có tính lựa chọn, phức tạp, thường được tái tạo (để phù hợp với đường lối của đảng hay của công đoàn, với lịch sử chính thức hay chỉ để trả lại cho nhân chứng vai trò tương hợp với cương vị hiện nay của họ...). Tế nhị hơn, một điều thường thấy là phát biểu của người được phỏng vấn cường điệu những vấn đề con người trong khi bỏ quên một số những điều ngẫu nhiên. Và chẳng đó là lợi thế và khó khăn của bằng chứng về con người so với các tư liệu chính thức thường là “môi ngon” của nhà sử học: Con người tìm lại ở đây tất cả vị trí của mình, nhưng “cái tôi” hay “người khác” lại chiếm vị trí quá quan trọng.

Khi nêu lên giới hạn của bằng chứng, dù là bằng chứng xuất phát từ giới thượng lưu hay tác

nhân bình thường, chúng tôi không nghĩ đến chuyện lên án phương pháp này, nhưng chỉ muốn lưu ý đến các nguy cơ mà rốt cuộc ai cũng biết. Để thắng được các nguy cơ đó, điều quan trọng trước hết là có được một tập hồ sơ tiếp kiến trong đó các bằng chứng khác nhau củng cố cho nhau hoặc mâu thuẫn nhau. Cho dù khó mà tính được bằng con số, hàng chục cuộc tiếp kiến cũng cho phép tránh những lỗ hổng quan trọng nhất và mang lại một sự hiểu biết thoả đáng. Trong chừng mực có thể, phải đối chiếu những nguồn tư liệu viết và những nguồn tư liệu miệng một cách gay gắt. Như thế những biên bản của các hội đồng quản trị phải được hiểu như là những thỏa hiệp và chỉ có những nhân chứng mới có thể làm xuất hiện lại những thách thức và những thái độ trước khi có sự tổng hợp. Nếu hai nhân chứng nhất trí với nhau (điều này chỉ xảy đến với chúng tôi một lần duy nhất!) ta có thể tiết lộ cho từng người trong số họ văn bản các cuộc tiếp kiến để khiến họ phản ứng lại lời nói của người kia. Chắc hẳn đó là một trong những cách giải mã bổ ích nhất. Chúng tôi đã thấy một cựu Chủ tịch ngành khí đốt Pháp đọc lại và diễn giải “bản sao chép” ý kiến của một cựu Tổng Giám đốc EDF. Bởi vì hai thành viên lỗi lạc này của giới thượng lưu cùng sử dụng một kiểu nói tự kiểm chế, thường đưa ra sự thật, nhưng là phần nào sự thật của mình, cho nên không phải là vô ích khi bổ sung những lời nói hay đúng hơn là những điều

ngâm hiểu của người này với người khác.

Nói chuyện chắc chắn là một trong những phương pháp tìm kiếm cho phép hiểu được thực tế của một quá trình ra quyết định, có thể khác một cách rõ rệt với những tài liệu viết để lại. Chỉ có một nhân chứng thôi cũng có thể nói liệu một ủy ban có ý trì hoãn một quyết định hay một ủy ban kia, ngược lại, có nhiệm vụ loại bỏ một số sức nặng để đẩy nhanh những biện pháp thực hiện. Chúng tôi thường gặp trường hợp này trong các quyết định kỹ thuật lớn. Có thể đó là việc lựa chọn các hệ thống kỹ thuật điện tử, sự hình thành những mạng lưới khí đốt hoặc lựa chọn điện năng hoặc nhiệt năng cho các đoàn tàu cao tốc tương lai. Một bằng chứng, đó cũng là một dự báo được cá nhân hoá, một quan điểm thể hiện cụ thể so với một quá trình sự việc có thể trôi chảy hoặc thua thiệt. Đó là một ý đồ đạt được hay không. Đó là một câu nói tóm tắt tất cả. Cuối cùng, phỏng vấn giới “thượng lưu” – một từ mà chúng tôi hết sức tránh đưa ra nghĩa cụ thể bởi vì nó không bao giờ nằm ở trung tâm suy nghĩ của chúng tôi – phải đem lại sự bổ sung phần hồn cần thiết cho những tài liệu lưu trữ viết bằng cách thay thế nó trong một số trường hợp, nhưng cần tránh tin tưởng chúng một cách vô giới hạn. “Lịch sử không phải là kể lại một cách thú vị hay nghị luận một cách sâu sắc. Giống như mọi khoa học, lịch sử nhằm ghi nhận các sự việc, phân tích

chúng, xích chúng lại gần nhau và làm nổi bật mối quan hệ giữa chúng” - Fustel De Coulanges đã nói như thế cách đây hơn một thế kỷ và bài học ấy vẫn còn đúng.

PHỎNG VẤN GIỚI LÃNH ĐẠO Ở PHÁP VÀ Ở HOA KỲ: BẰNG CHỨNG CỦA MỘT NHÀ NGHIÊN CỨU MỸ

Ezra Suleiman

1. Phương pháp phỏng vấn

Ở đây tôi sẽ nói về cuộc phỏng vấn, được hiểu như phương pháp tìm hiểu bằng cách cố gắng rút ra một vài bài học từ những kinh nghiệm riêng của mình trong lĩnh vực này và cũng dựa vào cái mà những người tìm hiểu khác có thể làm.

Ý tưởng đầu tiên là cuộc phỏng vấn cho phép, hoặc phải cho phép có được những thông tin mà chúng ta không thể nào có được bằng cách khác, nhất là bằng sự tra cứu những tài liệu lưu trữ. Do vậy, trong một số loại hình điều tra, cuộc phỏng vấn là cần thiết như một sự bổ sung hay thay thế. Khi những cuộc phỏng vấn này liên quan đến những người lãnh đạo tại chức, ta có thể phân biệt giữa những người có mục tiêu nói về giá trị của họ, quan niệm của họ về thế giới, và những người quan tâm đến một chính sách hay một quyết định đặc biệt nào đó. Có một khác biệt lớn giữa hai loại phỏng vấn này. Trường hợp thứ nhất vừa là trường hợp thường thấy nhất, và dễ chấp nhận

nhất đối với giới thượng lưu vốn không ngại nói về chính mình, nhất là khi những câu hỏi đặt ra đủ khái quát để cho phép họ, trên thực tế không nói bao nhiêu về những chuyện họ làm. Trường hợp thứ hai, ngược lại, ít phổ biến hơn, mặc dầu sự phát triển các phân tích về những chính sách nhà nước làm cho nó trở nên cần thiết hơn. Giới thượng lưu lãnh đạo trong trường hợp này thường tỏ ra dè dặt nhiều hơn, tuy không phải chỉ vì những câu hỏi đặt ra cho họ đòi hỏi những câu trả lời rõ ràng hơn, làm nổi bật được vai trò của họ.

Ý tưởng thứ hai là việc lựa chọn cách tiến hành những cuộc phỏng vấn giới thượng lưu có nhiều khó khăn, và như vậy đòi hỏi ngay từ đầu ta phải hình dung chính xác những gì cần tìm kiếm. Ta không phỏng vấn một bộ trưởng hay một giám đốc cơ quan trung ương chỉ vì thích được “chạm đến” quyền lực hay chỉ vì tự cho là chuyện đó thật thú vị. Tôi không muốn đánh giá thấp những khó khăn của việc điều tra quần chúng, nhưng tôi có thể nói rằng những cuộc phỏng vấn tầng lớp “chóp bu” cần một sự chuẩn bị và thận trọng. Tôi không đồng ý với những ý kiến cho rằng cuộc phỏng vấn nào cũng như nhau. Điều đó là không thể, chẳng hạn khi người ta phỏng vấn hàng ngàn người về thái độ tiêu dùng của họ và khi người ta gặp gỡ rất lâu và riêng rẽ vài chục quan chức cấp cao để hỏi họ về một quyết định cụ thể cấp nhà nước.

Người phỏng vấn

Việc chuẩn bị cẩn thận những cuộc phỏng vấn giới thượng lưu được cất nhắc bởi bốn lý do chính:

- Cho phép xác lập tính hợp thức của người phỏng vấn, người này có thể cho những người đối thoại của mình thấy rằng mình hoàn toàn nắm vững vấn đề;

- Giúp người phỏng vấn làm quen trước với những trung tâm chú ý và ngôn ngữ của giới thượng lưu, và từ đó giành được sự tôn trọng của họ;

- Góp phần cân bằng lại mối quan hệ trong khi phỏng vấn, khác với phỏng vấn những lớp người khác, quan hệ này lúc đầu không lợi cho người phỏng vấn;

- Trang bị cho người phỏng vấn các phương tiện cho phép họ - và đây là điều cơ bản - không rơi vào sai lầm là lặp lại nguyên xi những câu nói của người đối thoại với mình. Biết rõ trước lịch trình của người được phỏng vấn và những chủ đề sắp đem ra hỏi họ, trên thực tế vừa là một đảm bảo cho độ tin cậy, vừa là một sự đảm bảo chống lại nguy cơ bị người lãnh đạo sử dụng như một "công cụ" của họ.

Những điều bó buộc xung quanh loại hình phỏng vấn này giải thích tại sao nhiều chuyên gia khuyên không nên tìm đến những người "không quen với các khoa học xã hội". Cũng vậy, trong một nghiên cứu so sánh được tiến hành vào những năm 1960 với những nhà lập pháp của bốn bang Hoa Kỳ, các

ng nghị sĩ Pháp thuộc các đảng UNR, MNP và SFIO, và những nghị sĩ Áo, các tác giả đã nhấn mạnh rằng điều quan trọng là phải có “sự hiểu biết trước về môi trường thể chế” (vì một sự hiểu biết như thế làm dễ dàng cho việc lĩnh hội những câu trả lời). Họ kết luận rằng “phỏng vấn trong những trường hợp này sẽ có hiệu quả nhất khi nó mang hình thức một cuộc đàm thoại hài hòa”. Một kết luận tương tự cũng được các giáo sư đại học đưa ra khi họ làm việc với các nhà luật học và với giới kinh doanh.

Về phần tôi, từ hơn 25 năm, khi thực hiện những cuộc phỏng vấn giới thượng lưu, tôi luôn luôn sử dụng phương pháp dẫn dắt cuộc nói chuyện như một cuộc đàm thoại bình thường. Điều này đã giúp tôi uốn nắn lại một tình thế xuất phát thường là bất lợi cho mình, xét theo vị trí giáo sư đại học người Mỹ của mình khi đối mặt với những người lãnh đạo nắm giữ quyền quyết định và độc quyền giám định. Câu trả lời tôi thường được nghe - “A, tôi thấy anh là người thạo tin” - từ miệng những người đối thoại làm việc ở chính quyền cấp cao cũng như trong khu vực tư nhân, đã cho phép tôi nghĩ rằng lúc ấy khả năng của tôi đã được thừa nhận và như vậy tôi có thể tin vào những câu trả lời “ngghiêm túc”. Bởi vì phải nói ngay rằng, trong loại môi trường này, nhìn chung chúng ta thường quan hệ với những người cực kỳ tự tin và có khả năng thuyết phục. Vậy là tôi thường hay làm việc một mình, đây đó có kết hợp với một người cộng

tác duy nhất, ít ra cũng có khả năng như tôi trong lĩnh vực được nghiên cứu.

Tôi đã nói về cuộc phỏng vấn như một cuộc đàm thoại bình thường. Tuy vậy để khỏi hiểu nhầm, tôi nghĩ cần phải nói thêm rằng một cuộc đàm thoại với một người lãnh đạo không thực sự là một cuộc đàm thoại theo nghĩa mà người ta vẫn quen nhìn nhận. Quả vậy, chuyện này đối với người phỏng vấn là khá quan trọng. Một cuộc đàm thoại như thế, nếu tiến hành một cách đúng đắn, có thể mang lại cho mình những thông tin không tìm được ở nơi nào khác. Vấn đề càng quan trọng khi chỉ có một cơ hội duy nhất không nên bỏ lỡ. Đó có lẽ là điểm khác biệt chủ yếu với những cuộc điều tra rộng rãi. Khi phỏng vấn một người lãnh đạo, ta không có quyền được sai lầm, đơn giản vì người lãnh đạo đó là người duy nhất có khả năng thông tin cho bạn. Ngược lại, khi nhiều người điều tra thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn, do chính khía cạnh định lượng của phương pháp tiến hành, nên họ chấp nhận những cuộc phỏng vấn có thể thất bại hoặc không đạt được kết quả mong muốn.

Trong mối quan hệ lồi cuốn và chế ngự được xác lập giữa các tác nhân của cuộc phỏng vấn, phần lớn “thành công” của nhà xã hội học là ở khả năng làm cho người đối thoại phải thừa nhận vị trí bình đẳng. Và như thế, ta có thể vượt quá khuôn khổ sáo mòn của một cuộc nói chuyện bình thường.

trong đó người lãnh đạo luôn luôn biết huy động những bí quyết thể hiện mình nhiều hơn là để trả lời vào nội dung. Tôi đã có thể nhận thấy từ hai bên bờ Đại Tây Dương: giới thượng lưu làm nghề lãnh đạo hầu như luôn tìm cách kiểm soát cuộc nói chuyện, đặc biệt bằng cách gây ấn tượng hay lôi cuốn người đối thoại. Phương thuốc duy nhất hiệu nghiệm mà tôi biết ở đây là phải hiểu biết cho đến tận chi tiết các hồ sơ mà chúng ta, những người điều tra, dùng để thảo luận. Vì như thế, trong cuộc điều tra của tôi về công cuộc cải cách tư pháp, tôi đã phải gặp các quan chức của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, “chiến thuật” của tôi là nhanh chóng cho thấy tôi không phải là một “tín đồ mới”. Điều này đã buộc những người đối thoại thay đổi cách phát biểu ghi sẵn và bắt đầu nói “thật” hơn. Ở Hoa Kỳ, khác biệt chủ yếu đáng chú ý là thái độ của người đối thoại. Ở Pháp, người đối thoại bị động và chờ đợi, nhưng ở bên kia đại dương họ ở thế chủ động và luôn tìm cách bảo vệ quan điểm hoặc lợi ích của cơ quan, hay doanh nghiệp mình.

Các câu hỏi

Những quan niệm khác nhau về phỏng vấn giới thượng lưu đã chạm trán với nhau. Có quan niệm cho rằng đó chỉ có thể là một cuộc đàm thoại tự do, và cũng có quan niệm cho rằng cuộc phỏng vấn có tổ chức và có khuôn khổ không những là điều có thể được mà còn phong phú thông tin. Tôi tin rằng

có nhiều người ủng hộ phương pháp thứ nhất hơn. Như nhận định của Zuckerman, người đã nghiên cứu về giới “siêu thượng lưu” – những người được giải Nobel - những con người cả về chủ quan lẫn khách quan thuộc giới thượng lưu, nghĩ rằng mình cũng là những con người bình thường như những con người khác và ta có thể cùng họ có một cuộc đàm thoại bình thường. Cũng vậy, một công trình khảo sát về các quan chức cấp cao của Hoa Kỳ đã kết luận rằng, trong một công việc có tính chất thăm dò, không cần thiết phải có những câu hỏi thật cụ thể bởi vì sự từng trải rút ra từ bản thân cuộc điều tra có thể phần nào là đối tượng của tư duy.

Về phần tôi, tôi đồng ý với những ai nghĩ rằng, ở nơi nào xét ra nên làm thì ta có thể nêu cho giới thượng lưu những câu hỏi cụ thể trên cơ sở một bản câu hỏi đã được cấu tạo chặt chẽ. Tôi tin rằng ta có thể làm điều đó ở Pháp cũng như ở Hoa Kỳ, đặc biệt với giới thượng lưu hành chính. Đầu tiên, chỉ cần “chuẩn bị” cho người được phỏng vấn bằng cách giải thích với họ mục tiêu công việc ở đây là gì, thông báo cho họ biết bạn sẽ hỏi về cái gì, và đôi lúc dự kiến một danh sách những câu trả lời sẽ được đưa ra với ông ta trong cuộc thảo luận. Điều quan trọng nhất là vạch ra được con đường mà bạn muốn dẫn dắt người đối thoại để họ khỏi gặp phải những điều bất ngờ không hay. Điều này càng cần thiết phải làm cho các đồng

nghiệp của họ biết - những người mà bạn có ý định phỏng vấn - bạn đã ứng xử như thế nào. Thêm vào đó phải đặc biệt chú ý tới các câu hỏi, nó phải cho thấy, đến mức cao nhất có thể, hiểu biết của mình về chủ đề, và như vậy cũng để cao người được phỏng vấn.

Để trở lại cuộc tranh luận về sự khác biệt cơ bản giữa giới thượng lưu và không thượng lưu, tôi tự hỏi liệu việc bám giữ lập trường nhằm bác bỏ khả năng phỏng vấn người này hay người kia theo một dàn ý tương đương, có dính dáng đến các thành viên vốn có của chính các nhà điều tra hay không. Cách đây một vài năm, một nhà nghiên cứu khi so sánh công trình của Robert Lane - *Hệ tư tưởng chính trị* (1962) - với cuộc điều tra sâu sắc mà Karl Deutsch dành cho giới thượng lưu Pháp và Đức, đã nhận xét rằng “giáo sư Lane đã phỏng vấn những người vô sản bằng cách coi ý kiến của họ tựa như xuất phát từ giới thượng lưu trong khi dự án Yale do K.Deutsch chỉ đạo lại nhằm phỏng vấn những người thượng lưu bằng cách coi những câu trả lời của họ như xuất phát từ những người vô sản”. Nói cách khác R.Lane coi mẫu người của mình cũng “nghiêm túc giống như chính những cuộc phỏng vấn tiến hành đối với giới lãnh đạo”. Do vậy, tôi cho rằng điều nổi lên không phải là bản chất “công chúng” mà ta muốn phỏng vấn, mà là những mục tiêu mà ta dành cho các cuộc phỏng vấn. Bằng chứng là các

khảo sát có kết quả tuyệt vời đã được tiến hành với giới thượng lưu cũng như với những tầng lớp thiết thời trên cơ sở các bảng câu hỏi được cấu tạo rất chặt chẽ.

2. Tiếp cận giới thượng lưu

Thực chất, khó khăn đầu tiên khi ta phỏng vấn giới thượng lưu là khó có thể tiếp cận được họ. Có được một cuộc hẹn gặp không phải là chuyện dễ. Một khi được thoả thuận, ta có thể tự nhủ rằng cuộc nói chuyện sẽ diễn ra, đơn giản bởi vì người đối thoại của bạn đã nhận xét rằng bạn xứng đáng để bàn luận với ông ta. Một số người trong giới thượng lưu, trước tiên là các chính khách, khó tiếp cận hơn. Có được cuộc hẹn gặp với một nghị sĩ Pháp hay Hoa Kỳ thực là một quá trình đấu tranh. Tuy vậy, ở Hoa Kỳ điều này không đúng cho lắm với các hạ nghị sĩ so với các thượng nghị sĩ ở Pháp. Trên thực tế, chúng ta có quan hệ với các nhóm người rất bận rộn, những người không phải lúc nào cũng thấy được lợi ích đối với mình khi “mất thời giờ” với một giáo sư đại học. Tuy thế, sự việc cũng khác nhau tùy từng nước. Trong một công trình khảo sát so sánh về các nghị sĩ Pháp và Áo, các tác giả đã nhận thấy rằng những đại biểu dân cử Áo dễ cho gặp hơn trong khi thật khó mà tiếp cận các nghị sĩ Pháp. Ở Pháp, các nghị sĩ thuộc Đảng Xã hội lại khó tiếp cận hơn, nhưng những người đã chấp nhận nói

chuyên lại thường tỏ ra hợp tác nhất.

Những điều vừa nêu ở trên lại được xác nhận qua cuộc điều tra mà W.Schonfeld tiến hành ở các cấp lãnh đạo của Đảng Tập hợp vì nền Cộng hoà và của Đảng Xã hội. Dễ dàng gặp Charles Pasqua hơn là François Mitterrand, lúc ấy là Bí thư thứ nhất của Đảng Xã hội. Trên thực tế, sự tiếp đón niềm nở của Charles Pasqua cho phép W.Schonfeld gặp những người phụ trách của Đảng Xã hội. G.Dayan, một trong những cố vấn thân cận của F.Mitterrand, giải thích cho Tổng thống biết thật là chẳng hay khi một nhà nghiên cứu Mỹ tìm hiểu về vai trò lãnh đạo và nền dân chủ ở các đảng phái chính trị Pháp khác lại có thể nói rằng Đảng Tập hợp vì nền Cộng hoà rất niềm nở còn Đảng Xã hội lại khép cửa.

Trên thực tế, người tìm hiểu buộc phải đi qua cánh cửa những người trợ lý của các nhà chính trị vốn có chức năng sàng lọc những yêu cầu gặp gỡ. Thường thường đó là một bức tường không thể vượt qua, đến mức mà cách đây vài năm có hai nhà nghiên cứu cho rằng phương pháp duy nhất để vượt qua sự cản trở của những người trợ lý là tránh họ được chừng nào hay chừng ấy, và nói chuyện trực tiếp với các nhà chính trị. Ý kiến này rõ ràng là cực đoan nhưng nó cho thấy có rất nhiều khó khăn của những người điều tra vốn không có cách dễ trưng ra như các nhà báo. Quả vậy, đối với một nhà chính trị, một quan chức cấp cao hay một nhà kinh

doanh, nói chuyện với một nhà báo có hay không có ghi âm có cái lợi là đạt được những kết quả rất nhanh chóng và hơn nữa lại kiểm soát được. Ngoài ra, một cuộc gặp gỡ như vậy có thể chỉ kéo dài vài phút và đòi hỏi một sự đầu tư trí tuệ có mức độ. Rõ ràng đó không phải trường hợp của nhà nghiên cứu. Họ đòi hỏi có cả thời gian lẫn các câu trả lời nếu không cụ thể thì cũng phải phù hợp với những câu hỏi thường có tính kỹ thuật. Thông thường hơn, giới thượng lưu này, chỉ làm việc trong một thời gian ngắn, rất khó thấy được lợi ích khi dành thời giờ cho những cuộc thảo luận mà họ thấy kết quả thật bấp bênh và không kiểm soát nổi. Vấn đề tiếp cận giới thượng lưu được đặt ra đặc biệt đối với những người nghiên cứu trẻ. Tôi nghĩ rằng vấn đề này sẽ ít đặt ra khi người ta đã quen biết anh, và như vậy người đối thoại với bạn luôn luôn “nhận ra” bạn. Khi tôi tiến hành cuộc điều tra đầu tiên ở Pháp, vào thời kỳ cuối những năm 1960 tôi vẫn còn là một sinh viên, nước Pháp còn là một nước phân biệt đẳng cấp nhiều hơn ngày nay. May mắn duy nhất của tôi lúc ấy là được đỡ đầu. Tôi đã được sự giúp đỡ của B. Tricot, lúc ấy giữ chức Tổng thư ký Phủ Tổng thống. Sau khi tôi nêu tên những quan chức cấp cao mà tôi muốn gặp - ông ta nhận trách nhiệm tiếp xúc với họ bằng một lá thư tóm tắt công việc của tôi. Hơn thế, ông ta còn yêu cầu để ông ta tự thảo lá thư đó. Theo lẽ thường, đến lượt tôi, vài hôm sau tôi viết một lá thư khác dựa vào thể của

B.Tricot. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, tôi chỉ phải đợi vài ngày rồi các quan chức cấp cao này gọi điện trực tiếp cho tôi để đề nghị một cuộc gặp. Nói chung mọi người đều rất hiếu kỳ muốn biết làm thế nào mà tôi, một sinh viên trẻ người Mỹ lại có được sự giúp đỡ của một trong những nhân vật quan trọng nhất của nước Pháp. Vài năm sau tôi cũng làm như vậy với ông Chủ nhiệm văn phòng của một Bộ trưởng để cho mọi người biết rằng tôi sắp gọi điện cho họ và yêu cầu họ tiếp đón tôi. Ở đây nữa, sự việc cũng diễn ra rất đơn giản.

3. Phỏng vấn

Trong một phương pháp khoa học, thoát đầu, không được để cho cá tính riêng của người tìm hiểu, ảnh hưởng đến các điều kiện của việc tìm hiểu. Tuy vậy, ngoài lý thuyết ra, thật khó mà biến một cuộc phỏng vấn thành một cuộc thử nghiệm trong phòng thí nghiệm. Trong một cuộc điều tra so sánh tiến hành vào những năm 1960, có người điều tra tự hỏi liệu là người Mỹ thì có thể có vai trò nào đó trong các cuộc phỏng vấn hay không. Câu trả lời ở đây là khẳng định về việc người điều tra tiếp cận người đối thoại với mình. Một nghị sĩ Pháp đã khẳng định rằng ông ta chắc chắn không chấp nhận một cuộc nói chuyện trực diện nếu đó không phải là một người Mỹ. Lúc đó, ông ta nói về những quan hệ đặc biệt giữa Pháp và Hoa Kỳ và sự cần thiết củng cố những mối liên hệ

giữa hai nước. Trên thực tế, không phải chỉ vì là người nước ngoài mà chính là người Mỹ nên nhóm làm việc này mới dễ dàng gặp gỡ giới thượng lưu chính trị. Dẫu sao thì quy chế người nước ngoài, thực chất là xa lạ với những cuộc tranh chấp giữa các đảng phái, cũng là một cách để thu thập những ý kiến về tình hình chính trị của một nước. Người đối thoại của bạn chắc chắn sẽ ít nghi ngờ bạn là đối thủ chính trị đang rình rập từng câu nói của họ.

Khi là một nhà điều tra ở Pháp, đôi lúc phải làm cho người ta biết đến mình bằng các ấn phẩm khác nhau, tham gia tổ chức chính trị và/hoặc công đoàn, cam kết tranh đấu hay hoạt động trong các hiệp hội. Dù sao thì cũng có những cơ may đáng kể để cho vị quan chức cấp cao hay ông nghị sĩ gặp mặt anh biết trước vị trí công dân của anh. Vấn đề lúc ấy không phải là họ đồng ý hay không đồng ý với vị trí công dân của bạn, mà là ở chỗ họ sẽ điều chỉnh lời nói của mình tùy theo những gì mà họ cho là quan điểm hay và giá trị của bạn. Sự dựa dẫm này chắc chắn không có nhiều ở Hoa Kỳ, nơi mà khía cạnh khoa học của một công trình nghiên cứu, ngay cả trong các khoa học xã hội, thường ít được tranh cãi.

Tư thế khó bảo vệ nhất, ở Pháp cũng như ở Hoa Kỳ, là tư thế của một giáo sư đại học nước ngoài đi vào những cuộc tranh luận chính trị ở một nước mà họ tiến hành các nghiên cứu. Hơn nữa, khi họ

gác lại thái độ trung lập, và tự cho phép mình tham gia vào các cuộc xung đột đặc trưng của một xã hội thì họ đã trở thành một tác nhân trong khi công việc của họ là phải vô tư, xét về phương diện nghề nghiệp. Quả vậy, tính khách quan vẫn là một lý tưởng nhưng vẫn phải nhắc lại rằng hoạt động khoa học đòi hỏi người ta luôn luôn áp dụng các nguyên tắc mà Max Weber nêu lên về tính trung lập có giá trị của người nghiên cứu.

Để nêu một thí dụ, ở đây chúng ta hãy nhớ lại một số lớn những nhà nghiên cứu Anglo- Saxon, vào những năm 1960 - 1970, đã hòa nhập với các đảng cánh tả, đặc biệt với Đảng Cộng sản Pháp và nhất là Đảng Cộng sản Italia. Những công trình mà họ tạo ra lúc ấy có chất lượng khoa học có thể còn phải bàn cãi, chỉ vì họ đã nói ra mạnh mẽ lập trường hay thiện cảm, không phù hợp với nguyên tắc về tính khách quan của các công trình khoa học.

"Sự đồng lõa"

Những gì mà tôi vừa nói ra gợi lại trong tôi một trong những "nguy cơ" chủ yếu trong các công trình nghiên cứu về giới thượng lưu. Ở Hoa Kỳ, người ta nói đến "*Going native*"¹, tức là sự hòa

¹ *Going native* (thành ngữ Anh): thường được dùng trong dân tộc học và văn hoá học, có nghĩa là tiếp nhận, làm quen với những phong tục, tập quán, chuẩn mực văn hoá của một địa phương, một cộng đồng... (N.D).

nhập dần dần của người tìm hiểu với công chúng mà anh ta quan sát. Nguy cơ là họ “trở nên gần gũi về mặt tâm lý với những người mà họ theo dõi đến mức mà công việc khoa học không còn tiến hành được nữa”.

Tổng quát hơn, sự gần gũi giữa người tìm hiểu và những người đối thoại thế nào cũng có vấn đề. Cách đây hơn 20 năm, tôi đã phê phán nặng nề - do cái tính ngạo mạn của tuổi trẻ và sự thiếu kinh nghiệm - công trình của một nhà nghiên cứu mà tôi thấy quá bị gò bó bởi các nguồn tin. Tôi đã phải mất một thời gian để nhận ra rằng tác giả của công trình đó, trên thực tế đã bị “vướng bẫy” do bối cảnh nghiên cứu của mình, làm cho ông ta thực ra chỉ còn có thể tin vào những gì mà các quan chức cấp cao đã nói với mình. Khi một quan chức thuộc tổ chức được nghiên cứu thổ lộ với anh rằng, ngay cả ở văn phòng bộ, chức năng của ông cũng chỉ thuần túy là kỹ thuật và chỉ làm việc vì lợi ích chung, trong tình hình đó tác giả đã bị phụ thuộc vào tổ chức này đến mức chỉ còn biết lặp lại nguyên xi những luận cứ được ông ta cung cấp dù rất không đầy đủ. Quả vậy, để đưa ra cách lý giải có phê phán các phát biểu của những quan chức cấp cao chắc sẽ dẫn đến chỗ cắt đứt mối quan hệ “đồng lõa” với họ và có thể đánh mất các quan hệ cần thiết cho công việc nghiên cứu. Như vậy, ta phải đi sâu nghiên cứu lời nói của một người và đồng thời ta không coi tất cả những gì ông nói là thực, nhưng

điều đó sẽ khiến bạn phải trả giá. Nhà nghiên cứu có phần bị “vướng bẫy” bởi một quan hệ dựa trên sự “đồng lõa” hay sự gần gũi. Quả là, mỗi quan hệ này là cần thiết cho việc hình thành một công trình phân tích, nhưng sự kéo dài nó, cũng như với các nhà báo, đòi hỏi người điều tra chỉ có thể nói ra một số điều và phải che giấu một số điều khác. Những nguy cơ gắn liền với mức độ tự do lớn của ông giáo sư đại học là đặc biệt quan trọng khi ta tìm hiểu về giới thượng lưu. Những người này có các cách phòng giữ hoặc trừng phạt đáng kể, bắt đầu bằng việc phổ biến cho những người thân cận của họ biết những thông tin nhấn mạnh “tính hai mặt” của bạn.

Ở đây ta thấy những bất lợi gắn liền với sự tập trung hoá chính trị - hành chính: Làm vừa lòng một nhóm nhỏ sẽ cho phép sau đó được đón tiếp khắp nơi trong các giới quyền lực; ngược lại làm mất lòng họ sẽ làm cho anh bị đẩy ra rìa và cũng hạn chế khả năng tìm hiểu của anh về những người thượng lưu.

Tôi đã có ý thức về những điều bó buộc này trong quá trình tìm hiểu của mình. Lúc đầu, tôi là một nhà nghiên cứu trẻ người ngoại quốc, và vì những lý do đó, tự cho phép mình được vụng về, ngạo mạn hay thẳng tính. Và trước mặt tôi, những người đối thoại nói chuyện khá tự do. Sau đó, khi tôi càng được biết đến hay được thừa nhận thì càng phải đặt ra vấn đề giải mã lời nói của những

người thượng lưu mà tôi gặp. Khó khăn lớn nhất là bắt buộc phải sử dụng ngôn ngữ của giới thượng lưu như nó vốn có, nghĩa là như một quy ước xã hội, và tiến hành công việc giải mã. Cuối cùng, từ đây tôi cũng đứng trước những khó khăn như những người nghiên cứu Pháp. Người ta thường nói với tôi tựa như tôi là một người Pháp, điều này là một vinh dự, nhưng cũng là một sự ràng buộc bởi vì những lời người ta phát biểu với tôi càng ngày càng được mã hoá.

Những nhân tố xuyên văn hoá

Sự gần gũi về văn hoá giữa người tìm hiểu và người được phỏng vấn chắc chắn là một vấn đề quan trọng chỉ vì nó cho phép nhanh chóng nắm được những sắc thái của phong cách hay thái độ trong các lời phát biểu có vẻ như giống nhau. Tuy vậy, tôi nghĩ là có khả năng xác định những yếu tố thống nhất về sự gần gũi giữa giới thượng lưu Hoa Kỳ và Pháp trên một số điểm. Điểm thứ nhất là sự nghi ngờ chung đối với phương tiện truyền thông kèm theo nhận định - nhận định này là mới ở Pháp- cho rằng tất cả đều thông qua truyền thông. Sau đó ta có thể gọi ra sự tôn trọng nhất định nào đấy đối với lao động khoa học, để ngỏ cửa cho những cuộc nói chuyện, bởi vậy không có những bản câu hỏi cụ thể và đề cập tên tuổi. Thứ ba, những quan chức cấp cao, vì họ làm việc trong những tổ chức lớn cách biệt nhau, nên nhìn nhận những cuộc điều tra từ bên ngoài như một nguồn

thông tin tốt về những gì các đồng nghiệp của họ suy nghĩ và nói ra. Họ càng sẵn sàng vì họ chờ đợi ở đấy một phản hồi. Đặc biệt đó là trường hợp khi cuộc điều tra nhằm vào một quá trình ra quyết định. Nhiều quan chức cấp cao lúc ấy nói rằng họ muốn biết kết quả của công việc. Điều đó đòi hỏi ta không được quên gửi cho họ biết một bản liệt kê các kết luận vừa cho thấy sự nghiêm túc của chúng ta vừa cho phép duy trì sự tiếp xúc.

Đôi lúc ngay các kết quả của công việc cũng không được chờ đón lắm vì chúng có thể không tốt hoặc mang tính xoi mói. Đó là trường hợp của tôi trong cuộc điều tra – không phải là cuộc điều tra khó khăn nhất mà tôi tiến hành ở Pháp - về cuộc cải tổ hoạt động công chứng. Lúc ấy, tôi đã làm việc đồng thời về nghiệp đoàn đó đúng theo nghĩa của nó, về Bộ Tư pháp chuẩn bị cuộc cải cách, về quỹ ký gửi và Bộ Kinh tế có liên quan trực tiếp đến vấn đề này. Tất nhiên, các kết quả của tôi đều được chờ đón vì chúng cung cấp những lý lẽ cho người này hay người khác. Điều duy nhất mà tôi có thể nói mấy năm sau là từ đây sẽ khó khăn cho tôi nếu muốn bắt đầu một cuộc điều tra mới với một số thể chế trong những thể chế này.

Nếu tôi là một kẻ thích “khiêu khích”, ít nhiều tôi sẽ nói rằng có một đặc điểm chung liên quan đến giới thượng lưu ở Pháp và ở Hoa Kỳ, đó là sự bất lực của họ trong việc giải phóng thời gian để suy nghĩ về những việc làm của chính mình. Như

vậy, trong khuôn khổ này, một cuộc nói chuyện có thể là cơ hội để nói lên suy nghĩ như thế.

Trên đây tôi đã nói đến chỗ dựa khi mình là một người nước ngoài ở Pháp. Tôi nghĩ ở đây nữa sự việc cũng đã ít nhiều thay đổi, và quốc tịch của người tìm hiểu ngày nay có tác dụng ít hơn là trước kia. Những người lãnh đạo chính trị hay các nhà kinh doanh biết rõ rằng, giống như mậu dịch, thế giới khoa học từ nay đã quốc tế hoá.

Kết luận

Tất cả những gì mà tôi đề cập ở đây áp dụng trước hết cho phương pháp làm việc - đó tất nhiên là một vấn đề cơ bản. Nhưng trước mắt tôi, điều quan trọng là phải biết được vì sao ở một thời điểm nhất định, người ta áp dụng một số phương pháp này chứ không phải những phương pháp kia. Theo ý tôi, điều đó đòi hỏi luôn luôn làm việc xuất phát từ một câu hỏi hay một giả thiết có trước mà chức năng của nó sẽ hướng dẫn cho công việc. Nếu không có một câu hỏi mào đầu, quả vậy tôi không tin là có thể tiến xa hơn, ngay cả khi ta có một phương pháp nói chuyện hoàn hảo.

Tôi có cảm giác là đang đẩy những cánh cửa đã mở sẵn. Nhưng tôi đã thấy quá nhiều những công việc bề ngoài là “tinh vi” hoặc “khoa học”, và hơn thế rất tốn kém nhưng lại không đem lại điều gì đáng kể cho nhận thức, làm ta nghĩ rằng đó chỉ là

một nhận xét vu vơ. Thực tế, không tồn tại một phương pháp tách rời suy nghĩ với cách đặt vấn đề. Trước hết nó vẫn là một công cụ phục vụ cho một tiến trình nhận thức.

Cuối cùng, tôi nghĩ rằng càng ngày càng khó khăn nếu muốn phỏng vấn giới thượng lưu hành chính, chính trị và tài chính. Họ đã được mời mọc quá nhiều, nhiều công trình đã dành cho họ. Thật nghịch lý, sự quảng cáo mà họ được hưởng - nhất là do báo chí - lại nuôi dưỡng sự nghi ngờ của họ đối với người quan sát và củng cố cái thị hiếu kín tiếng của họ. Sự kín tiếng này lại trở thành một chỗ dựa. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có một cuộc điều tra được chuẩn bị kỹ, độc đáo là có thể vượt qua những ngăn cản ban đầu và đem lại một số kết quả. Một trong những điểm mấu chốt ở vấn đề này là sự tôn trọng tính kín đáo vốn là hệ quả của đòi hỏi dân chủ về tính công khai. Để cho những thành viên của giới thượng lưu nói "một cách tự do" - và như vậy thật thú vị đối với người nghiên cứu - cần thiết phải tôn trọng tuyệt đối sự ẩn danh của họ nếu họ yêu cầu.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời Nhà xuất bản	5
Để không hiểu sai về phỏng vấn	7

Phần I

PHỎNG VẤN CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO CHÍNH PHỦ VÀ CÁC QUAN CHỨC CẤP CAO

- Những cuộc phỏng vấn trong “môi trường khó khăn”...	25
- Phỏng vấn các nhà lãnh đạo trong bộ máy Liên minh châu Âu	75
- Phỏng vấn những người trung gian...	97
- Các cuộc phỏng vấn về mặt tổ chức đối với hành động tập thể...	123

Phần II

CÁC CHÍNH KHÁCH

- Phong vấn Tổng thống François Mitterrand và một vài nhân vật khác	153
- Ba cuộc phỏng vấn trở lại quá khứ...	178
- Những người thượng lưu “bất chính” và “trở nên bất chính”...	189
- Phỏng vấn các vị dân biểu...	230

Phần III

PHỎNG VẤN CÁC CHỦ DOANH NGHIỆP VÀ CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO CÔNG ĐOÀN

- Phỏng vấn giới thượng lưu kinh tế... 257
- Phỏng vấn các chủ doanh nghiệp... 282
- Trở lại việc sử dụng một cách khoa học
những cuộc phỏng vấn... 328

Phần IV

NHÌN SANG NƠI KHÁC

- Bằng chứng lịch sử... 343
- Phỏng vấn giới lãnh đạo
ở Pháp và ở Hoa Kỳ 362

Nghệ thuật

PHÒNG VẤN CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO

Chịu trách nhiệm xuất bản

Vũ Quốc Khánh

Chịu trách nhiệm nội dung

Đoàn Tử Diễn

Biên tập

Nguyễn Cường Dũng

Vũ Kim Hải

Sửa bản in

Phùng Thị Mỹ

Văn Chiến Thắng

In 1.000 cuốn, khổ 13x19 cm. Giấy chấp nhận
ĐKKHXB số 1092/QLXB/192/XBTT cấp ngày
14/10/2004. In tại Công ty In Giao Thông.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10-2004.

BỘ SÁCH NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ

Xuất bản đợt II

- Báo chí hiện đại nước ngoài: những quy tắc và nghịch lý
- Công nghệ phỏng vấn
- Chúng tôi làm tin
- Báo chí điều tra
- Các thể loại báo chí
- Báo chí truyền hình
- Giao tiếp trên truyền hình:
Trước ống kính và sau ống kính camera
- Nghề quảng cáo
- Các thể loại báo chí phát thanh
- Nghệ thuật thông tin
- Cơ sở lý luận của báo chí
- Nghiệp vụ báo chí: Lý luận và Thực tiễn
- Phóng sự báo chí hiện đại

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN: 11 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
Điện thoại: (04) 9332278 / 9332279 * Fax: (04) 9332276
CHI NHÁNH PHÍA NAM: 120 Nguyễn Thị Minh Khai - Q3 - TP HCM
Điện thoại: (08) 9302826 * Fax: (08) 9306471

Nghệ thuật

PHỎNG VẤN các
NHÀ LÃNH ĐẠO



Giá 37.000đ